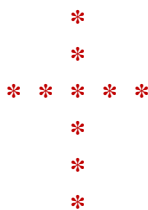


# *Ngọn Lửa Tin Yêu*



**Sơ Lược Lịch Sử và Hạnh Tích**

**27 Đấng Tử Vì Đạo**

**Làng Du Hiếu**

**1862 - 2016**

## *Ngọn Lửa Tin Yêu*

# MỤC LỤC

Mục lục	trang	3
Lời Ngỏ		5
Lời Giới Thiệu của Đức TGM Ngô Quang Kiệt		6

## **Phần I: Sơ lược Lịch Sử và Hạnh Tích Các Đấng Tử Vì Đạo**

1 - Danh sách các Đấng Tử Vì Đạo làng Du Hiếu	8
2 - Về danh sách các vị tử đạo của làng Du Hiếu	10
3 - Các dòng họ trong làng thời mới khai phá	14
4 - Quá trình thành lập Làng	17
5 - Bối cảnh thời thành lập Làng	20
6 - Vua Tự Đức và các sắc lệnh cấm đạo	30
7 - Các vị lý trưởng của làng	33
8 - Các linh mục trông coi giáo xứ	34
9 - Về việc tổ chức điều hành giáo xứ	36
10 - Những điều được nghe biết về Làng	39
Uống nước nhớ nguồn	40
Về ông Bạ Phác	53
Chuyện xưa của làng Du Hiếu	54
Về năm thành lập Làng	65
11 - Những chứng từ về các vị tử đạo	58
Lời mẹ kể của ông Tài	58
Lời chứng của cụ cố Oánh	61
Lời chứng của họ Vũ	62
Lời chứng của người họ Nguyễn	64
Lời chứng của người họ Phan	70
Lời chứng của một gia đình họ Phan	72
Lời chứng cụ Hoàng Gia Việt	74
Thân thế ông Nhi, ông Tam	77
Tham khảo về Án Tích	79
12 - Tâm tình của con dân Du Hiếu	84
Tâm tình với ngài Thiêng	85
Tâm tình với ngài Phan	86
Tâm tình với ngài Bồn	88
Tâm tình với ngài Minh	89
Tâm tình với ngài Triều	91
Tâm tình với ngài Nhì	93
Tâm tình với ngài Nhiên	95
Tâm tình với ngài Khiêm	97
Tâm tình với ngài Vĩnh	99

## *Ngon Lửa Tin Yêu*

Tâm tình với ngài Nhiều	101
Tâm tình với ngài Tín	102
Tâm tình với ngài Sỹ	104
Tâm tình với ngài Cảnh	105
Tâm tình với ngài Huynh	107
Tâm tình với ngài Đậm	108
Tâm tình với ngài Vy	110
Tâm tình với ngài Quynh	112
Tâm tình với ngài Thiều	114
Tâm tình với ngài Hạnh	115
Tâm tình với ngài Hồ	116
Tâm tình với ngài Chính	117
Tâm tình với ngài Thuận	121
Tâm tình với ngài Đạm	123
Tâm tình với Các Ngài	125
13 - Văn tế các thánh tử vì đạo Việt Nam	128
14 - Về việc tổ chức đồng hương làng Du Hiếu	131
15 - Các linh mục, tu sĩ, nữ tu gốc Du Hiếu	164
Một thoáng Quê Hương	176
16- Tâm tình của người con Du Hiếu	181
17 - Các tài liệu tham khảo	194
18 - Một số chi tiết phụ thuộc	195
19 - Niên biểu	211
20 - Lịch sử địa phận Bùi Chu	214
21 - Chân dung Các Thánh Tử Vì Đạo Việt Nam	250

## **Phần II: Một số hình ảnh và Tranh Tử Vì Đạo**

1- Một số hình ảnh của giáo xứ Du Hiếu	277
2- Một số hình ảnh người thân quen	279
3- Cầu nguyện với các vị tử vì đạo qua tranh ảnh	284
4- Lời cảm tạ	297
5- Sơ đồ làng Du Hiếu trước năm 1954	300
6- Kinh Các Thánh Tử Vì Đạo Nước Việt Nam	302

**(Về một số gia phả đã nhận được, sẽ in và phân phối theo nhu cầu. Xin tri ân sự hợp tác đáng trân quý này.)**

## Lời Ngỏ

“Vấn tổ tìm tông”, “uống nước nhớ nguồn” là những lời dạy bảo của tiên nhân từ ngàn xưa. Việc tìm hiểu về lịch sử cũng như gương hy sinh của Các Đấng Tử Vi Đạo của làng Du Hiếu là điều thật quan trọng và cần thiết đối với mọi con dân của Làng.

Thế nhưng, trải theo dòng lịch sử thăng trầm, với bao cơn binh biến, bách hại cũng như thiên tai, mất mùa, giặc giã... đã khiến cho rất nhiều con dân của làng Du Hiếu phải lưu lạc, bị phân tán đi khắp nơi, nhiều người còn phải chấp nhận cảnh nương thân nơi hải ngoại. Những dữ liệu, bài học, kinh nghiệm cũng như các tập quán sinh hoạt đạo đời có được, ngày càng bị mai một, bị quên lãng hoặc trở thành mơ hồ, tưởng chừng như chuyện cổ tích, đã sử hoang đường.

Là kẻ hậu sinh, lại phải sống kiếp tha hương nên không có nhiều cơ hội để về thăm làng, thiếu những dịp để mà học hỏi từ những bậc tiền bối, chúng tôi lại càng khát mong có được những nguồn sử liệu để mà tìm hiểu và học biết về nguồn cội, càng mong được nghe những lời truyền khẩu, tự hào về các mẫu gương tử vi đạo của tiên nhân, hòng mong có được chút ít gì gọi là tình tự của quê hương, cũng như lấy đó làm chất liệu, làm niềm vinh dự tự hào mà nuôi mộng hồi hương đoàn tụ.

Việc vận động sưu tầm tài liệu của làng Du Hiếu đã được nhen nhúm hàng chục năm nay, từ khi xây nhà Truyền Thống và chính thức phát động rộng rãi nhân dịp lễ Đức Mẹ Mân Côi, bổn mạng đồng hương Du Hiếu được tổ chức tại giáo xứ Bùi Chu, Hồ Nai hồi tháng 10 năm 2013.

Sau 3 năm mời gọi, Ban Biên Tập đã nhận được sự quan tâm và cộng tác của một số người, đặc biệt là nhờ lời cầu bầu của Tiên Nhân, tập **“Ngọn Lửa Tin Yêu” -Sơ Lược Lịch Sử và Hạnh Tích Các Đấng Tử Vi Đạo Làng Du Hiếu-** nay có dịp đến tay mọi người. Tài liệu này mới chỉ là một bước khởi đầu với rất nhiều điều thiếu sót và giới hạn. Ước mong sẽ nhận được thật nhiều lời góp ý chân tình cũng như sự cộng tác tích cực từ đông đảo con dân Du Hiếu. Mong rằng, dịp kỷ niệm 200 năm lập làng vào năm 2027 sẽ có được một tập sử liệu chung, có giá trị xác thực và đầy đủ, nhằm lưu lại cho con cháu học hỏi và tự hào hãnh diện.

*2016 - Năm Thánh Lòng Chúa Thương Xót.  
Lm. Cao Sơn Thân, S.J.*

## Lời Giới Thiệu

Đọc quyển Sơ lược Lịch sử làng Du Hiếu và Hạnh tích các Đấng Tử Vi Đạo tôi ấn tượng về cảnh tượng các Đấng Tử Vi Đạo của làng Du Hiếu bị thiêu sống. Tôi cảm nhận một ngọn lửa mãnh liệt đã bùng lên.

Qua ngọn lửa vật lý dữ dội bùng lên thiêu rụi căn nhà và thân thể các Đấng Tử Vi Đạo tôi thấy bùng lên một ngọn lửa khác còn rực rỡ và mãnh liệt hơn. Đó chính là ngọn lửa tin yêu. “*Làm xong binh lính tản hết, lệnh phát hoả lúc 8h, lúc ấy thấy trong nhà đọc kinh to lắm, sau nửa giờ là hết đọc kinh*” (trang 60). Ngọn lửa tin yêu bùng lên. Tiếng đọc kinh át cả nỗi đau đớn và sợ hãi. Niềm tin yêu sáng rực hơn cả lửa hồng. Cuộc sống và cái chết anh hùng của các ngài sáng lên ngọn lửa tin yêu.

Ngọn lửa tin yêu từ tâm hồn các ngài toả sáng rực rỡ. Soi cho cả những người bên lương. Thật lạ lùng. Người chưa rửa tội cũng được ngọn lửa soi sáng. Nên đã tự nhận mình có đạo. Đó là trường hợp ông thánh Nhiều. “*Cụ thánh làm vườn cho một ông trùm trong làng...một hôm quan huyện sai lính xuống bắt ông trùm để buộc ông trùm bỏ đạo, ông trùm này kịp thời trốn mất, ông Thánh Nhiều bị lính tra hỏi, ông Thánh nhận tội là ông trùm. Thế là lính bắt ông đưa đi...*” (trang 66). Thế là ông Thánh Nhiều được phúc tử vi đạo. Ngọn lửa tin yêu từ ông trùm toả sáng khiến người làm thuê cũng cảm mến, nhận tội thay. Ngọn lửa tin yêu từ người có đạo khiến người bên lương cũng được tin yêu. Để rồi cũng được ngọn lửa rửa sạch tội lỗi. Và được ngọn lửa đưa về bên Chúa.

Ngọn lửa tin yêu chiếu sáng cả trí tuệ và trái tim khiến ông Bạ Phác thông minh mãi tiếp tìm ra phương thế nâng cao đời sống dân làng Du Hiếu. Trước là nâng cao trí tuệ. Ông mở trường học và tìm thầy về dạy học cho trẻ em trong làng. Để nâng cao kinh tế, ông tìm được nghề đan nón cói. Vừa nhẹ nhàng vừa tiêu thụ được cây cói là chất liệu có sẵn trong làng. Hơn thế nữa, ông còn giúp duy trì thói quen đạo đức. Sau giờ học dẫn các học sinh vào nhà thờ viếng Minh Thánh Chúa và mộ Các Thánh Tử Vi Đạo. Ông đúng là một ngọn lửa tin yêu. Một Ngôi Sao Sáng (trang 41-57).

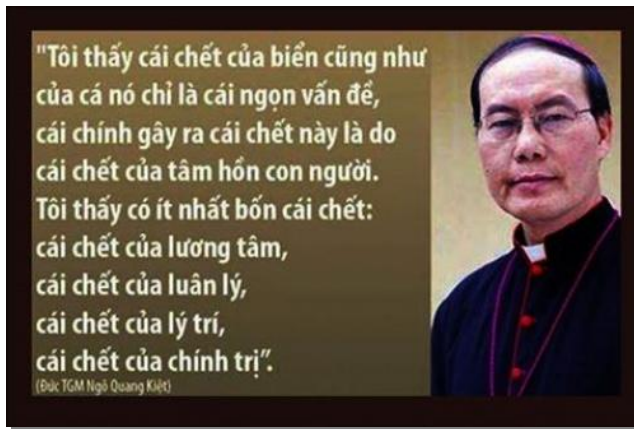
## *Ngọn Lửa Tin Yêu*

Ngọn lửa tin yêu tiếp tục bùng lên trong tâm hồn người Du Hiếu khắp nơi. Để hôm nay vẫn còn giữ được ngọn lửa yêu thương. Từ khắp nơi trên thế giới tìm về cội nguồn thân thương. Tìm đến nhau trong tình đồng hương mến thương. Còn hơn thế nữa. Tìm lại ngọn lửa xưa kia cha ông đã thắp lên. Soi sáng đức tin. Soi sáng tình yêu thương đoàn kết.

Tôi rất vui mừng giới thiệu quyển Sơ lược Lịch sử làng Du HIếu và Hạnh tích các Đấng Tử Vi Đạo. Tôi tin rằng ngọn lửa tin yêu Các Đấng Tử Vi Đạo làng Du Hiếu đã thắp lên sẽ tiếp tục chiếu sáng. Sẽ tiếp tục nung nấu chúng ta, đặc biệt những người đồng hương Du Hiếu, trong đức tin vào Chúa, trong tình yêu thương nhau.

*Châu sơn, ngày 10 tháng 7 năm 2016*

Giuse Ngô quang Kiệt  
Nguyên TGM GP. Hà nội



# PHẦN I

## Sơ Lược Lịch Sử của Làng Du Hiếu

### 1. Danh sách Các Vị Tử Vì Đạo làng Du Hiếu

*Dựa theo bản gốc ghi lại được từ thẻ án bằng chữ Nho mà cha cố Đường và cụ chánh Sắc đã ghi chép, và danh sách các Đấng Tử Vì Đạo trên đài kính nhớ tại giáo xứ Du Hiếu, cũng như tham khảo vài bản chép tay khác, nay xin sắp xếp theo thứ tự tuổi tác. BBT.*

TT	Tên Thánh, Họ và Tên	Tuổi	Cực hình phải chịu	Tại, năm	Dòng họ con cháu
1	Manuel Trần Văn Thiêng	67	Chém đầu	Bảy Mẫu NĐ. 1862	Trần -Vi -Lợi -Cụ Hào
2	Đaminh Nguyễn Văn Phan	52	Thiêu sống	Quỳnh Côi TB. 1862	Nguyễn Bảng -Bàng -Ngọc
3	Giuse Nguyễn Văn Bồn	52	Thiêu sống	Quỳnh Côi TB. 1862	Nguyễn -Huệ -Tấn -Thứ
4	Đaminh Phan Văn Minh	49	Chết rũ tù	Thanh Hóa 1861	Phan -Kim -Khâm -Uy
5	Phêrô Vũ Ngọc Triều	47	Chém đầu	Bảy Mẫu NĐ.1862	Vũ -Quỳnh -San
6	Phêrô Nguyễn Văn Nhi	47?	Thiêu sống	Quỳnh Côi TB. 1862	Nguyễn -Quỳnh -Dậu -Ngọ -Phương -Vực
7	Đaminh Nguyễn Văn Nhiêu	42	Chém đầu	Bảy mẫu NĐ. 1862	Nguyễn -Đích (thủ bạ)
8	Đaminh Cao Văn Khiêm	40	Thiêu sống	Quỳnh Côi TB. 1862	Cao Văn Trực- Nghiêm -Chỉnh
9	Giuse Phan Văn Vĩnh	40	Thiêu sống	Quỳnh Côi TB. 1862	Dưỡng tử cụ Minh
10	Phêrô * Phan Văn Nhiêu	39	Thiêu sống	Quỳnh Côi TB. 1862	Phan Văn Thiêm - Chí -Sự



*Ngọn Lửa Tin Yêu*

11	Tôma Nguyễn Văn Tín	35	Cắt cổ	Du Hiếu BC. 1862	Em cụ Phan họ Nguyễn
12	Đaminh Nguyễn Văn Sỹ	33	Thieu sống	Quyñh Côi TB. 1862	Con cụ Nhân -Quất Lâm
13	Phêrô Phan Văn Cảnh	32	Thieu sống	Quyñh Côi TB. 1862	Phan -Thiêm -Chí -Sự
14	Phêrô Cao Văn Huynh	30	Thieu sống	Quyñh Côi TB. 1862	Nguyễn -Hệ -Tấn -Lai
15	Đaminh Phan Văn Đạm	29	Chém đầu	Bảy Mẫu NĐ. 1862	Dưỡng tử cụ Minh họ Phan
16	Phêrô Phan Văn Vy	27	Thieu sống	Quyñh Côi TB. 1862	Tế tử của cụ Minh
17	Phêrô Nguyễn Văn Quynh	27	Thieu sống	Quyñh Côi TB. 1862	Nguyễn Thâu -Thậu -Thuận
18	Đaminh Nguyễn Văn Thiều	26	Thieu sống	Quyñh Côi TB. 1862	Bồn đạo mới Quynh -Quýnh
19	Đaminh Nguyễn Văn Hạnh	25	Thieu sống	Quyñh Côi TB 1862	Nguyễn -Tấn -Thứ
20	*** Phan Văn Hồ	24	Thieu sống	Quyñh Côi TB. 1862	Con cụ Nhiên tổ họ Nguyễn -Đích -Bạ
21	Vincentê Trần Văn Chính	17	Thieu sống	Quyñh Côi TB. 1862	Con cụ Lân họ Trần
22	Phêrô Trần Văn Thuận	17	Thieu sống	Quyñh Côi TB. 1862	Trần Văn Điều -Sự -Đường
23	Giuse Hoàng Văn Đạm	*	Thieu sống	Quyñh Côi TB. 1862	Hoàng -Lễ -Nghị -Nghị
24	*** HỒ**	*	Thieu sống	Quyñh Côi TB. 1862	
25	*** Thụy	*	Thieu sống	Quyñh Côi TB. 1862	
26	*** Thùy	*	Thieu sống	Quyñh Côi TB. 1862	
27	*** Châu	*	Thieu sống	Quyñh Côi TB. 1862	

\*Có tài liệu khác ghi là Phaolô

\*\*Có tài liệu khác viết tên là Trang.

\*\*\* Bút có ghi thêm tên thánh Vincentê cho các vị chưa có tên thánh, nhưng nay xin để trống theo như một số tài liệu khác.

## **2. Về danh sách các Vị Tử Vì Đạo làng Du Hiếu**

*Dựa theo tài liệu “Danh sách các Đấng Tử Đạo Bùi Chu” được đăng trong Đặc san Bùi Chu của Hội Ái Hữu Bùi Chu Hoa Kỳ năm 1989, do Đức ông Đinh Đức Đạo và Nguyễn Văn Năm biên soạn, xin góp ý về danh sách Các Vị Tử Đạo của làng Du Hiếu.*

Như mọi người đều biết, Giáo hội Việt Nam đang chờ đợi được Tòa Thánh cứu xét đơn xin phong Chân Phước cho cha Trương Bửu Diệp (1897-1946), thầy Marcel Nguyễn Thanh Văn, tu sỹ dòng Chúa Cứu Thế (1928-1959), Đức hồng y Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận (1927-2003) và Đức cha Lambert de la Motte (1624-1679) Đấng sáng lập dòng Mến Thánh Giá tại Việt Nam. Hy vọng là những ngày gần đây chúng ta cùng được mừng kính Bốn Vị này, chung với Chân phước Anrê Phú Yên và 117 Thánh Tử Vì Đạo của giáo hội Việt Nam.

Việc xem xét chấp nhận hồ sơ đã được đệ trình, Tòa Thánh sẽ dựa theo một số nguyên tắc căn bản như: có được dựa trên nền tảng đức tin với tính cách khách quan theo lịch sử, có giá trị tinh thần và nên gương chứng nhân Tin Mừng hay không. Và để có thể đưa ra được câu trả lời, cần phải trải qua một quá trình điều tra, xem xét thật kỹ lưỡng và thận trọng. Chưa kể là cũng cần có thời gian để nghiên cứu, đối chiếu với lịch sử thời đại, cũng như là nhận thức và tầm ảnh hưởng nơi giáo dân có cùng một bối cảnh đương thời.

Cụ thể như trong trường hợp các vị tử vì đạo của làng Du Hiếu, sau khi vua Tự Đức chấp nhận ký hiệp ước Nhâm Tuất (1862) bãi bỏ lệnh cấm đạo, tuy một số nơi giáo dân trong nước vẫn còn bị đàn áp, giết hại bởi Văn Thân dưới chiêu bài “Bình Tây, Sát Tả”, nhưng địa phận Trung (gồm địa phận Bùi Chu và Thái Bình) đã may mắn sớm được ổn định. Đức cha Khang, vừa một mặt tìm cách xây dựng lại hạ tầng cơ sở và tổ chức trật tự tại giáo xứ, một mặt đã quảng đại chi ra thật nhiều tiền để xin chuộc đàn bà và con trẻ đã bị phân sáp sang các làng ngoại đạo về, vừa chỉ thị cho các giáo xứ sưu tầm, khai trình các chứng tích tử đạo của giáo dân làng mình. Con số giáo dân của địa phận Trung phải hy sinh thời tổng đốc Nguyễn Đình Tân dưới triều Tự Đức ước tính có tới 40,000.

Về tiến trình duyệt xét hồ sơ đã đệ trình, Giáo hội cất cử cho ban điều tra phong thánh duyệt xét và phân chia hồ sơ thành nhiều cấp loại, dựa theo kết quả có thể kiểm chứng công khai được, và từ đó, loại bỏ các chứng từ không trung dẫn đủ bằng cứ, thiếu tính cách khách quan và xác thực, hoặc là không dựa trên nền tảng cơ sở đức tin, không có tích cách chứng nhân cho Đạo. Hồ sơ án tích các vị tử đạo được chia ra làm 4 bậc: 1- **Tôi Tớ Chúa** (Servus Dei); 2- **Đáng Đáng Kính** (Venerabilis); 3- **Chân Phước** hay là Á thánh (Beatus) và 4- **Hiển Thánh** (Sanctus).

Đối với tình hình giáo hội Việt Nam, mặc dù việc sưu tầm tài liệu về các vị tử vì đạo sớm được triển khai và có được con số hơn 130,000 trường hợp đã hy sinh trong các thời kỳ bách đạo. Nhưng bối cảnh xã hội tiếp theo lại thay đổi hết sức phức tạp. Dân tộc Việt Nam phải trải qua thời phong kiến, bị thực dân cai trị và sau đó lại lâm vào tình trạng phân rã, tê liệt do các phong trào kháng Pháp hoặc vùng lên đòi độc lập. Sau cùng, số phận dân tộc còn bị chia cắt thành hai miền Nam-Bắc khác biệt, kéo dài thêm hàng chục năm trường. Phải đến ngày 19 tháng 6 năm 1988, mới có 117 vị tử vì đạo chính thức được Giáo Hội phong Hiển Thánh, mà nhiều vị vốn đã được phong Chân phước thật sớm, ngay sau thời kỳ tử đạo của thế kỷ 18 và 19.

Biên cô 117 vị được phong thánh đây cũng còn được xem là một ân huệ đặc biệt mà thánh Giáo Hoàng Gioan Phaolô đệ Nhị đã thương tặng cho một số dân tộc ở vùng Á châu. Là nhờ vào kinh nghiệm của bản thân, với tinh thần quả quyết và bản lãnh hành động có tính cách vượt thời gian và không gian, như muốn minh chứng cho thế giới biết về gia sản đức tin Công giáo vốn đã được sản sinh và tích đọng từ bao đời, và được nuôi dưỡng bằng máu chứng của các vị tử vì đạo. Chính việc phong thánh cho 117 vị tử vì đạo của Việt Nam (19/6/1988), 103 vị của Hàn quốc (6/5/1984) và 120 vị cho giáo hội Trung quốc (1/10/2000) này, nhằm nói lên một dấu chỉ nhân tiên rằng, nhờ bảo chứng đức tin của các vị tử vì đạo, mà các giáo hội như Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc và Việt Nam vẫn có được một sức sống liên tục, mạnh mẽ và sinh động, bất kể bao thăng trầm, bao áp lực chi phối bởi các thể chế chính trị, hay do khác biệt về ý thức hệ hoặc bởi các thế lực trần gian.

Trở lại danh sách các vị tử vì đạo của làng, theo tài liệu mà Đức cha Giuse Đình Đức Đạo đã cung cấp, danh sách án tích các vị tử vì đạo của địa phận Trung gồm có 1,743 vị tử vì đạo đã hy sinh trong khoảng từ năm 1856 đến 1862, và đã được công nhận như các bậc Tôi tớ Chúa hoặc

là Chân phước. Danh sách này được Đức cha Barnabas Cezion Khang đệ nạp lên Toà Thánh năm 1866. Sau này, địa phận Trung được chia ra thành địa phận Bùi Chu và địa phận Thái Bình, nên con số vị tử đạo trên cũng được chia ra là 524 vị có gốc thuộc địa phận Bùi Chu, và số còn lại thuộc địa phận Thái Bình. Giáo xứ Du Hiếu có tên của 5 vị được ghi danh trong danh sách các Tôi tớ Chúa trên. Đó là **Phêrô Cảnh** (82), **Vincentê Chính** (98), **Phêrô Thuận** (425), **Tôma Tín** (443) và **Giuse Vĩnh** (505). (*Số trong ngoặc là số thứ tự theo danh sách 524 vị được đăng ở Đặc San Bùi Chu, 1989*)

Năm 2013, được Đức cha Tôma giới thiệu gặp cha Điêm đang là chánh văn phòng toà giám mục Bùi Chu, ngài có cho xem danh sách và tiểu sử của một số vị tử vì đạo của làng Du Hiếu được đăng trong một tập bằng tiếng Pháp. Tài liệu nguyên bản này đã được biên soạn bằng tiếng Nôm thời Đức cha Khang, và được dịch sang tiếng Pháp để nộp lên Toà Thánh. Tuy nhiên, vì chưa có đủ toàn bộ về tập tài liệu này, nên chưa thể xác nhận và kiểm chứng toàn diện, chưa thể giới thiệu trong dịp này được.

Hẳn rằng, không một ai trong chúng ta có thể ngờ vực về con số 27 vị đã tử vì đạo, nhưng một vài câu hỏi như tại sao chỉ có 5 trong số 27 vị tử vì đạo của làng có tên trong danh sách các Tôi tớ Chúa? Có phải hồ sơ của 22 vị khác đã bị thất lạc? Hoặc giả là trong thời gian phát động điều tra và đệ trình án tích, con cháu của 22 vị này vẫn còn đang bị phân sáp, hoặc là không còn một ai sống sót trở về làng để mà nêu chứng tích tử và lưu truyền? Hiện tại chưa ai có thể khẳng định hoặc đưa ra một câu trả lời thoả đáng cho sự thiếu vắng, khuyết danh này.

Về các nguồn tài liệu lịch sử của địa phận Bùi Chu, phải lấy làm tiếc vì hầu hết các dữ liệu quan trọng liên quan đến thời kỳ thành lập, các giấy tờ, văn bản, sử liệu đều bị thất lạc; rồi những tai ương, dịch bệnh, bão tố liên tiếp xảy đến ngay sau thời kỳ bách hại đạo, đã khiến cho nhiều người phải bỏ làng mạc, quê cha mà đi biệt xứ tìm vùng đất sống mới. Những lý do mất mát trên đã khiến nhiều truyền thống, thói quen, các sinh hoạt đạo đời bị quên lãng hoặc thay đổi, không giữ lại được bao kiểu lễ hội, cách thức kỷ niệm mừng kính các vị tử vì đạo tiền nhân như xưa. Chẳng biết là tại các nơi di dân dựng nghiệp mới, con cháu các vị tử vì đạo có còn giữ được đạo giáo hoặc biết kính nhớ, nhắc nhớ và kể lại cho các thế hệ sau biết về các chứng tích tử vì đạo của tổ tiên trong dòng họ mình hay chăng!

Hôm nay, chúng ta vận động việc sưu tầm sử liệu và hạnh tích các vị tử vì đạo của làng, chẳng nhằm mục đích là để bổ túc hồ sơ án tích, hoặc vận động xin Tòa Thánh cứu xét phong thánh cho các vị tử vì đạo. Bởi vì chính sự đổ máu vì danh Chúa đã là phần thưởng và đồng thời là niềm vinh hạnh cho Các Ngài rồi. Chủ đích mà mọi người chúng ta mong ước ở đây, là để biết và tự hào về những chứng tích đức tin chân thực của tiền nhân và nhờ đó có thể hun đúc đời sống đức tin, noi gương sống sao cho đáng được thừa hưởng những giá trị tinh thần và ân sủng đã được ban tặng, và cùng truyền đạt lại cho các thế hệ mai sau.

Như Các Thánh Tử Vì Đạo của Giáo Hội từ ngàn xưa, hẳn là Các Ngài chẳng vì triều thiên tử đạo để mà liều mình chịu chết, hoặc cũng chẳng hòng mong danh hiệu, tước vị do loài người ban tặng, mà động lực chính yếu phải là sự lôi cuốn thúc giục bởi tình yêu Chúa Kitô, đã mời gọi và thêm sức để các ngài trung thành với ơn gọi làm con Chúa, vượt thắng mọi cám dỗ, nguy nan, đòn vọt để cùng đồng hành với Chúa Giêsu mà vác thập giá của mình.

Thiên Chúa chính là phần thưởng quý báu và xứng đáng nhất cho Các Ngài. Phần chúng ta, hy vọng là nhờ học biết được những *Ngọn Lửa Tin Yêu* qua tập Sơ lược Lịch sử và Hạnh Tích Các Đấng Tử Vì Đạo, mỗi người cũng sẽ trở nên chứng tá, những kẻ lãnh nhận sứ mạng loan báo Tin Mừng Cứu Độ. Việc tìm cách duy trì các thói quen, các truyền thống đạo đức tốt đẹp khi mừng kính các vị tử vì đạo trong các dòng họ, sẽ giúp các thế hệ đi sau cùng tự hào về những tấm gương anh dũng của Tiền Nhân, vừa can đảm tiếp tục sống các giá trị đức tin, hăng say thi hành sứ mạng loan truyền Tin Mừng Phục Sinh của Chúa cho nhiều người.

Xin vì công nghiệp tử vì đạo của Các Ngài, cho chúng con cũng được dõi bước theo Chúa Giêsu Kitô, can đảm vượt qua mọi thử thách mà vào chung hưởng hạnh phúc cùng Các Ngài trên Thiên Đàng.

Lm. Cao Sơn Thân, S.J.

### **3. Các dòng họ ở Du Hiếu thời kỳ mới lập làng**

#### **1- Các dòng họ trong làng**

##### **Họ Nguyễn**

- Nguyễn Thị Tiến
- Nguyễn Văn Hiếu
- Nguyễn Văn Phan
- Nguyễn Văn Bôn
- Nguyễn Văn Nhi
- Nguyễn Văn Nhiên
- Nguyễn Văn Trục
- Nguyễn Văn Nhiêu
- Nguyễn Văn Chanh
- Nguyễn Văn Khoa

##### **Họ Phan**

- Phan Văn Minh
- Phan Văn Hữu
- Phan Văn Hựu
- Phan Văn Nhàn
- Phan Văn Nhiều

##### **Họ Cao**

- Cao Văn Khiêm
- Cao Văn Mậu

##### **Họ Trần**

- Trần Văn Thiêng
- Trần Văn Đẩu

##### **Họ Hoàng**

- Hoàng Địch

##### **Họ Vũ**

- Vũ Ngọc Triều

## **2 - Các dòng họ góp công sức khai phá lập làng Du Hiếu**

### **Họ Nguyễn:**

- Ông tuần Bảng, là con ông Phan (được phúc tử vì đạo) cũng là dòng dõi quý tộc ở Ngọc Cục.  
Ông tuần Bảng có các con: ông trương Ngọc, ông tổng Lục, ông phó Lập, ông đội Bàng, ông Phát, ông phần Mộc, bà bà Liên.
- Bốn anh em ông Nhị (tử vì đạo), ông Tam (tử vì đạo), ông cụu Sáng, ông Đoan (tử vì đạo) người Hà Lạn.
- Ông trương Lới, ông chỉ Tính (Trình), bà cố Lễ, bà Hạnh, ông lý Thịnh là năm anh em ruột.
- Ông trương Lới có các con: ông cụu Mão, ông trùm Ty.
- Ông chỉ Tính có con là ông trùm Minh, bà trùm Văn, bà phó Quỳnh, bà trương Hoè.
- Bà cố Lễ có con là ông bác Nhật, ông bá Nghị, ông xã Xứ, bà trùm Khuê.
- Bà trùm Hạnh có con là ông Tấn và ông Thứ.
- Ông cố Thịnh có con là bà quản Tuấn, bà trùm Trưởng, bà trùm Ngọ và ông Vượng.
- Ông quản Kinh, người Hà Lạn có các con: ông lái Lưu, ông Điều, ông Ôn.
- Ông nhiều Cơ, người Quất Lâm.
- Ông nhiều Cầu, người Quất Lâm.
- Ông cụu Thi, người Ngọc Cục có các con: ông đội Thức, ông Thứ.
- Ông Hạnh người Ngọc Cục được tử vì đạo, có các con: ông phó Tấn, ông phó Thứ.

### **Họ Vũ:**

- Ông cụu Triều người Ngọc Cục được tử vì đạo, có các con: ông phó Quỳnh.

### **Họ Hoàng:**

- Ông Đạm người Hà Lạn, được tử vì đạo có các con: ông cố Lễ.

**Họ Phan:**

- Ông quản Minh người Ngọc Cục, được tử vì đạo có các con: ông trùm Quang, ông bạ Chiêu, bà xã Chục, bà xã Vĩnh.
- Ông trùm Hữu có các con: ông trùm Khuê, ông trương Hoè, ông đồ Hoàn, ông phần Tường.
- Ông Thiêm người Ngọc Cục có các con: ông trùm Chí, ông trùm Sự.

**Họ Cao:**

- Ông nhiều Trục người Quát Lâm, có các con: ông trùm Chính, ông lái Nghiêm.

**Họ Bùi:**

- Ông Cự, ông Đoàn.

**Họ Trần:**

- Ông Thiêng được tử vì đạo.

*(Trích dẫn từ “Vài nét về lịch sử Làng Du Hiếu” của ông bạ Uy trang 5, 6 và phần góp ý của anh Nguyễn Cao Thăng, Hoa Kỳ)*



Hài cốt của Các Vị Tử Đạo được đặt dưới Tượng đài Chúa Kitô Vua



## **4. Quá trình thành lập làng Du Hiếu**

*Tài liệu do ông Cao Hữu Tài cung cấp*

### **1 - Thời kỳ đầu từ năm 1827-1828**

Làng Du Hiếu được thành lập từ thời vua Minh Mạng (1827). Vì làm ăn khó khăn lại thiếu kiên trì nên lớp người đầu tiên bỏ đi hết. Đến đời vua Tự Đức, ông dinh điền Nguyễn Công Trứ khi đi khảo sát đất đai thấy vùng châu thổ Xuân Trường, Giao Thủy ven sông Sò được bồi đắp rộng nên ông đã gửi thư tâu xin nhà vua cho khai phá mở ruộng đất trồng trọt và nhà ở (*trích báo Khoa học xã hội xuất bản năm 1961 tập 9 trang 33 nói về lịch sử Nam Định trong thời kỳ triều Nguyễn*)

Ông dinh điền sứ Nguyễn Công Trứ hô hào dân chúng mở hai tổng Hoàn Thu (Giao Thủy) và Ninh Nhất (Nghĩa Hưng) đồng thời khuyến cáo khai hoang, cấp ruộng đất tư điền cho nên một số nhà giàu, nhà nho, nhà giáo và dân nghèo xung phong ra đi khai hoang. Ông Phan Văn Minh đầu đoàn từ Lục Thủy - Hành Thiện xuống khai hoang vùng Du Hiếu. Ông Nguyễn Công Trứ đặt tên cho 14 ấp trại của tổng Hoàn Thu gồm: Ngưỡng Nhân, Khắc Nhất, Đắc Sở, Hiệt Củ, Quân Lợi, Thủy Đĩnh, Duy Tắc, Địch Giáo, Tồn Thành, Bình Di, Tự Lạc, Thúc Hóa, Mộc Đức và **Du Hiếu**.

Thời kỳ đầu chỉ có 6 hộ:

Phan Văn Minh

Nguyễn Thị Tiến

Nguyễn Văn Hiếu (con cụ Tiến)

Nguyễn Văn Phan (con cụ Tiến)

Trần Văn Thiềng

Nguyễn Văn Bôn

Những vị tiên phong khai phá đã chung tay góp vốn, mượn người Quát Lâm và Văn Trì đắp đê ngăn mặn, mở đường làng rồi phân chia đất ở mà ngày nay vẫn còn. Sau 2 năm lam lũ vất vả mà mùa màng lại thất thu các cụ lại bỏ về quê vận động thêm người. Đầu năm 1832 các cụ lại trở về củng cố đê điều làng mạc. Sau 10 năm khai phá, công phục, dân

## *Ngọn Lửa Tin Yêu*

làng đông đúc hơn, làng xóm, sông ngòi được hình thành, dân số tăng thêm được 6 hộ nữa là:

Phan Văn Hữu  
Nguyễn Ngọc Thiều  
Nguyễn Văn Nhì  
Nguyễn Văn Nhiêu  
Nguyễn Trung Trực  
Cao Văn Khiêm

### **2 - Thời kỳ thành lập làng năm 1845**

Sau năm 1838 ấp Du Hiếu đã có 12 hộ, 27 xuất đình, dân làng ổn định phân chia đất ở. Năm 1845 các cụ triển khai xây nhà thờ (nhà gỗ lợp rạ ở khu nhà cụ Khiêm, tức thỏ ông Tân ở hiện nay) phân chia các xóm, họ cả nhận Đức Bà bầu cử, các xóm nhận thánh quan thầy (đến giờ vẫn giữ)

### **3 - Thời kỳ phục hồi và xây dựng sau khi bỏ lệnh cấm đạo**

Vừa xây nhà thờ họ cả, xây dựng các xóm, lòng sùng kính Đức Bà bầu cử cùng các thánh quan thầy đang sôi nổi thì lệnh cấm đạo ngày càng thêm ráo riết, các khổ cực hình đưa về địa phương để đe dọa và cấm không được theo đạo, ai theo sẽ bị bắt, giết, thiêu nhưng dân làng vẫn không sợ. Năm 1861 lệnh vua bắt đầu thực hiện ở địa phương, ai không tuân theo sẽ bị tử hình bằng nhiều cách. Làng ta bị bắt 27 vị trong đó có cụ quản chiêu (tức cụ Phan Văn Minh) bị đưa vào Thanh Hóa giam chết rũ tù. Ông Tôma Tín sống trung kiên bị quan đem về làng treo ngược cắt cổ. Ông Thiêng, ông Triều, ông Nhiêu, ông Đậm bị chém đầu trên khu bảy mẫu Nam Định, 22 vị còn lại bị đem về Quỳnh Côi - Thái Bình giam và thiêu sống. Sau khi lệnh bách hại đạo bị xoá bỏ vào năm 1862, đức cha giáo phận kêu gọi các giáo xứ, giáo họ đem hài cốt các vị từ các nơi về địa phương chôn cất, và khai báo về tòa.

Truyện truyền khẩu kể lại rằng, khi chia cắt nhau đi tìm và rước hài cốt các vị tử đạo về chôn cất tại làng, thì kẻ đi trước người đi sau nhưng khi trở về, lại cùng gặp nhau tại bến đò Hà Lạn (cửa sông Sò) rồi

cùng nhau rước về nhà thờ. Sau này được ổn định làm ăn, con cháu các đảng tử đạo ngày càng phần chần, lòng đạo hăng say, các nhà thờ xóm thì nhau dựng lên như: xóm Gioan, xóm Micae, xóm Vinh Sơn, xóm An tôn.

Bước sang thế kỷ thứ 20 dân cư đông đúc, các cụ muốn xây lại nhà thờ, bà cụ Tiên dâng cúng hai mẫu đất (nhà thờ bây giờ) để xây nhà thờ, các cụ mua gỗ, mượn thợ giỏi về trạm trở hoa lá, cột dài 9m đường kính 50cm và đục vành mai hoa văn thật đẹp. Làm từ năm 1910 đến năm 1911 mới cất và dựng xong khung nhà thờ và phải đến 6 tháng nữa mới mua được ngói lợp. Sau hơn 80 năm thì đến năm 1995 các cột bị hư hại nặng, phần vì mối ăn làm rỗng ruột, hoành dày 20cm mà cũng bị cong nên trong xứ nhất trí xây lại. Và ngày 17/07/1999 nhà thờ mới được hoàn thành.



Tranh Thánh Gia (1)

## **5. Bối cảnh thời khai phá và thời bị bách đạo**

*Năm nay dòng Đa Minh mừng 800 năm dịp thành lập. Đúng 100 năm về trước, năm 1916 cuốn Sử Ký Địa Phận Trung được các cha dòng Đa Minh biên soạn để kỷ niệm 700 Đức Giáo Hoàng Honorio III đã phê chuẩn cho phép thành lập hội dòng. Đây là một tài liệu ngắn gọn, vô cùng quý giá ghi lại lịch sử của địa phận, cũng như tình hình Giáo Hội Việt Nam khá xúc tích và mạch lạc.*

*Làng Du Hiếu kể từ khi thành lập đã là một làng Công giáo toàn tòng, do các vị khai công dựng nghiệp đến từ Ngọc Cục, Lục Thủy, Nam Định. Lịch sử của làng Du Hiếu cũng còn được xem là lịch sử thành lập giáo xứ Du hiếu. Khởi đầu là một họ lẻ của giáo xứ Quát Lâm, địa phận Trung (sau tách ra thành Bùi Chu và Thái Bình).*

*Những phần trích lược sau đây sẽ giúp hình dung ra bối cảnh thời lập làng và một phần sinh hoạt của giáo hội. Xin mạn phép sửa đổi một vài danh xưng cho thích hợp với thời đại hôm nay. BBT.*

### **Đoạn thứ Bốn**

#### **III Vua Gia Long (từ trang 57)**

Bảy giờ (1802) ông Nguyễn Ánh cải niên hiệu là Gia Long, mà bởi vì vua ấy đã nhờ ơn Đức thầy Phêrô là giám mục Đàng Trong và nhà nước Pháp mà được sống cùng cai trị nước này, thì ban phép rộng cho các thầy cả Tây, Nam đi giảng đạo mọi nơi, cùng xây nhà thờ nhà xứ mặc ý mình. Thật kỳ ấy là kỳ bình yên trong nước này, tự xưa đến bấy giờ chưa hề thấy bao giờ, cho nên đạo trong nước và trong địa phận ta càng ngày càng mở rộng hơn...

Vua Gia Long băng hà đầu năm 1820, mà Hoàng Đản cải niên hiệu là Minh Mệnh. Trong di chiếu Gia Long giới cho Minh Mệnh đừng cấm đạo Khổng Tử và đạo Thiên Chúa, phần vì nhân nghĩa với Đức thầy Phêrô, phần thì kéo phải sự khốn khó như các vua đời trước đã cấm đạo; lại giới hăng phải để một đội quân canh mộ Đức thầy Phêrô...

## **Đoạn thứ Năm (từ trang 61)**

### **I - Vua Minh Mệnh**

Vua Minh Mệnh khi còn làm thái tử đã có lòng ghét đạo lắm, và khen các vua nước Nhật Bản đã cấm đạo, cùng nói rằng: nếu sau này mình lên làm vua, thì sẽ bắt kẻ muốn giữ đạo sang bên Tây mà giữ mặc ý. Song khi vua mới tức vị thì còn giấu lòng ghét một ít lâu, vì năm 1820 có ôn dịch trong cả nước, chết nhiều người lắm; trong một tỉnh kia ngót ba vạn người chết dịch, người ta kinh khiếp lắm, chạy vào nhà thờ xin nước phép; vua chẳng dám ra khỏi đền.

Ngày 12 tháng hai năm 1825 vua Minh Mệnh ra chỉ cấm các thầy cả Tây không được sang An Nam, kéo đem sự tối tăm cho dân này hư đi; vả lại vua cũng chẳng chịu nhận sứ Đại Pháp và của lễ vua nước ấy gửi, cùng không cho sứ vào châu. Chẳng may năm 1826 có giặc nổi lên trong tỉnh Hải Dương, mà các tướng giặc phải bắt, thì tiêu xung Đức thầy Minh và mười Cụ, cho nên vua sức các dân xã phải khai tờ các đạo trưởng, rồi năm sau (1827) ra chỉ truyền tìm các thầy cả Tây gọi là “Tây dương đạo trưởng” cho được làm thông ngôn vua. Các đảng hiểu mưu vua, thì không có ai ra mặt, chỉ có 3 đảng về Đảng Trong đến, thì vua liền giam. Đến ngày mồng 4 tháng một năm 1833, vua Minh Mệnh ra chỉ cấm đạo, cùng truyền cho các quan phá tuyệt đạo thánh Đức Chúa Trời. Trong chỉ ấy, vua gọi đạo Thiên Chúa là “Datô tả đạo”...

### **II – Vua Minh Mệnh cấm đạo (từ trang 62)**

Cuối năm 1837, vua Minh Mệnh thấy quan tỉnh Nam Định tên là Trịnh Quang Khanh chẳng bắt đạo ngắt vừa ý vua, thì đòi về kinh mà quở nặng lời, cùng đe giáng cấp. Quan Trịnh Quang Khanh lấy điều ấy làm khó chịu quá, liền truyền đóng thập tự rồi khi trở ra Nam Định, thì truyền bỏ các thập tự ấy ở nơi các cửa thành, song dù những người lương dân cũng lấy làm sợ hãi không muốn bước lên thập tự, lại những lính canh cửa lấy làm rầy rà, thì cách mấy ngày liền cất đi. Song le Trịnh Quang Khanh chẳng nguôi cơn giận đâu, lại sức cho các phủ huyện phải vâng lệnh vua mà phá đạo, kéo

chúng mình phải hại; cho nên chẳng những bốn đạo sợ hãi, mà lại các đảng chặn chiên cũng phải đi ẩn mỗi người một nơi...

## **Đoạn Thứ Sáu**

**Về địa phận mới gọi là địa phận Trung (từ trang 70)**

### **I - Kỳ bình yên mới**

Địa phận mới đã biệt ra bởi địa phận Đông năm 1848, mà gọi là Địa phận Trung, vì ở giữa địa phận Đông và địa phận Tây...

Vậy khi lễ truyền chức hai đảng giám mục phó, thì đức cha Gia về Bùi Chu, đức cha Ân về Cao Xá (Thái Bình).

Ông Chúa thương hai năm sau khi biệt địa phận đoạn, thì số bốn đạo đã thêm nhiều, mà những người lương dân phần nhiều không còn giữ lòng hiềm gì với giáo dân như trước nữa, nên trong vòng năm 1850, rửa tội được 1,850 trẻ nhà ngoại đạo.

Chẳng may, ngày 26 tháng 8 năm 1852 ngài qua đời ở Hong Kong thì đức thầy An lên làm giám mục chính. Bây giờ, địa phận Trung có 14 cha dòng, 20 cha triều, 10 thầy già có chức, 25 thầy già, 52 thầy, 99 chú và 475 cậu. Lại có hai nhà trường Latinh, một nhà trường lý đoán, một nhà trường chữ Nho có 101 học trò, 20 nhà dòng Ba Đaminh, 3 nhà dòng Mến Thánh Giá với 556 chị em, 31 xứ, 556 họ đạo, 145,553 giáo dân...

### **II - Cơ gian nan nhập vào kỳ bình yên**

Vua Minh Mệnh chết năm 1841 thì giới vị cho con là Nguyễn Phúc Thì, niên hiệu là Thiệu Trị. Vua này vốn chẳng dữ bằng vua cha, cho nên tuy rằng chẳng đình bãi sắc chỉ cấm đạo mặc lòng, song cũng chẳng ra chỉ dụ mới cấm đạo, và chẳng thúc giục các quan bắt đạo như Minh Mệnh, bởi vậy cho nên các quan được rộng tay mà bắt bốn đạo hay là tha, mặc ý mình...

Đầu năm 1847, có hai tàu nước Pháp vào cửa Hàn cho được xin vua ban rộng đạo trong nước An Nam, thì vua chẳng sai quan nào ra cửa, một sức sấm nhiều da trâu cùng mỡ, và sai quan đem 2,000 quân chắt rạ và nhiều tre sắn, đoạn sẽ mời các quan tàu (*quan ở trên thuyền*) ăn tiệc mà giết hết. Song các quan tàu nghi mưu chẳng lên đất, mà sau khi được tin chắc, thì bắn vào các tàu vua đang ở cửa Hàn. Bấy giờ vua giận quá sức, truyền chém các quan đã để thất thủ, và ra chỉ truyền cứ các chỉ vua Minh Mệnh về sự cấm đạo. Nhưng mà năm ấy vua Thiệu Trị chết, và giới vị cho con thứ tên là Hoàng Nhậm, niên hiệu là Tự Đức.

Khi vua Tự Đức mới tức vị, thì ban ơn đại xá cho các tù lưu đày, cùng xem ra chẳng muốn cấm đạo; song le trong triều có một bè rất mạnh quyết chí phá đạo cho tuyệt tận, cho nên năm 1848 vua ra chỉ rằng: ai bắt nộp một tây dương đạo trưởng, thì thưởng 300 lạng bạc. Chẳng hay là năm 1849 trong cả nước An Nam phải dịch tả dữ lắm, thì các quan và kẻ ngoại chẳng tưởng sự bắt đạo, một lo giữ sự sống mình. Đến năm 1855 ở Đàng Trong ông Hoàng Bảo là anh vua khởi ngục, vì mình là đích tử của vua Thiệu Trị (*lẽ ra phải*) được thế vị cha; lại ở Đàng Ngoài có một người tên là Minh, xưng mình là dòng dõi nhà Lê cũng khởi ngục; hai bè ấy hứa nếu bỏn đạo giúp mình lấy nước lại, thì sẽ tha đạo, cùng sẽ làm cho nước này gỡ lại đạo hết. Dù mà bỏn đạo chẳng tin lời ngon ngọt ấy, cùng chẳng theo giúp hai bè đảng ấy mặc lòng, song là vua Tự Đức chỉ nghi nan mãi, cho nên năm ấy vua nhắc lại các chỉ cấm đạo trước, cùng truyền rằng: ai bắt được một bản quốc đạo trưởng thì thưởng 1,100 lạng.

### **III - Vua Tự Đức cấm đạo**

Độ tháng năm năm 1856, vua trách các quan chịu dứt lột mà chẳng bắt các đạo trưởng, cùng giục các kẻ ngoại giúp việc ấy nữa. Lại thêm rằng: “Các kẻ đàn anh trong các làng phải ra sức dụ kẻ đi đạo Datô bỏ đảng tà, cùng bắt nó làm việc tế thần và cúng tổ tiên. Khởi một năm kẻ nào còn cứng lòng cố chấp, thì phải thích tự vào má; hết hai năm nếu nó còn bất kháng, thì đàn ông sẽ phải xung quân, còn đàn bà thì bắt làm tôi các quan.” Chẳng hay các quan chưa lo chỉ vua là bao nhiêu, vì khi ấy phải lụt mất lúa màu ngoài đồng, mất thóc trong nhà, lại phải bão táp cho nên càng hại, sinh đói khát, và

đói khát thì lại sinh ra trộm cướp đốt nhà và chết đói. Có làng người ta chết hằng trăm; kẻ ngoại chôn sống con mình vì không nuôi được. Song le đến năm 1857 các quan lại sợ vua mà không còn lo dịch, thì bắt dân làm khốn cho bốn đạo cách dữ tợn quá sức, nhất là địa phận Trung này phải thiệt hại cả thể, phần thì bởi đông bốn đạo (hơn 150,000) phần thì bởi quan thượng Nam Định tên là Nguyễn Đình Tân có tính độc dữ lắm, người ta đã đặt tên là Nêrô An Nam...

### **VIII – Vua Tự Đức phân sáp vào các làng ngoại (trang 88)**

Đầu ngày mồng 5 tháng tám năm 1861 vua ra chỉ rằng: “Điều thứ nhất, hệ là ai có đạo Datô dù nam nữ già trẻ, thì phải phân sáp vào các làng lương dân. Điều thứ hai: mỗi làng hệ là năm người thì phải nhận một quân Datô. Điều thứ ba: các làng toàn tông Datô phải phá bình trị. Điều thứ bốn: các điền thổ những làng ấy phải chia cho các làng lân cận cày cấy và nộp thuế cho vua. Điều thứ năm: các kẻ đi Datô phải thích tự vào má một bên hai chữ “Tả Đạo”, một bên là tên phủ huyện. Trong chữ ấy gọi bốn đạo là “tứ dân”. Thoạt khi vua tổng chỉ ấy ra các tỉnh, thì các bốn đạo ngã lòng: đàn ông thì mặt sầu, đàn bà con trẻ chỉ biết khóc...

### **X - Những sự khổ sở cơ cực bốn đạo đã chịu (trang 92)**

Đây cũng xin theo lời cha chính Nam rằng: “Đã nói về Đấng chăn chiên, thì bây giờ nói về đoàn chiên. Thật bấy giờ ta đã tưng cực dường ấy, cho nên chẳng có nơi nào phải thể ấy bao giờ, đừng kể một nước Nhật Bản trong đời vua Taikosama mà thôi. Nhưng mà vua ấy đã hủy tuyệt đạo Đức Chúa Giêsu thể nào, thì cứ lẽ xác thật vua dữ đang cai trị nước An Nam bây giờ cũng phá thể ấy được. Vua chẳng những triệt hạ các nhà thờ và các nhà tràng, chém đầu các giám mục và các thầy cả tây, trăm quyết quá nửa phần các thầy cả bản quốc, giết hay là đày nhiều thầy giảng nhiều học trò, giam cầm các kẻ có chức thánh Giáo Hội, cùng đốt các đồ thờ và các sách đạo mà thôi; vua còn muốn bắt bớ thứ dân. Nhưng mà giết mười lăm vạn người trong một địa phận này, thì chưa dễ là bao nhiêu. Vì vậy, vua liệu cho bốn đạo mất hết của ra bán cùng, đoạn khi kẻ ấy chẳng còn biết nương tựa vào đâu, thì mới bắt chối đạo, chẳng chối thì phải đóng gông, đóng xiềng,



đóng cùm, phải đòn vọt, khảo kìm, kéo giãn chân tay, hay là giả hiệu, cùng nhiều hình thức khác như vậy.

Các địa phận phải con ngặt nghèo này như nhau, song địa phận Trung này còn khốn nạn hơn các nơi khác, hoặc vì bồn đạo đông hơn, hoặc vì quan tổng đốc Nam Định có tính dữ tợn quá sức, cho nên đã đặt tên là Nê-rô Đàng Ngoài. Như các nơi khác, khi bắt bồn đạo đi phân sáp, thì còn cho phép bán nhà lấy tiền, song trong tỉnh này thì chẳng được; quân dữ bắt ra khỏi nhà, trói từng lớp năm người, chỉ cho đem mấy nắm gạo đủ ăn một hai ngày mà thôi, mà có khi kẻ ngoại lại chẳng cho lấy gì mà thôi. Vậy có kẻ còn được đi ăn mày ở các chợ lân cận, nhưng mà các kẻ phải cầm tù, còn lấy đâu mà đi? Chúng tôi làm hết sức mà cứu giúp các phần mình mầu nhiệm Đức Chúa Giêsu đang chịu khó vì đạo, nhưng mà có lần không đến kịp, có lần chẳng có thể vào ngục được, cho nên đã có nhiều kẻ phải chết rũ tù.”

“Tôi chẳng biết nơi khác thế nào, nhưng mà về địa phận Trung này, nếu các quan cứ làm như tháng năm và tháng sáu vừa rồi, thì chẳng khỏi bao lâu cả 150,000 bồn đạo sẽ tuyệt đi chẳng sai. Nay tôi kể mấy tích: Đàng Ngoài có giặc, vua Tự Đức cậy tổng đốc Nam Định đi dẹp nó. Vậy quan ra đánh, phải thua liền cáo bệnh mà về tỉnh và thù oán kẻ có đạo. Ở tỉnh có 300 bồn đạo đang bị giam, quan cầm cốc, cách mấy ngày đã chết 240 người, và có thư nói rằng: các kẻ khác rầy đang hấp hối chết. Quan dữ thấy chẳng còn ai mà oán thù, thì truyền cho các phủ huyện giải các tù đạo về tỉnh, chẳng có ngày nào mà chẳng xử tử nhiều người.

Quan thấy giặc Minh (*vua Phụng, Phê-rô Lê Phụng chủ trương theo nhà Minh phò Lê, chống nhà Nguyễn*) ngày một mạnh thì làm trát truyền thiêu sinh hay táng sinh, hay là trảm quyết, hay là trói giáo giờ đầu đuôi hai người mà bỏ xuống sông. Chính quan ra mẫu trước cho các phủ huyện bắt chước sau. Ngày 18 tháng năm, quan chém 21 người, ngày 22 chém 43 người, ngày 26 lại chém 67 người, và các ngày sau cứ như vậy. Ngày 30 quan truyền trói 112 người bỏ xuống sông, còn 112 người khác thì hôm sau cũng phải như vậy.

Đang khi quan thượng Tân xử tệ làm vậy, thì các phủ huyện đua nhau mà bắt chước; bồn đạo phải giết hàng trăm, kẻ thì phải chém,

kẻ thì phải thiêu sinh trong ngục; hoặc có kẻ nào tháo tói mà ra sức nhảy qua lửa cho được thoát, thì những lý hình cầm gươm giáo mà bắt vào lửa cho chết. Có nơi kia 150 người bồng đạo phải xử một lớp, song các lý hình chưa thiện nghệ, khi đã chém đi chém lại 20 người, thì bỏ các kẻ khác xuống sông một trật. Chẳng hay sông ấy nhỏ hẹp, có nhiều kẻ bơi đến bờ được, thì quân dữ lại bắt trói từng đôi mà bỏ xuống giếng sâu cho đến chết...

### **XI – Lòng can đảm vững vàng kẻ có đạo (trang 96)**

Có hai người đàn bà năm trước đã phải bắt và khảo đau lắm cho nên quá khoá và được về nhà. Đến khi vua ra chỉ sau hết, thì hai người ấy lại phải bắt cho được quá khoá một lần nữa. Nhưng mà hai bà ấy được ơn trên giời phụ hộ, thì gớm tội ấy và phân phò rằng: “Năm trước chúng tôi đã cả lòng sấp cật cùng Chúa giời đất, vì bấy giờ chúng tôi khiếp diên, nhưng mà hôm nay chúng tôi phân nàn vì tội ấy lắm; chúng tôi chẳng vâng nhời quan vì có tội.” Lại có người nữ đang đứng đây cũng xưng đạo ra cách vững vàng lắm. Quan tức mình vì thua ba người đàn bà trong một ngày, thì luận án xử giao cả ba. Tên ba người nữ ấy là Maria Tĩnh, Matta Thực và Anna Sáu quê ở xứ Thân Thượng. Quan cũng làm khổ cho ba người đàn bà ấy cách xấu hổ gớm ghiếc không xứng đáng loài đáng làm người. Vậy ba bà ấy mang gông đi chịu xử mặt mũi vui vẻ như kẻ đi ăn tiệc trọng thể. Khi đến nơi thì xem quân dữ dựng cột, mà cũng chẳng động chút nào, đoạn chịu trói hai tay vào cột như hình Thánh Giá, rồi lính đứng hai bên kéo dây cho thắt cổ, và ba bà ấy chẳng còn động giây nữa. Xử người nữ làm vậy là sự gỡ lạ, trái thói trái luật An Nam. Trong các đời trước từ năm 1676 các thầy dòng Đaminh sang giảng đạo ở Đàng Ngoài thì chẳng có thấy sự ấy bao giờ.”

### **XIII – Vua Tự Đức và địa phận Trung (trang 99)**

Trong 5 năm vua Tự Đức và các quan cầm đạo, thì địa phận Trung phải mất một vạn sáu nghìn người và 3 đức cha với 38 linh mục tử vì đạo. Trong địa phận chỉ còn cha chính Hoà và một cụ mà thôi, còn các đảng các cụ khác, kẻ thì đi ẩn, kẻ thì đã chết trong kỳ cầm đạo. Song le đừng kể các đảng tử vì đạo, ai kể cho xiết được bao

nhieu sự khôn khó tàn hại bởi cấm đạo mà ra? Biết bao nhiêu kẻ đã xung đạo ra trước mặt vua chúa quan quyền, đã chịu tấn, khảo đòn vọt, chịu giam cầm trong ngục hôi hám, mang gông mang xiềng, đem lại đóng cùm, thiếu của ăn, áo mặc là những giẻ rách, ở lẫn lộn với những quân phạm, trộm cướp, giết người, những nghe lời tục tũ uế tạp, chẳng nghe lời khuyên bảo yên ủi bao giờ; mà phải chịu làm vậy lâu ngày lâu tháng, chẳng biết về sau có được tha về nhà giữ đạo mình bằng yên, hay là lại phải đổ hết máu mình ra vì đạo nữa chẳng. Bấy nhiêu kẻ ấy thật thì chỉ thiếu một sự chết cho đáng gọi là tử vì đạo, song đã có công trọng xung đạo ra, và chịu bắt bớ vì đạo thánh, thì công ấy Đức Chúa Trời sẽ thưởng đời sau bội hậu chẳng sai.

Biết bao nhiêu kẻ phải ở rữ tù, phải trốn ẩn trên rừng đói khát, ngã nước hay là phải răng muông dữ cắn mà chết. Lại phỏng độ một vạn người kỳ mục phải giam cầm vì đạo, phải cầm cọc mà chết, hay là phải đi lưu. Có độ một trăm làng phải phá bình địa, hai nghìn họ đạo phải mất hết gia tài, điền sản, các quan đã chia cho kẻ ngoại; lại độ ba mươi vạn bản đạo phải phân sáp vào các làng lương dân, vợ chồng con cái phải lìa nhau mỗi người một nơi. Có lẽ mà đoán rằng: năm phân sáp chết mất độ 4 vạn người có đạo vì khổ sở quá. Còn các nhà thờ, các nhà chung, nhà tràng, nhà tiểu nhi, nhà chị em thì phải phá hết. Ấy là những thiệt hại phân xác bề ngoài, song về phần linh hồn cán bản đạo càng khôn hơn nữa bội phần. Trong giữa cơn cực gian nan ấy, thì lại mất chính đảng coi sóc, chẳng còn hội họp đọc kinh với nhau, chẳng còn xem lễ và nghe giảng giải, chẳng còn ăn mày các phép trong đạo, hoá ra như con chiên lạc vào đàn sói dữ chực cắn xé ăn thịt. Nhưng mà Đức Chúa Lời muốn cho đầy tớ Người qua sự khôn khó, như vàng qua lửa mà nên sạch, chẳng muốn cho hư đi đâu; đến khi Người đã định thì Người ngăn cấm quyền phép vua chúa thế gian chẳng cho làm hại kẻ lành nữa.

...

Vậy năm 1864 vua Tự Đức sợ nước Pháp và nước Tây Ban Nha ép giao hoà lại và sợ bè Văn Thân khởi ngụy... mà ra chỉ tha đạo. Tức thì các đảng các cụ, các người nhà thầy nhà mục, cùng các bản đạo đã đi ẩn mình hay là phân sáp, thì được về hết, và ai nấy trong các đảng chẵn chiên, cùng con chiên đều tất lực chịu khó nhọc xuất

## *Ngọn Lửa Tin Yêu*

công xuất của mà sửa lại sự đạo đã phải thiệt hại, cho nên dần dần các họ, các nhà thờ, các nhà tràng, nhà thầy nhà mục, đã phải tàn phá đồi tệ, lại được thịnh vượng như xưa, và có khi hơn trước nữa; lại có nhiều người lương dân bởi ơn Đức Chúa Lời soi sáng, thì xin theo đạo đông lắm.

### **Xứ Lục Thủy** (trang 137)

Xứ này có đã lâu đời, mà tính phỏng có độ trong vòng 200 năm giờ lên, vì năm 1679 khi các thầy dòng Đaminh đến coi xứ này, thì thấy đã có đạo rồi.

Xứ này gồm 13 họ; 8 họ bản đạo gốc, 5 họ bản đạo mới thuộc 9 xã. Trong các xã ấy chỉ có một xã là toàn tông mà thôi.

<i>Tên họ đạo</i>	<i>Lễ Quan Thầy</i>	<i>Số nhân danh</i>
Lục Thủy	Đức bà Rosa	1481
<b>Ngọc Cục</b>	<b>Đức bà Truyền Tin</b>	<b>981</b>
Thủy Nhai	Đức bà Đi Viếng	1467
Cát Xuyên	Đức bà Sinh Nhật	390
Phú Yên	Ông thánh Vincentê	679
Thượng Phúc	Ba Vua	128
An Lăng	Ông thánh Phêrô	263
Thủy Nhai trung	Ông thánh Phaolô	206
Thượng Phúc thượng	Ông thánh Gioan	123
Hạ Miêu	Ông thánh Antôn	54
Đông An	Ông thánh Gioankim	25
Hạ Châu	Ông thánh Tôma Tông Đồ	330
Thượng Phúc hạ	Ông thánh Gioan	76
	<b>Tổng cộng</b>	<b>6214</b>

**Xứ Quất Lâm** (trang 169)

Xứ này có trong vòng 300 năm nay.

Xứ này gồm 16 họ bốn đạo gốc và 4 họ bốn đạo mới.

Các họ thuộc về 7 xã, mà 7 xã ấy có 3 xã toàn tòng là Du Hiếu, Mộc Đức và Thức Hoá.

<i>Tên họ đạo</i>	<i>Lễ Quan Thầy</i>	<i>Số nhân danh</i>
Quất Lâm	Đức bà lên trời	609
<b>Du Hiếu</b>	<b>Đức bà bầu cử</b>	<b>753</b>
Quất Lâm hạ	Kính Danh Chúa Giêsu	359
Quất Lâm hạ	Đức bà Bảy Sự	362
Quất Lâm	Ông thánh Giuse	426
Quất Lâm	Ông thánh Phêrô	322
Tam Chiếu	Trái tim Chúa Giêsu	74
Minh Đường	Đức bà Lộ Đức	144
Thức Hoá	Đức bà Truyền Tin	1588
Quất Lâm thượng	Đức bà Rosa	365
Quất Lâm thượng	Ông thánh Phaolô	331
Quất Lâm thượng	Trái tim Đức Mẹ	328
Mộc Đức	San-ti (Minh Thánh Chúa)	596
Văn Trì	Ông thánh Thomasô	168
Quất Lâm hạ	Ông thánh Antôn	135
Địch Giáo	Ông thánh Phanxicô	125
Tồn Thành	Ông thánh Vincentê	71
Sen Trì	Ông thánh Gioan	115
Quân Lợi	Ông thánh Phêrô tử đạo	118
Bình Ri	(bốn đạo mới)	147
	<b>Tổng cộng</b>	<b>7136</b>

## **6. Vua Tự Đức và 13 sắc lệnh cấm đạo**

Nếu tính số sắc lệnh bắt đạo, dưới thời Tự Đức có tới 13 sắc lệnh ký vào những năm 1848, 1851, 1855, riêng trong năm 1857: 4 sắc lệnh; năm 1859: 3 sắc lệnh; và năm 1860: 4 sắc lệnh sau cùng. Nhiều lệnh như thế minh chứng ý chí nhà vua muốn tận diệt đạo Công Giáo bằng mọi giá, và tận diệt suốt trong 30 năm chấp chính. Chúng ta sẽ thấy nội dung những sắc lệnh đó khủng khiếp tới mức nào!

- Đạo Công Giáo được định nghĩa không những như một "Tả Đạo" mà còn tệ hơn nữa: như một tôn giáo xấu xa "một dịch tễ" (sắc lệnh: 7/06/1857).

- Do đó lệnh vua là các cơ quan chính quyền phải ráo riết bài trừ:

- Lệnh cho các xã ủy, cai tổng (sắc lệnh tháng 5 năm 1857): Ai không tuân theo sẽ bị cách chức (sắc lệnh 7/06/1857).

- Lệnh cho Triều đình và các quan địa phương (sắc lệnh 24/08/1857).

- Phải bắt tất cả các tầng lớp Công Giáo:

- Hết mọi thanh niên trên 15 tuổi phải trình diện thường xuyên theo thời gian nhất định (Lệnh 17/01/1860). Người Công Giáo, dù học giỏi, có khả năng, cũng không được bổ nhiệm giữ chức vụ nào (sắc lệnh 18/09/1855).

- Đặc biệt giới ngư phủ: vì họ luôn luôn di chuyển và thường là chỗ ẩn náu cho các đạo trưởng (sắc lệnh 18/09/1855).

- Những người chứa chấp đạo trưởng sẽ bị phân thân và buông sông (sắc lệnh 30/03/1851).

- Giáo dân không chịu đập lên Thánh Giá sẽ bị khắc hai chữ "Tả Đạo" trên mặt và bị đày đi biệt xứ (sắc lệnh 18/09/1855). Ai cố chấp xưng đạo: đàn ông sẽ bị cưỡng bách tòng quân, đàn bà bị tuyển làm nội trợ cho các quan (sắc lệnh 7/06/1857).

- Bắt các thành phần trong Hội đồng giáo xứ (sắc lệnh tháng 10/1859).

- Binh sĩ Công Giáo không đập ảnh Thánh Giá sẽ bị giải ngũ, bị khắc hai chữ Tả Đạo và bị đầy chung thân (sắc lệnh tháng 12/1859).

- Giới quan lại Công Giáo: cả những ai đã chôi đạo cũng bị cất chức. Những ai trung kiên sẽ bị trảm quyết (sắc lệnh 15/12/1859).

- Các nữ tu: không được cấp giấy thông hành để di chuyển ngoài địa phương mình đang ở, vì sợ họ là những liên lạc viên đặc lực. Ai không tuân lệnh sẽ bị: tù chung thân, hay làm nội trợ cho các quan (sắc lệnh 17/01/1860 và sắc lệnh tháng 7/1860).

- Các linh mục Việt Nam: đập Thánh Giá hay không đều bị phân thân để nêu gương; ngoại quốc: bị trảm quyết, đầu phải treo luôn trong 3 ngày, rồi buông sông hay ném xuống biển (sắc lệnh 15/09/1855).

- Các cơ sở Công Giáo (nhà thờ, nhà xứ, tu viện, nhà trường) bị đốt phá và tiêu hủy (sắc lệnh 18/09/1855 và sắc lệnh 8/12/1857). Nhất là cơ sở tại Vĩnh Trị: phải bình địa hóa triệt để (sắc lệnh 1/12/1857).

- Những khổ hình dã man nhất: phân sáp (1860): gồm 5 khoản:

- Khoản 1: Hết mọi người theo đạo Thiên Chúa, bất cứ nam nữ, giàu nghèo, già trẻ đều bị phân tán vào các làng bên lương.

- Khoản 2: Tất cả các làng bên lương có trách nhiệm canh gác những tín hữu Công Giáo: cứ năm người lương canh gác một người Công Giáo.

- Khoản 3: Tất cả các làng Công Giáo sẽ bị phá bình địa và tiêu hủy. Ruộng đất, vườn cây, nhà cửa sẽ bị chia cho các làng bên lương lân cận, và các làng bên lương này có nhiệm vụ phải nộp thuế hằng năm cho Chính Phủ.

- Khoản 4: Phân tán nam giới đi một tỉnh, nữ giới đi một tỉnh khác, để không còn cơ hội gặp nhau, con cái thì chia cho những gia đình bên lương nào muốn nhận nuôi.

- Khoản 5: Trước khi phân tán, tất cả giáo dân nam nữ và trẻ con đều bị khắc trên má trái hai chữ Tả Đạo và trên má bên phải tên tổng, huyện, nơi bị giam giữ, như thế không còn cách nào trốn thoát.

Pháp luật nghiêm khắc như thế, thảo nào số người Công Giáo bị ngã gục đã lên cao: trong tổng số 117 vị Thánh Tử Đạo, 50 vị đã hy sinh mạng sống dưới đời Tự Đức!

Đọc lại trang sử rùng rợn trên đây chúng tôi tự hỏi: con người với nhau, cùng là công dân một nước, cùng nói một ngôn ngữ, cùng sống một giang sơn, cùng đóng góp nghĩa vụ chung, tại sao lại có thể tàn bạo với nhau đến thế? Những linh mục, tu sĩ, giáo dân Việt Nam thời xưa là những công dân tốt lành, họ truyền bá những điều hợp lý, họ sống đời sống gương mẫu, họ ăn ở lương thiện bác ái. Có những người bị bắt bớ vì tín ngưỡng, bị đeo gông cùm, nhưng nhiều lần được cả lính canh gác ngục tù cảm phục, tôn kính; nhiều lần trên pháp trường được cả những lý hình xin lỗi, thanh minh trước khi giơ tay hành quyết, tại sao họ bị bao vây tâm nã, bị đối xử dã man, tệ hơn những tội nhân phản loạn, bị coi rẻ hơn những thành phần bất hảo? Theo lý luận trần gian, sự kiện lịch sử làm cho chúng ta điên đầu không tìm ra câu giải đáp!

Nhưng rồi ngửa mặt lên nhìn vào cây Thập Giá: từ đây một ánh sáng thiêng liêng sẽ cho chúng ta nhận thấy: trong loài người ai đã thánh thiện bằng Chúa Kitô, ai đã thi ân cho nhân loại bằng Ngài: qua giáo lý Ngài công bố, qua phép lạ Ngài làm, qua đời sống trong sáng Ngài nêu cho cả thế giới? Nhưng rồi ai đã phải chết đau khổ bằng Ngài và như Ngài? Chính Chúa Giêsu hồi xưa đã tiên báo: "Thầy phải đi Giêrusalem, ở đó sẽ phải chịu nhiều đau khổ, sẽ phải tử nạn và ngày thứ ba sẽ sống lại" (Matt. 16, 21). Sở dĩ Chúa đi chịu chết (và sau có phục sinh) là để: "Nhân danh Ngài sự ăn năn thống hối và ơn tha tội sẽ được lan truyền khắp nơi bắt đầu từ Giêrusalem" và Ngài trao cho các Tông Đồ sứ mệnh "làm chứng nhân về tất cả những sự kiện đó" (Lc. 24, 48-68).

Tự Đức là vua sau cùng đã bách hại đạo Công Giáo, ý muốn của nhà vua là tiêu diệt tận gốc, nhưng nhà vua, cũng như các người bách hại đạo Công Giáo trên thế giới, đâu có ý thức được rằng: đạo Thiên Chúa xây đắp không phải trong ranh giới thời gian, trong lãnh vực địa dư quốc gia, nhưng là được củng cố trong lương tâm, trong tâm hồn nhân loại, làm sao mà tiêu diệt nổi? Đạo Thiên Chúa được mở rộng biên cương, được phát triển không phải bằng những phương tiện kinh tế, vật chất, binh đao, nhưng bằng một luật tiến triển siêu nhiên: "Hạt giống gieo xuống đất mà không mọc nát sẽ không sinh hoa trái, nhưng nếu mọc nát đi nó sẽ sinh nhiều hạt khác" (Gio. 12, 24-25).

(Từ "Vụ Án Phong Thánh", Đức ông Trần Ngọc Thụ, Hoa Kỳ 1987)



## 7. Các vị lý trưởng của làng Du Hiếu

- Cự lý Triều: từ Ngọc Cục xuống
- Cự lý Khiêm: từ 1850 đến khi tử vì đạo (1862)
- Cự lý Kim: từ 1860
- Cự lý Ty: từ năm 1870
- Cự lý Am: *không rõ*
- Cự lý Vũ: từ 1944
- Cự lý San: từ 1950 đến năm 1954

### Thay đổi từ sau biến cố năm 1954

Khi đất nước bị chia cắt thành hai miền Nam - Bắc từ năm 1954, miền Bắc Việt Nam do đảng Lao Động nắm quyền, chọn theo chủ thuyết Mác – Lê, và dùng thể chế Cộng sản để thay đổi toàn bộ hệ thống hành chính cũng như các cơ cấu tổ chức dân sự trong xã hội. Với khẩu hiệu “Dân làm chủ, Nhà Nước quản lý, Đảng lãnh đạo”, việc sở hữu tư sản bị lên án và phải loại trừ.

Các cuộc vận động Cải Cách Ruộng Đất nhằm cổ võ giai cấp bần nông vùng lên lật đổ và đấu tố địa chủ, phú nông nhằm “triệt tận gốc, tróc tận rễ” hòng chiếm đoạt, trưng thu tài sản mà xây dựng Hợp Tác Xã, để tiến lên Xã Hội Chủ Nghĩa. Các đội Cải Cách do Đảng lập ra được sai phái cài đặt vào trong các làng xã, cố phải tìm cho ra một số người để quy kết buộc tội vào thành phần cường hào ác bá, lấy đó làm mục tiêu đấu tố. “Bần cố nông” được khích động gây căm phẫn, hận thù và buộc phải lên tiếng tố cáo, hạch tội trong các buổi tụ tập Tòa Án Nhân Dân. “Nhất Đội” (*nhì Trời*) đứng ra xét xử và phát lệnh trưng thu tài sản của các nạn nhân. Người bị gán cho tội danh “có nợ máu với nhân dân” bị phân thân, bắn bỏ ngay trong buổi đấu tố.

Hệ thống tổ chức hành chính từ làng ấp, thôn xã được thực hiện qua hình thức “đảng cử dân bầu”. Đảng chỉ định danh sách và người dân theo đó mà bỏ phiếu cho các chức vụ như “bí thư”, “chủ tịch”...

Đất đai, tài sản phải sung công; lợi tức sau khi công nộp, được chia theo công làm, không theo năng suất hay do ý thức trách nhiệm cá nhân. Người dân trở thành kẻ “chuyên chính vô sản”. Các tổ chức tôn giáo bị kiểm soát nghiêm ngặt và tín ngưỡng bị coi như “bùa mê, thuốc phiện”.

## **8. Các linh mục trông coi xứ Du Hiếu**

Danh sách các linh mục kể từ thời cai quản giáo xứ Quất Lâm

<i>Thánh Tê Gil de Frederich</i>	
<i>Thánh Vinh Sơn Liêm</i>	
<i>Cha Huỳnh</i>	1820
<i>Cha Trí</i>	1864
<i>Cha Ân</i>	
<i>Cha Viên</i>	
<i>Cha Trương</i>	
<i>Cha Yến</i>	
<i>Cha Duệ</i>	
<i>Cố Hiền</i>	
<i>Cố Du</i>	
<i>Cố An Gispert</i>	
<i>Cố Xuyên</i>	
<i>Cố Xuân</i>	
<i>Cố Thuận</i>	
Giuse Cảnh	1926-1929
Đaminh Kiên	1929-1932
Vincente Đồng	1932-1934
Giuse Thạc	1934-1936
Đaminh Huân	1936-1938
Đaminh Hiếu	1938-1940
Tôma Triệu	1940-1942
Giuse Huân	1942-1943
Vincente Ngọc	1943-1945
Đaminh Triết	1945-1946
<i>Cha Tự</i>	(theo Du Hiếu Phả Hệ)
Đaminh Thạnh	1946-1948
<i>Cha Đoàn</i>	(theo Du Hiếu Phả Hệ)
August Quyền	1948-1952 chánh xứ
Giuse Vũ Ngọc Bân	1952-1954 chánh xứ
Đaminh Trịnh Quang Hiền	1954-1961 (mất 22/2/1961) chánh xứ
Gioakim Mai Cao Trụ	1963-1968 (mất 12/12/1968) chánh xứ

<i>Cha Sỹ</i>	(theo Du Hiếu Phả Hệ)
Gioakim Vũ Cao Đường	1969-1973 quyền xứ
Vincente Trần Ngọc Bút	1973-2005 chánh xứ (mất 2014)
Giuse Mai Quang Bao	1995 – 1997 quản xứ
Giuse An	1997 – phó xứ
Antôn Đinh Mạnh Hùng	2006 - 2007 quản xứ
Vincente Trần Thiện Túy	2007 - 2017 chánh xứ
Vincente Mai Văn Bảo	06/2017 chánh xứ hiện nay

*Tham khảo từ Lịch sử Địa phận Bùi Chu, Hội Ái Hữu Bùi Chu, 2000.*



Tranh 117 Thánh Tử Vi Đạo Việt Nam

## **9. Về việc tổ chức và điều hành giáo xứ**

*Cao Hữu Tài*

### **1- Theo truyền thuyết, truyền khẩu kể lại**

Khi khai khẩn đất đai ổn định, thành lập giáo họ giáo xóm trong khoảng năm 1845 các cụ dựng làm nhà thờ bằng gỗ (mua nhà dân về làm) Theo giáo xứ Quất Lâm, họ ta cũng thành lập các đoàn hội như nghĩa binh, trung binh, thành lập hội trống, hội bát nhạc, hội trống, đồng thời mua sắm kiệu vàng để rước. Thời gian cấm đạo, sợ mất kiệu nên các cụ phải đào hố chôn dưới đất cạnh ao ông binh Hiệp (thổ ông quản Kiểm đang ở) khi ổn định mới đào lên, hiện nay tuy đã môi mọt nhưng vẫn lưu giữ để làm bảo tàng.

Thời kinh tế khá giả, các cụ xây dựng lại nhà thờ lần thứ 2 cũng tại nền cũ (thổ cụ trùm Khiêm) rồi cụ bá Vũ được cụ chánh Kim cho đi kinh lý, cụ bá Vũ đưa giống cây gai (cây công nghiệp) và nghề đan mũ cối về làng. Xây hội quán thanh niên, tập trung về hội quán học nghề đan mũ cối vào năm 1897. Có niên hiệu là “Hội quán năm ấy”.

Năm 1905, giáo họ xin đức cha giáo phận xây lại nhà thờ, bà cụ Tiến đã già, bà xin hiến 2 mẫu đất làm nhà thờ, dân làng đồng ý và góp tiền theo xuất đình để đi mua gỗ, mượn thợ về làm nhà thờ lớn (cột cao 9m, đường kính 0,50m vành mai đục hoa văn rất đẹp) cha Hoàng Đình Ngự con cụ cố Lễ làm linh mục đầu tiên trong giáo họ và đang coi xứ bên giáo phận Thái Bình về thăm quê và cha cho xây 1 nhà cha ở và 1 nhà các thầy ở.

Mãi đến năm 1925 cha chánh xứ Quất Lâm mới xin đức cha cho cha Giuse Cảnh về coi sóc đầu tiên (1926-1929) sau cha Cảnh là cha xứ Quất Lâm chuyển vào coi sóc là cha Đaminh Kiên (1929-1932). Từ đó số giáo dân đông dần lên, các đoàn thể lớn mạnh, lúc này cha Kiên cho lập hội dòng ba, tổ chức rước linh đình.

Khi Cha Đaminh Thanh về coi xứ Quất Lâm ngoài việc sửa sang xây một số nhà thờ họ, thấy họ nhà đông đúc, lòng đạo sốt sắng,

cha Thanh xin đức cha Hồ Ngọc Cẩn cho họ Du Hiếu lên thành giáo xứ. Đến năm 1948, Du Hiếu được sắc phong xứ và sắc Rosa quan thầy giáo họ (thay tên Đức bà bầu cử). Cha coi xứ đầu tiên là cha Augustino Quyên.

Bà con giáo dân đang yên trí làm ăn và sùng kính mến Chúa, kinh lễ đang sốt sắng thì khoảng 2/3 dân làng lại kéo nhau đi Nam (1954) Các cha phải nộp tô cho nhà nước vì nghĩ là có kinh tế, có quyền cai dân lại nghĩ là có tư tưởng thù địch, dân chúng bị đói khổ, phải thuê ruộng cho dân trồng cấy, tổ chức tôn giáo không được rước linh đình, châu lễ không được làm rầm rộ.

Tuy vậy đến năm 1960 dân làng đông lên, xứ ta có trên 2000 giáo dân, làm ăn theo tập thể, chế độ dân chỉ làm cán bộ chỉ phải lo.

Từ năm 1975, bà con lại kéo nhau đi miền Nam sinh sống và lập nghiệp. Năm 1993 xứ ta xây lại mộ các đấng thánh tử đạo, hai cụ cố Uy, cố Dưỡng, cha Đường, cha Sơn và cha Lung về thăm quê, thấy nhà thờ xuống cấp, mỗi một làm hư hỏng nhiều, các cố, các cha khuyên nên làm lại. Năm 1994 cha Nguyễn Đình Tân và ông giáo An về thấy vậy cũng khuyên giáo xứ sửa lại. Từ đó trong xứ cùng cha xứ Vinh sơn Trần Ngọc Bút cũng quyết tâm xây lại nhà thờ từ năm 1995 đến năm 1999 thì hoàn thành. Năm 2014 sơn lại đẹp như ngày nay.

Nhờ ơn phù trợ của 27 đấng tử vì đạo, lòng sùng mộ Thiên Chúa, bà con Du Hiếu trong và ngoài nước nhiệt tình đóng góp đã xây dựng lại nhà thờ lần thứ III, như ngày hôm nay. Cũng trong khóa 1995-2000 đời cha Bút và các trùm họ là ông Giuse Cao Hữu Tài, Giuse Phan Văn Giáo, Đaminh Nguyễn Mạnh Hùng lại xây dựng được nhà tình nghĩa (nhà sơ) và trung tâm mục vụ giáo xứ. Khóa hành giáo kế sau giúp xây nhà giáo lý, đắp tượng đài và làm lại giậu xung quanh nhà thờ, đến nay khách du lịch tham quan cũng đều lưu ý.

**2 - Các ngày lễ hội, các hoạt động chính thức của giáo xứ**

- Lễ Bỏ Mạng: Bỏ mạng Chúa Kitô Vua (Chúa nhật cuối của mùa Thường Niên)
- Tuần Châu lượt: năm nào cũng thay mặt giáo phận châu lượt vào lễ Chúa chịu Phép Rửa.
- Tuần làm phúc: mùa Vọng, mùa Chay.
- Ngày giỗ tổ làng: 15/08 hằng năm.

**3 - Các đoàn thể, ban ngành trong giáo xứ**

- Hội cầu nguyện: hội gia trưởng, hiền mẫu, huynh đoàn, tạ thánh tâm, giới trẻ, thiếu nhi, nghĩa binh.
- Hội phục vụ: hội kèn, trống, bát âm, trắc.

**4 - Các cơ sở tôn giáo trong xứ**

Gồm tu xá, nhà mục vụ, nhà giáo lý.

**5 - Các xóm họ trong giáo xứ**

**- Xóm đạo:**

1. Xóm Gioan
2. Xóm Micae
3. Xóm Vinh Sơn
4. Xóm Antôn
5. Xóm Têrêsa
6. Xóm Phaolô
7. Xóm Phanxicô
8. Xóm Giuse
9. Xóm Mẹ Thiên Chúa
10. Xóm Trái Tim Mẹ

**- Giáo họ:**

1. Họ Thánh Tâm (Trái Tim Chúa Giêsu)
2. Họ Thất Sự (Bảy sự thương khó của Đức Mẹ)

## **10. Những điều được nghe về lịch sử, văn hoá**

*Cao Hữu Tài*

Trong thời kỳ thành lập làng Du Hiếu, ông Nguyễn Công Trứ đã phân chia đất đai cho làng là 800 mẫu bắc bộ. Sau 2 năm 1828-1830 vì chưa ngăn được nước mặn nên làm ăn thất thu. Các cụ bỏ về làng vận động thêm người vì thế khu đồng màu bị dân Văn Trì lấn chiếm. Đến năm 1832 cụ tuần Minh lại dẫn đầu dân từ Lục Thủy xuống khai phá lại, đứng ra tranh tụng để đòi lại đất dân Văn Trì chiếm giữ (căn cứ vào địa bạ Gia long sao lục ở dinh thượng thư hộ bộ tại kinh đô Huế). Tuy nhiên, đối phương giết người vu oan cho dân Du Hiếu, ông quản chiêu lại bị cầm tù. Về sau nhờ ông Hàm Yên có con đang giữ chức ngự sử ở triều đình Huế nói với quan án Nam Định minh chứng giải oan. Dân Văn Trì thua kiện phải dỡ chùa chuyển ra Quất Lâm (nay là chùa ông Tý).

Nghề đan cói do con cụ chánh Kim, cháu cụ Quản Chiêu gầy dựng. Năm 1897 cụ bá Vũ và ông bạ Phác được đi học, thấy nghề trồng gai (cây công nghiệp) và nghề đan mũ cói phù hợp với làng quê nên cụ đã học nghề và đưa giống gai cũng như nghề đan mũ cói về phát triển cho dân làng đồng thời làm nhà quán cư (ở thổ ông Chiêu và bà Lan ở bây giờ) dạy dân làng đan mũ và làm gai, bán lá làm bánh ga, bán vỏ gai đan vó và dây.

Năm Ất Dậu 1945 thời Nhật cai trị, bắt phá lúa để trồng đay lấy vỏ đan bao bì. Lúa mất, đay cũng hỏng nên dân làng không có cái ăn, các làng chung quanh kẻ đói người chết la liệt, nhưng may lúc đó các cụ cho trồng cấy lúa ruộng cạn nên tình hình cũng được cải thiện.

Về kinh tế xã hội sau cải cách do công cụ thô sơ, dựa vào sức trâu là chủ yếu, cây lúa dài ngày, làm ăn thì chán ngán, dân chỉ biết đi làm để cán bộ lo toan nên thu hoạch kém dần, dân bỏ đi miền Nam làm kinh tế. Từ năm 1954 và sau này từ năm 1975-1978 dân kéo nhau đi Nam rất nhiều. Cho đến bây giờ khi kinh tế đã ổn định, xã hội phát triển, có thêm máy móc kỹ thuật hỗ trợ, đời sống nhân dân đã được cải thiện đáng kể.

## 1 – UỐNG NƯỚC NHỚ NGUỒN

*Nguyễn Dương An*

Tháng 3 đói năm Ất Dậu, 1945, cả miền Bắc VN, hạn hán từ cuối năm 1944 kéo sang đầu năm 1945, đồng ruộng khô rang, nứt nẻ, lúa héo nõ hết, mất mùa, thiếu ăn trầm trọng, Theo viện sử học Việt Nam, chừng hơn hai triệu người chết đói. Hang cùng ngõ hẻm, chỗ nào cũng thấy xác người, nhiều đến nỗi không thể chôn cất từng xác được. Có nơi, người ta đào một hố lớn, rất sâu, xác chết lượm trên đường làng, bỏ xuống đó, lấp đất sơ sài, có xác khác, lại bỏ xuống, cho tới khi đầy hố, mới lấp đất đắp thành mộ chung. Theo tổng kết của viên Toàn Quyền Decoux của Pháp, trận đói năm Ất Dậu đã khiến khoảng 2 triệu người chết, nhưng thực tế, chắc con số này cao hơn nhiều.

Nhiều làng xã chết 50-80% dân số, nhiều gia đình, nhiều dòng họ chết không còn ai. Làng Sơn Thọ, xã Thụy Anh, huyện Thái Thụy, Thái Bình, có hơn 1.000 người thì chết đói mất 956 người. Tại xã Tây Lương, huyện Tiền Hải, Thái Bình, nhiều gia đình chết hết, người ta kéo sập nhà, đổ đất lấp lên thành mộ chung. Gia đình ông Hoàng Bê, 6 người chết hết, thối rữa trong nhà, bốc mùi hôi hám, hàng xóm không thể chịu nổi, bèn chất rơm đầy nhà, phóng lửa hoả táng. Làng Thượng Cẩm, phủ Thái Ninh, tỉnh Thái Bình, dân số ước chừng 4000 người thì chết hết 2000, 50%.

Lịch sử đảng bộ Hà Sơn Bình cũ ghi rõ : *"Trong nạn đói năm 1945, khoảng 8 vạn người (gần 10% dân số trong tỉnh) chết đói, xóm làng xơ xác tiêu điều, nhất là ở những nơi nghề thủ công bị đình đốn. Làng La Cả, huyện Hoài Đức, Hà Nội, số người chết đói hơn 2.000 trong số 4.800 dân, có 147 gia đình chết hết không còn một người. Làng La Khê, huyện Hoài Đức, có 2.100 người thì 1.200 người chết đói, bằng 57% số dân".*

Dân số Thái Bình 700.200 người, chết đói khoảng trên 260.000 người, 37,30%. Nam Định là một vựa thóc, dân số khoảng 680.000 người, chết đói 229.650 người, 34%. Ninh Bình, dân số 200.000 người, chết đói 37.936 người, 19%. Hà Nam, dân số khoảng 400.000, chết đói 50.383 người, 12,6%. Đây là một vài điển hình về tình trạng chết đói thê thảm của một số địa danh ngay gần Du Hiếu.

Cùng chung số phận đói khổ với cả miền Bắc, làng Du Hiếu, làm sao mà không thiếu ăn, làm sao mà không đói, tất nhiên cũng chết đói,



nhưng rất ít so với các nơi khác, chỉ có 2 người mà thôi (theo lời kể của Ông Phan Văn Liệp, con ông bà Giáo Tiệp). Chẳng phải vì Du Hiếu nhiều thóc lúa, dư ăn, mà do Ôn Trên thương ban cách riêng. Muôn đời người Du Hiếu chúng con xin cảm tạ ơn Thiên Chúa !

Du Hiếu là một làng nông thôn nhỏ bé, hẻo lánh, người Du Hiếu là những nông dân cha truyền con nối, chăm chỉ làm ăn, thật thà, chất phát, lúc nào cũng gắn bó với đồng ruộng, chân lấm tay bùn, cây sâu, cuộc



bầm, con trâu đi trước, người cày theo sau, lấy mồ hôi và sức lao động đổi lấy miếng cơm manh áo. Mùa hè nhễ nhãi mồ hôi, vất vả cực nhọc ; mùa đông rét cóng, cũng phải lội xuống đồng sâu để cấy cây, nước trên đầu gối ; trời nắng, đội nón lá, trời mưa, đeo áo chiếu (áo mưa dệt bằng cối, giống như cái chiếu).

Là nông dân, nhưng ruộng đồng lại ít, nhiều gia đình, “làm ruộng” chuyên nghiệp, từ đời ông cố nội truyền lại, nhưng chẳng hề có ruộng, không bao giờ được làm chủ, dầu chỉ một sào, cả đời làm thuê, làm mướn, thậm chí còn phải làm tá điền hoặc ở đợ cho những gia đình địa chủ giàu có, tháng tháng lấy tiền công mà như nhận của bố thí. Hầu hết đất đai tươi tốt, ruộng vườn màu mỡ của làng, đều trong tay một số gia đình quyền thế được các quan trên nâng đỡ, cho nên, tại Du Hiếu mới ngược đời thế này : “Người cày mà không có ruộng, người có ruộng mà không bao giờ cày”.

Tội nghiệp thay nông dân làng Du Hiếu !

Người Làng phải tàn tảo đủ cách để kiếm sống, như trồng hoa màu, trồng giâu nuôi tằm, nuôi heo, nuôi gà vịt, để đó, để lờ, bắt con tôm, con tép, có vài gia đình làm bún bán ở chợ Đồn. Có người làm thợ may quần áo cho bà con trong Làng. Dầu vậy, dân Làng vẫn không thoát khỏi cảnh nghèo túng đời nọ qua đời kia, quanh năm ăn độn, nồi cơm, gạo ít, độn nhiều, khoai lang, khoai mì, củ giông, củ chóc. Không thiếu những gia đình, cơm ăn không bao giờ đủ no, áo mặc không bao giờ đủ ấm. Tội nghiệp thay !

Người Du Hiếu nghèo túng, ít học, thua kém các làng chung quanh về nhiều phương diện, nhưng lòng đạo thì thật tốt, không kém ai, có khi

còn hơn là khác. Mọi người đều nhiệt thành và sốt sắng tham dự các sinh hoạt đạo, đặc biệt, rất mộ mến phép lần hạt Mân Côi. Tôi vẫn nhớ, khi còn nhỏ, chỉ chừng chín mười tuổi, ban ngày đi chăn trâu cắt cỏ, mò cua bắt ốc, bùn đất từ đầu đến chân, lấm láp như con trâu đằm, tối về, nhảy “ùm” xuống ao, tắm rửa sạch sẽ, quần áo chỉnh tề để đi nhà thờ, không bao giờ quên đeo tràng hạt vào cổ, mà nếu quên, mẹ nhắc liền. Đã đến nhà thờ, già cũng như trẻ, lớn cũng như bé, chẳng ai không có tràng hạt, ở nhà thờ lần hạt, về nhà, trước khi ngủ, cũng lần hạt ; đi đâu cũng lần hạt ; đi nhà thờ, đi lễ, vừa ra khỏi nhà, làm dấu Thánh Giá, lặng lẽ lần hạt cho tới nhà thờ ; đi chợ Bến ở Thức Hoá, 3 cây số, hoặc đi chợ Đồn ở Quát Lâm, 2 cây số, đầu đội thúng, tay lần hạt, nếu một người thì âm thầm đọc, nếu hai ba người trở lên, tự động chia 2 bè, bè này “*Kính Mừng Maria ...*”, bè kia “*Thánh Maria ...*”, không khác gì đi rước kiệu Đức Mẹ Rosa, từ nhà tới chợ, ít cũng được một tràng trăm rưỡi ; ra đồng cấy cây cũng vậy, nếu đồng trong, ít cũng được 2 tràng năm chục, mà nếu đồng ngoài thì không thể dưới một tràng trăm rưỡi ; vừa xay thóc, vừa giã gạo cũng lần hạt. Nói tóm lại, khi nào có thể, người Du Hiếu đều lần hạt.

“*Uống nước nhớ nguồn*”. Người Du Hiếu hàng ngày “*Uống nước*” tràng hạt Mân Côi, thì phải “*Nhớ nguồn*” là Thánh Tổ Đaminh và các Thánh Dòng của Ngài đã vâng lời Đức Mẹ rao giảng và truyền bá phép lần hạt Mân Côi trong khắp cả Giáo Hội. “*Nguồn*” trực tiếp mà giáo dân Du Hiếu “*Uống*” là Hai Cha Dòng Đaminh, Hai Thánh Tử Đạo, coi xứ Quát Lâm, mà Du Hiếu là họ lẻ : Thánh Fédérich Tê (*sinh năm 1702 tại Tây Ban Nha, coi xứ Quát lâm từ 1735-1737*) và Thánh Vincentê Liêm (*sinh năm 1732 tại Trà Lũ, coi xứ Quát Lâm từ 1760-1773*). Giáo dân Du Hiếu muôn vàn nhớ ơn Thánh Tổ Đaminh, cách riêng, Thánh Fédérich Tê và Thánh Vincentê Liêm.

Suốt ngày lao碌 vất vả, chiều về, người lớn, trẻ con, ông già, bà lão, rủ nhau đi nhà thờ đọc kinh, viếng đàn Thánh Giá, châu Minh Thánh Chúa, dự lễ mờ (*đặt một cái mờ bằng gỗ ở giữa nhà thờ, cha và các cậu giúp lễ đứng chung quanh, ca đoàn hát, giáo dân dự*). Đây là lúc người Du Hiếu cảm thấy an bình và thanh thoát nhất, vì tất cả gánh nặng và lo toan của cuộc sống, ngày lao động vất vả, mồ hôi, nước mắt, được trút hết vào lời kinh bay lên trước toà Chúa. Tâm hồn an vui tận hưởng niềm hạnh phúc được ở gần Chúa. Thật là một truyền thống cao quý ! Muôn ngàn đời,

con cháu của 27 Tổ Tiên Tử Đạo, phải khuyến khích nhau cố gắng duy trì và phát triển truyền thống thánh thiện này !

Về việc học chữ, người Du Hiếu chưa mấy quan tâm, vẫn tự đắc một cách thiếu sáng suốt rằng “*nhất nông, nhì sĩ*”, ta là nông dân mà ! Cả làng chỉ có mấy cụ đồ Nho, chẳng có một thầy giáo quốc ngữ nào cả, mà chữ Nho của các cụ thì cũng rất “*khiêm tốn*”, sắp đến ngày “*về hưu*”. Sách thánh hiền chỉ dạy lễ nghĩa chứ có dạy cách làm ăn sinh sống đâu, nên người dân mù tịt, như đêm tối lạc trong rừng rậm, chẳng biết làm sao để thoát ra khỏi cảnh nghèo túng cơ cực truyền kiếp. Tội nghiệp cho làng tôi quá !

Nhưng may mắn thay, xuất hiện một người mà ngày nay chẳng ai còn nhớ đến nữa, thậm chí không biết để mà nhớ. Người đó đã mở mang trí óc cho con em của Du Hiếu và đã đem lại cho làng Du Hiếu một cuộc sống ấm no, thoát khỏi hai kẻ thù lớn nhất, “*đói*” và “*dốt*”. Tôi coi người đó là một Ngôi Sao Sáng, vị Cứu Tinh của làng Du Hiếu.

Ai vậy ?

Là ông Bạ Phác, PHAN THÁI PHÁC, con cụ Chánh Kim, em ông Bá Vũ và ông Chánh Bích, thuộc xóm Vincentê, gia đình khá giả, giàu của cải mà cũng giàu lòng đạo nữa. Ông không chỉ lo riêng cho gia đình mình, mà còn nghĩ đến người làng, người nghèo. Ông là người có học, hiểu biết nhiều, giao thiệp rộng, Ông biết người làng của Ông đang cần gì, và Ông cũng biết được điều mà Ông có thể giúp cho bà con dân làng của Ông và Ông đã làm. Quý hóa thay !

Để giúp dân làng có công ăn việc làm hầu thoát khỏi nạn đói đang hoành hành cả miền Bắc, Ông đem nghề đan MŨ CỎI (*theo cách nói của người Du Hiếu*) về cho làng. Mũ đan bằng sợi cối, mà làng Du Hiếu thì rất nhiều cối, cả một cánh đồng dưới (*phía nam cổng Làng*) bao la trồng toàn cối để bán cho thợ dệt chiếu.

Ông đã chọn ba thanh niên khỏe mạnh, lanh lợi, sáng trí đem đi học nghề đan mũ cối, đó là : ông Trần Văn Cận (*con ông bà Quán Thái, xóm Micae, tôi biết chắc như vậy*), ông Nguyễn Văn Yên (*con ông bà Bình Yên, xóm Micae, theo lời kể của cụ Trùm Vực*) và ông Nguyễn Văn Hiền (*con ông bà Trùm Xuân, xóm Micae, theo lời kể của ông Hạp, con ông bà Hương Giám*). Tôi không biết các “*trò*” này học ở đâu, có người nói rằng ở Nam Định, cũng có người nói rằng ở Sapa, tỉnh Lào Cai (*ở Sapa thì có thể chính xác hơn là Nam*

## *Ngọn Lửa Tin Yêu*

*Định*). Sau đó, những người này về dạy lại cho các thanh niên nam nữ trong làng. Lớp huấn luyện được mở tại dãy nhà gỗ 5 gian của xóm Vincentê, phía may nhà quán, trên đất của ông bà giáo Tiếp (*Theo ông Phong, con ông bà Bạ Phác và theo ông Liệp, con ông bà Giáo Tiếp*), nhưng có người lại nói đất đó của người khác (*không có bằng chứng*). Nhà này được gọi là Nhà Đan, và mãi mãi sau này, dù không đan nữa, dùng làm lớp học, vẫn gọi là Nhà Đan. Lúc đầu chỉ có một dãy 5 gian, nhưng về sau, nghề đan mỗi ngày một phát triển, vì nhu cầu, cần phải có một nhà nữa, ông Bạ Phác đã mua nhà của ông Trương Đàn ở trại Hai Mươi đem về làm thêm (*căn nhà này, ông Trương Đàn thất cố tự tử, bỏ hoang, muốn bán từ lâu, nhưng không ai mua*). Thế là Nhà Đan có 2 dãy 5 gian, đủ đáp ứng nhu cầu phát triển nghề đan mũ cối.

Từ ngoài nhìn vào, khu Nhà Đan không khác gì một cơ sở sản xuất lớn : có sân, giữa sân là cột cờ cao vút mọc lên từ một vườn hoa xinh đẹp, trước sân có ao. Ngay từ cổng đi vào, hai bên, hai cây bàng lớn, lối vào gần cổng, hai cây ruối được uốn thành 2 con vạc quay đầu vào nhau. Chưa nói đến lợi ích kinh tế, chỉ nói đến phương diện mỹ quan mà thôi, khu Nhà Đan này đã đem lại cho làng Du Hiếu một dáng vẻ vui tươi, xinh đẹp và sầm uất hơn hẳn các làng chung quanh.

Ông Bạ Phác còn khéo léo dùng phương pháp hàng đội tự trị của hướng đạo để tổ chức sinh hoạt trong Nhà Đan. Tất cả “thợ đan” được chia thành 4 đội, 2 đội nam, 2 đội nữ, mỗi đội có đội trưởng, đội phó, tự trị, tự quản, các đội luân phiên chăm sóc vườn hoa và làm vệ sinh chung. Nhờ vậy mà toàn khu Nhà Đan, sân, vườn, ao lúc nào cũng sạch đẹp, trông rất mát mắt.

Nghề đan mũ cối được truyền bá rất nhanh, vì kỹ thuật đan dễ dàng, mà bà con Làng lại đang mong muốn học nghề để kiếm sống, để thoát đói. Lúc đầu tại nhà đan, sau vì quá đông, nên ai nấy đan tại nhà mình. Hầu như cả Làng, nhà nào cũng có người đan, có nhiều gia đình, cả nhà đều làm nghề này. Chính tôi, khi đó chỉ chừng chín mười tuổi, cũng là một “thợ đan” lành nghề, lúc đầu, ngày 1 mũ, khi quen, ngày 2 mũ, và sau nữa, ngày 3 mũ.

Sáng sớm, mới chuông nhất, gà vừa gáy, tiếng chày giã cối “ình ịch” nổi lên từ khắp nơi trong Làng. Ngày đan mũ bắt đầu. Lúc này, khắp làng, nhà nào cũng là nhà đan, cả làng Du Hiếu là một Nhà Đan. Những “thợ đan” ở gần nhau, thường tập trung đến một nhà rộng rãi, mát mẻ

trong xóm để cùng đan cho vui. Nhờ vậy mà thanh niên nam nữ Du Hiếu làm quen được với cách sống tập thể, hoà đồng, giúp đỡ, nhường nhịn. Người trẻ thì đan, người khoẻ mạnh già cói, người già yếu ghim biên mũ, không có người thất nghiệp. Vui lắm !

Để giảm bớt sự tịch mịch luôn bao phủ cuộc sống của dân Làng và cũng để giúp cho các thanh niên nam nữ có cách sống vui tươi và hoạt bát, thảng thảng, Ông Bạ Phác lại cho tổ chức tại sân Nhà Đan một tối văn nghệ “lửa trại” theo kiểu hướng đạo : các thành viên, mỗi người góp một khúc củi hoặc một gốc tre nỏ, chắt đóng giữa sân, đốt lửa, tắt cả, vòng quanh đốt lửa đang bùng bùng cháy, tay trong tay, nhảy múa, ca hát và diễn kịch. Bà con dân Làng đến xem đông lắm, rất hào hứng, chưa từng có như vậy ở Du Hiếu.

Chẳng những đem nghề đan mũ về cho làng, Ông còn tìm người tiêu thụ sản phẩm. Nói theo kiểu ngày nay là : *lo đầu vào và lo luôn đầu ra*. Cứ cuối tuần, “môi” lại đến thu mua mũ, nhà nhà vui vẻ đếm mũ lấy tiền, không bao giờ ế. Cầm đồng tiền do sản phẩm mình làm ra, các bà mẹ gia đình vui lắm. Tôi không nhớ mỗi chiếc mũ bán được bao nhiêu, nhưng chỉ biết rằng, từ khi nghề đan mũ cói du nhập vào làng Du Hiếu, đời sống của người dân, chẳng những hết đói, mà còn được dư giả là khác. Sung sướng quá !

*“Một miếng khi đói, bằng một gói khi no”*. Trong những tháng 3 đói Ất Dậu này, đồng tiền do nghề đan mũ cói đem lại có giá trị rất lớn, cả về kinh tế, cả về nhân phẩm, không phải chỉ một “gói”, mà có khi cả một “kho”. Về kinh tế, dân Làng thoát khỏi nạn đói, không còn người túng thiếu ; về nhân phẩm, những người trước kia đi làm thuê làm mướn, đổ mồ hôi nước mắt, nhận tiền công từ chủ mà như là người ăn xin nhận tiền bố thí, phải mang ơn chủ, nay tự tay làm ra sản phẩm, bán mũ lấy tiền, tiền do tay mình làm ra, của mình, đầy đủ tư cách làm chủ. Hạnh phúc lớn lao cho người Du Hiếu là như vậy !

Ngày nay, có thể nói được rằng, những người Du Hiếu từ 70 tuổi trở lên, nếu không từng đan mũ cói, thì ít ra cũng đã từng thấy người Du Hiếu đan mũ cói, hoặc ít nhất cũng đã từng sống nhờ tiền bán mũ cói. Nghề đan mũ cói đã nuôi sống người Du Hiếu nhiều chục năm, mãi cho tới khi ruộng cói ở đồng dưới bị phá bỏ để trồng lúa, nghề đan mũ cói mới chấm dứt. Cảm ơn nghề đan mũ cói. Cảm ơn Ông Bạ Phác !

Tự nhiên tôi nhớ đến hai câu ca dao, nói lên niềm tin của bà con dân Việt, tin vào Đấng Tạo Hóa hằng quan phòng nuôi sống các tạo vật của Ngài :

*Trời sinh, Trời dưỡng.  
Trời sinh voi, Trời sinh cỏ.*

Ông Bạ Phác chính là “cỏ” do Trời sinh ra để nuôi “voi” Du Hiếu khỏi chết đói năm Ất Dậu ! Muôn vàn cảm ơn Trời !

Đang khi dùng mũ cối để cứu đói cả làng, Ông Bạ Phác còn dùng cây vẹt để chống vỡ đê ! Làng Du Hiếu có 2 đê, đê đồng trong và đê đồng ngoài. Đê đồng trong chạy từ cống Huyện, qua cống Làng, ra tận ngã ba Cồn, đê này chưa bao giờ vỡ. Đê đồng ngoài, tức là đê sông Sò, chạy dài suốt từ cầu Tây, Thúc Hóa, qua đồng quan, đồng Ông Già Trên và đồng Ông Già Dưới, đến đò Hà Lạn, đoạn từ đồng Ông Già Dưới đến đò Hà Lạn, cứ đến mùa nước lũ, khoảng tháng 7, tháng 8, lại hay có bão, thường bị vỡ. Mỗi lần vỡ đê thì cụ Tuần Bát cho tuần tráng thức trồng để báo động mọi người trong Làng ra chữa đê, tôi đã được chứng kiến một lần, vất vả lắm.

Trời đã soi sáng cho Ông Bạ Phác có một sáng kiến rất hay để chống vỡ đê, rất hiệu quả, dễ thực hiện, ngay trong tầm tay của người Du Hiếu. Ông huy động các thành viên trong Nhà Đan đi thu nhặt quả vẹt ở các bãi sông, bãi biển, đem về trồng ở bãi sông Sò, phía bên ngoài đê, từ đồng Ông Già Dưới đến bến đò Hà Lạn. Chẳng bao lâu, một bãi vẹt tươi tốt, um tùm chạy dài men theo bờ đê, lên cao, cản nước, đê không vỡ nữa. Thế là hết vỡ đê, không còn nạn nước mặn tràn vào đồng làm mất mùa, gây đói khổ. Sau một thời gian, cây vẹt lớn lên, cần cỗi, Ông cho chặt những cây già đi, để cho các cây non tiếp tục mọc lên, “*tre già măng mọc*”. Những cây vẹt già đó được chia cho những người trong Nhà Đan đem về đun bếp hoặc bán tùy ý, vì họ là những người đã trồng.

Ông Bạ Phác không chỉ nghĩ đến đời sống vật chất của người Làng, mà cũng nghĩ đến cả đời sống trí thức và văn hoá của dân Làng nữa. Ông mở trường dạy chữ quốc ngữ cho con em trong Làng. Ông dùng nhà quán thánh Vincentê và hai dãy Nhà Đan mũ cối, nay không đan nữa, làm lớp học.

Thánh Vincentê hay làm phép lạ, ai cũng biết. Nhà quán của Ngài, ông Bạ Phác dùng làm lớp học thì an toàn, vô sự, nhưng sau này, ông Bạ

Uy, con ông bà Bá Vũ, dùng làm nơi thu thuế, liền bị “cảnh cáo”. Một ngày thu thuế, trưa, mọi người về nhà ăn cơm, ông mõ làng ở lại coi nhà Quán, tự nhiên một gian nhà đổ “rầm”, ông mõ bị gãy chân trái. Nếu như tai nạn xảy ra vào giờ làm việc, đông người, ai có thể lường hết được hậu quả ? *(Theo lời kể của cụ Trùm Vực)*. Sự “cảnh cáo” của Thánh Vincentê làm tôi nhớ lại ngày xưa, Chúa Giêsu mắng những người buôn bán trong đền thờ Giêrusalem : *"Nhà Ta là nhà cầu nguyện, thế mà các người đã biến thành sào huyệt của bọn trộm cướp !"* (Lc 19, 46).

Ông Bạ Phác mời các thầy giáo ở xa về dạy. Trước hết là thầy giáo Bùi Văn Quý, bạn của Ông. Được một năm, chẳng biết vì lý do gì, thầy Quý nghỉ, không dạy nữa. Tuy dù dạy học ở Du Hiếu chỉ một năm, thầy Quý cũng đã đem đến Du Hiếu một chuyện khá “dài dòng”.

Thầy quen thân với một người tên Vũ Văn Biện, thuộc giáo xứ Bùi Chu. Khi còn trẻ, anh Biện là một nghĩa binh Thánh Thể, ngoan đạo, không một công tác từ thiện, bác ái nào mà anh không tham gia. Một hôm, đoàn nghĩa binh Thánh Thể của anh đến cứu trợ tại chùa Cổ Lễ ở Nam Định, tình cờ anh Biện gặp một ni cô trẻ trung, duyên dáng, xinh đẹp. Ngay lập tức, anh nghĩa binh Thánh Thể và ni cô chùa Cổ Lễ bị trúng sét, “sét ái tình”. Ni cô bỏ ngay chùa, vội vàng vào nhà thờ chịu phép rửa tội, lấy tên Maria Nguyễn Thị Nụ, kết hôn với anh Vũ Văn Biện, sinh được một trai, một gái.

Khi bé gái chừng 10 tuổi, có nạn dịch làm hai ông bà Biện và bé trai qua đời trong vòng 1 năm, chỉ còn lại một mình cháu gái, tên Vũ Thị Hoa, mồ côi cha mẹ, không anh, không em, cháu được thầy giáo Quý đem về nuôi. Thầy giáo Quý là chỗ thân tình với cha mẹ, cháu thường gọi thầy là cậu. Cháu xinh xắn, ngoan ngoãn, càng lớn càng dễ thương, đi đâu thầy cũng dẫn theo.

Khi đến trọ nhà ông bà Bạ Phác để dạy học, thầy cũng đem cô cháu gái này theo. Khi không dạy học ở Du Hiếu nữa, cậu cháu từ giã gia đình ông bà Bạ Phác ra về. Cháu Hoa đang chơi vui vẻ với lũ trẻ của chủ nhà, bỗng oà khóc, không chịu về. Thấy vậy, ông bà Bạ Phác cảm động, xin nhận cháu làm con nuôi. Được ở lại, cháu rất vui, cháu được đổi từ họ Vũ sang họ Phan : Phan Thị Hoa. Sau này, cô Hoa kết hôn với anh Trần Văn Đàm, con trai ông bà Đàm, sinh được 5 người con, đầu lòng là cô Trần Thị Hường. Cô Hường kết hôn với anh Hà, con trai út của ông bà Hào Rư, Vậy là dâu út của ông bà Hào Rư, Trần Thị Hường là cháu

## *Ngọn Lửa Tin Yêu*

ngoại của ni cô Maria Nguyễn Thị Nụ của chùa CỎ LỄ (theo lời kể của cụ Trùm Vực và lời tự thuật của cô Hương). Gia đình anh chị Hương - Hà hiện định cư ở Mỹ.

Khi thầy Quý nghỉ, ông Bạ Phác mời thầy giáo Thăng, Đoàn Viết Thăng, cũng là bạn của Ông. Thầy giáo Thăng trước làm cho Tây tại đồn đoan Quất Lâm. Thầy giáo Thăng thuộc loại “xuất khẩu thành thơ”, một lần viếng mộ các Vị Tử Đạo Du Hiếu, thầy ngẫu hứng ngâm 4 câu thơ :

*Đây làng Du Hiếu, nơi lãng Thánh,  
Hai Tám vì sao, một góc trời,  
Hai tám anh hùng xưa mến Chúa  
Hy sinh tính mạng tỏ danh Người.  
(Thầy tưởng có 28 vị Tử Đạo).*

Thầy trọ ở nhà ông Bạ Phác, thấy con gái Ông xay thóc, liền sáng tác bài thơ Cái Cối Xay :

*Khen cho con tạo thực tài xay,  
Khéo dựng nên hình cái cối xay,  
Tiếng nói âm âm như sấm động,  
Lung đeo đai bạc trăm vành nặng,  
Dạ chất lỏng vàng một giếng ngay  
Gác ngoài danh lợi, lắc đầu quay.*

Mãi lâu sau này, cả gần chục năm, năm học 1953-1954, khi tôi học lớp đệ Thất (lớp 6) trường Hồ Ngọc Cẩn ở Bùi Chu, thầy Thăng dạy tôi Việt Văn. Năm 1954, di cư vào miền Nam, tôi cũng học trường Hồ Ngọc Cẩn, Saigon, tôi lại gặp thầy Thăng làm giám thị của trường.

Cùng với thầy Quý và thầy Thăng, một số thầy trong Làng cũng được mời dạy học tại trường làng Du Hiếu. Trong số các thầy giáo của Làng, tôi còn nhớ : thầy giáo Nhạ (con Cụ Trùm Khả), thầy giáo Luyện (con Cụ Trùm Khâm) và thầy giáo Trung (con Cụ Trùm Trình). Ba thầy giáo này, tôi đều đã được học. Đến bây giờ và mãi mãi, tôi vẫn kính trọng và nhớ ơn các thầy, chính các thầy là người đầu tiên đã khai tâm cho tôi, “mở mắt” cho tôi “thấy chữ”, cũng như cho những người Du Hiếu cùng lứa tuổi với tôi.

Không biết ông Bạ Phác lấy tiền ở đâu để trả lương cho các thầy. Chẳng lẽ các thầy dạy không lương, “ăn cơm nhà, vác tù và hàng tổng”



chăng ? Tôi đi học mà chẳng bao giờ phải đóng học phí, tất cả học sinh đều như vậy. Thời đó, ở Du Hiếu, chưa ai nghe nói hai tiếng “*học phí*”. Bỏ công ăn việc làm ở nhà, ngày ngày đến trường dạy học, nếu không có lương, thì quả thật, các thầy đã đi vào con đường của Ông Bạ Phác rồi : tất cả vì hạnh phúc người Du Hiếu. Đúng là “*gân đèn thì sáng*” ! Kính phục và cảm ơn !

Ông còn mời một huấn luyện viên thể dục từ Sapa, tỉnh Lào Cai, về tập thể dục đồng diễn cho học sinh chúng tôi. Môn thể dục này thật mới lạ và hấp dẫn đối với đám học sinh của cái trường làng Du Hiếu nông thôn và quê mùa này. Mỗi khi biểu diễn, cả làng Du Hiếu ra xem, lạ lùng lắm.

Sau giờ học, Ông thường dẫn học sinh cả trường đến nhà thờ viếng Minh Thánh Chúa và viếng mộ các Đấng Tử Đạo. Ông giống như một cha tuyên úy, làm các công việc như một linh mục, chỉ trừ làm lễ và giải tội. Thỉnh thoảng, vào ngày thứ Năm, Ông dẫn đám trẻ con chúng tôi đi tắm biển Quát Lâm, từ sáng đến chiều, cơm nắm mang theo để ăn trưa, chúng tôi rất vui và sung sướng vì được tắm biển, lội qua các bãi vẹt, vật lộn với sóng nước. Mục này là hấp dẫn nhất đối với tuổi trẻ của chúng tôi. Trời thương, luôn luôn an toàn, không có một tai nạn hay rủi ro nào xảy ra.

Ông Bạ Phác thật là một người hết lòng cho Làng, lo cho người lớn có công ăn việc làm, lo cho trẻ em được học hành, thể dục, thể thao và biết cách sống đạo.

Đây là đối với người làng, người nước, thân quen, ruột thịt, còn với người xa lạ, nhất là trong cơn đói kém, thì sao ? Ông Bạ Phác đã để lại một gương bác ái rất sáng. Xin mời mọi người hãy đứng trước gương này để cùng “soi”.

Ông có một khu vườn rộng sau nhà, hồi tháng 3 đói, năm Ất Dậu, Ông trồng bắp cải, rau lên đều đều, cây nào cũng lớn, cũng tốt, hằng ngày, Ông lấy bắp cải làm món ăn với cơm, đến trưa, bắt các con đem cho những người đói nằm rải rác ngoài đường, nhiều chẳng có, mỗi người chỉ một chén. “*Một chén khi đói, hơn một nồi khi no*”. Quý hoá quá !

Ở Nhà Đan, hành lang phía sau, có nhiều chuồng nuôi thỏ, làm bằng lưới kẽm mắt cáo, trước nuôi, nay thôi, bỏ không. Ông đem những chuồng thỏ này ngâm dưới ao, tẩy rửa thật sạch sẽ, phơi nắng nhiều ngày

## *Ngọn Lửa Tin Yêu*

để sát trùng, cất vào trong nhà và cho rom vào, biến những chuồng thỏ trở thành giống như những cái nôi nuôi trẻ em. Có ai biết Ông định làm gì không ?

Thật bất ngờ, quang gánh trên vai, rong ruổi trên các đường làng, Ông đi thu gom những trẻ em bị bỏ rơi ngoài đường (*chỉ vì nghèo đói, bố mẹ đành bỏ con ngoài đường, hy vọng có người thương cứu giúp nuôi sống*). Hàng ngày, một bác nông dân Du Hiếu, đòn gánh “kèo kẹt” trên vai, quang gánh lủng lẳng, hai thúng nau đầy ắp, không phải thóc, không phải muối, không phải củ khoai củ sắn, mà là các em bé đang hấp hối, sắp sửa thở hơi cuối cùng, bác vội vã đem về đặt vào những cái “nôi” đã chuẩn bị sẵn ở Nhà Đan. Sáng, trưa, chiều tối, vợ con bác nấu cháo, gạo với bắp cải, có mấy cô “thợ” ở Nhà Đan giúp cho các cháu ăn. Nhờ vậy, rất nhiều các cháu được cứu sống, chỉ một số ít, vì đã bị bỏ đói nhiều ngày trước khi được đem về Nhà Đan, quá kiệt sức, không thể cứu sống được, các cháu đã vĩnh biệt cõi đời. Tội nghiệp các cháu, thương tiếc quá !

Sau tháng 3 đói, hết đói, no rồi, những cháu may mắn được cứu sống, bố mẹ biết tin, đến xin nhận lại. Ai có thể hiểu được sự vui mừng của Ông Bạ Phác, lớn lao đến như thế nào, khi trao trả các cháu đã được cứu sống lại cho cha mẹ của chúng ! Ai vui hơn, bố mẹ nhận lại con hay Ông Bạ Phác, người trao trả ?

Tấm gương bác ái mà Ông Bạ Phác “treo” cao ở giữa làng Du Hiếu, đã được nhiều người “soi”, cũng muốn học theo Ông, làm việc bác ái, nhất là những việc có ích cho dân Làng.

Ngày 2.11.2016, dì Đặng Thị Sê, người coi sóc Nhà Tình Thương tại Du Hiếu, qua điện thoại, cho tôi biết : có một tổ chức từ thiện ở Mỹ, phần đông là người Du Hiếu, hợp sức với nhau, gom góp tiền bạc, nhờ dì Nhất (*Bè Trên*) tại nữ tu Đaminh Phú Nhai (*nhân dịp Dì qua Mỹ*) chuyển về mua máy may và các máy phục vụ cho nghề may, thành lập một Nhà May, ở đâu cũng được, để giúp cho những thợ may không có khả năng mở tiệm, có công ăn việc làm. Dì Nhất biết những người từ thiện này là người Du Hiếu, liền đề nghị thành lập Nhà May tại Du Hiếu, nghe vậy, họ đồng ý liền.

Khi về lại Phú Nhai, Dì Nhất đã chuyển giao toàn bộ sự giúp đỡ từ thiện này cho Dì Đặng Thị Sê. Do vậy, Nhà May đã được thành lập tại Nhà Tình Thương Du Hiếu, giúp cho các thợ may Du Hiếu, có công ăn,

việc làm, làm bao nhiêu, hưởng bấy nhiêu. Chỉ mới trong giai đoạn bắt đầu, Nhà May cũng đã được một số hợp đồng may gia công cho các nhà sản xuất quần áo bỏ mỗi tại các chợ lớn, ở miền Bắc và cả miền Nam nữa. Hiện có chừng hai chục thợ may đang làm việc tại đây, tất cả đều là con gái Du Hiếu, có cả những cô đã đi lấy chồng ở xa, cũng trở về đây làm. Hàng tháng, trừ đi tiền điện, mỗi cô còn chừng hai triệu đồng. Nhà may này sẽ được trang bị thêm nhiều máy may công nghiệp để đáp ứng nhu cầu của khách hàng mỗi ngày một tăng.

Di Sê cũng cho tôi biết tên một người trong tổ chức từ thiện là ông Hạp, Phan Đức Hạp. Bà con Du Hiếu, ai mà chẳng biết ông Hạp : con Cụ Hương Giám, em ông Chánh Lâm, anh ông Giáo Hải.

Ông Phong, cũng cho tôi biết, Bà Cố Dưỡng và các con, ở San Jose, Cali, cũng có tên trong tổ chức từ thiện này, đã đóng góp rất rộng rãi. Hai thành viên này, Ông Hạp và Bà Cố Dưỡng, đều thuộc hàng con cháu Ông Bạ Phác. Tôi cũng đang dò hỏi để biết thêm những người Du Hiếu trong tổ chức từ thiện này.

Ông Bạ Phác làm việc bác ái giúp đỡ người Làng và những người cơ cực trong lúc đói khổ, để gương bác ái lại cho con cháu và mọi người noi theo.

Bây giờ, ngày hôm nay, tôi tin chắc chắn rằng Ông đã được Chúa Giêsu thương yêu ôm vào lòng mà nói : *"Nào kẻ Cha Ta chúc phúc, hãy đến thừa hưởng Vương Quốc dọn sẵn cho người ngay từ thuở tạo thiên lập địa, vì xưa Ta đói, người đã cho ăn, Ta bị bỏ rơi, người đã đem về nuôi sống, Ta dốt nát, người đã mở trường dạy học..."* (Mt 25, 34-35).

Bà con Du Hiếu, có tin như vậy không ?

Ông Bạ Phác là người vừa có khả năng, vừa có tâm huyết với Làng và thực sự đã làm ơn cho Làng, ơn rất lớn, cả vật chất lẫn tinh thần. Ngày nay, Ông không còn, Ông qua đời bao giờ và qua đời ở đâu, cũng chẳng ai biết, thậm chí cả vợ con Ông cũng không biết. Bà Bạ Phác cũng đã qua đời năm 1997 tại giáo xứ Bùi Chu, Hồ Nai, Biên Hoà, còn con cháu của Ông Bà thế nào, tôi cũng không được rõ, tôi chỉ nhớ Ông Bà có 2 người con trai, anh là Phong, gần bằng tuổi tôi, em là Nam.

Cho tới hôm nay, hơn 70 năm qua, tôi chưa nghe thấy một lời "cảm ơn" nào của người Du Hiếu dành cho Ông Bạ Phác, chính tôi cũng chưa. Tôi cũng như nhiều người đã chịu ơn Ông mà thực sự đã quên ơn !

## *Ngọn Lửa Tin Yêu*

Như vậy, cả làng Du Hiếu còn nợ Ông một lời “CẢM ƠN”. Bây giờ mới cảm ơn thì đã quá trễ. Nhưng trễ còn hơn không. Cảm ơn Ông Bà Phác thì cũng phải cảm ơn Bà Bạ Phác nữa, vì chính nhờ sự cộng tác của Bà mà Ông mới có điều kiện để làm những việc ích lợi cho Làng, cho người Du Hiếu như vậy.

Xin mời những ai đã từng sống bằng nghề đan mũ cối, từng học ở trường làng Du Hiếu, hãy “cảm ơn” Ông Bà Bạ Phác bằng một lời cầu nguyện tha thiết :

- *Chúng con cậy vì danh Chúa nhân từ, cho linh hồn Ông Bà Bạ Phác được lên chốn nghỉ ngơi.*

- *Hằng xem thấy mặt Đức Chúa Trời sáng láng vui vẻ vô cùng. Amen.*

Và hãy cùng nhau nói lên, từ tận thâm tâm của mình :

**“CẢM ƠN ÔNG BÀ BẠ PHÁC” !**

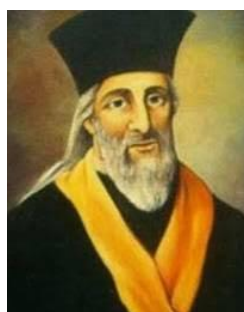
*Biên Hoà, ngày 21.4.1998*

*Bổ túc thêm, ngày 11.11.2016*

***Nguyễn Dương An,***

Đt : (061) 381 2284 và 012-8427-2944

Email : [anduhieu@gmail.com](mailto:anduhieu@gmail.com)



Cha Pina và cha Đắc Lộ, hai vị đã khai sáng ra chữ Quốc Ngữ

## 2 – Đôi lời về ông **Bạ Phác** - cháu nghĩ về Ông

Ông **Bạ Phác** là một nhân sĩ ưu tú xuất chúng của làng Du Hiếu.

Thời trai trẻ, ông đã được gia đình gửi lên tỉnh ăn học, nên nhờ đó ông thành người biết nhiều hiểu rộng, được coi như là một vị trí thức đáng ngưỡng mộ và kính trọng trong làng.

Ông chẳng những đã đem số kiến thức, tài năng học tập được để mà truyền đạt lại cho dân chúng, cố tìm nhiều phương cách cải thiện xã hội, hô hào mọi người xây dựng nếp sống dân sinh cho tốt đẹp, mà còn nêu gương sống đức tin, gìn giữ và duy trì, truyền đạt bao thói quen đạo đức cho các thế hệ trai trẻ trong làng...

Tiếc rằng, phận trai nghĩa nước của ông đã không được xuôi thuận. Khi Việt Minh dấy động phong trào kháng chiến, thấy ông không tham gia hàng ngũ Công giáo để lập khu tự trị Phát Diệm với Đức cha Lê Hữu Từ, đã ngờ vực và bắt giam ông vào Khu Tư, nơi trại tù Đầm Đùm vì cho rằng ông là thành viên cốt cán của Việt Nam Quốc Dân Đảng.

Mãi vài chục năm sau này, nhờ hồng phúc của tiền nhân tử vì đạo, gia đình đã có thể tìm được mộ của ông, bị vùi chôn giữa vùng rừng sâu nước thẳm miền núi của tỉnh Thanh Hoá.

Vì nghĩ đến khí tiết nghĩa dũng của ông, nên gia đình đã quyết định để ông được yên phận mồ cao mà dài cùng với các đồng chí anh hùng xưa, cứ mãi được thanh thoi với hồn thiêng sông núi và thoả chí tang bồng.

Những nỗ lực quên mình vì nước của ông tuy chẳng thành công, nhưng tấm gương **Thành Nhân** như luôn chói lọi và mãi chiếu toả. Mong sớm thấy ngày được dân tộc và sử sách ghi công.

Ông đã sống trọn phận làm trai, xứng như bao nghĩa sỹ đương thời:

***Trong lãng miếu ra tài lương đồng  
Ngoài biên thủy, rạch mũi can tương.***

Tấm gương mà cụ Nguyễn Công Trứ đã mô tả trong “Vịnh Làm Trai”.

### **3 – Chuyện xưa của làng Du Hiếu**

Thưa bà con gốc làng Du Hiếu và thầy Nguyễn Dương An.

Ngày xưa ngày xưa lâu lắm rồi khoảng 1880 (đời vua Tự Đức), vua quan nhà Nguyễn còn cấm đạo rất nghiêm ngặt, làng Du Hiếu có 4 anh em ruột là ông Nhi, ông Tam, ông Đoan và ông Sáng.

Ba ông Nhi, Tam và Đoan đều tử vì đạo ở Quỳnh Côi, nhưng chỉ có thi hài ông Nhi được đưa về làng, hiện xương cốt còn để ở đền Chúa Giêsu Làm Vua ở khuôn viên nhà thờ Du Hiếu, nhưng 2 người em được chôn ở đâu, hay đã đưa về Du Hiếu thì không ai biết chắc, vì sau đó vợ con ông lưu lạc không ai biết là đi đâu.

Đến thời Pháp thuộc Ông Sáng (người em út) có người con nuôi là ông Khải. Ông này nghiện thuốc phiện "oặt xà lai" nên khi thiếu thuốc thường ăn cắp ăn kiêu nhà hàng xóm, nhất là nồi đồng, mâm thau đem đi bán để có tiền thoả mãn cơn nghiện..

Có lần đang "hành sự" bị ông bố nhà thờ bắt gặp, ông Khải đã ra tay đánh chết ông bố.

Cha Xứ thời đó là một linh mục người Pháp, nên chẳng mấy người đọc được tên ngài, cứ trịnh trọng gọi là cha Xứ mà thôi...

Vì giáo dân đã có người đánh chết ông Mỗ đang giúp việc ở xứ đạo, nên Đức Cha phạt vạ cả làng, rút cha Xứ về Tòa Giám Mục. Từ đó Du Hiếu không còn được xưng danh là một giáo xứ, mà trở thành họ lẻ của Quất Lâm, cho dù lúc đó giáo dân Quất Lâm rất ít người so với Du Hiếu.

Ông Khải vào tù, gia đình phải bán đất cho ông Tổng Lục để có tiền "chạy án đánh chết người" này. Không ai nhớ ông Khải bị kêu án bao nhiêu năm.

Miếng đất đó ngay kế bên nhà ông Tuệ, cháu ngoại của ông trùm Phương.

Thời gian bị "mất xứ" đó, cha Huân là cha phó của Quất Lâm đã về dâng lễ ở nhà thờ Du Hiếu mỗi cuối tuần.

Các LM người Việt thường làm cha Phó cho các cha Xứ người Pháp, mà vì tên các ngài khó đọc nên gọi bằng tên Việt như cha Kiên, cha Lâm vv...

Con ông quản Hưng tên là Dũng phụ giúp cha Huân trong thời gian này. Ông Dũng không đi tu, di cư vào Nam có mở nhà in Thanh Bình tại SG. Ông Dũng là em bà trùm Thực, ông là cậu ruột của thím Dục đó.

Tuy không phải là cha Xứ của mình, nhưng ngày cha Huân nhận bài sai của Tòa Giám Mục đi xứ khác, cả dân làng Du Hiếu khóc lóc tiễn đưa, vì họ mến thương cha nhiều lắm.

Khi cha Huân đi rồi, cha phó xứ Quát Lâm mới về là cha Trứ nhận trách nhiệm quản giáo xứ Du Hiếu.

Mãi sau này khi Đức Cha tha vạ và cho Du Hiếu trở lại thành 1 giáo xứ độc lập như trước kia thì cha Quyền về làm cha Xứ.

Thay cha Quyền là cha Bân, được 1 thời gian ngắn thì cha Bân đi nhận xứ khác, cha Hiền về xứ Du Hiếu.

Đến năm 1954 cha Bân theo dân di cư vào Nam và ở Kinh 4 cho đến khi qua đời.

Thời kỳ sau di cư, đạo Công Giáo nói chung, hàng Giáo Phẩm và các LM miền Bắc lâm vào tình trạng xáo trộn rất lớn, vì các cha vào miền Nam khá nhiều, tuy vậy Du Hiếu vẫn có cha xứ.

Cha Bân thường nói đùa: Trùm Du Hiếu, chiếu Phú Nhai.

Có nghĩa là ở Du Hiếu nhiều ông Trùm lắm, nhiều như chiếu cói ở Phú Nhai vậy.

Trò Tân ghi chép.

#### **4 – Về năm thành lập làng Du Hiếu**

*Liên quan đến năm lập làng Du Hiếu, có nơi được ghi là vào năm 1827, có tài liệu lại viết là năm 1828. Hiện nay chưa có được một nguồn sử liệu khả dĩ để minh định chính thức về năm thành lập. Mặc dầu chưa thể xác nhận, nhưng chúng ta cũng không thể phủ nhận tính cách hiện diện lịch sử này, và vẫn có thể tôn trọng sự khác biệt để chờ cơ hội tìm ra chứng cứ rõ ràng.*

*Phần trích dẫn sau đây từ tập Hương Phả Làng Thức Hóa (trang 7 đến trang 9) một làng cũng được thành lập đồng thời kỳ với Du Hiếu, có nêu ra sự khác biệt về năm thành lập làng. BBT.*

“... Năm Minh Mạng thứ 9 (1828) dẹp xong Phan Bá Vành, ông Nguyễn Công Trứ được sung chức Dinh điền sứ. Ông ra hai vùng Nam Định, Ninh Bình chiêu mộ dân đinh khai khẩn miền duyên hải. Mới hơn 1 năm (1828-1829), ông đã thiết lập được 2 huyện Tiền Hải (Thái Bình) và Kim Sơn (Ninh Bình) và 2 tổng Hoàn Thu, Ninh Nhất.

...

“Tổng Hoàn Thu:

Hoàn Thu là tổng lớn nằm ở ven biển, huyện Giao Thủy, Nam Định. Trước năm 1828 là vùng đất hoang mới được bồi lên khoảng 40 năm, là một phần trong cả vùng sa bồi rộng lớn của trấn Sơn Nam cũ, nay thuộc Bùi Chu. Cho tới năm 1827, Hoàn Thu vẫn là vùng sù vẹt. Ngày nay, khi đào sâu xuống khoảng 50cm vẫn còn dấu vết của cây cối hoang dại và vết tích bãi biển.

Địa lý của Hoàn Thu có điểm riêng biệt, vì thế cách xếp đặt làng xóm, thủy lợi cũng khác biệt với hai huyện Tiền Hải và Kim Sơn. Bắc và Đông Hoàn Thu là các làng thành lập từ thế kỷ 15 đến thế kỷ 17 như Quất Lâm Thượng, Quất Lâm Hạ, Thanh Khiết, Tiên Chương, Sa Châu. Vì thế, việc khai khẩn Hoàn Thu không tiến sang phía Đông. Tây Hoàn Thu là sông Ngô Đồng trước kia khá rộng và cửa Hà Lạn xưa kia nằm trong đất liền cách biển khoảng 600m.

Sông Ngô Đồng còn gọi là sông Sò, có một vị trí rất quan trọng. Khoảng đầu năm Gia Long (1803-1819) sông này to lắm, mà cửa



sông Ba Lạt thì lại hẹp. Gặp lũ lớn, nước sông Hồng phá mạnh, chảy ra cửa Ba Lạt làm cửa sông rộng ra, còn cửa Ngô Đồng bị hẹp lại. Do việc biến đổi địa lý này, lớp phù sa hai bên bờ, nhất là phía tả ngạn, tới năm 1828 thì phù sa nổi lên đã tiếp giáp tới tổng Hoàn Nha, huyện Giao Thủy mà Dinh điền sứ Nguyễn Công Trứ nói tới trong sớ gửi lên vua Minh Mạng: “Trước thân đến Nam Định, thấy ruộng đất bỏ hoang ở các huyện Giao Thủy, Chân Định mênh mông bát ngát...”.

Về địa lý, ở tổng Hoàn Thu còn phải kể đến sông Cồn Nhất chảy qua Hoàn Nha. Trong khi lập ấp, làng, dân khai hoang phải lấy nước ngọt ở sông này. Sông Cồn Nhất chảy dọc theo các làng cù, nên việc đắp đê ngăn nước mặn đã được các dân làm từ trước. Người tổng Hoàn Thu chỉ phải đắp đê phía sông Ngô Đồng.

...

Tổng Hoàn Thu không có đơn vị làng, chỉ có đơn vị ấp, trại, giáp. Hầu hết nằm dọc theo sông Ngô Đồng. Việc đắp đê ngăn mặn chia đều cho từng đơn vị. Các đơn vị thường ở gần các làng cù để dễ lấy nước ngọt... Ranh giới giữa các đơn vị là các con mương đào thẳng tắp như một hệ thống thủy lợi, vừa có mục đích để giao thông, vừa có mục đích phân ranh giới, tránh sự tranh chấp. Mỗi đơn vị cư trú đều chia ra: đất làm nhà ở, đất làm nền, làm đình, làm chùa, bãi tha ma, bãi chăn trâu và ruộng cấy. Cả hai tổng bắt đầu khai hoang từ tháng 3 năm 1828 đến đầu năm sau thì căn bản được hình thành”.

*(Hương Phả Làng Thức Hóa, 1994, tài liệu lưu hành nội bộ)*

*\*Tổng Hoàn Thu gồm các ấp: Ngưỡng Nhân, Khắc Nhất, Đắc Sở, Hiệt Cử, Quân Lợi, Thủy Đĩnh, Duy Tắc, Địch Giáo, Tôn Thành, Bình Di, Tư Lạc, Thức Hóa, Mộc Đức và Du Hiếu.*

## **11. Các Chứng Từ, Tích Truyện Về Gương Tử Đạo**

*Những bài vở được chia sẻ, cùng các lời chứng sau đây có thể là nhiều người chưa hề được nghe, không mấy ai biết, và cũng chẳng dễ dàng kiểm chứng. Nhưng chính những điều đã được cha ông truyền tụng cho con cháu này, lại được xem như là gia bảo, là vốn liếng giá trị tinh thần luôn được gìn giữ và coi trọng.*

*Thiết nghĩ có thể coi đây như là một phần sự thật, và là những giá trị quý báu cần tôn trọng và lưu truyền lại.*

*Xin trân trọng và cảm ơn về sự chia sẻ đáng quý này. BBT.*

### **1 - Lời truyền khẩu ông nội (cụ chánh Sắc) nghe mẹ kể lại:**

Mẹ cụ trùm Chính (ông nội) là con gái bà cụ Khiêm tử vì đạo, các bà còn kể cho cháu là cụ chánh Sắc và chúng con thường được nghe ông và bố kể lại: vào năm 1860 thời vua Tự Đức việc cấm đạo rất gắt gao. Đầu tiên bắt các đức cha (thường là cha Tây) quá khóa (bước qua thánh giá) bỏ đạo nhưng các ngài không bị khuất phục và bị chúng giết hết, sau là đến các cha, các thầy, bắt bỏ không được chúng cũng xuống tay.

Năm 1861 vua Tự Đức ra lệnh tiêu diệt đạo Công giáo, vào mùa xuân 1861 quan tổng đốc Nam Định là Nguyễn Đình Tân bắt hết các đầu mục dân làng sùng đạo, ai lẩn trốn thì bắt hết con ăn đầy tớ. Làng ta ngoài cụ Minh bị bắt và giam rữ tù ở Thanh Hóa còn bắt 26 vị già trẻ toàn đàn ông; các bà vợ trá hình đi ăn xin để theo dõi. Họ đưa về khu 7 mẫu Nam Định (nơi xử án những người không chịu bỏ đạo) ở đó quan sai lính hành hạ, cực hình công khai, bắt bước qua thánh giá... Ngày nào cũng bị hành hạ như thế mà không ai chịu bỏ đạo. Mỗi khi có người bị hành quyết, quan lại bắt các ông ra xem nhằm làm nhục ý chí. Xem xong quan lại bắt bước qua Thánh giá nhưng cũng không ai bước. Thấy lòng gan dạ đá của các vị, tháng 5 giữa hè năm 1862 (theo Kỷ yếu giáo phận) quan truyền cho binh lính giải 22 vị về làng Quỳnh Côi ở Thái Bình. Ở đó ngày nào các vị cũng bị đem ra tra tấn cực hình, ai bỏ đạo thì cho về. Chúng đe dọa nếu ai không bỏ đạo thì còn phải từng xẻo và kẹp thịt ra, không cho ăn uống. Mỗi lần các bà thay nhau đi tiếp tế thấy

vậy rất thương nhưng vẫn cầu nguyện cho các cụ can đảm. Có phiên đi tiếp tế qua đò Côn Nhất thấy nước đỏ từng đám, đầu và tóc cuốn cả vào mái chèo trông rất sợ hãi.

Hôm vào tháng Sáu trăng tròn, phiên bà tiếp tế, các ông nói với mẹ con các bà rằng: “ngày mai là chúng tôi phải chết, sáng sớm các bà cho chúng tôi chút rượu với cái gì nhậu để được chết thanh thản, các mẹ ở nhà can đảm mọi việc, sống đoàn kết, đừng ca thán gì hết”. Thế rồi từ 2 giờ sáng các bà đã ý ới gọi nhau cả làng đi tiếp tế và xem sự thể ra sao. Lúc đến nơi thấy im ắng, nhìn qua cửa sổ mọi người còn ngủ. Khoảng 6 giờ sáng, lính vào mở cửa cối trối cho mọi người, các cụ đi ăn sáng rất vui vẻ, từ cụ Phan 52 tuổi đến các anh 17 tuổi, mọi người vui vẻ, không hề nao núng lo sợ, không ca thán gì cả. Mấy cụ già bảo các anh em trẻ là khi nó đốt nhà thì mọi người cùng đọc kinh to lên nhé.

Lúc 7 giờ 30 ngày 16 tháng 6 năm 1862, quan sai lính dịch loa án thiêu thân, đoạn gánh rơm rạ chất xung quanh nhà, đóng nhiều cọc tre xanh và cột trối các vị vào cọc bằng sợi dây đồng và đeo thẻ đồng vào cổ. Làm xong binh lính tản hết, lệnh phát hỏa lúc 8 giờ, lúc ấy thấy trong nhà đọc kinh to lắm, sau nửa giờ là hết đọc kinh. Khoảng 3 giờ chiều là lửa tàn tro nguội, quan truyền cho người nhà vào tìm xác đưa ra bãi biển Quỳnh Côi mà chôn cất. Khi chôn, các bà khoán cho dân gần đó lấy vôi viết chữ vào mảnh gỗ cắm trên mộ để làm dấu.

Năm 1865, khi gió yên biển lặng, giáo phận truyền cho các xứ đạo đưa thi hài đức cha thánh Vinh cùng 35 linh mục và 1.600 giáo dân được phúc từ vì đạo về quê hương chôn cất. Các bà kể chuyện rất lạ rằng: trong 27 vị có cụ tuần Minh chết rũ tù ở Thanh Hóa, cụ Tín đem về làng treo ngược rồi cắt cổ, 4 ông bị chém đầu cùng chôn với cụ Tín ở bãi 7 mẫu Nam Định, còn 22 cụ án thiêu tại Thái Bình. Kể đi trước người về sau mà đến gần nhà lại gặp nhau tại bến đò Hà Lạn đông đủ. Lúc đầu chôn cất các vị tại phía Nam nhà thờ cùng cụ bà quản chiêu, sau năm 1890 thì xây mộ chìm. Khi Du Hiếu lên xứ thì rước về đàng May xây đài kính nhớ.

Năm 1993 giáo xứ xây đài kính nhớ tại giữa ao hồ. Khi đem hài cốt lên rửa sạch, sang tiểu thì cha cố Đường và cụ chánh Sắc đọc được chữ nho, ghi lại danh sách các vị bằng thẻ đồng và thẻ ngói

trong tiêu đề đối chiếu sau này. Tờ khai này chúng con vẫn còn giữ nguyên vẹn và photo ra nhiều bản. Các di tích hình ảnh nay vẫn còn tại nhà mục vụ, những bài thơ, ký sự của cụ chánh Uy ghi lại trong cuốn “Du Hiếu phủ hệ liên tộc” của dòng tộc họ Phan.

Năm 2003 nhân kỷ niệm 150\* năm kính nhớ các đấng tử đạo, kỷ niệm 175 năm thành lập làng Du Hiếu, kỷ niệm 50 năm ngày thành lập giáo xứ, Ban hành giáo xứ (đời ông chánh Tài, ông phó Giáo và trùm Hùng) xin cha xứ vinh sơn Trần Ngọc Bút đệ đơn xin đức cha Hoàng Văn Tiêm tâu xin tòa thánh ban cho giáo xứ mở màn Năm Thánh xin ơn toàn xá cho giáo xứ, và nhiều người đến viếng một năm tròn.

*\*Tính từ năm 1862 các vị chịu tử vì đạo được trọn 140 năm.*

## **Mừng Hiến Thánh**

*Việt Nam Tử Đạo lãnh triều thiên  
Con cháu Tiên Rồng kính Tổ Tiên  
Chiến thắng bao phen cơn bách hại  
Cực hình đủ cách dạ trung kiên  
Đầu rơi máu đổ “Tình Yêu” Chúa  
Thịt nát xương tàn “Dạ Thảo” chiêm  
Con cháu lưu đày nơi thế tục  
Tiền nhân Hiến Thánh hộ phù liên.*

Phan Văn Uy  
Kỷ niệm ngày phong Hiến Thánh  
117 Thánh Tử Vi Đạo Việt Nam  
19-6-1988

## **2 - Lời tường thuật về người tử vì đạo thời Tự Đức**

Con là Đaminh Cao Văn Oánh, 89 tuổi thuộc giáo xứ Hợp Châu, giáo phận Long Xuyên.

Con của ông Đaminh Cao Văn Nhuệ và bà Maria Trần Thị Báu (cả hai đều qua đời) xin tường thuật những điều đã nhớ và nghe được dưới đây:

Ông cụ của con là Phêrô Cao Văn Huynh, ngày tử đạo tròn 30 tuổi vào thời Tự Đức.

1- Ngày bị bắt (không biết)

2- Ngày bạo quyết (không biết)

Điều mà bố con kể lại và con vẫn còn nhớ là trước ngày ông cụ của con Phêrô Cao Văn Huynh tử đạo, bà cụ có sanh một người con, có mọc một cái mụn trên thân thể rất nguy hiểm, đã mời thầy thuốc đến khám và chữa. Thầy thuốc bó tay lắc đầu vì em bé còn quá nhỏ. Trong lo lắng và sợ hãi, ông cụ con lại bị lính triều đình nhà vua đến bắt về tội theo đạo Kitô-giáo. Ông cụ đã có lời an ủi và trở lại là bà cứ cầu nguyện cho tôi được tử đạo. Tôi sẽ xin Chúa chữa cho con. Không được (*phúc tử vì đạo*) thì tôi về nhà tìm cách chữa.

Lạ thay, sau khi ông cụ của con tử vì đạo, đúng vào lúc giờ bạo quyết có một dấu lạ bất ngờ xảy ra: cháu bé đang nằm trên võng đu đưa (là con cụ Huynh) bị té rơi xuống đất, mắt võng gài sẵn vào cái mụn lúc nào không hay, đã làm đứt banh cái mụn. Lạ thay, máu chảy rất ít, cháu lại không khóc la đau đớn. Khó khăn tưởng lại chồng chất vì tìm đâu ra thuốc chữa! Nhưng vết thương chỉ sau một hai ngày đã lành hẳn.

Vâng. Con chỉ biết như vậy! Và xin tường thuật theo trí nhớ đã nghe người xưa kể lại.

Xin quý chức và quý vị thêm phần nghiên cứu và cứu xét.

Giáo xứ Hợp Châu, ngày 3 tháng 7 năm 2015.

Người tường thuật  
Cháu chắt cụ Phêrô Huynh

Ký tên: Cao Văn Oánh (số điện thoại: 0773832746)

### 3 - Lời chứng của dòng họ Vũ

#### Tường trình về Tám Thẻ Đồng được lưu giữ lại



Hình ảnh đây chụp từ tám thẻ bằng đồng có khắc chữ Triều (朝) là tên của vị tử đạo, được bà Phan Thị Chiên, vợ ông Vũ Ngọc San, tức là cháu dâu của cụ Vũ Ngọc Triều lưu giữ và truyền lại cho đến giờ. Xin được ghi lại sự việc và xem như một điều lạ đã xảy ra có tính cách liên quan đến vị Tử Vĩ Đạo của làng Du Hiếu.

Trong thời gian ông Vũ Ngọc San làm lý trưởng làng Du Hiếu, có cuộc di dời mộ của 27 Đấng Tử Vĩ Đạo về phía Tây nhà thờ. Bà Phan Thị Chiên đã tìm cách lấy tám thẻ đồng có ghi tên người nhà, là thẻ của cụ Vũ Ngọc Triều, để làm gia bảo cho dòng họ.

Khi di cư vào miền Nam, bà đã kín đáo đem theo và giữ gìn cẩn trọng. Hầu như các con cháu chẳng mấy ai được nghe biết về sự việc này.

Sau biến cố năm 1975, ông Vũ Mạnh Hùng là con trai trưởng của ông lý San thất thời gặp nạn, phải tìm đường vượt biên. Bà lý San đã nhờ bà Thúc là chị ông Hùng, tìm cách giúp ông rời khỏi Việt Nam, với gia bảo này được đem theo như một “Bùa Hộ Mạng”. Chuyến đi được tiến hành thành công, giúp cho ông Hùng thoát ách Cộng sản và có một cuộc sống mới ổn định tại Hoa Kỳ. Một thời gian sau, bà lý San tỏ cho người cháu ngoại là con bà Thúc biết về sự kiện may mắn này.

Rồi thời gian trôi đi như giòng định mệnh được sắp xếp an bài. Người cháu cũng có cơ hội vượt biên và tới được Nhật. Chục năm sau xin gia nhập dòng Tên và đã có dịp đi Hoa Kỳ tìm gặp cậu Hùng để xác nhận sự việc.

Gia bảo là tấm thẻ đồng được bọc kín trong một túi vải điều, nhưng bị han rỉ do không khí ăn mòn, đang được cậu Hải, -là người em cần trọng giữ gìn bảo quản.

Sau khi chịu chức linh mục và có cơ hội về lại Việt Nam viếng mộ các Đấng Tử Vì Đạo làng Du Hiếu, người cháu đã tỏ lộ tông tích tấm thẻ đồng với ông chánh Tài, và xin thông tin về những tấm thẻ của 26 vị còn lại. Ông chánh Tài cho biết là tất cả các bản thẻ đồng được đặt chung với hài cốt của từng vị trong tiểu khi di dời, giờ đã bị mục tan, không còn để lại bất cứ dấu vết hay hình tượng gì. Các bản ghi tên hiện có, chỉ là bản bằng sành đã sao chép lại.

“Gia Bảo” là tấm thẻ đồng chỉ đẹp mỏng và bé vón vện chừng một đốt ngón tay, sau gần trăm năm chu du nhiều nước, -như cùng đồng hành và chấp nhận cảnh nổi trôi cùng con dân, vận nước, nhưng vẫn còn tồn tại được cho đến ngày hôm nay. Điều này có phải là một dấu chỉ mà vị tử đạo như muốn cùng được hiện diện với con cháu, họ hàng hay chăng. Và biết đâu được, đây có phải là điều mà do thánh ý Thiên Chúa nhiệm màu, đã mong muốn và gìn giữ để có thể tồn tại và hiện diện với chúng ta lâu mãi hay sao! Với con mắt đức tin, dù là bằng hình thức nào, hoặc dấu thời gian có vội trôi, nhưng những tấm gương tuần tiết vì đạo Chúa của tiền nhân kia, như vẫn luôn bừng cháy và hun đúc thêm cho đời sống đức tin của mọi con cháu, hậu duệ chúng ta.

Lm. Cao Sơn Thân, S.J

3-1-21 Akamatsu-cho, Nada-ku, Kobe-shi. Japan.

E-mail: takasinsgjp@yahoo.co.jp

#### 4 - Lời chứng của dòng họ Nguyễn

### CỤ TỔ TỬ ĐẠO PHÊRÔ PHAN VĂN NHIỀU

Con kính chào cha CAO SƠN THÂN,

Con xin tự giới thiệu về con : Con là Nguyễn Văn Hân, hiện ngụ tại số nhà 410 ấp Kinh 8A, xã Thạnh Đông A, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, ĐT : 0169.6410.633.

Trước hết con xin chúc Cha bình an, mạnh khỏe và được nhiều ơn lành của Chúa và Mẹ Maria.

Con đã đọc thư ngỏ của Cha gần 1 năm, vừa rồi ông Tuy, Trưởng dòng hương Du Hiếu nhắc lại, vậy con biết đến đâu, xin kể lại đến đó để Cha thu nhập dữ liệu về các Tổ Tiên Tử Đạo quê hương Du Hiếu.

Ông nội của con, là cụ Nguyễn Văn Tuyên, sinh năm 1889 qua đời năm 1977 tại xứ Du Hiếu, thọ 88 tuổi. Ông là chất ngoại của Vị Tử Đạo Phêrô Nhiều, con không nhớ họ và tên đệm của Vị Tử Đạo, nhưng con nghĩ Cụ họ Phan, vì các con cháu của Cụ đều họ Phan. Cho nên con cứ gọi Cụ là Phêrô Phan Văn Nhiều.

Ông nội con kể như sau :

Cụ Nhiều nhà ta là người ngoại đạo, quê ở Hành Thiện, đến làng Du Hiếu làm mướn, làm bất cứ việc gì nếu có ai mướn. Khi đến làng Du Hiếu, Cụ làm vườn cho một ông trùm trong làng. Ông trùm chủ nhà, con không nhớ tên, một hôm quan huyện sai lính xuống bắt để buộc ông trùm bỏ đạo, ông trùm này kịp thời trốn được. Cụ Nhiều bị lính tra hỏi, Cụ nhận là ông trùm. Thế là lính bắt Cụ đưa đi. Bà cụ Địch là con gái Cụ Nhiều, theo dõi dấu vết các vị tử đạo làng ta bị bắt đợt đó, lính đưa sang giam ở làng Quỳnh Côi, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

Các quan ở Quỳnh Côi cho các Đấng ăn uống một bữa rất thịnh soạn, khi ăn xong, các quan lấy tượng Chúa Chịu Nạn để xuống đất, bắt các Đấng tuyên bố bỏ đạo và bước qua Thánh Giá, là được tha. Các Đấng nói: *“Có chết, chúng tôi cũng nhất định không bỏ đạo”*. Thấy thế, các quan báo về triều đình để xin vua quyết định ngày giờ và cách thức hành quyết.



Bà cụ Địch và các thân nhân khác của các Đấng bị bắt, hàng ngày hàng tuần vẫn qua Quỳnh Côi thăm và tiếp tế cho các Đấng.

Lần thăm sau cùng, các Đấng bảo: tuần sau đừng sang thăm nữa, vì chiếu chỉ của nhà vua xử tử đã về rồi. Thế nhưng thân nhân của các Đấng, tuần sau vẫn qua thăm. Khi họ tới nơi, các Đấng đã được phúc tử đạo rồi.

Có một thầy tu, không lộ diện, xin chôn cất các Đấng cùng 1 huyệt, ở dưới trái một lớp chiếu, ở trên đắp một lớp chiếu. Thầy tu này cẩn thận làm cho mỗi Đấng một thẻ ghi tên, đặt lên bụng, rồi mới lấp đất. Các Đấng bị xử thiêu sống trong một căn nhà năm gian, mỗi vị bị lính trói tay chân vào cọc đã đóng sẵn, sau đó ấn rom vào để đốt. Khi lính đốt rom cháy, các Đấng đồng thanh đọc kinh cho đến khi tắt thở. Khi lính bắt đầu châm lửa, có một vị còn nói với lính, đưa lửa lại đây, chỗ này chưa cháy. Lạ thay, ba gian giam các Đấng, cháy sạch, còn hai gian buồng hai bên, không có người, thì không cháy.

Ông nội con nói là các Đấng tử đạo xứ nhà, đa số bị thiêu sống, cũng có vị chết rũ tù, có vị bị chém đầu. Khi cải mộ các Đấng ở Quỳnh Côi, Thái Bình, đem về, hài cốt hoàn toàn được gánh và đội. Thời gian ở tù và ngày bị bắt, cũng như ngày cải táng mang về quê, con đã được nghe, nhưng không nhớ được.

Ông nội con còn nói là Cụ Nhiều nhà ta không có phép rửa tội <sup>(1)</sup> vì ngoại đạo, vậy mà lại được phúc tử đạo !

Kính thưa Cha, nhờ ông nội con là chất ngoại của Đấng Tử Đạo, con hỏi ông, nên con mới biết được một số chi tiết nhỏ về cuộc tử đạo của các Đấng. Con rất khâm phục lòng quả cảm anh dũng của các Đấng Tử Đạo.

Còn một chi tiết nhỏ nữa, con còn nhớ các cụ đều nói là làng ta có 25 vị Tử Đạo mà thôi, còn 2 vị là của Hà Lạn, họ không nhận, xứ Du Hiếu nhận luôn. Chi tiết này đúng hay sai con không dám khẳng định, xin cha tiếp tục sưu tra thêm.

Con nghe ông nội con kể, con xin cung cấp một số nguồn tin ngăn ngại, con được nghe như vậy. Xin cha sưu tầm thêm để có cuốn lịch sử tử đạo của các Đấng, làm gương sáng cho nhiều đời con cháu sau này noi theo.

Trước khi dùng bút con xin kính chúc cha bằng an, mạnh khỏe trong chúa Kitô và mẹ Maria.

Kiên Giang, ngày 28/08/2014

<sup>(1)</sup> *Giáo Hội có nhiều hình thức rửa tội. Thông thường là được chịu phép Rửa tội bằng nước ; có thể lãnh phép Rửa bằng máu, như trường hợp cam lòng chịu chết vì đạo ; hoặc còn có phép Rửa bằng Thánh Thần, nghĩa là có lòng khao khát mong được chịu bí tích Rửa Tội trước khi chết.*

### **Con Cháu 3 Đời Của Cụ Phêrô Phan Văn Nhiều**

Trong số 27 Tổ Tiên Tử Đạo của làng Du Hiếu, Cụ Phêrô Phan Văn Nhiều, 39 tuổi, là Tổ Tiên của chúng con, bị thiêu sống tại làng Quỳnh Côi, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, thời vua Tự Đức, khoảng từ năm 1856-1862, hài cốt hiện được kính cẩn bảo quản tại đài tử đạo trong khuôn viên nhà thờ giáo xứ Du Hiếu.

Là con cháu, chúng ta hãy tha thiết cầu nguyện, nếu đẹp lòng Chúa, xin Chúa sớm ban cho Tổ Tiên Tử Đạo Phêrô Phan Văn Nhiều của dòng họ chúng ta, cũng như cho tất cả các Tổ Tiên Tử Đạo của Du Hiếu, được vinh hiển trong hàng ngũ các Thánh Tử Đạo trên Thiên Đàng.

Về dòng dõi của Cụ Nhiều, chúng tôi chỉ biết Cụ có 2 người con sinh sống tại xóm Gioan, thuộc giáo xứ Du Hiếu. Điều đó có nghĩa là Cụ cũng thuộc xóm Gioan. Chúng tôi không biết gì về Cụ Bà. Về con cái của Cụ, chúng tôi chỉ biết 2 người con tại xóm Gioan :

1. Cụ Maria Phan Thị Địch (*“Địch” là tên của cụ Ông*),
2. Cụ Giuse Phan Văn Thiêm.

\*\*\*

#### **1. Cụ MARIA HOÀNG THỊ ĐỊCH**

Sinh năm 1850 tại Du Hiếu, qua đời năm 1939 tại Du Hiếu, hưởng thọ 89 tuổi, an táng tại nghĩa trang Du Hiếu.

Cụ Ông, Phaolô Hoàng Văn Địch, sinh năm 1854 tại Du Hiếu, cư ngụ tại xóm Gioan, giáo xứ Du Hiếu, qua đời năm 1934 tại Du Hiếu, hưởng thọ 80 tuổi. Hiện nay, lăng mộ của hai cụ đều ở nghĩa trang Du Hiếu.

Hai cụ sinh được 5 người con, 1 trai, 4 gái :

**1.1. Cụ Maria Hoàng Thị Tính** (“*Tính*” là tên của cụ Ông) :

Hai Cụ đều sinh trưởng và qua đời tại Du Hiếu, sinh được 7 người con, 3 gái, 4 trai :

1.1.1. Bà Maria Khái (1893-1969)

1.1.2. Bà Maria Nghĩa (1897- ?)

1.1.3. Ông Giuse Nguyễn Văn Tuyên (1889-1977)

1.1.4. Bà Maria Chung (1904- ? ) qua đời tại Túc Trưng

1.1.5. Ông Giuse Nguyễn Văn Sinh (1906-1992)

1.1.6. Ông Giuse Nguyễn Văn Uyên (1910-1983)

1.1.7. Ông Giuse Nguyễn Văn Xuyên (1917-1973)

**1.2. Cụ Maria Hoàng Thị Ngũ** (“*Ngũ*” là tên của cụ Ông) :

Cụ sinh năm 1879, từ trần ngày 30 tháng 9 năm 1946, hưởng thọ 75 tuổi. Hai Cụ sinh được 7 người con, 4 trai, 3 gái :

1.2.1. Ông Giuse Nguyễn Văn Lục (1899 – 1958),

1.2.2. Bà Maria Nguyễn Thị Dần (1901 – 1986),

1.2.3. Ông Giuse Nguyễn Văn Thất (1906 – 1973),

1.2.4. Ông Giuse Nguyễn Văn Bát (1909 – 1981).

1.2.5. Bà Maria Nguyễn Thị Tý (1911 – 1944),

1.2.6. Chú Giuse Nguyễn Văn Phẩm (1913 – 1916),

1.2.7. Bà Maria Nguyễn Thị Nhuận (1918 – 1993).

**1.3. Cụ Giuse Hoàng Văn Ân.**

Sinh trưởng tại xóm Gioan, giáo xứ Du Hiếu, qua đời tại đây, Cụ sinh được 5 người con, 1 trai, 4 gái :

1.3.1. Bà Maria Hoàng Thị Nghiê (mất liên lạc)

1.3.2. Bà Maria Hoàng Thị Huyền (mất liên lạc)

1.3.3. Ông Giuse Hoàng Văn Ái (1917 – 1985),

1.3.4. Bà Maria Hoàng Thị Dị (1920 - ???),

1.3.5. Bà Maria Hoàng Thị Êm : *sinh năm 1923 hiện sống cùng với con cháu tại cư xá Nguyễn Trung Trực, F 12, Q. 10, đường 3 tháng 2, Saigon.*

**1.4. Cụ Maria Hoàng Thị Yên (“Yên” là tên của cụ Ông) :**

Sinh trưởng tại Du Hiếu và qua đời tại đây.

Cụ Ông, sinh trưởng tại làng Mộc Đức và qua đời tại đây. Cụ là quân nhân nên người làng thường gọi là “Ông Bình Yên”. Hai Cụ sinh được 3 người con :

1.4.1. Bà Dăng (“Dăng” là tên của chồng)

1.4.2. Ông Cư

1.4.3. Bà Lâm Thị Tốt (1916 – 2009),

**1.5. Bà Maria Hoàng Thị Vân (“Vân” là tên của cụ Ông) :**

Sinh trưởng tại xóm Gioan, giáo xứ Du Hiếu, qua đời tại đây, sinh được 4 người con, 2 trai, 2 gái :

1.5.1. Ông Giuse Phan Văn Điện (1912 – 1952),

1.5.2. Bà Maria Phan Thị Tuyết (1915 – 1993),

1.5.3. Bà Maria Phan Thị Tiến (1928 – 1978),

1.5.4. Ông Giuse Phan Văn Đình (1932- ???)

\*\*\*

## **2. Cụ TRÙM GIUSE PHAN VĂN THIÊM**

Cụ Giuse Phan Văn Thiêm sinh trưởng tại xóm Gioan, giáo xứ Du Hiếu, và qua đời tại đây, sinh được 5 người con, 3 trai, 2 gái :

### **2.1. Cụ Trùm Giuse Phan Văn Sự.**

**Sinh trưởng và qua đời tại xóm Gioan, giáo xứ Du Hiếu, làm Trùm Xóm nhiều năm. Cụ sinh được được 4 người con, 3 trai, 1 gái :**

2.1.1. Ông Trùm Giuse Phan Văn Thanh (1904 – 1977),

2.1.2. Bà Maria Phan Thị Tịnh (1911 – 1990),

2.1.3. Ông Trùm Giuse Phan Văn Lịch (1918 - 1999),

2.1.4. Ông Trùm Giuse Phan Văn Tiệp (1926 – 2005),

## **2.2. Cụ Trùm Giuse Phan Văn Chí**

**Sinh trưởng và qua đời tại giáo xóm Gioan, giáo xứ Du Hiếu, làm Trùm Xóm nhiều năm. Cụ sinh được được 6 người con, 1 gái, 5 trai :**

- 2.2.1. Bà Trùm Quảng (1905 – 1998),
- 2.2.2. Ông Trùm Vincentê Phan Văn Sỹ (1907 – 1990),
- 2.2.3. Ông Trùm Vincentê Phan Văn Trữ (1908 – 1952),
- 2.2.4. Ông Trùm Vincentê Phan Công Tâm (1910 – 1986),
- 2.2.5. Ông Phan Vincentê Phan Văn Tất (1912 – 1995),
- 2.2.6. Ông Vicentê Phan Văn Yên (1929 – 1997).

## **2.3. Cụ Xã Giuse Phan Văn Thận.**

**Người làng thường gọi là “Ông Xã Thận”, vì Cụ làm xã tuần trong làng. Cụ sinh trưởng và qua đời tại xóm Gioan, giáo xứ Du Hiếu. Cụ sinh được được 6 người con, 3 trai, 3 gái :**

- 2.3.1. Ông Giuse Phan Văn Thọ,
- 2.3.2. Bà Maria Phan Thị Đản (*Kinh 7 Cái Sắn*)
- 2.3.3. Bà Maria Phan Thị Tuệ (*Dốc Mơ*)
- 2.3.4. Bà Maria Phan Thị Phán (*Kinh 7 Cái Sắn*)
- 2.3.5. Ông Giuse Phan Văn Côn (*Mắt sớm*)
- 2.3.6. Ông Vincentê Phan Văn Cánh (1933 – 2012),

## **2.4. Cụ Maria Phan Thị Búp (mất liên lạc)**

Sinh trưởng tại xóm Gioan, giáo xứ Du Hiếu, lên miền thượng làm ăn, mất liên lạc.

## **2.5. Cụ Maria Phan Thị Mụp (mất liên lạc)**

Sinh trưởng tại xóm Gioan, giáo xứ Du Hiếu, lên miền thượng làm ăn, mất liên lạc.

## 5 - Lời chứng của một người họ Phan



Ông Phan Văn Minh gốc làng Ngọc Cục, phủ Xuân Trường. Trong thời vua Minh Mệnh ông dinh điền Nguyễn Công Trứ thành lập tổng Hoàn Thu, ông Phan Văn Minh chiêu dân đến lập làng Du Hiếu, phải nỗ lực tranh đấu với làng Văn Trì để lấy lại cánh hậu đồng trồng màu, để dân sinh sống, vì chưa đắp được đê ngoài, nước mặn ra vào đến tận nhà thờ bây giờ.

Đôi phương đỏi lý, họ giết người, vu khống cho Du Hiếu đánh chết người của họ. Ông cụ Phan Văn Minh là thủ lĩnh Du Hiếu bị cầm tù vì bị vu khống là giết người của Văn Trì. Đến sau toà án Nam Định xét minh oan, ông cụ được trắng án.

Vừa ở tù ra, chưa kịp về nhà, liền có lệnh vua bắt đạo. Bảy giờ ông Tú Hàn là em bà cụ thân với quan phủ Xuân Trường nói: “Tôi nói với quan phủ, Bác về đi.” Nhưng ông cụ cương quyết xưng đạo không về, và còn nói trách cụ Tú Hàn rằng: “Cậu mà nói vậy thì đừng thấy mặt tôi nữa.” Ông cụ cương quyết ở tù luôn không về nhà.

Ông bị tra tấn, hai phen kìm sống. Nhưng vẫn vững tin không từ chối Đạo. Ông bị giam lâu ngày, kiệt sức và được phúc Tử Vi Đạo chết rũ tù ngày 15 tháng Tám Âm Lịch.

Ông là tổ làng, chiêu dân lập ấp nên hàng năm cứ ngày 15 tháng Tám Âm Lịch cả làng có lễ tưởng niệm ngày kỵ nạ ông Tổ.

Tiếp sau Cụ được hai người con nuôi là ông Vĩnh và ông Đậm, và một người con rẻ là ông Vi cũng được tử vì đạo.

Ông Đậm có tính vui đùa, khi bà Đậm đi Thanh Hoá lấy cốt ông về, ông cứ sôi sục trên đầu bà, đến lúc bà nói: “Không im, tôi đổ đi bây giờ” mới thôi!

Khi về tới làng, trước khi an vị tại lǎng các đǎng tử vì đạo thì rước cốt các vị quanh làng. Họ Phan có bốn vị, nên có 4 kiệu. Kiệu ông Đạm thiếu người khiêng, phải mượn 3 người ngoài và một cháu là ông Hương Giám. Mà kiệu xuong thì nhẹ chứ có nặng nề gì đâu. Thế mà ba người kia thì không sao, còn ông Giám là con cháu thì bị nặng, ðề sụng cả vai.

Ở Du Hiếu có ông Thuận là em ông Tài. Ông Thuận còn nhỏ tuổi chưa đến tuổi trưởng thành. Đi thế cho anh là ông Tài, cứ tưởng còn nhỏ thì nó tha. Ai ngờ nó giết luôn. Thế là ông Thuận được Ðồng Trinh Tử Ðạo!

Phan Văn Uy, Ðức Quốc. Năm 2014.

## **Nỗi lòng người ra đi**

*Du Hiếu quê hương cách biệt lâu,  
Nỗi lòng thương nhớ đất chôn rau.  
Nhớ nơi thờ phượng lòng chua xót,  
Nhớ mộ Tiên Nhân ứa lệ sầu.  
Trưởng đến quê Cha tìm xé nát,  
Hương về đất Tổ dạ gươm râu.  
Lấy gì chứng tỏ buồn ly cách,  
Nhắc đến khôn cầm, giọt lệ châu.*

Phan Văn Uy

## **6 - Lời chứng của một gia đình họ Phan**

Thưa cha Cao Sơn Thân

Con là Maria Phan Thị Liên, 75 tuổi, là con gái của ông Phan Thái Phác và hiện đang cư ngụ tại thôn Đông Bình, ấp Bùi Chu, xã Hồ Nai, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

Con xin kể lại những gì con nhớ được hồi còn nhỏ, khi chứng kiến cuộc di dời mộ các vị tử đạo của làng Du Hiếu để mọi người được biết mà thêm lòng sùng mộ các ngài, cũng như cùng hợp lòng mà tạ ơn Thiên Chúa.

Khi ấy con chỉ chừng 5, 6 tuổi nhưng nhớ rất rõ là được bố đưa đi xem cuộc di dời mộ của các vị tử vì đạo. Và trong số các vị đó có ông cố của gia đình chúng con là Đaminh Phan Văn Minh. Bố của con lúc đó có lẽ là huynh trưởng giới thanh niên, nên bố mặc bộ đồ Comp-lê (*áo vest*) trắng rất đẹp và đứng ra chỉ huy, điều động mọi người trong việc di dời này.

Con không nhớ được nhiều chi tiết lúc dời mộ và cũng vì số người tham dự rất đông, chen chúc lẫn nhau, nên con chỉ biết chen chân ngóng cổ chờ xem người lớn nói gì, hoặc phản ứng ra sao để mà làm theo và hóng chuyện.

Khi các tiểu đưng cốt của các vị tử vì đạo đã được dời đi xong, con được bố đưa vào xem các huyệt mộ đã trống và chỉ cho thấy nước trong một huyệt có màu sắc thẫm đậm khác thường. Nhiều người chung quanh cũng nhận được điều này và thì thầm, giục bảo nhau rằng: hãy mau tìm bình, kiếm lọ để kín mức nước các thánh này đem về nhà mà thờ. Gia đình chúng con cũng kín mức được một lọ và đem về gìn giữ cách rất tôn kính, cẩn thận.

Sau này, gia đình con cũng như nhiều người đã kín mức được nước trong huyệt mộ của các vị tử vì đạo ấy đều cho biết là nhận được nhiều ơn lạ, khi lấy nước ấy uống để mà trị bệnh. Nhiều trẻ em bị



đau bụng thổ tả tưởng không còn cách nào chữa trị, chỉ cần cho uống một chút nước này, đều được lành khỏi ngay lập tức. Cũng có một số người già trong giáo xứ bị các chứng bệnh nan y, khó chữa, đã nhờ lời cầu nguyện và uống nước này mà được khỏi bệnh.

Tiếc rằng, sau này khi chúng con phải bỏ làng di cư vào trong miền Nam sinh sống, đã không kịp mang theo được chút nước thánh nào. Tuy nhiên đối với con và cả gia đình, chúng con vẫn luôn tin rằng, qua nhiều hình thức và với nhiều phương cách, các vị tử vì đạo của làng Du Hiếu ta vẫn linh thiêng và hằng cầu bầu cho mọi người.

Mùa Phục Sinh năm 2016.

Con Maria Phan Thị Liên



Tượng Đài Thánh Tâm trước cửa nhà thờ Du Hiếu

## **7 - Truyện kể về giáo xứ Du Hiếu**

Giáo họ Du Hiếu từ năm 1827 thuộc về giáo xứ Quất Lâm. Thời gian đầu có nhà thờ nhỏ ở giữa làng, quan thầy là Đức Mẹ Bầu Cử, thuộc miếng đất trước của cụ chánh Trực. Giáp đường giữa làng có điểm canh của làng, sau là nhà để đôn. Vào thời kỳ cấm đạo bị đốt cháy. Sau khi xoá lệnh cấm đạo thì về dựng tạm ngôi nhà thờ ở phía Bắc. Nhà thờ xứ ngày nay khoảng năm 1895 ông bà cố Lễ cúng khu đất nhà xứ để cho đẹp. Giáo họ đã đổi sổ đất nhà thờ phía Bắc cho các hộ ở phía Nam cho đẹp.

Vào đầu thế kỷ 19, khoảng năm 1900 bắt đầu đào hồ cuối để lấy đất vượt nền và lấy đất làm nhà thờ. Nhà thờ được xây dựng và hoàn thành vào năm 1910, xây đầu và cuối, ghép gỗ. Đồi cha Huân thì tháo bỏ bức ghép và xây tường ra phía bên ngoài. Vào thời cha Tạc về nhận xứ một thời gian và bị mất xứ, bởi có một việc xảy ra do một người để đó (*đặt dụng cụ để bắt tôm cá*) đánh chết ông bố, vì người này để đó tép ở ruộng Đức Bà. Vì thế bị phạt vạ mất xứ. Cha già Ngự là linh mục con ông cố Lễ nói phải oan, một người làm cả xứ phải chịu, rầy cho thì nhận, đừng có xin.

Một thời gian sau đến năm 1945, Đức cha Đaminh Hồ Ngọc Cảnh về xứ Quất Lâm, thì ông chánh Chiêu trình với Đức cha khi ban hành giáo Du Hiếu được gặp, là Du Hiếu phải phạt nặng quá xin Đức cha tha cho. Đức cha chấp nhận và đến năm 1946 được nhận lại xứ, cha Quyên là cha xứ. Ngài chuyển mộ các thánh ở phía Nam về phía Bắc và xây đường kiệu vào nhà xứ. Đến năm 1958, cha Hiền xây cây tháp ở cuối nhà thờ.

Tôi xin kể để tham khảo một số cha coi sóc về trước

- Cha Liêm
- Cha Cẩm
- Cha Hiếu
- Cha Thuận
- Cha Kiên
- Cha Đồng.

## “Hạt giống sinh Các Giáo Hữu”

Truyện kể về Các Thánh Tử Vì Đạo Xứ Du Hiếu

Vào thời kỳ năm 1858, con bắt đạo rất quyết liệt. Tổng Hoàn Thu lúc bấy giờ có ba họ đạo: họ Thúc Hoá, họ Mộc Đức và họ Du Hiếu thuộc xứ Quát Lâm, đã bị vây bắt nhiều lần. Chúng đốt hết nhà thờ và bắt các vị đi cắt cổ và đốt sống. Nếu được tin báo trước thì chúng bắt được ít.

Vào năm 1862, một vụ bao vây bắt ngờ cho nên ai ở giáp đất Quát Lâm và ở ngoài đồng giáp sông mới chạy thoát. Quân lính đi từng nhà lùng bắt gia trưởng và thanh niên giải trình sang Quỳnh Côi, Thái Bình và giam tại đó một thời gian. Chúng ra lệnh nếu ai bước qua Thánh Giá thì được tha. Một số vị đã theo ý quan và bước qua Thánh Giá để được tha về. Còn lại một số bị chúng đeo vào cổ, mỗi vị một thẻ đồng và đưa vào một căn nhà. Bọn quan quân lấy rơm rạ và củi đốt.

Được tin báo về là các vị đã bị đốt, thì các bà đưa thúng sang mà đội các ông và con, rồi chôn ở nghĩa địa đầu làng (*Quỳnh Côi*).

Khi lệnh bắt đạo được xoá bỏ một thời gian, thì bốc các vị và đưa về chôn trong lăng, bên phía Nam của đầu nhà thờ, bên mộ bà quản Chiêu, và ngày 15 tháng 8 hàng năm là ngày giỗ các ngài.

Đến năm 1946 khi được nhận lại xứ, cha xứ lúc đó là cha Quyền cho phép bốc các vị lên và tắm rửa lại, và đặt thẻ đồng vào, cùng cho khắc tên mỗi vị vào một viên ngói Nam, đặt vào trong tiều. Có 25 vị là người Du Hiếu, hai vị là người Hà Lạn.

Đến sáng hôm sau khi rước kiệu hài cốt của các vị thì có hai dấu lạ, một vị chảy máu và một vị chảy nước. Cha già Thạnh và các cha lấy cờ Nghĩa Bình để thăm lấy, dưới sự chứng kiến của các cha và đông giáo dân. Sau đó rước các vị sang khu lăng, bên phía Bắc gian cung thánh.

## *Ngọn Lửa Tin Yêu*

Vào năm 1968, rửa lại toà cha thánh Liêm và ghi hai câu:

*Hoan Hô Các Thánh Tử Đạo Anh Hùng  
Hy Sinh Xương Máu Tận Cùng Đời Mình.*

Cha già Đường không đồng ý và sửa lại bằng hai câu:

**Cổ Gong Xiềng Xích Theo Ý Chúa  
Đầu Roi Máu Chảy Sáng Danh Cha**

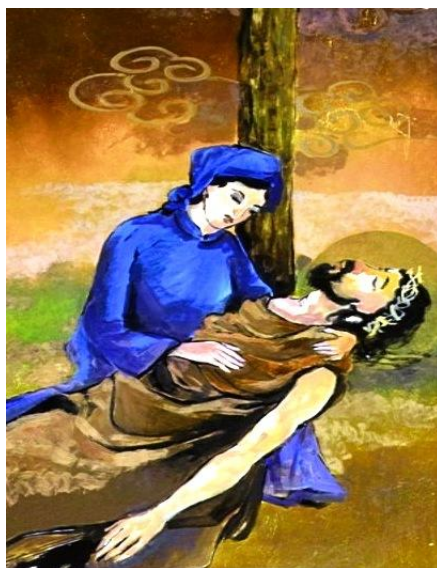
Những điều tôi ghi lại đã được trong bản ghi lại để ở hộp Sac-ra-sa, đặt dưới chân Đức Mẹ. Một vị đã đưa về sửa và đánh mất.

Xin quý vị tham khảo.

Xin cảm ơn.

Ngày 28 tháng 3 năm 2016.

Giuse Hoàng Gia Việt  
Giáo xứ Thuận An, Giáo phận Xuân Lộc



(2)

## **8 - Thân thế ông Nhị, ông Tam và ông Đoan**

Cụ Tổ của chúng tôi sinh ra bốn người con là ông Nhị, ông Tam, ông Sáng, ông Đoan, quê ở Hà Lạn thuộc tỉnh Nam Định. Ông đã là người đầu tiên trong thân tộc được nghe tiếng Chúa và đã trở thành con cái Ngài. Ông là người thật tốt lành và đã là tấm gương sống đạo để con cháu noi theo.

Không biết vì cơ duyên nào mà ba ông Nhị, ông Tam và ông Sáng đã tới lập ấp ở Du Hiếu, còn ông Đoan ở bên Hà Lạn.

Đời vua Tự Đức là thời kỳ cấm đạo rất gắt gao, tuy ba ông ở những làng khác nhau nhưng đều bị bắt và giải ra Quỳnh Côi tỉnh Thái Bình. Ông Quỳnh là con duy nhất của ông Nhị mới 15 tuổi đã thường đi thăm nuôi các ông, ngày các ông được tử vì đạo thì ông Quỳnh cũng ra thăm, ông Nhị đã kêu ông Quỳnh đi mua rượu để ông uống, ông đi mua thì rơm đã chất đầy nơi đó rồi, khi ông qua bên đò Quỳnh Côi thì đã thấy khói trên bầu trời rồi, khi về tới nơi thì mọi chuyện đã xong. Như vậy ba cụ đã tử vì đạo bằng cách thiêu sống.

Xác của ông Nhị và ông Tam được đưa về làng chôn chung với 25 anh hùng tử đạo ở Du Hiếu. Ông Đoan chưa tìm thấy ngôi mộ, không biết có phải hai ông tử đạo ở Hà Lạn chôn chung ở Du Hiếu có ông Đoan hay không, vì vợ con của ông Tam và ông Đoan đã phiêu bạt phương trời nào rồi, hy vọng một ngày gần đây sẽ tìm thấy ngôi mộ của ông.

Ở Việt Nam thời đó có tới từ 150 ngàn tới 300 ngàn anh hùng tử đạo, con số không được chính xác lắm vì hồi đó không có hồ sơ lưu trữ. Ông lý Sáng là người đã dám che dấu linh mục ở trong nhà cho tới một hôm vì sợ ý đã không đóng công, nên có một đứa bé đi vào và thấy cha, thế là trong đêm ông Sáng đã phải đưa ngài ra Hà Lạn để lánh mặt, cho tới khi việc cấm đạo chấm dứt.

Thật là tấm gương sáng mà tất cả các con cháu có quyền hãnh diện về tổ tiên của chúng ta, đời cha là tân tông mà tới đời con có bốn người mà đã được ba ông tử vì đạo.

Tuy đời con sinh ra ở Du Hiếu nhưng mỗi năm bác trùm Phương và chú Đốc là người đại diện đã ra sửa mộ cho cụ cố Tổ, bác trùm Phương và anh Lạp đã là người đại diện ra nhà ông trùm Hoán ở Hà Lạn để giỗ tổ tiên, cho tới khi ông Hoán mất khoảng năm 1975.

Còn về bên bà trương Quýnh thì cũng không kém gì, với lòng đạo đức của gia đình mà điển hình là ông Thuận anh của bà trương Quýnh tuy mới 15 tuổi chưa đủ tuổi đã tăng thêm 2 tuổi để được điếm phúc tử vì đạo.

Ông trương Quýnh mất rất sớm nên bà đã phải vất vả để nuôi bốn người con nên người, Chúa đã cho bà thật nhiều thử thách để bà là tấm gương cho chúng ta noi theo ngày nay.

Tôi không biết gì hơn là cảm ơn Chúa, ở tầm tuổi như tôi thì chẳng còn mấy người, con cháu muốn tôi ghi lại họ hàng nội ngoại để các cháu biết cội nguồn, vì tuổi già cũng như trí nhớ có giới hạn nên không tránh khỏi những thiếu sót, tôi không dám gọi đây là những trang lịch sử của Du Hiếu, nhưng tôi ráng làm những gì còn lại trên đời này để cho con, cháu và những bà con muốn biết về cội nguồn, mặc dù hiện nay số bà con ở Du Hiếu chẳng còn mấy người, rất nhiều con chim đã phải lìa khỏi đàn để tìm nơi sinh sống, nhưng tôi hy vọng nó vẫn nhớ tổ tiên, là những người đã nằm xuống, đã hy sinh cho chúng ta với nhiều hình thức.

Ngày 31 tháng 10 năm 2016.

Nguyễn Văn Vực

## **9 - Tham khảo về tài liệu lập Ấn Tích**

*Sự kiện tử vì đạo của các tiền nhân làng Du Hiếu đã xảy ra hơn 150 năm trước. Mặc dầu là hiện nay chưa thể tìm ra được các tài liệu liên hệ đến án tích của 27 vị tử vì đạo, nhưng may mắn là có được tài liệu “Cải Táng Hải Cốt Các Đấng Tử Đạo tại hai giáo xứ Trung Thành và Hưng Nghĩa”, là hai làng ở gần bên và cùng bị bách hại một thời như Du Hiếu.*

*Tài liệu lưu hành nội bộ này được in năm 2003, dịch ra từ nguyên bản bằng chữ Nôm viết năm 1862, ghi lại các cuộc cải táng ở hai xứ Trung Thành và Hưng Nghĩa, do linh mục Nguyễn Hưng thuộc địa phận Bùi Chu giới thiệu.*

*Xin trích nguyên văn một phần để cùng tham khảo.BBT.*

### **A. Các Bản Ấn**

#### **I – Một vị của làng Trung Thành**

##### *5. Nhất Ni-cù-lao\* Thước án (vị thứ năm theo thứ tự của tài liệu)*

Chúng tôi là Do-minh-gô\*\* Nhất, Do-minh-gô Cự và Ro-sa Hung, Ro-sa Miên ở họ Đức Bà, Trung Thành và Do-minh-gô Khâm ở họ ông Thánh Giu-se thuộc về địa phận Kiên Lao, Nam Định tỉnh, Xuân Trường phủ, Giao Thủy huyện, Kiên Lao tổng, Kiên Trung xã, Trung Thành giáp. Chúng tôi xin làm chứng thật rằng cải táng hải cốt ông Ni-cù-lao Thước, là con ông Bảo-lộc Viên, quán tại Nam Định tỉnh, Xuân Trường phủ, Giao Thủy huyện, Kiên Lao tổng, Kiên Trung xã, Trung Thành giáp. Ông này có vợ con. Sự giữ đạo Thánh Đức Chúa Giời thì bình thường.

Vậy khi trước phải quá khóa tại nhà cai tổng một lần. Đến năm Tân Dậu đời vua Tự Đức thập tứ niên, đang thời cấm cách cùng bắt bớ đạo Thánh Đức Chúa Giời, cũng là năm một nghìn tám trăm sáu mươi mốt (1861), ngày mồng một tháng tám An-nam, quan phủ bắt ông này lên phủ ba ngày. Đến ngày mồng bốn, quan truyền đem ông này tháp tại Nghĩa Hưng phủ, Vụ Bản huyện, Vụ

Bản tổng, Thiết Quán xã. Khi ở sở tháp lại phải quá khoá một lần nữa. Ông này phải giam ở đây chín tháng hai mươi lăm ngày. Trong bấy nhiêu ngày phải gông cùm khổ sở, đến năm Nhâm Tuất là năm Tự Đức thập ngũ niên, tháng năm ngày hai mươi lăm, quan cho trát đòi dân tại sở tháp giải các tù lên huyện. Khi lên huyện có buộc vải xanh vào cánh tay, bảo con là Do-minh-gô Cự. Khi đến huyện, quan hỏi rằng: Có quá khoá không? Ông này thưa: Tôi không dám quá khoá. Quan truyền đem đi xử quyết tại đất Bảo Ngũ.

Khi ông này chịu Tử Vĩ Đạo, đang thì năm mươi tư tuổi, là năm Nhâm Tuất, Tự Đức thập ngũ niên, tháng năm ngày hai mươi lăm, thì bấy giờ có Ro-sa Hưng, Ro-sa Miên nhận lấy xác mà táng tại đất Bảo Ngũ, cùng một đoạn tre ở giữa mà {...} ngày hai mươi {...} thì có hai con là Do-minh-gô Khoan, Do-minh-gô Cự và Do-minh-gô Khâm lên lấy hài cốt ông Ni-cù-lao Thước, thì nhận thật ghi dấu hài cốt mà đem về táng ở hậu đồng, giáp Trung Thành.

Vậy chúng tôi xin làm chứng thật hài cốt này thật là hài cốt ông Ni-cù-lao Thước. Để cho việc này là chắc chắn mọi đảng, thì chúng tôi xin thề trước mặt Đức Chúa Trời các điều này thật như vậy. (Cải Táng Hài Cốt Các Đấng Tử Đạo, trang 28 đến 30)

## **II - Một vị của làng Hưng Nghĩa**

### **1- Nhất ông Phê-rô Thép án**

Chúng tôi là Phê-rô Hào, Do-minh-gô Thập và Do-minh-go Uý, Do-minh-gô Lập, ở họ Kính Danh Hưng Nghĩa, về xứ Kiên Lao, Nam Định tỉnh, Xuân Trường phủ, Kiên Trung xã, Hưng Nghĩa giáp. Chúng tôi xin làm chứng thật về việc cải táng hài cốt ông Phê-rô Thép, là con ông Thập, quán tại Xuân Trường phủ, Giao Thủy huyện, Kiên Lao tổng, Kiên Trung xã, Hưng Nghĩa giáp. Ông này đã có vợ, song chưa có con. Sự giữ đạo cũng siêng năng. Vậy ông này trước sau không có quá khoá lần nào sót.



Đến năm Tân Dậu, đời vua Tự Đức thập tứ niên, đang thời cấm cách cùng bắt bớ đạo Thánh Đức Chúa Giời, cũng là năm 1861, ngày mồng một tháng An-nam, quan bắt ông này lên phủ Xuân Trường ở đây ba ngày. Đến ngày mồng bốn, quan truyền đem đi tháp tại Nghĩa Hưng phủ, Phong Doanh huyện, Bồng Xuyên tổng, Đăng Xuyên xã, tháp ở đây chín tháng ba ngày, chịu gông cùm khổ sở.

Đến ngày mồng một tháng năm, năm Nhâm Tuất, là năm Tự Đức thập ngũ niên, có tên đô-cát ở tỉnh về chợ Đăng Xuyên đòi ông này lên mà hỏi rằng: Có quá khoá không? Ông này thưa rằng: Không dám. Đoạn lại điệu về nơi tháp, cùng chịu giam cầm khổ sở hơn trước. Đến ngày mồng mười, quan huyện lại đòi ông này lên, mà hỏi rằng: Có quá khoá không? Thì ông lại thưa rằng: Không dám. Bấy giờ quan truyền đem ông này đi xử trảm quyết ở Hoàng Đan đồn, cùng về huyện ấy.

Vậy ông này chịu Tử Vi Đạo đang thì ba mươi một tuổi, năm Tự Đức thập ngũ niên, năm Nhâm Tuất, mà khi điệu ông này đi xử thì chẳng có ai theo. Sang ngày mồng mười thì tôi là Do-minh-gô Chấn, Phê-rô Hào, Do-minh-gô {...} với một người ngoại đạo đến nơi xử mà nhận xác, cùng đóng một cái cọc trên mả ông này mà chôn.

Đến ngày hai mươi một tháng mười hai, cũng trong năm ấy, thì Do-minh-gô Thập và Do-minh-gô Uý với một người ngoại đạo chỉ dẫn đến nơi xử trước, khai quật hài cốt ông này lên, cùng nhận thật là hài cốt ông này, mà đem về táng tại tha ma tiền, đồng Hưng Nghĩa. Vậy lấy dấu này làm thật lắm, là khi khai quật lên thì hình tượng hầy còn như khi còn sống vậy.

Chúng tôi xin làm chứng thật hài cốt này là hài cốt ông Phê-rô Thép. Mà cho việc này nên chắc chắn mọi đảng, thì chúng tôi xin thề làm chứng trước mặt Đức Chúa Giời các điều trước này thật làm vậy. (Cải Táng Hài Cốt Các Đấng Tử Đạo, trang 72 đến 74)

## **B. Lời tuyên bố của Thầy Cả Vi-sen-tê Doãn**

Tôi là thầy cả Vi-sen-tê Doãn thuộc về Địa phận Trung đang coi sóc xứ Kiên Trung. Tôi vâng lời Đức Thầy U-ben O-nha-ti Thuận (*Đức cha Wenceslas Onate, coi sóc địa phận từ năm 1884-1897*), Vít vồ (*Bispo giám mục*) Ap-sô-bô-ti-la-nô Vi-ca-ri-ô A-bôt-s-to-li-cô (*Vicario Apostolico giám quản tông toà*) Địa phận Trung trong nước An-nam này dạy tôi nhận hài cốt các ông Tử Vi Đạo ở họ Kính Danh, Hưng Nghĩa thuộc về xứ Kiên Trung, mà khi trước thầy cả Ba-tô-la-miêu Oanh đã vâng lời Đức Thầy Ba-na-bê Khang (*Đức cha Barnabas Garcia Cezon coi sóc từ năm 1865-1880*), mà táng các ông này ở nơi nhà thờ cũ, thì hai mươi bảy ông, mà có mười hai ông thì có thể thiếc khắc tên thánh tên {...} ông Phê-rô Thép, Do-minh-gô Thịnh, Ba-na-bê Nhung, Do-minh-gô Huyền, Do-minh-gô Liêm, Do-minh-gô Nghị, Do-minh-gô Thể, Do-minh-gô Đạt, Phê-rô Sở, Do-minh-gô Thứ, Tô-ma-sô Diễm, Ni-cù-lao Mươi.

Còn mười lăm ông không có thể, là Bảo-lộc Khâm, Do-minh-gô Mão, Do-minh-gô Thiện, Do-minh-gô Nghĩa, Do-minh-gô Dự, Do-minh-gô Nghiễm, Phê-rô Thành, Tê-vọng (*Tê-pha-nô*) Mậu, Do-minh-gô Độ, Giu-an Giám, Do-minh-gô Sử, Do-minh-gô Khoản, Do-minh-gô Tĩnh, Vi-sen-tê Tổ, Do-minh-gô Cường, ông Cường này phải chết bệnh trong sở thấp. Mà các ông này thì không có thể và không có án.

Nay bởi vì họ này làm nhà thờ lại, thì Đức Thầy dạy tôi khai quật các ông này lên mà nhận hài cốt cùng di táng nơi khác, nên tôi đã vâng lời truyền, mà nhận thật được mười hai ông này có thể và có tên thánh, tên gọi ở trong quan, cùng mười lăm ông không có thể, thì con cháu các ông ấy giao hài cốt cho tôi nhận.

Bằng nơi táng, thì ông Phê-rô Thép táng ở gian thứ tư nhà thờ mới, vì ông này đã làm án. Lại còn mười một ông, thì táng ở sân bên Đông nhà thờ, ngang gian thứ nhất bên E-biết-s-tô-la, để làm hai hàng, hàng thứ nhất năm ông, kể từ hè nhà thờ giở ra: Thứ

nhất Do-minh-gô Thịnh, thứ hai Ba-na-bê Nhung, thứ ba Do-minh-gô Huyền (...)

Trong mười hai ông này, thì tôi lại bỏ thẻ thiếc cũ và thêm thẻ gỗ mới bằng gỗ gụ khắc tên thánh, tên gọi các ông ấy, bỏ vào trong quan nữa. Còn mười lăm ông sau này thì tôi táng ở {...} nhà thờ ngang gian thứ nhất bên E-van (*bên toà đọc Phúc Âm*), để làm ba hàng, hàng thứ nhất năm ông, kể từ hè nhà thờ giờ ra: thứ nhất ông Bảo-lộc Khâm, thứ hai Do-minh-gô Mão, thứ ba Do-minh-gô Thiên (...) mà tôi làm việc này thì có {...} Dụ, Do-minh-gô Hình, Do-minh-gô Phụng làm chứng. Mà cho việc này nên chắc chắn hơn, thì tôi họa đồ nơi táng các ông ấy trong bản án này.

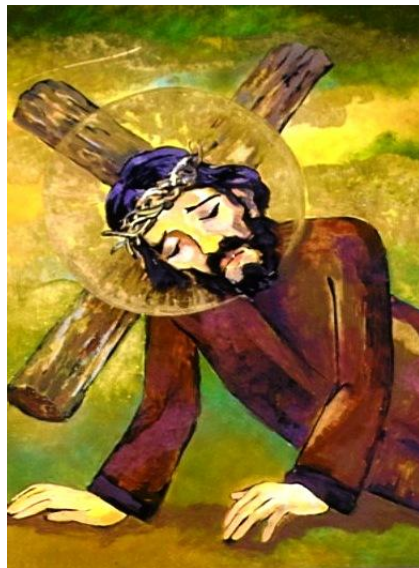
Năm một nghìn tám trăm chín mươi tư (1894), ngày hai mươi ba, tháng Au-gu-tô\*\*\*, cũng là ngày hai mươi ba, tháng bảy (*âm lịch*), năm Giáp Ngọ An-nam. (Cải Táng Hải Cốt Các Đấng Tử Đạo, trang 95 đến 97)

*\*Thánh Ni-cô-la*

*\*\*Thánh Đa-minh*

*\*\*\*tháng Tám*

Bảo-lộc: *thánh Phao-lô*



(3)

## **12. Tâm tình với Các Vị Tử Vì Đạo**

*“Thưa anh em, anh em thử nghĩ lại xem: khi anh em được Chúa kêu gọi, thì trong anh em đâu có mấy kẻ khôn ngoan trước mặt người đời, đâu có mấy người quyền thế, mấy người quý phái. Song những gì thế gian cho là điên dại, thì Thiên Chúa đã chọn để hạ nhục những kẻ khôn ngoan, và những gì thế gian cho là yếu kém, thì Thiên Chúa đã chọn để hạ nhục những kẻ hùng mạnh; những gì thế gian cho là hèn mạt không đáng kể, là không có, thì Thiên Chúa đã chọn để huỷ diệt những gì hiện có, hầu không một phàm nhân nào dám tự phụ trước mặt Người. Phần anh em, chính nhờ Thiên Chúa mà anh em được hiện hữu trong Đức Kitô Giêsu, Đấng đã trở nên sự khôn ngoan của chúng ta, sự khôn ngoan phát xuất từ Thiên Chúa, Đấng đã làm cho anh em trở nên công chính, đã thánh hoá và cứu chuộc anh em, hợp như lời đã chép rằng: Ai tự hào thì hãy tự hào trong Chúa.” (1 Cô-rin-tô 1, 26-31)*

*Du Hiếu chỉ là một làng nhỏ bé so với Thức Hoá hay Quát Lâm bên cạnh. Giáo dân xứ Du Hiếu cũng ít ỏi, khiêm tốn không đáng sánh với bao xứ đạo chung quanh. Nhưng nếu nhìn vào con số các vị tử đạo, thì hẳn là có một sự nổi bật và đáng khâm phục hãnh diện.*

*Xứ Thức Hoá có 28 vị tử đạo, xứ Quát Lâm có 16 vị, và Du Hiếu có 27 vị, trong đó có hai vị là người Hà Lan.*

*Lời thánh Phaolô trên đây có thể xem như là lời nhắn gửi con dân Du Hiếu, để vừa biết tạ ơn về ơn phúc tử vì đạo của tiền nhân và vừa qua gương đức tin sáng lạn này mà cùng gìn giữ và trân quý những giá trị linh thiêng vô cùng cao quý đang được trao lại cho từng người, cho lũ cháu đàn con và các thế hệ tương lai mai sau nữa.*

*Mong rằng, tự bản thân mỗi người cũng có thể diễn tả, biểu lộ tâm tình, cảm xúc riêng tư của mình bằng nhiều hình thức có thể, để nhờ những điều được chia sẻ cũng như tinh thần ngưỡng mộ, lòng sùng kính đối với các tiền nhân tử đạo, sẽ giúp nuôi dưỡng đức tin và làm phong phú cho vốn liếng tình cảm cũng như thành gia tài linh thiêng đáng quý của làng, ngày càng giàu có sung túc hơn mãi. BBT.*

## 1 - Thưa Ngài Manuel Trần Văn Thiêng (67)

Thưa Vị Tử Vì Đạo họ Trần đáng kính,



Con xem danh sách các vị tử vì đạo của làng Du Hiếu, thấy Ngài là người cao tuổi nhất đã bị xử chém đầu vì Đạo Thánh Chúa. Con cũng thấy tên con cháu của Ngài, là các vị có tên như: Vi, Lợi, Hào... được lưu truyền lại.

Kính thưa Ngài,

Từ 3 năm qua, con đã cố gắng về làng Du Hiếu, có tham dự vài buổi họp mặt đồng hương, cũng như xin gặp cha xứ và hỏi thăm một số vị trong hội đồng hàng xứ để xin thông tin, dữ liệu về Các Vị Tử Vì Đạo của Làng. Nhưng con chẳng nhận thông tin, tài liệu hoặc không được nghe ai đó nói cho biết về cuộc tử đạo của Các Ngài cách tường tận cả. Con cũng lên toà giám mục Bùi Chu để hỏi xin tài liệu, nhưng được biết là vì hoàn cảnh bi đát tan nát của thời đại, các tài liệu và sách vở liên hệ hầu như bị mất mát, bị tiêu huỷ, nên chẳng thể tìm ra manh mối cụ thể được.

Con cũng kêu gọi các vị đồng hương ở miền Nam, tại hải ngoại, nhưng vẫn chưa thể tìm gặp được một người nào xưng danh tánh, cho biết mình là con cháu họ Trần, miêu duệ của Ngài. Không rõ là khi Ngài đành lòng đi chịu chết vì đạo Ngài có lo nghĩ rằng rồi đây có thể chẳng còn một ai trong dòng họ sẽ nhớ đến và tiếp tục giữ đạo mà mình quyết lấy máu đào để mà minh chứng.

Ngài là vị cao niên nhất trong số các vị tử đạo của Làng, một điều thật hãnh diện và đáng nêu gương cho những người trẻ như chúng con. Con liên tưởng Ngài giống như là ông E-lê-da mà sách Macabê (2 Ma-ca-bê 6) đã kể lại. Dù là cao niên và đầy kinh nghiệm từng trải, nhưng đã nhất mực từ chối những lời dục vọng, ủi an nguy hiểm của quân quyền. Và chỉ vì Chúa, vì giá trị đạo lý đang tin theo mà liều mình hy sinh mạng sống cho đến cùng. Ngài đã hiên ngang, xứng danh đầu mục thà chết hơn là sống nhục, quyết chịu tử vì đạo để làm gương cho mọi người.

## *Ngọn Lửa Tin Yêu*

Thưa Ngài,

Con tin là lời của thánh Phaolô gửi tín hữu Rôma xưa cũng là lời mà Ngài muốn nhắn lại cho chúng con:

***“Vậy còn phải nói gì thêm nữa? Có Thiên Chúa bênh đỡ chúng ta, ai còn chống lại được chúng ta?”***

***“Ai có thể tách chúng ta ra khỏi tình yêu của Đức Ki-tô? Phải chăng là gian truân, khốn khổ, đói rách, hiểm nguy, bắt bớ, gươm giáo?”***

***“Đúng thế, tôi tin chắc rằng: cho dầu là sự chết hay sự sống, thiên thần hay ma vương quỷ lực, hiện tại hay tương lai, hoặc bất cứ một loại thụ tạo nào khác, không có gì tách được chúng ta ra khỏi tình yêu của Thiên Chúa thể hiện nơi Đức Ki-tô Giêsu, Chúa chúng ta.”*** (Roma 8. 31-39)

Nay nhờ vào lòng can đảm vững dạ tuyên xưng Đạo Thánh của Ngài, xin Ngài cầu bầu cùng Chúa cho hết thảy mọi người chúng con, biết bền lòng giữ đạo Thánh Chúa cho đến cùng, để với thời gian và đời sống ngày càng thêm tuổi, càng được thêm nhân đức và công phúc trước mặt Thiên Chúa mãi mãi.

Xin Ngài cầu nguyện và phù trợ cho con dân Du Hiếu chúng con.

## **2 - Thưa Ngài Đaminh Nguyễn Văn Phan (52)**



Thưa vị tử vì đạo họ Nguyễn đáng kính,

Nhờ công ơn rao giảng của các cha truyền giáo dòng Đa Minh thời bấy giờ, con nghĩ rằng Ngài cũng thật hãnh diện để chọn tên thánh Đa Minh làm quan thầy bầu cử cho mình.

Với 52 tuổi đời, là tuổi mà nhiều người đã có thể xây dựng cho mình bao công lao sự nghiệp, có được một mái ấm gia đình, vợ chồng con cái chung vui thuận hòa. Vậy thì tại sao Ngài lại quyết định bỏ

tất cả để hy sinh mạng sống vì Đạo? Các con cháu của Ngài như: Bằng, Bằng, Ngọc được ghi trong danh sách các vị tử đạo giờ này đang ở đâu, có còn tưởng nhớ gì về cái chết vì đạo của Ngài hay chăng.

Con nghĩ là mọi người Việt Nam ai nấy đều khát mong mình được sinh ra, lớn lên và trưởng thành tại chính phần đất của tiên tổ, cha ông đã gây dựng. Để rồi một khi xong phận người, được nhắm mắt lìa đời, và được chôn cất bên phần mộ của cha ông cùng dòng tộc. Thế mà Ngài và nhiều con dân Du Hiếu lại can đảm chấp nhận thân phận giam cầm, bị hành hình và thiêu sống bên đất Quỳnh Côi xa lạ, nơi quê người.

Câu nói về một hoàn cảnh bất hạnh của Người Việt Nam như “sống vô gia cư, tử vô địa táng” có làm Ngài chùn lòng, se thắt khi bị điệu đi với những gông cùm, giáo mác hay không. Sức mạnh và chân lý nào đã lôi cuốn và khuất phục được Ngài, để giúp Ngài can đảm từ bỏ mọi sự, cùng sẵn lòng hy sinh chịu chết vì Đạo Thánh Chúa như vậy!

Thưa Ngài,

Thời đại ngày nay chúng con thật là hoang mang và bối rối, cảm thấy hụt hẫng và hèn yếu khi phải trực diện, tự liệu mà chống trả với bao chước cám dỗ về vật chất cũng như tinh thần. Dễ bị khủng hoảng niềm tin cũng như bị bao áp lực, chi phối bởi hiểm họa vô thân. Nhiều người như thể dễ dàng nhẹ dạ để mình bị cuốn hút, bị mê muội, hoặc là ngao mạn, vùi đầu vào với bao hư danh tạm bợ.

Kính xin Ngài cầu bầu cùng Chúa, soi dẫn mỗi người chúng con biết tìm ra chân lý và tình yêu chân thật. Biết noi gương Ngài mà vượt lên mọi trở ngại, có thể chiến thắng được các xu hướng thế tục luôn ám ảnh, đeo đuổi bên cạnh chúng con, hầu xứng đáng sống phận làm con Chúa, là chứng tá Phúc Âm Chúa ngay giữa dòng đời, thế tục hôm nay.

Xin Ngài luôn đồng hành và cầu nguyện với chúng con.

### 3 - Thừa Ngài Giuse Nguyễn Văn Bồn (52)



Thưa vị tử vì đạo họ Nguyễn đáng kính,

Con nghĩ Ngài thật là hạnh phúc cùng được vinh dự tử đạo với cụ Đa Minh Nguyễn Văn Phan, là người đồng tuổi và chung làng.

Với tuổi đời của Ngài, con thậm đoán là hai vị chắc cũng đã có được những ngày thật hồn nhiên, vui vẻ, êm đềm của tuổi thơ cùng với bao ước mơ, mộng đẹp tại làng quê Du Hiếu bé nhỏ, hiền hoà này. Tuy rằng lịch sử làng lúc ấy chưa được đầy và các công trình xây dựng chưa nhiều, tài nguyên chưa hậu, nhân lực chưa đông... Nhưng hẳn là Hai Ngài cũng được tham gia và thừa hưởng bao công đức của các vị tiên khởi, đã và đang vất vả khai phá xây dựng làng. Lẽ ra bao công lao khó nhọc, mồ hôi nước mắt của các vị tiền nhiệm phải là niềm an ủi và là nền tảng dựng xây tương lai cho Hai Ngài, nhưng sao Thiên Chúa lại để cơn bách hại kéo đến sớm và mời gọi Các Ngài đi làm chứng tá đức tin như vậy!

Ngài đã cùng cha ông chúng con, đại diện cho con dân Du Hiếu hy sinh bỏ lại gia đình và sự nghiệp, cam lòng chấp nhận đổ máu đào để chứng minh Đạo Thánh Chúa cho dân tộc Việt Nam này. Hẳn là lửa thiêu từ rơm rạ ở Thái Bình kia đã chẳng thể nào dập tắt được lửa thiêng đã luôn nung nấu đức tin trung kiên, và gươm giáo của các quan quyền kia, cũng không hề làm tiêu gan, chuyển dạ, hoặc có thể biến đổi lòng yêu mến Thiên Chúa nơi những tôi tớ can trường, như Các Ngài.

Thưa Ngài,

Con thành khẩn xin Ngài, nhờ công nghiệp cùng chịu tử vì đạo với Đức Kitô, xin giúp chúng con biết yêu thương và nâng đỡ nhau, cùng sống đạo cách sốt sắng và khiêm nhường, để trước là không quên công ơn hy sinh của các Ngài; sau là nhờ gương lành, phúc đức đã để lại, chúng con có thể làm vinh danh Chúa và cứu giúp các linh hồn.



Như lời Chúa đã phán: “*Và phàm ai bỏ nhà cửa, anh em, chị em, cha mẹ, con cái hay ruộng đất, vì danh Thầy, thì sẽ được gấp bội và còn được sự sống vĩnh cửu làm gia nghiệp*” (Mt. 19. 29), xin cho chúng con cũng biết theo gương Ngài, sống xứng đạo làm con kính Chúa, yêu người, hầu xứng đáng chung hưởng phần gia nghiệp đã được hứa ban này.

Chúng con cũng rất muốn tìm ra tông tích cụ Huệ, cụ Tấn, cụ Thứ là con cháu của Ngài. Xin Ngài liệu cách mà tỏ bày cho chúng con.

#### **4 – Thưa Ngài Đaminh Phan Văn Minh (49)**

Thưa Ông Quản,

Thưa Cụ Cố,



Chúng con là hậu duệ của Ngài. Chúng con thật là vui mừng và hãnh diện vì được nghe biết về sự nghiệp và gương chúng tá tử vì đạo oai hùng của Ngài. Như trong Kinh Thánh có lời chúc phúc cho những ai trung thành sống theo luật Chúa, thì con cháu sẽ được hưởng phúc sống lâu đến ba bốn đời, và hậu duệ sẽ được trường tồn bất diệt... Điều này con thấy thật là xác thực và bao ơn lành của Thiên Chúa cũng luôn được ban tặng, lan toả trên nhiều người trong các dòng họ chúng con.

Thưa Ngài,

Khi ông Bạ Uy và con cháu họ hàng về thăm làng và kính viếng mộ tổ, mọi người đều mừng rỡ và nhắc nhở nhau tìm cách khôi phục lại truyền thống đạo đức, các giá trị tinh thần và giá trị tôn giáo mà Ngài đã khởi sự. Nhờ đó, những chấn trở mất mát do thời cuộc, do chia ly, như được hàn gắn và khởi động trở lại. Làng Du Hiếu và con dân Du Hiếu ở mọi nơi, từ nhiều chôn đã có những hoạt động chung tay, góp sức để mà trùng tu, xây dựng cơ sở và chỉnh trang khảm khá thêm bội phần.

## *Ngọn Lửa Tin Yêu*

Từ làng Ngọc Cục, thuộc dòng dõi danh giá và giàu có, thế mà Ngài đã không an phận thủ thường, lại còn hăng hái vận động nhiều người cùng đi khai hoang, lập ấp dựng làng. Bao công khó và hy sinh bỏ ra chưa được đền bù, Ngài lại còn gặp thử thách gian nan bởi dân ngoại vụ không, đồ tội, khiến kẻ lành lại phải gánh chịu cảnh tù tội, giam cầm. Thế nhưng, thánh ý Chúa nhiệm mầu, như để tôi luyện kẻ tín trung của Người, đã an bài sắp đặt và thưởng công xứng đáng, bằng cách cho Ngài được nên đồng dạng, đồng hình với Người Con yêu quý của là Đức Kitô, khi khứng ban ơn phúc tử đạo và đón nhận mạng sống mà Ngài muốn dâng lên, qua cái chết rũ tù tại khám đường ở Thanh Hoá, vì đức tin và vì Đạo Thánh Chúa. Chính vì thế, hẳn là Ngài cũng theo gương thánh Phaolô:

***“Thế nên tôi rất vui mừng và tự hào vì những yếu đuối của tôi, để sức mạnh của Đức Kitô ở mãi trong tôi. Vì vậy, tôi cảm thấy vui mừng khi mình yếu đuối, khi bị sỉ nhục, hoạn nạn, bắt bớ, ngặt nghèo vì Đức Kitô. Vì khi tôi yếu, chính là lúc tôi mạnh.”***

(2 Cô-rin-tô 12. 9-10)

Thưa Ngài,

Hiện tại thì con cái Du Hiếu đang sinh sống trải rộng tại nhiều nơi, khắp chốn, nhưng những hạt giống đức tin mà Ngài đã ra công gieo vãi và vun trồng, vẫn tiếp tục ươm hoa, nở nhụy và kết trái thật đáng khích lệ. Số linh mục, tu sỹ, chủng sinh gốc gác của làng ngày càng tăng mạnh; con cháu hậu duệ cũng được ăn học và trưởng thành nên người hữu dụng, đang đóng góp trong việc xây dựng cho quê hương, dân tộc bội phần. Những hoa trái, thành quả này không chỉ dành riêng cho con dân nước Việt, mà còn được chia sẻ tới nhiều dân tộc, nhiều đất nước trên thế giới như Hoa Kỳ, Úc, Đức, Nhật Bản, Hà Lan...

Chúng con thật hãnh diện và luôn cùng tạ ơn Thiên Chúa vì những ơn lành và tình thương vô biên này. Mong rằng, không chỉ là riêng cho con cháu hậu duệ, mà mọi con dân Du Hiếu, bao người Việt Nam luôn tiếp tục được hưởng lời cầu và ơn phúc của tiền nhân tiên tổ, nhờ công nghiệp hiệp thông tử đạo với Chúa Kitô của Các Ngài.

Xin Ngài hằng bầu cử và đoái thương chúng con.

## 5 - Thưa Ngài Phêrô Vũ Ngọc Triều (47)

Kính thưa cụ lý trưởng,

Thưa Ông Cố,



Khi còn nhỏ, bà lý San thường khoe kể cho con nghe rằng, bà rất lấy làm hạnh phúc và hãnh diện vì được làm cháu dâu của Vị Tử Vị Đạo, nghĩa là được về làm dâu nhà họ Vũ, người cháu đích tôn của Ngài. Lúc đó, con còn nhỏ và chẳng hiểu thấu sự gì, nhưng cũng được vui lây và hãnh diện, và thắc mắc tò mò, mong có cơ hội để mà tìm hiểu và học hỏi cho rõ cội nguồn.

Với tính cách là một người lý trưởng trong làng, khi được chính quyền và dân chúng tin tưởng giao phó trọng trách giúp an dân, trị nước, hẳn là Ngài đã phải cố gắng tận tâm tận lực để mà hoàn thành trách nhiệm sao cho tốt đẹp, vừa để tốt đạo và cũng là để đẹp cho đời. Đặc biệt là với hoàn cảnh thời mới lập ấp, mở làng, mọi sự còn thiếu thốn và chưa dễ dàng để đưa vào trật tự cho nếp nang, xuôi thuận. Một mặt, vì Du Hiếu là làng Công giáo toàn tòng, nên hẳn là Ngài cũng phải thật khôn khéo và tế nhị, vừa có thể nhịp nhàng hợp tác với các Cố Tây, cụ Ta để giúp mọi người giữ đạo, vừa không để bị mang tiếng theo Tây, vọng ngoại...

Có đôi lúc con đã thử tưởng tượng rằng, giả như quân Pháp không xâm lăng đất Việt, và các quan quyền vua chúa của ta không nghi kỵ hiểm thù, bách hại giáo dân Công giáo, thì hẳn là dân tộc Việt Nam ta chẳng phải chịu cảnh buồn thảm và bất hạnh như ngày hôm nay; không phải thấy những cuộc bách hại giết chóc tương tàn, và chẳng phải trả cái giá nôi da xáo thịt, giết hại trải dài đẫm máu như các trang lịch sử nước Nam ghi lại. Nhiều lúc con cùng một số bạn trẻ đã nghĩ quần và tự đặt câu hỏi: tại sao Chúa lại để cho dân tộc Việt Nam phải chịu bao gian nan, thử thách cùng cực như vậy? Sử liệu của địa phận có ghi tới 40,000 con dân Bùi Chu, Thái Bình đã phải hy sinh, thiệt mạng trong những năm cai trị thời Minh Mạng và Tự Đức...

## *Ngọn Lửa Tin Yêu*

Thưa Ngài,

Phải. Đúng là như vậy!

Chính lời tiên tri của văn hào Tertuliano thời kỳ bách hại ban đầu của Giáo Hội đã là câu trả lời cho chúng con suy gẫm hàng ngày: “**Máu các vị tử vì đạo là hạt giống sinh ra các tín hữu**”, điều mà chúng con rất lấy làm hãnh diện và tự hào, khi nhớ đến công cuộc hy sinh tử đạo, nêu gương đức tin của Các Ngài. Ngày xưa, tại pháp trường Bảy Mẫu các lý hình đã mù quáng mà vâng lệnh chính quyền để vung gươm chém đầu Ngài, nhưng nay thì chúng con thật là tỉnh táo để nhận ra rằng, lưỡi gươm oan nghiệt kia lại chính như là chìa khoá để mở cửa nước trời, và nên dụng cụ được dùng để mà tôi luyện đức tin anh dũng của Ngài.

Sau này, vào thời cai trị bởi những kẻ vô thần, bọn họ đã châm biếm đạo giáo và coi thường cái chết của Các Ngài. Cái bể nước mà cháu nội của Ngài đã xây ở góc sân nhà, sau con đấu tố và cướp sạch đi tài sản và nhà cửa, còn để lại với nước váng phèn. Quân gian phi đã kháo láo với lũ trẻ trong làng rằng: “Nước trong bể là máu của địa chủ”. Nhưng sự thật lại không phải vậy mà còn có thể khẳng định lại rằng: “Máu địa chủ mà các kẻ vu oan, đấu tố và giết hại thì đã tuôn đổ. Nhưng nước trong bể này ngày nay chưa cạn và tươi màu, là bởi được thay bằng máu đào tử đạo của tiên nhân, để mà vun tưới cho đời sống đức tin của dân làng này!”

Thật vậy. Giáo hội Việt Nam nói chung, và con dân Du Hiếu nói riêng chúng con ngày nay vẫn còn đang được tưới gội và chăm dưỡng bằng chính máu đào tử đạo của Các Ngài đã tuôn đổ. Chúng con thật là vui mừng và hết lòng tạ ơn Thiên Chúa, đã thương chọn và ban thưởng vinh quang Tử Đạo cho cha ông tiên nhân chúng con. Để nhờ đó, ngày nay chúng con vẫn tiếp tục nhận được bao hạt giống đức tin sinh sôi nảy nở, biết bao ân lành, bao hồng phúc nhờ lời cầu bầu phù trợ của Các Vị Tử Vì Đạo của làng.

Thưa cụ Phêrô,

Những lời dạy của vị tông đồ cả của Chúa Kitô có phải cũng là lời mà Ngài muốn nhắn lại cho chúng con hôm nay hay chăng:

*“Thật vậy, Đức Kitô đã chịu đau khổ vì anh em, để lại một gương mẫu cho anh em dõi bước theo Người. Người không hề phạm tội; chẳng ai thấy miệng Người nói một lời gian dối. Bị nguyên rủa, Người không nguyên rủa lại, chịu đau khổ mà chẳng ngăm đe, nhưng một bề phó thác cho Đấng xét xử công bằng. Tội lỗi của chúng ta, chính Người đã mang vào thân thể mà đưa lên cây thập giá, để một khi đã chết với tội, chúng ta sống cuộc đời công chính. Vì Người phải mang những vết thương mà anh em đã được chữa lành.” (1 Phêrô 2. 21-24)*

Vâng. Chúng con xin hiệp một lòng mà tạ ơn Chúa đã cho chúng con có một người Ông, một Vị Tử Vì Đạo can đảm theo Chúa đến cùng.

Chúng con, những người hậu duệ họ Vũ của Ngài, nguyện cố gắng sống xứng đáng là những người con cháu, chất chút tốt lành, trở nên những tín hữu Công giáo đạo đức thánh thiện, luôn can đảm hiên ngang sẵn sàng sống và giữ Đạo Chúa theo gương tiên nhân, mạnh dạn làm chứng cho Tin Mừng, hồng rao truyền ơn Cứu Độ cho muôn dân, vạn nước.

Xin Ngài luôn cầu bầu và gìn giữ chúng con.

## 6 - Thưa Ngài Phêrô Nguyễn Văn Nhì\* (47)

Thưa vị tử đạo họ Nguyễn,



Hôm nay, khi dọn lòng tưởng nhớ đến cuộc tuần tiết vì đạo của Các Ngài, con như người được mùi nồng ấm, thơm tho từ rom rạ đang thiêu cháy sinh mạng của Các Ngài loan tỏa như những của lễ toàn thiêu thơm bay lên trước Thánh Nhan Thiên Chúa. Con chẳng thấy có ai trong số các vị tử đạo của làng đang bị thiêu sống mà lấy làm đau đớn, nhục tủi hoặc phải cô đơn thất vọng. Mà ngược lại, theo như lời các bà đã kể, thì mặt ai cũng đều rạng rỡ, hân hoan, như đang được no thoả chính nỗi khát vọng yêu thương, như sắp

## *Ngọn Lửa Tin Yêu*

được Thiên Chúa khứng nhận cuộc dâng hiến mạng sống cho một tình yêu bất diệt, mà Các Ngài mong được dâng tiến.

Đúng vậy. Một số các bà được phép đi thăm nuôi ở Quỳnh Côi đã về kể lại cho dân làng rằng, trước ngày chịu nhục hình, họ được Các Ngài khuyên lơn và báo cho biết là sắp tới ngày được lãnh nhận triều thiên vinh hiển. Hình như cũng có bà nào tỏ ý phàn nàn rằng mình là phận nữ, nên không được phúc cùng tử đạo. Nhưng Thiên Chúa cũng không để ai phải thiệt thòi, mà Người lại dùng các bà như những bà Veronica để mà gần gũi an ủi lũ cháu, đàn con non dại còn để lại. Đồng thời mong họ là những sứ giả tiếp tục loan báo Tin Mừng Phục Sinh cho người hậu thế. Các bà thay các vị tử đạo để mà tiếp tục dạy dỗ con cháu, lo liệu giữ gìn truyền thống đức tin cũng như nâng đỡ nhau sống đạo thánh Chúa cho sốt sắng và bền vững.

Hôm nay, chúng con đã tìm gặp được con cháu của Ngài, là các vị có tên như Quynh, Ngọ, Dậu, Phương, Vực để cùng hợp sức loan báo việc tử đạo của Ngài, đồng thời cùng nhau dâng lời cảm tạ và giúp nhau sống đạo ngày càng tốt đẹp và sinh hoa trái hơn.

Thưa Ngài,

Qua cái chết vì đạo Chúa, chúng con dám tin rằng, Các Ngài đã cảm nghiệm được như lời của thánh Phaolô:

***“Nhưng kho tàng ấy, chúng tôi lại chứa đựng trong những bình sành, để chứng tỏ quyền năng phi thường phát xuất từ Thiên Chúa, chứ không phải từ chúng tôi. Chúng tôi bị dồn ép tư bề, nhưng không bị đè bẹp; hoang mang, nhưng không tuyệt vọng; bị ngược đãi, nhưng không bị bỏ rơi; bị quật ngã, nhưng không bị tiêu diệt. Chúng tôi luôn mang nơi thân mình cuộc thương khó của Đức Giêsu, để sự sống của Đức Giêsu cũng được biểu lộ nơi thân mình chúng tôi... Như thế, sự chết hoạt động nơi chúng tôi, còn sự sống thì lại hoạt động nơi anh em.”***

(2Cô-rin-tô 4. 7-13)

Vâng. Thật đúng là như vậy!

Chính vì sự tự nguyện chết con người xác thịt của mình vì Đức Giêsu của các tiên nhân, mà ngày hôm nay con dân Du Hiếu chúng con mới hồng mong nhận được mọi ân huệ dồi dào, từ Chúa Giêsu Kitô, là Đấng đã thương mời gọi Các Ngài cùng đồng hành với Người trong công cuộc tử đạo sinh ơn cứu chuộc cho nhân loại chúng con.

Xin Ngài hằng cầu nguyện và phù trợ chúng con.

*\*có tài liệu ghi là Nhị. Theo nguyên ngữ bằng chữ Nho, thì 二 hoặc 二 có thể dịch ra là `nhị` hoặc là `nhì`, ý nghĩa đều giống như nhau. BBT.*

## **7 – Thưa Ngài Đaminh Nguyễn Văn Nhiên (42)**

Thưa vị tử đạo họ Nguyễn,

**“Hồi chiêm dút, tiếng đầu rơi chón pháp trường,  
Hồn thiêng lưng lưng, về Thiên Quốc cao vời,  
Từ nay thôi những ngày gian khổ ưu buồn,  
Về nơi phúc thiêng, hưởng Nhan Chúa muôn đời.**

**Muôn ngàn đau đớn, nay đã theo ngày tháng trôi,  
Hy sinh, vì tình yêu, son sắt nhớ câu đoan nguyên,  
Hết tình trung tín, gian khổ không hề dám phai,  
Giữ tấm lòng hiếu trung, lời thề kia lẽ nào quên.”**



Thưa Ngài, chúng con, và con cháu của Ngài đều thật cảm động và vui mừng mỗi khi được cùng nhau ca tụng Thiên Chúa, nhắc nhớ công ơn, gương mẫu tử đạo của tiên nhân kiêu hùng. Như thánh Phaolô cũng đã chia sẻ:

**“Vì Người, nên tôi coi tất cả như rơm rác, để được Đức Kitô và được kết hợp với Người... Vấn đề là được biết chính Đức Kitô, nhất là biết**

***Người quyền năng thế nào nhờ đã phục sinh, cùng được thông phần những đau khổ của Người, nhờ nên đồng hình đồng dạng với Người trong cái chết của Người, với hy vọng có ngày cũng được sống lại từ trong cõi chết.” (Philiphê 3. 10)***

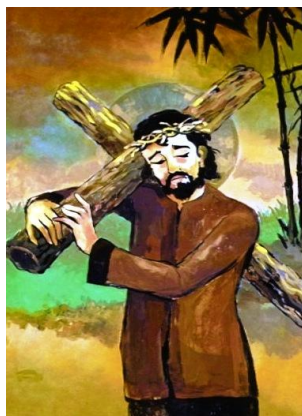
Vâng. Không riêng chỉ mình Ngài, và tất cả các vị tử vì đạo của làng Du Hiếu chắc chắn cũng được phục sinh khải hoàn với Đức Kitô, vì đã cam lòng chịu chết, làm chứng tá cho Tin Mừng Phục Sinh mà Đức Kitô đã truyền cho các tông đồ thực hiện.

Thưa Ngài,

Chúng con tin tưởng vào lời Chúa, qua miệng thánh Phaolô để cùng cầu xin Người, xin cho chúng con cũng được biết chết đi con người yếu đuối, và sống với con người mới đã được phục sinh, nhờ cái chết của Đức Kitô, hầu mong cùng được chung hưởng vinh quang nước Chúa.

***“Nếu chúng ta đã cùng chết với Đức Kitô, chúng ta cũng sẽ cùng sống với Người. Nếu chúng ta cùng chịu đau khổ với Người, chúng ta sẽ cùng Người thống trị!” (Rm. 6.8)***

Xin Ngài cầu bầu cùng Chúa cho chúng con, cũng được theo gương tử đạo của Ngài mà can đảm chết đi con người cũ, hầu có thể mặc lấy Đức Kitô, Đấng đã chết và phục sinh, để ban sự sống đời đời và ơn cứu độ cho toàn thể nhân loại chúng con.



(4)



## **8 – Thưa Ngài Đaminh Cao Văn Khiêm (40)**

Thưa cụ tổ họ Cao,

Thưa Ngài,



Câu hỏi đầu tiên gọi lên trong đầu của con khi muốn thưa chuyện với Ngài là, tâm trạng lúc theo cha từ Trà Lũ về sống ở làng Du Hiếu là như thế nào? Bởi vì theo con được biết, thì lúc đó Ngài mới độ tuổi 17, và làng ấp cũng vừa lập được hơn chục năm, còn hoang sơ, thiếu thốn đủ điều, kể cả về dân số và các hộ gia đình...Điều này chắc hẳn cũng gây ảnh hưởng đối với một người trẻ trong tuổi năng động, mộng ước tương

lai dưng cao vời vợi nữa.

Con cũng rất lấy làm khâm phục và hãnh diện được là con cháu của Ngài, khi nghĩ đến công lao khai phá, dựng xây nền tảng cho làng. Chắc hẳn là với bao công lao, tài cán, hy sinh nên Ngài đã được người dân tin tưởng, tín nhiệm bầu làm lý trưởng sau thời của cụ Vũ Triều.

Thưa Ngài,

Cùng với dòng họ Vũ, Ngài cũng được vinh hạnh đáp trả lời mời gọi lãnh triều thiên tử đạo cùng với các thành viên khác trong làng. Đã theo gương anh hùng của cụ Quán Chiêu, để mình chứng trọn vẹn tấm lòng trung nghĩa với Thiên Chúa và tận tình phục vụ nhân dân, đồng bào. Hẳn là ba cô con gái mà Ngài để lại, là các bá Quy, bá Thâm và cô Út chẳng những không phải buồn phiền, bị hụt hẫng vì mất đi người cha, nhưng lại có thể vinh dự, hãnh diện được với muôn người, vì có một người cha can đảm, trung thành giữ trọn luật Chúa cho đến cùng. Nhờ vậy, mà chúng con là những con cháu cô Út, của bà Nhiêu Trục, sau năm bảy đời mà vẫn con được hưởng muôn vàn ân đức, phước lành từ gương tử đạo của Ngài.

Sau này, gặp thời vận nước điêu linh, ông nội của chúng con đã bị một số người nhẫn tâm đầu tó buộc tội. Bao con cháu trong nhà không ai dám lên tiếng bênh vực, biện hộ. Thế mà, nhờ gương mẫu đạo hạnh của Ngài đã khiến những người lương dân có chịu ơn của ông nội, dám can đảm

## *Ngọn Lửa Tin Yêu*

mạnh miệng lên tiếng đề bênh vực, nhờ đó mà được thoát án dẫu tử hình. Đã không bị hàm oan, uổng mạng trong cuộc cải cách ruộng đất xảy ra tại làng ta năm ấy.

Quả thật, khi được nghe kể lại các sự kiện xảy ra, chúng con dám tin rằng, chính là nhờ lời cầu bầu hữu hiệu và mạnh mẽ của Ngài, mà Chúa đã khiến các điều dữ con người ta toan rập hãm hại, lại trở thành điều lành điều thiện cho lũ cháu đàn con sau này. Chính Chúa đã chủ động biến các âm mưu độc hại của người đời, thành cơ hội tỏ hiện vinh quang của Chúa, khi giang tay bảo bọc và bênh đỡ những kẻ tín trung, những ai một lòng phó thác và cậy trông nơi tình yêu Thiên Chúa.

Đối với chúng con là những thế hệ sinh sau đẻ muộn, chẳng có cơ hội được sống trên phần đất của tổ tiên, ông bà để lại. Nhưng bao công lao, gương lành và cái chết anh dũng của tổ tiên vẫn luôn là nguồn an ủi, là niềm vinh dự và nên sức mạnh nâng đỡ đời sống đức tin chúng con. Thưa Ngài,

Nếu như ngày trước, sau 3 năm bách hại khốc liệt qua đi và con cháu trong làng rủ nhau đi tìm hài cốt để rước về làng chôn táng, Các Ngài đã soi sáng phù trợ làm sao, để mỗi nhóm từ Thanh Hoá, Nam Định, Quỳnh Côi trở về, lại có thể hội tụ cùng nhau một lúc nơi bến đò Hà Lạn. Ngày nay, chúng con cũng dám cả tin rằng sẽ có một ngày, là ngày mà đoàn con, lũ cháu của Các Ngài, kẻ thì từ Hoa Kỳ, người từ Úc, ai đó ở Nhật và Đức... cùng với đồng hương miền Nam, hẹn hò gặp nhau tại cửa Hà Lạn một lần, cùng mừng rỡ hân hoan kéo về làng để dâng lễ tạ ơn, cùng chia sẻ niềm vui và chung lời cao rao tán tụng danh thánh Thiên Chúa.

Kính mong Các Ngài phù trợ để ước mơ sớm được thực hiện.

## 9 - Thưa Ngài Giuse Phan Văn Vĩnh (40)

Kính thưa Người Tôi Tớ của Chúa,

Thưa Ngài,



Không rõ nguyên do nào mà Ngài lại chọn làm dưỡng tử của cụ Quản Chiêu, và có phải rằng vì là dưỡng tử nên Ngài cũng phải vạ lây, gánh lấy cái chết tử đạo?

Tìm theo tài liệu và các câu chuyện lưu truyền, chúng cho hoàn toàn mù tịt chẳng được biết về mối tương quan dưỡng tử với họ Phan, cũng như không biết trước khi về Du Hiếu, thì gốc tích tổ tiên của Ngài là từ đâu, và thân thế sự nghiệp của Ngài là như thế nào...

Nhưng thời đại của Ngài là thời còn phong kiến, hẳn là không thiếu các cường hào, ác bá chuyên bóc lột và hà hiếp dân lành. Chẳng biết rằng là với thân phận làm dưỡng tử, Ngài có được cụ Quản Chiêu đối xử và yêu thương như các con cháu khác chăng? Cũng như trong bối cảnh quan quân cấm cách đạo nghĩa, Ngài có sẵn lòng theo Cụ chấp nhận đi tù, cùng chịu chết để minh chứng đức tin với Cụ Quản, thay cho các con cháu đang còn bé bỏng hay chăng.

Thưa Ngài,

Trong phả hệ Liên Tộc, có ghi tên một số con cháu của Ngài, nhưng hầu hết đến nay đều bị mất thông tin, không thể liên lạc. Có phải là Ngài đã nhất tâm vì Chúa, vì đức tin, chấp nhận mất cả mạng sống, gia đình, mất mọi sự để chọn lấy sự sống đời đời, là phần thưởng bất diệt được Thiên Chúa đã hứa ban cho người công chính hay không. Mặc dầu là chúng con chẳng còn được nghe kể lại hoặc chẳng được nhìn tận mắt các hình ảnh, chứng cứ về cuộc tử nạn thuở xưa, nhưng với con mắt đức tin và nhờ lòng kính yêu các vị tử đạo, cũng như cùng khát mong đón nhận vinh dự được dự phần vào cuộc tử nạn vinh quang của Chúa Giêsu Kitô, nên

## *Ngọn Lửa Tin Yêu*

chúng con vẫn một lòng quyết chí, rắp tâm hòng có thể tiếp tục dõi theo bước chân mà Các Ngài đã từng trải.

Hôm nay chúng con tưởng nhớ về cuộc tử đạo vinh quang của Ngài, chúng con xác tín được rằng:

***“Lời rao giảng về thập giá là một sự điên rồ đối với những kẻ đang trên đà hư mất, nhưng đối với chúng ta là những người được cứu độ, thì đó lại là sức mạnh của Thiên Chúa...”***

***Trong khi người Do-thái đòi hỏi những điềm thiêng dấu lạ, còn người Hy-lạp tìm kiếm lẽ khôn ngoan, thì chúng tôi lại rao giảng một Đấng Kitô bị đóng đinh.”*** (1Cô-rin-tô 21~23)

Nhờ thế, mà ngày hôm nay, chúng con vẫn có thể xác quyết và tin được rằng, dầu rơm rác đã thiêu đốt thân xác các vị tử đạo xưa có mãnh liệt bùng cháy tới đâu thì cũng chỉ không chế, hủy hoại thân xác tạm thời và tới hồi tàn lụi. Dầu các đau khổ khôn lường có lần chiếm hoặc chi phối lòng trí trong chốc lát, nhưng bao hương thơm và nhân đức từ ý chí bất khuất của các vị tử đạo chẳng bao giờ phai lạt. Mà ngược lại, hẳn là vẫn luôn lan tỏa trước Thiên Nhan Chúa, vẫn như những ngọn lửa tin yêu luôn sôi sục và nung nấu niềm tin cho con cháu, cho các thế hệ mai sau. Bởi thế, chúng con càng mạnh dạn khẩn xin Ngài soi sáng và bầu cử để các con cháu đời đời không quên bao công ơn và gương sáng tử đạo, mà học biết và nhắc nhớ nhau tuân giữ mọi luật Chúa truyền, cũng như can đảm sống chứng tá đức tin, theo gương tiền nhân anh dũng để mà làm chứng cho Tin Mừng Phục Sinh của Chúa Giêsu Kitô.

Xin Ngài hằng phù trợ cho mỗi người chúng con.



(5)

## 10 – Thưa Ngài Phêrô Phan Văn Nhiều (39)



### **KINH CẦU XIN CÙNG CÁC THÁNH TỬ VÌ ĐẠO NƯỚC VIỆT NAM**

**Kính lạy Các Thánh Tử vì đạo nước Việt Nam, ơn Chúa thương đã được sức mạnh đổ máu mình ra vì lòng kính mến Đức Chúa Giêsu, xin nhớ đến chúng con đang phải chiến trận ở chốn khách đày này. Chúng con hết lòng tạ ơn Chúa nhân lành vô cùng, ban cho Các Thánh thắng trận sáng láng đường ấy.**

**Nay chúng con mừng Các Thánh đã được châu chực Đức Chúa Trời trên các tầng trời, xin các thánh hợp một lòng cùng Rất Thánh Đồng Trinh Maria là Nữ Vương Các Thánh Tử vì đạo, mà cầu bầu trước mặt Đức Chúa Trời, xin Người đoái thương Hội Thánh còn đang phải kẻ dữ thù ghét cấm cách nhiều nơi, xin bênh vực ban ơn cho đạo thánh Đức Chúa Trời một ngày một sáng ra trong các nước chưa có đạo, cho kẻ còn ngồi nơi tối tăm và kẻ chết phần linh hồn được biết Chúa thật.**

**Chúng con ngợi khen Các Thánh Tử Vì Đạo, cùng xin cầu bầu cho chúng con và anh em họ hàng chúng con khỏi thiếu thốn phần hồn phần xác, cho chúng con được vững lòng giữ đạo thánh Đức Chúa Giêsu cho đến chết, và nếu chúng con chẳng đáng được phúc Tử vì đạo, thì xin cho chúng con được giữ nghĩa cùng Đức Chúa Trời, và kính mến Người cho đến trọn đời. Amen.**

## 11 – Thưa Ngài Tôma Nguyễn Văn Tín (35)

Kính thưa vị Tôi Tớ của Chúa,  
Thưa Ngài,



Ngài thật là đáng hãnh diện và đáng tôn kính vì có tên trong sổ bộ các vị tử đạo của giáo phận Bùi Chu được Giáo hội lưu trữ và công nhận. Con dân Du Hiếu luôn tự hào và tôn kính 27 vị tử vì đạo của làng, nhưng tiếc rằng hiện trong sổ bộ và danh sách 524 vị do Đức cha Khang nộp lên giáo triều năm 1886, thì chỉ có Ngài, cụ Canh, cụ Chinh, cụ Thuần và cụ Vinh được ghi lại.

Hơn thế nữa, dòng họ Nguyễn của Ngài lại được diễm phúc có hai anh em cùng được phúc tử vì đạo. Không rõ là Ngài hay người anh tên Phan, ai là người tỏ ra can đảm tự nguyện đi tuyên xưng danh Chúa trước, hoặc giả là cả hai anh đã em cùng bàn bạc và động viên nhau, cùng rủ nhau mạnh dạn làm chứng cho Chúa trước tòa. Dầu gì đi nữa, hẳn là cha mẹ của hai ngài đã rất hài lòng mãn nguyện về ơn huệ đặc biệt, khi được Chúa thương dành cho hai người con trai của mình, một người ở bên phải và một người bên trái, trong Vinh Quang với Chúa Giêsu Kitô.

Thưa người Tôi Tớ Chúa,

Giáo hội lữ hành được Chúa Kitô bảo vệ và ban tặng sự sống để luôn tăng trưởng và lớn mạnh. Giáo hội Việt Nam chúng ta cũng được thừa hưởng nguồn ơn lộc và sự sống này gần 500 năm nay. Ngoài số giáo dân ngày càng thêm đông, Giáo hội còn được tô điểm bởi vô vàn các Tôi Tớ Chúa, các Đấng Đáng Kính, các Chân Phước và các Thánh Nam Nữ tôi trung của Thiên Chúa nữa. Trong hoàn cảnh tang thương, tan nát và bị phân sáp đi nhiều nơi, có thể là nhiều dòng họ của các vị tử đạo trong làng Du Hiếu chưa có cơ hội để kê khai, tường trình công cuộc tử đạo của người thân trong gia đình và nộp lên giáo quyền, để hồng ân vọng Giáo Hội tuyên dương công trạng cho tương xứng. Nay chúng con là hậu

duệ của Các Ngài, chúng con không lo ngại hoặc phải buồn phiền vì chưa thấy tên của cha ông được ghi trên bảng vàng, nhưng với con mắt đức tin và niềm cậy trông vững vàng vào lời Chúa hứa, chúng con luôn tin rằng, cả thầy các vị tử đạo của làng đều đáng chung hưởng vinh quang Phục Sinh của Thầy mình, là Chúa Giêsu Kitô.

Ngày nay, khi chúng con tìm tòi và học hỏi, cùng ôn lại lịch sử từng trải của tiền nhân, chúng con được thêm lòng trông cậy và tin tưởng rằng, các đấng tử đạo của làng luôn đồng hành và bầu cử cho con dân Du Hiếu trước toà Thiên Chúa. Cũng xin Các Ngài luôn phù trợ cho chúng con, để mỗi người nhận biết và cố gắng sống xứng đáng vinh dự là con cháu của các vị tử đạo, biết sống yêu thương và tín trung một lòng với Chúa, cùng hăng sau lập công, tích phúc ngay ở đời này, hầu đáng cùng hưởng hạnh phúc viên mãn với tổ tiên trong Nước Chúa mãi mãi.

Như lời thánh Phaolô đã nói:

***“Ai có thể tách chúng ta ra khỏi tình yêu của Đức Kitô? Phải chăng là gian truân, khốn khổ, đói rách, hiểm nguy, bắt bớ, gươm giáo? Như có lời chép: `Chính vì Ngài mà mỗi ngày chúng con bị giết, bị coi như bầy cừu để sát sinh`. Nhưng mọi thử thách ấy, chúng ta toàn thắng nhờ Đấng đã yêu mến chúng ta.”*** (Roma 8. 35-36)

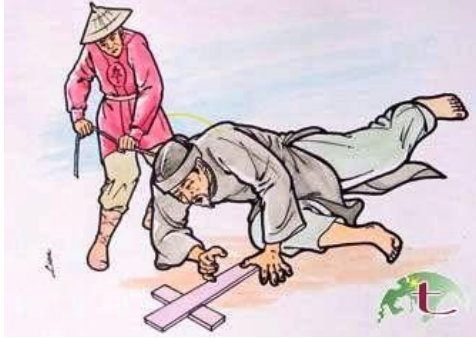
Vâng. Phải đúng là như vậy!

Chính vì lòng mến Đức Kitô mà Ngài đã quyết trung thành giữ trọn niềm tin cho đến chết. Dầu có bị quân dữ trời đánh, cắt cổ giữa làng, trước mặt bao người thân yêu của mình. Bởi vì, ***“Không có gì tách được chúng ta ra khỏi tình yêu của Thiên Chúa thể hiện nơi Đức Kitô Giêsu, Chúa chúng ta.”*** (Rm. 8. 39)

Xin Các Tôi Tớ của Chúa hằng phù trợ con dân Du Hiếu chúng con. Xin giúp chúng con biết can đảm từ chối và xa lánh mọi sự phù hoa, giả dối, chóng qua ở đời này, mà luôn gắn bó chặt chẽ với nhau cùng giữ vững niềm tin, đạo phúc đã được Các Ngài truyền lại.

## 12 – Thưa Ngài Đaminh Nguyễn Văn Sỹ (33)

Thưa vị tử vì đạo Đa Minh,



Nhìn vào tuổi đời của Ngài, chúng con liên tưởng đến sự hiện diện 33 năm của cuộc sống đời người, như Chúa Giêsu đã thực hiện xưa. Không biết là Ngài có được ăn học, được dạy bảo dìu dắt dưới mái gia đình yên ấm như Thánh Gia hay chăng. Nhưng ít ra là với hoa trái đức tin mà Ngài đã hiến dâng cho Thiên Chúa, thì chắc chắn là đã được

Thiên Chúa nhận lời, và khứng ban hồng ân tử vì đạo, cùng với các bậc cha ông, anh em, bạn bè trong làng Du Hiếu của mình.

Bây giờ, ở vào thời đại tuy văn minh, có mọi tiện nghi đầy đủ về các phương tiện vật chất, nhưng dường như không mấy ai lấy làm mãn nguyện. Mà ngược lại, nhiều người còn tỏ ra thiếu thốn, khô khan, thèm khát mọi bề, cả về mặt tinh thần cũng như về đời sống tâm linh. Chúng con muốn xin Ngài chỉ bảo và dạy dỗ chúng con, sao cho biết mưu cầu sự công chính của Nước Chúa trước hết, đồng thời có đủ can đảm và khôn ngoan, hiểu biết để mà xa tránh bao chước cám dỗ, rù quyến, ràng buộc của thế gian và ma quỷ; hồng có thể nhờ ơn thánh mà sống xứng đáng phận làm con Chúa; mau mắn đáp trả lời mời gọi làm nhân chứng đức tin, trở nên sứ giả loan báo Tin Mừng Phục Sinh của Chúa Kitô, ngay giữa dòng đời hôm nay.

Thưa Ngài,

Ở vào độ tuổi như Ngài, hiện thế giới đang bị khuynh hướng hưởng thụ và ích kỷ khổng chế, ràng buộc. Nhiều người chỉ liệu sao cho được an phận hoặc chỉ biết lấy lợi ích riêng của bản thân mình làm chuẩn mực. Xin Ngài, với kinh nghiệm đã là một người cột trụ trong gia đình, xin giúp các bậc cha mẹ biết quan tâm và lo liệu cho mỗi con cái của mình, hồng giúp nhau sống tin yêu, tốt đẹp cả về phần hồn và phần xác. Đặc biệt là có thể học hỏi và lo liệu cho con cái biết hướng về tương lai trong



tin thần phục vụ và trách nhiệm; hầu có thể gầy dựng nền tảng gia đình mình trên căn bản tình yêu Kitô-giáo, cũng như trở thành những gia đình gương mẫu, cống hiến tích cực cho giáo hội của Chúa.

Xin Ngài phù trợ mọi gia đình Công giáo chúng con.

### **13 - Thưa Ngài Phêrô Nguyễn Văn Cảnh (32)**

Thưa Người Tôi Tớ của Chúa,



Sách Khôn Ngoan có câu: **“Chúa đã thử luyện các ngài như thử vàng trong lửa, và chấp nhận các ngài như của lễ toàn thiêu...”** Câu này hoàn toàn phù hợp mỗi khi có dịp suy niệm về cuộc tử đạo của Ngài.

Chúng con có thể mừng tượng ra cảnh lý hình và quan quân kéo nhau vào làng để vây bắt, cột trói và lôi kéo các ngài về khám đường cùm kẹp và cầm cố. Rồi không riêng là các quân canh, mà còn bao kẻ ngoại đạo, quan quyền sẵn lòng thù ghét và khinh chê đạo Chúa ra sức nhục mạ và nguyên rủa... Ấy vậy mà Ngài và các trai tráng cùng bị bắt giữ vẫn hiên ngang can đảm chịu đựng, luôn một dạ một lòng tín trung chọn Chúa, chấp nhận bỏ cả tính mạng, chịu hy sinh mất gia đình, của cải và mọi sự vì Danh Chúa!

Nhìn vào đời sống đạo nghĩa của người bây giờ, nhiều khi chúng con cũng phải tự hỏi, nếu mà tình trạng bách hại như thời của tiên nhân xưa lại xảy ra, thì không biết là liệu mỗi người chúng con có thể bình tĩnh, can đảm mà chọn đạo, thờ Chúa được hay không? Hoặc là các con cháu hậu duệ của các vị tử vì đạo sẽ giữ đạo được như thế nào?

Con nghe cha mẹ kể lại chuyện rời bỏ quê cha đất tổ mà gồng gánh, ẵm bế con cái di cư từ miền Bắc vào Nam, để hồng mong còn có cơ hội tự do giữ Đạo. Bố mẹ kể là tâm trạng lúc đó thật vẫn vương và buồn bã, lòng dạ như bị nát tan và rối sầu. Bởi vì đối với những bậc làm cha, làm mẹ thì

## *Ngọn Lửa Tin Yêu*

khi phải nghĩ đến chuyện tương lai cho con cái, phải quyết định dứt ruột để mà lìa xa bỏ mẹ, xa ông bà, lìa xóm vốn quen thân của mình, tìm chọn phần đất an toàn và bảo đảm cho tương lai của con cái. Mặc dầu các ngài chẳng hề biết về miền Nam là gì, có chắc là miền đất an lành, lý tưởng hay không, nhưng cũng phải đành lòng, nhắm mắt gạt lệ ra đi, hòng chọn tự do, chọn lương tâm chính nghĩa hơn là ở lại với lũ vô thần...

Thưa Ngài,

Lịch sử không thể nào có thể diễn tả trung thực, hoặc trung dẫn đủ mọi chứng cứ để mà vạch rõ, nói hết về một chân lý vĩnh cửu, hoặc về sự huyền nhiệm của các kế hoạch nơi Thiên Chúa. Chỉ với con mắt đức tin và một tình yêu chân thật mới giúp con người nhận biết và tìm về nguồn cội của mình. Nhờ đó mà học biết và sống, làm chứng cho mối tương quan tuyệt đối với Đấng Tạo Dựng, Đấng đã khứng ban sự sống và thể giới cho loài người. Và nhờ thế, đối với những kẻ được yêu thương và được tuyển chọn như các vị tử đạo, Các Ngài mới có đủ can đảm và vinh hạnh để lấy chính mạng sống mình mà đáp trả tình yêu của Thiên Chúa; dám tin tưởng mạnh mẽ về một sự sống vĩnh cửu, để mà can đảm vác trọn thập giá đời mình, cùng chịu chết để làm chứng tá cho Tin Mừng Phục Sinh với Chúa Giêsu Kitô.

Như lời thánh Phêrô gửi cho các tín hữu xưa, cũng xin Ngài thương giúp chúng con dõng theo gương can đảm của Ngài, để có thể sống xứng đáng là con cháu, hậu duệ của Ngài:

*“Anh em đang bị lửa thử thách; đừng ngạc nhiên mà coi đó như một cái gì khác thường xảy đến cho anh em. Được chia sẻ những đau khổ của Đức Kitô bao nhiêu, anh em hãy vui mừng bấy nhiêu, để khi vinh quang Người tỏ hiện, anh em cùng được vui mừng hoan hỷ. Nếu bị sỉ nhục vì danh Đức Kitô, anh em thật có phúc, bởi lẽ Thần Khí vinh hiển và uy quyền, là Thần Khí của Thiên Chúa ngự trên anh em.*

*“Đừng có ai trong anh em phải chịu khổ vì tội giết người, trộm cắp, làm điều gian ác hoặc dây mình vào việc người khác; mà nếu có ai phải chịu khổ vì danh hiệu Kitô-hữu, thì đừng xấu hổ,*

***nhưng hãy tôn vinh Thiên Chúa, vì được danh hiệu đó.”***  
(1Phê rô. 4.12-16)

Thưa Ngài,

Quả đúng là như vậy.

Xin Ngài, cùng các đấng tử vì đạo làng Du Hiếu soi sáng và cầu bầu cho chúng con, cũng biết dùng mọi phương tiện và hoàn cảnh hiện tại, biết trân quý giá trị và truyền thống đức tin của cha ông, để mà chiến đấu vượt thắng mọi gian nan, nguy hiểm, hầu có thể theo gương Các Ngài, cùng làm chứng tá cho Chúa, trong mọi hoàn cảnh, mọi nơi, mọi thời trong cuộc sống.

## **14 - Thưa Ngài Phêrô Cao Văn Huynh (30)**

Thưa vị tử đạo,



Thật quả là đúng với lời hứa về dòng dõi của người tôi tớ Chúa sẽ được viên mãn, trường tồn. Bởi vì với những bằng chứng cụ thể và minh nhiên là, con cháu của Ngài sau gần hai trăm năm nay vẫn hiên ngang trung thành với đạo Thánh Chúa. Khi việc chuẩn bị sưu tầm tài liệu được mời gọi, thì cụ cố Oánh đã sớm lên tiếng và vui lòng cung cấp dữ liệu tử đạo. Điều này hẳn là nói nên một niềm kiêu hãnh và vinh dự của dòng tộc, cũng như muốn nhắc nhớ, truyền đạt lại cho con cháu cần học biết, gìn giữ và

kiên trì theo gương hy sinh tử đạo của tiền nhân, hòng chọn lựa và xây dựng nền tảng đời sống đức tin trên chính nền đá tảng cứu độ là Chúa Giêsu Kitô vậy!

Chúng con có thể chắc chắn một điều là, hoa trái tử đạo là Ngài, chẳng những không bị chôn vùi, bị tan biến đi theo thân xác, mà hẳn là linh hồn,

## *Ngọn Lửa Tin Yêu*

thần khí của Ngài vẫn đang hiện diện, được sinh sôi nảy nở ra nhiều linh mục, tu sĩ, dân Chúa nữa. Những con cháu của Ngài vẫn hiên ngang can đảm dấn thân phục vụ, đóng góp cho Nước Chúa và Giáo Hội.

Thánh Phaolô đã từng khuyên nhủ các tín hữu thành Rôma:

*“Anh em đừng có rập theo đời này, nhưng hãy cải biến con người anh em bằng cách đổi mới tâm thần, hầu có thể nhận ra đâu là ý Thiên Chúa: cái gì là tốt, cái gì đẹp lòng Chúa, cái gì hoàn hảo”* (Rm. 12. 2).

Xin Ngài cầu bầu để chúng con xứng đáng vâng giữ lời dạy bảo trên.

## **15 – Thưa Ngài Đaminh Phan Văn Đậm (29)**

Thưa vị tử đạo,

Gia phả họ Phan ghi lại rằng Ngài là dưỡng tử của cụ Quản Chiêu, là người đầu và là cuối của ngành thứ Tám trong gia đình. Ngài đã cùng dưỡng phụ tuyên xưng đức tin, sẵn lòng chịu chết vì tình yêu Chúa Kitô Giêsu, trong một hoàn cảnh thật là khắt khe, có thể gọi là một sự chọn lựa tuyệt đối. Đời đời mà Ngài phải chấp nhận chọn việc chết đi mà không cơ hội để lại con cháu nối dõi tông đường. Động lực nào thúc đẩy và giúp Ngài can đảm quyết định sự chọn lựa này? Cũng như lợi ích gì, khiến Ngài quyết tâm thực hiện việc “chết-mình-đi” được như vậy?

Vâng. Chính Ngài là người đã dứt khoát mong muốn được thực hiện lời Chúa Giêsu phán xưa, chấp nhận thân phận như một hạt lúa mì chịu rơi xuống và bị mục nát đi, hòng sinh ra trăm ngàn hạt.

Con cháu của cụ Quản Chiêu giờ đã sinh sôi nảy nở ra hàng ngàn, hàng vạn. Còn tự chính bản thân Ngài, có thể không được mấy người biết đến, chẳng mấy khi thấy ai nhắc nhở trong các sinh hoạt thường ngày. Nhưng ngược lại, chính máu đào của các vị tử vì đạo như Các Ngài lại giúp sinh ra bao tín hữu công giáo khác. Và công nghiệp tử vì đạo của Ngài, lại thành sức mạnh nâng đỡ đời sống đức tin, giúp cho bao người can đảm, kiên trì giữ đạo và sống đạo.

Chúng con, những người tu sỹ, các linh mục xuất thân từ làng Du Hiếu cũng cảm thấy được gần gũi và quý mến Ngài. Bởi vì, qua lời khẩn độc thân vì Nước Trời, chúng con cũng là những người đã quyết định chọn một lối sống nên giống Ngài hơn bất cứ những ai khác. Tuy cuộc sống tu trì, và đời linh mục của mỗi người chúng con chẳng thể sánh với vinh phúc tử đạo, nhưng với sự chấp nhận chết đi con người của mình “vì Nước Trời” này, chúng con cũng tuyên khấn và vui sống đời độc thân để được hoàn toàn tự do yêu mến và phục vụ Chúa và Giáo Hội. Chúng con cũng được mời gọi chết đi con người của mình mọi ngày, và mong được trở nên những kẻ trọn đời độc-thân như Ngài.

Thưa Ngài,

Ngày nay Giáo Hội Chúa càng mong đợi có thêm thật nhiều bạn trẻ biết tự nguyện hiến thân chọn con đường tận hiến, sống đời độc thân để mình chứng cho thế giới biết về một tình yêu thuần khiết, tốt lành và thánh thiện. Luôn cần những con chiên tinh tuyền không tỳ vết, hồng dâng lên Thiên Chúa như những của lễ toàn thiêu, mong cùng hiệp thông với công cuộc chuộc tội của Chúa Giêsu Kitô, hồng van nài lòng Thương Xót của Chúa cho muôn dân. Chính qua lối sống tự nguyện hiến dâng cho một tình yêu tối thượng, bằng tâm tình đơn sơ, chân thành và nồng ấm như vậy, sẽ giúp nhân loại nhận ra và tìm về nguồn tình yêu chân thật của Thiên Chúa. Có thể chấp nhận yêu thương và tha thứ, nâng đỡ và chia sẻ cuộc sống cho nhau, theo gương Thầy Chí Thánh Giêsu được.



Khi gẫm suy về cuộc tử nạn của Ngài, con nhớ đến lời Chúa được ghi trong sách Khải Huyền: ***“Đừng sợ các nỗi đau khổ nơi sắp phải chịu; này ma quỷ sắp tống một số người trong các nơi vào ngục để thử thách các nơi; các nơi sẽ phải lâm cảnh gian truân trong vòng mười ngày. Hãy trung thành cho đến chết, và Ta sẽ ban cho nơi triều thiên sự sống. Ai có tai, thì hãy nghe điều Thần Khí nói với Hội Thánh: Ai thắng sẽ không hề bị cái chết thứ hai làm hại.”*** (Kh. 2. 10-11)

## *Ngọn Lửa Tin Yêu*

Vâng. Ngài đã khôn ngoan chịu chết một lần, để mãi chung hưởng vinh quang Thiên Chúa, chứ nhất định không chịu thoả hiệp với ma quỷ mà chối Chúa, bỏ đạo.

Xin Ngài hằng phù trợ cho chúng con, và nài xin Chúa tiếp tục khứng ban cho con dân Du Hiếu ngày càng có thêm đông số tu sỹ, linh mục để phụng sự Thiên Chúa và cộng tác hoạt động tích cực trong Giáo Hội, nhằm cứu rỗi các linh hồn.

## **16 – Thưa Ngài Phêrô Vy (27)**

Thưa Ngài,



Khi tìm hiểu về dòng dõi và thân thế, sự nghiệp của Ngài, con thấy có nhiều điều chưa được tường mà chẳng biết phải hỏi ai để tìm cho ra lẽ. Xin Ngài thứ lỗi và chỉ dạy cho con.

Theo như gia phả của dòng họ Phan và trong danh sách 27 vị tử vì đạo của làng Du Hiếu, thấy có ghi Ngài là tế tử của cụ Quản Chiêu, và có đoạn cho biết Ngài là con rể của cụ Tổ, là chồng của cô Vy, con cả đầu ngành của họ Phan. Và trong phần giới thiệu từng ngành, có ghi bà xã Vy lấy chồng họ Trần... Nếu đúng như vậy, thì Ngài thuộc dòng họ Trần, và lịch sử làng Du Hiếu có thể lưu danh thêm trường hợp đặc biệt, là bố vợ và con rể cùng được diễm phúc lãnh triều thiên vinh quang...

Thưa Ngài,

Có phải vì công nghiệp tử đạo của Ngài, mà người nữ tu tiên khởi xuất thân từ làng lại chính là ái nữ của Ngài. Chúng con chẳng được ai kể cho biết về cuộc đời tận hiến của cô Nhiệm, nhưng có thể suy đoán ra rằng, niềm hãnh diện tự hào có được người cha gương mẫu, can đảm tuyên xưng đức tin, đã giúp cho cô từ bỏ mọi sự để mà hiến thân phục vụ nước

Chúa trong bậc tu trì. Và cũng có thể là nhờ vào tấm gương đi trước của cô, sau này còn có bao nhiêu nam nữ tu sỹ của làng, vui vẻ dõi theo chân cô để chọn con đường tận hiến cho Chúa và phục vụ Giáo Hội.

Chúng con xin cũng được gọi Ngài là ông Cố, như bao phụ huynh đã dâng con cho Thiên Chúa. Xin Ngài tiếp tục phù hộ cho các gia đình trong làng, biết trân quý lời mời gọi thánh hiến và sẵn sàng động viên các con cái của mình, khao khát vui vẻ dâng hiến cuộc đời trong bước đường tu trì. Bởi vì đây một ơn huệ đặc biệt do tự chính Chúa Giêsu muốn thương chọn và dành riêng để mà ban tặng những kẻ mà Người yêu mến, tuyển chọn, cho phép họ luôn được hiện diện ở gần bên Người.

Truyền thống tốt đẹp thật đáng hãnh diện và nên gìn giữ của người công giáo Việt Nam là, tự mỗi gia đình luôn cổ vũ, khuyến khích và làm gương để cho con cái mạnh dạn tự nguyện tham gia sứ mạng truyền bá Tin Mừng, qua con đường tận hiến, tu trì. Giáo hội Việt Nam tuy sinh sau đẻ muộn so với giáo hội toàn cầu, nhưng luôn có điểm son, là mẫu mực trong việc sản sinh ơn gọi, nhằm đáp ứng đòi hỏi nhân sự cho hàng giáo phẩm địa phương, cũng như sự hiện diện thật nhiều trong các hội dòng.

Mặc dầu là giáo hội Việt Nam không ngừng bị trở ngại, gặp phải nhiều gian nan thử thách, nhưng dẫu tình huống xã hội có ngặt nghèo đến đâu, vẫn không bao giờ thiếu các bạn trẻ can đảm dấn thân theo đuổi ơn gọi tu trì. Nhìn vào danh sách các linh mục, tu sỹ nam nữ gốc từ Du Hiếu, chúng con cảm thấy thật là đáng mừng và trào dâng tâm tình cảm tạ.

Thế giới hiện nay có nhiều nước đang thiếu khát ơn gọi. Nhiều giáo hội đang lo lắng về sự giảm sút, thiếu vắng ơn gọi cho dân tộc mình. Thế mà ơn gọi được thương ban con dân gốc Du Hiếu vẫn dồi dào, và có cơ hội được đóng góp, cùng phục vụ mọi nơi, trong nhiều lãnh vực. Hẳn phải là nhờ vào lời cầu bầu và là sự bù đắp từ các nghĩa cử: “**chấp nhận mục nát đi, để sinh trăm ngàn bông hạt**” mà tiền nhân, cha ông chúng con đã khôn ngoan, lựa chọn và để lại.

Xin Ngài là vị quan thầy bầu cử cho ơn gọi của làng Du Hiếu chúng con.

## 17 – Thưa Ngài Phêrô Nguyễn Văn Quỳnh (27)



Thưa vị tử đạo,

Không biết là trong sử liệu của làng Quỳnh Côi, Thái Bình có ghi về cái chết của Ngài, một “tội phạm” gốc Du Hiếu, Giao Thủy từng bị gông cùm, giam giữ vì dám cả gan ngoan cố, liều mình theo “Datô tả đạo” hay không. Và trước khi bị thiêu sống đến chết, Ngài có thấy đau đớn, nhục nhã vì lính tráng ép thịch vào má hàng chữ “Datô tả đạo” hay không.

Trong tài liệu sách sử ghi lại, có vị tử vì đạo sau khi bị cưỡng bức thịch tả vào má bốn chữ trên, đã can đảm xin bạn tù cắt bỏ hai chữ “tả đạo” đi, để danh xưng Datô đã thịch tả này, lại thành cơ hội làm vinh hạnh Chúa. Bởi vì dầu có đau nơi thân xác, dầu bị nhục bị bêu xấu, nhưng đối với người đã yêu Chúa, thì lại là dịp để được nên giống như Thầy mình, được dịp lấy dầu “Datô”, làm dầu chỉ thuộc về Chúa thật.

Thưa Ngài,

Ở vào thời đại của chúng con bây giờ, con không rõ là con cháu dòng họ Nguyễn của Ngài như: Thân, Thậ, Thuận hiện như thế nào. Ngay nơi quê Du Hiếu, ở Hồ Nai, tại Cái Sắn, Hóc Môn, và nhiều nơi ở hải ngoại, hầu như chẳng mấy ai được nghe, chẳng được nhắc nhở kể cho nghe việc hy sinh tử đạo của các vị tiền nhân xưa nữa. Không biết có phải là nhiều người muốn quên đi mọi chuyện quá khứ, chẳng muốn liên tưởng, hoặc bị ám ảnh bởi các cảnh tang thương, bị thảm họa đày của bất cứ ai nữa. Có thể là thời gian chiến tranh, giết chóc đã khiến lòng người ra chai đá, vô tâm. Hay là thập giá mỗi người con đang phải mang vác hàng ngày, đã quá nặng với riêng từng người, nên chẳng còn đủ sức, dư can đảm để mà ghi nhớ, hiệp thông với ơn phúc tử đạo nữa?.

Lẽ ra, đối với ơn phúc tử vì đạo, thì những sự đau khổ, chia ly, bách hại chẳng là điều trở ngại, chẳng xứng đáng để so với giá trị đức tin, với phần thưởng sự sống đời đời. Lẽ ra ơn mời gọi đồng hành cùng vác thập



giá như Chúa Giêsu, để cùng được vào vinh quang Nước Chúa, phải là niềm vinh dự, là dịp chứng tỏ tình yêu và sự trung thành trong ơn gọi làm con Chúa, đối với mọi người... Không biết rằng liệu về sau, chúng con có thể theo Chúa mà không qua con đường thập giá, yêu Chúa mà không chịu hy sinh, mến Chúa mà hết mình phục vụ đồng loại được chăng.

Thưa Ngài,

Lời sách Khải Huyền xưa hẳn đã là động lực giúp Ngài can đảm tuyên xưng Đức Tin, sẵn lòng chịu chết để giành phần thắng. Bởi vì:

***“Họ là những người đã đến sau khi trải qua cơn thử thách lớn lao. Họ đã giặt sạch và tẩy trắng áo mình trong máu Con Chiên. Vì thế, họ được châu trước ngai Thiên Chúa, đêm ngày thờ phượng trong Đền Thờ của Người; Đấng ngự trên ngai sẽ căng lều của Người cho họ trú ẩn. Họ sẽ không còn phải đói, phải khát, không còn bị ánh nắng mặt trời thiêu đốt và khí nóng hành hạ nữa. Vì Con Chiên đang ngự ở giữa ngai sẽ chặn dấm và dẫn đưa họ tới nguồn nước trường sinh. Và Thiên Chúa sẽ lau sạch nước mắt họ.”*** (Kh. 7. 14-17)

Xin Các Ngài cầu bầu cùng Chúa, để dù có sự khác biệt về thử thách, dù hàng ngày không gặp bao cực hình, dù là với những dị biệt đổi thay trong văn hoá, hoặc khác thể chế chính trị, nhưng các thể hệ sau của chúng con vẫn có thể tìm ra phương cách, lối sống thích hợp để mà chiến đấu, vượt thắng các chức ám dõ, yêu đuổi xác thịt.

Xin giúp chúng con hiểu được rằng, nhờ có sự can đảm chấp nhận gian nan thử thách, mà con người mới học được bài học tín trung; nhờ sự yêu đuổi, giới hạn giúp con người bền lòng phó thác và trông vào ơn Chúa; nhờ sự dẫn thân, kiên nhẫn chịu đựng sẽ giúp tình yêu được tinh luyện. Nhờ đó có thể chiến thắng được những xu hướng tạm bợ thế tục, và bền lòng giữ đạo, trung thành với ơn gọi làm con Chúa, xứng đáng là hậu duệ của Các Ngài cho đến hơi thở cuối đời.

## 18 - Thừa Ngài Đaminh Nguyễn Văn Thiều (26)



Thừa vị tử đạo,

Sách vở ghi rằng Ngài là một tân tông, là bôn đạo mới vậy mà sao Ngài lại được vinh hạnh lãnh phúc triều tiên tử vì đạo làm vậy. Không biết là những tín hữu đạo gốc thời ấy đem lòng ganh tỵ, hoặc có ai cũng mong khao khát, thèm được tranh phúc tử đạo với Ngài hay chăng. Các con cháu của Ngài là Quynh, là Quỳnh có thấy đây là một niềm vinh dự, và học biết được gì qua bài học tuyên xưng đức tin của Ngài hay chăng.

Thiên Chúa thật là quảng đại và công minh, nên không vì những năm dài tháng tận bỏ công theo đạo, hoặc vì công đức đạo hạnh của riêng ai, mà Người sẵn lòng ban phước tử vì đạo cho tất cả những ai khao khát và mong đợi, những người thực sự muốn cùng được hiệp thông trong việc đổ máu vì đạo cùng với Con Một của Người, là Đức Kitô Giêsu.

Như xưa trên Thập Tự, Chúa Giêsu đã không đòi hỏi công khó và những hy sinh vất vả, những thành tích, kết quả của con người. Mà chính Chúa đã tha thứ và hứa ban phần thưởng Nước Trời ngay cho tên trộm lành, kẻ đã thực tâm thống hối và trông cậy mọi sự nơi Người. Vì thế, đối với Thiên Chúa thì chẳng còn có sự phân biệt ai là bôn đạo mới, hay ai là con chiên cũ; Việc được nhận vào Nước Trời hẳn không còn do công nghiệp cá nhân ta làm, mà chính là nhờ lòng tin vào Con Một, là Chúa Giêsu Kitô, Đấng đã hết lòng yêu thương tìm kẻ có tội để mà tha, chấp nhận đổ máu mình chịu chết để mà đền tội thay cho muôn dân.

Chúng con xin Ngài nâng đỡ đức tin còn non kém, yếu đuối của chúng con.

## 19 - Thưa Ngài Đaminh Nguyễn Văn Hạnh (25)



Thưa vị tử đạo

Con mong sớm được nghe về hạnh tích tử vì đạo của Ngài từ chính môi miệng con cháu họ Nguyễn, là các con cháu cụ Tấn và cụ Thứ...

Ở lứa tuổi 25, là tuổi nhiều người có thể bước vào xã hội để mà xây dựng mái ấm gia đình cho bản thân, hẳn là Ngài cũng đã ấp ủ bao mộng ước, với nhiều dự tính tương lai, kỳ vọng một cho mái gia đình cho riêng mình. Nhưng những ước mơ thật đơn giản và tự nhiên này, đã không được thực hiện trong cuộc đời của Ngài, vì là thời bách hại cấm đạo. Nhưng bù lại, Thiên Chúa có cách làm việc khác lạ và mong muốn chuẩn bị cho Ngài một mái gia đình khác, một gia đình đông đúc và đa dạng hơn, với nhiều thành phần khác biệt và đặc sắc hơn, hầu làm phong phú không riêng gì cho đại gia đình này, mà còn trở nên nền tảng gương mẫu cho làng Du Hiếu và cho giáo hội Việt Nam nữa. Đó là việc kêu gọi và xây dựng một đại gia đình tử vì đạo, gồm cả 27 sinh mạng đồng lòng chết để minh chứng cho một tình yêu chân thật và bất diệt của Thiên Chúa.

Thưa Ngài,

Tuổi đời không là thước đo về chiều kích đức tin, và công đức của mỗi người cũng chẳng thể bảo đảm để được vào Nước Trời. Nhưng chính đức tin và lòng trung tín, chính sự gắn bó mật thiết cuộc sống của mình trong ơn gọi làm con Chúa, mới giúp mỗi người nhận ra được việc mình phải làm, lẽ phải nào để mà theo, hầu được sống và được hưởng các giá trị đời đời ấy, đến nỗi dám liều mình để đánh đổi. Điều này đã được Ngài minh chứng và nêu gương, khi cam lòng chịu chết để tuyên xưng đạo Chúa.

Lời của thánh Phaolô xưa, có lẽ cũng là giá trị mà Ngài đã chọn:

***“Thật vậy, không ai trong chúng ta sống cho chính mình, cũng như không ai chết cho chính mình. Chúng ta có sống là sống***

***cho Chúa, mà có chết cũng là chết cho Chúa. Vậy, dù sống, dù chết, chúng ta vẫn thuộc về Chúa; vì Đức Kitô đã chết và sống lại là để làm Chúa kẻ sống cũng như kẻ chết.”*** (Rm. 14. 7-9)

Ngài đã thực sự sống với xóm làng, cho gia đình và bạn hữu. Ngài cũng đã thực sự chết với bao đồng bạn, nhiều tín hữu. Tất cả đều nhờ bởi sức mạnh Phục Sinh của Chúa Giêsu Kitô, Đấng cũng đã thực sự sống và chết cho nhân loại.

Xin Ngài phù trợ cho các gia đình trẻ, để họ hiểu thế nào là lẽ sống, là tình yêu thật, thế nào là một mái ấm gia đình Công giáo gương mẫu và cần phải được bảo bọc và duy trì. Nhất là cần phải học biết để sao cho mọi thành viên của gia đình có thể tôn trọng và gìn giữ được bầu khí thuận hoà, tương kính lẫn nhau, biết yêu thương và kính trọng cha mẹ, anh chị em cho xứng bậc mình, biết lấy Chúa làm trọng tâm và sống tinh thần Phúc Âm, tích cực cảm nhận thật sự Chúa đang hiện diện ngay chính trong gia đình của mình. Nhờ đó, không còn một ai coi thường sự sống; và cũng không có ai e ngại phải hy sinh, tránh thử thách, mà biết sống trọn cho Chúa, chết đi vì Chúa, hầu cùng hưởng vinh quang bất diệt với Chúa muôn đời.

## **20 - Thưa Ngài Vincentê Phan Văn Hồ (24)**

Thưa vị tử đạo,



Thật là một niềm vinh dự khi Ngài và người cha yêu quý cùng được hân hạnh lãnh nhận triều thiên tử vì đạo.

Quan quyền thời đó đã không thể lừa dối hoặc làm siêu lòng, đổi dạ trung kiên của cha con Ngài, khi chúng chia cắt đôi bên, cố tình giam giữ mỗi người một nơi để hòng lung lạc đức tin, chặn nguồn an ủi, động viên trong những giây phút cuối cùng của một đời người.

Đối với con mắt loài người, thì mức độ cực hình hoặc là hình thức tử vì đạo có thể là một sự so sánh hơn kém, ít nhiều. Nhưng trước mặt Thiên Chúa, thì phần thưởng dành cho tôi tớ yêu thương chẳng kể gì đến các phương tiện hoặc dụng cụ đã dùng. Chính kết quả chịu tử vì đạo mới là điều quan trọng để con người tỏ ra mình là người con của Chúa thật. Đối với Hai Ngài, thì việc bị xử trảm hoặc bị thiêu sống, không là điều đáng phải đặt vấn đề, và cũng chẳng phải là điều hơn kém, dành cho ai là cha hoặc ai là con. Mà điều đáng quý nhất, chính là cả cha và con, cả hai đều cùng được lãnh triều thiên vinh quang tử đạo. Xin thành thực chúc mừng và cùng tạ ơn Thiên Chúa với gia đình họ Phan của Hai Ngài.

Thưa Ngài,

Hẳn là những lời khuyên nhủ của thánh Phaolô với dân thành Cô-rin-tô xưa, cũng là lời mà Ngài và nhiều dân làng Du Hiếu đã dùng để động viên, khích lệ nhau cùng chịu vinh phúc Tử Vì Đạo:

***“Chúc tụng Thiên Chúa, là Thân Phụ Đức Giêsu Kitô, Chúa chúng ta. Người là Cha giàu lòng từ bi lân ái, và là Thiên Chúa hằng sẵn sàng nâng đỡ ủi an. Người luôn nâng đỡ an ủi chúng ta trong mọi cơn gian nan thử thách, để sau khi đã được Thiên Chúa nâng đỡ, chính chúng ta cũng biết an ủi những ai lâm cảnh gian nan khốn khó. Vì cũng như chúng ta chia sẻ muôn vàn nỗi đau khổ của Đức Kitô, thì nhờ Người, chúng ta cũng được chan chứa niềm an ủi.”*** (2 Cô-rin-tô 1. 3-5)

Xin Hai Ngài cầu cùng Chúa và phù hộ cho các gia đình chúng con, biết trên thuận dưới hoà, cha mẹ luôn là nơi nâng đỡ chở che cho con cái và con cái luôn biết vâng phục, ngoan ngoãn kính yêu cha mẹ.

Xin cho những trẻ em được sinh ra trong mái gia đình, luôn cảm nhận được tình nồng ấm của người cha, như là sự nhân lành của Thiên Chúa; luôn được gần gũi với người mẹ, như Mẹ Maria đã đồng hành với công cuộc nhập thể, cứu thế của Con Mẹ xưa.

## 21 - Thừa Ngài Vincentê Trần Văn Chính (17)

Thừa Người Tôi Tớ của Chúa,



Thưa Ngài,

Chúng con rất lấy làm hãnh diện được xưng gọi Ngài với danh hiệu là Người Tôi Tớ của Thiên Chúa. Và thật sự là đối với chúng con, lại càng thêm phục yêu mến Ngài hơn nữa, khi được biết với tuổi 17 của Ngài, mà đã có đủ khôn ngoan, dư sức mạnh và thừa can đảm để hiên ngang bước theo con đường Thập Giá Chúa Giêsu cho trọn. Đối với bản thân chúng con và nhiều bạn trẻ đồng

thời đã ở vào tuổi 17, thì thật là một thời gian đáng lo âu, bấp bênh, mù mịt về tương lai số phận.

Trong thời tuổi trẻ, chúng con sinh sống ở miền Nam, là mảnh đất tha hương mà cha mẹ phải miễn cưỡng đành chọn, sau khi nén lòng bỏ lại quê cha đất tổ phương Bắc mà di cư vào Nam tìm tự do và mưu cầu sự sống. Ấy vậy mà thời thế chẳng những không dung tha mà lại còn đầy đọa. Khiến chúng con bị hoang mang, thiệt thòi mọi sự. Qua cuộc chiến nhân danh Quốc-Cộng, một cuộc chiến chính nghĩa bị bẻ cong, tự do độc lập và hạnh phúc của dân tộc chỉ là bằng hiệu giả hiệu lừa dối thế giới khiến chúng con thành kẻ thảm bại, thua trận

Những bạn trẻ ở lại miền Bắc cũng không thoát khỏi đại họa. Nhiều người đã bị động viên, bị xung quân và cưỡng bức tham gia chiến dịch với một tên gọi thật là mỹ miều, là được thực hiện nghĩa vụ “giải phóng miền Nam”, nơi anh em đồng bào đang bị nguy quyền hà khắc cai trị và bóc lột... Để rồi, chỉ trong vòng mười sáu năm trời, hàng triệu người trẻ của hai miền Nam - Bắc đã bị dồn đẩy vào một cuộc chinh chiến nôi da xáo thịt, khốc liệt và tương tàn. Kết cuộc cho thấy có tới hàng triệu sinh mạng dân lành, trai trẻ Việt phải hy sinh thí mạng. Phần thưởng cho kẻ chiến thắng chỉ là thù hận, kiêu ngạo và nông cuồng...

Chúng con chẳng biết được là những nhà lãnh đạo và các kẻ cầm quyền của cả hai bên, có cách nào để mà giải thích, cắt nghĩa một cách ôn hoà cho dân tộc Việt nam, là bởi đâu mà họ hô hào, xô đẩy bao trẻ ưu tú của dân tộc lao đầu vào một cuộc chiến tương tàn. Có ai có thể minh nhiên cho một cuộc chiến Nam Bắc, để mà nhân danh kêu gọi chiến đấu cho ai, vì ai. Và tại sao lại cần liều mình hy sinh vì một lý tưởng, với những giá quá đắt phải trả, cũng như lấy gì để mà bù đắp cho cân xứng, đối với hàng triệu sinh linh đã bỏ mạng?

Chuyện chiến tranh tương chừng như vô nghĩa và đáng lên án đã đành, mà điều trần trở còn lại là chẳng thể định hướng tương lai thời hậu chiến là thể nào. Quê hương Việt Nam đã qua hơn 40 năm sau khi tiếng súng oan khiên kia đã ngừng vọng; các bạn trẻ Việt cũng được giải thoát khỏi cái ách nghĩa vụ “tiếp cứu anh em XHCN” từ Campuchia về lại với gia đình. Nhưng sinh mạng của hơn 55 ngàn bạn trẻ phải hy sinh trên đất người chẳng đủ giúp mang lại hoà bình và hạnh phúc cho nước láng giềng. Một mặt, dẫu cơn ác mộng “tòng quân nhập ngũ thi hành nghĩa vụ anh em” kia có sớm xoá khỏi ký ức của các bạn trẻ, nhưng về việc học hành, hành trang chuẩn bị vào đời chẳng được đề cao khích lệ. Ngược lại, một lối sống ích kỷ hưởng thụ, chơi bời nghiện ngập, trác táng suy đồi lại bùng nổ và lan tràn khắp nước, khiến bao thanh thiếu niên bị ngập choáng và mất định hướng, sớm sa lầy, vướng mắc theo vòng tội lụy. Hậu quả là số người trẻ bị nghiện ma tuý có tới hàng trăm ngàn; số bị lây nhiễm sang HIV và SIDA cũng không kém.

Không những thế, vấn đề nhức nhối và đau buồn của người trẻ Việt Nam bây giờ là các căn bệnh cấp tính nan y, gây nguy hiểm như: hội chứng ích kỷ, tình trạng gian dối và thái độ vô cảm. Ích kỷ là vì hầu như ai ai cũng chỉ suy nghĩ và mãi lo làm giàu, vun quén cho bản thân cá nhân mình; chẳng mấy ai nhớ tới tinh thần tương thân tương trợ; hoặc chẳng còn biết trên kính dưới nhường dưới, thứ tha độ lượng với nhau như xưa nữa. Sự giả dối và gian tham đang xâm nhập vào đủ mọi tầng lớp, đang gây nguy hại không riêng đồng bào trong nước, mà còn lan tràn sang nhiều nước, ảnh hưởng tại nhiều quốc gia khác nữa.

Sự vô cảm cũng đang làm tê liệt, chiếm hữu tâm hồn người trẻ trên khắp quê hương. Trong gia đình thì chẳng còn mấy ai biết quan tâm đến anh em, họ hàng; ngoài xã hội thì thiên hạ mặc ai nấy sống. Sự lạnh chẳng

## *Ngọn Lửa Tin Yêu*

được dây dỗi bảo ban, còn sự ác chẳng mấy ai khuyên răn, sửa phạt; làng xóm, phố xá ai nấy chỉ biết sống riêng cho bản thân và để mặc người khác sống chết mặc bay... khiến cho trẻ em và người lành, người già tưởng chừng như không còn đất an lành để mà sống. Những kẻ nghèo hèn yếu đuối thì bị ức hiếp chà đạp; văn hoá đạo đức ngày càng bị suy đồi; luân lý xuống dốc lụn bại...

Thưa Ngài,

Những thứ vi khuẩn, ung nhọt này đang gặm nhấm, phá hoại và làm tê liệt ý chí và tinh thần, gây hệ quả làm thối rữa, huỷ hoại, tan nát các cơ chế trong gia đình, xã hội. Xu hướng ăn chơi hưởng thụ và nhắm mắt chạy theo cám dỗ lan tràn, cộng thêm tình trạng tôn ty trật tự xã hội bị đảo lộn, văn hoá đạo đức luân lý bị coi thường... nên đã khiến nhiều bạn trẻ bị lạc hướng và lầm đường, ngã sa vào vòng tội lụy. Điều này chẳng ngoại trừ hoặc miễn dịch đối với người trẻ Công giáo, và đáng buồn hơn nữa là cũng chẳng kiêng nể, hoặc chừa ra con cháu các vị tử vì đạo.

Vì thế, chúng con tha thiết nài van Ngài và vị Tội Tớ Chúa Phêrô Thuần, xin thương ghé mắt nhìn đến các bạn trẻ Việt Nam để sớm can thiệp cùng Thiên Chúa, ngăn chặn bao nỗi bất hạnh, thê lương đang bao trùm trên các bạn trẻ chúng con. Đồng thời, xin soi sáng cho các mục tử, các vị chủ chăn biết khôn ngoan, can đảm dẫn dắt các chiên con nhỏ dại này; cố tạo ra các sân chơi thích hợp cho người trẻ, hướng dẫn chúng nhìn về chân lý, thiện hảo, hầu biết trân quý mạng sống của bản thân, nhận ra sứ mạng cao cả của người trẻ để mà ra sức phục vụ, nên ích cho nhân quần xã hội.



(6)



## **22 - Thưa Ngài Phêrô Trần Văn Thuận (17)\***

Thưa Người Tôi Tớ của Chúa,

“Tuổi trẻ, tài cao”, “Con hơn cha là nhà có phúc” là câu nói của cha ông muốn khen tặng và đặt niềm kỳ vọng tương lai nơi các bạn trẻ. Giáo hội Việt Nam cũng hân hoan vinh danh gương hy sinh liêu minh vì đạo của Ngài. Điều này hẳn là không chỉ vinh danh cái chết oai hùng của một người trẻ, mà còn là kỳ vọng, là tấm gương, làm mẫu mực, lý tưởng sống cho con cháu chúng con sau này.



Thưa Ngài,

Giáo hội Việt Nam tuyên xưng công lao hy sinh tử vì đạo của Ngài, và cũng nhằm là qua mẫu gương từ bỏ để mà theo Chúa cho đến cùng này, cũng là tấm cụ thể soi dẫn cho các bạn trẻ đang mong tìm về nguồn thật, tự nguyện đáp

trả ơn gọi của Chúa trong chính cuộc sống trẻ trung của mình.

Làng Du Hiếu có được truyền thống tốt đẹp là biết nâng đỡ nhau về mọi mặt. Con hãnh diện vui mừng vì thấy dân làng đã phát động nhiều phong trào gây quỹ để giúp đỡ và tạo cơ hội cho các bạn trẻ có phương tiện học hành, mở mang trí tuệ, phát triển tài năng được ban tặng... để hồng có thêm nguồn lực đóng góp sức dựng xây tương lai, vừa cho bản thân, và cũng nên ích cho nhân quần xã hội và giáo hội.

Thưa Ngài,

Đối với các bạn trẻ hôm nay, những gian khổ, thử thách từ đói nghèo, chiến tranh, loạn lạc không còn nữa. Nhưng có những thứ đói về phần hồn, những khát vọng tình yêu thực, cũng như những mộng ước tương lai lành mạnh thật là khó kiếm tìm hoặc không biết phải làm sao hồng thoả mãn được. Xưa kia, nếu Ngài đã tha thiết khẩn nài cùng Chúa Giêsu cho

## *Ngọn Lửa Tin Yêu*

đủ can đảm lãnh phúc Tử Vĩ Đạo, thì nay cũng xin Ngài giúp các bạn trẻ biết cùng chung nhịp thở mà kêu van như Chúa Giêsu xưa rằng:

***“Khi còn sống kiếp phàm nhân, Đức Giêsu đã lớn tiếng kêu van khóc lóc mà dâng lời khẩn nguyện nài xin lên Đấng có quyền năng cứu Người khỏi chết. Người đã được nhậm lời, vì có lòng tôn kính. Dầu là Con Thiên Chúa, Người đã phải trải qua nhiều đau khổ mới học được thế nào là vâng phục; và khi chính bản thân đã tới mức thập toàn, Người trở nên ơn cứu độ vĩnh cửu cho tất cả những ai từng phục Người.”*** (Hippi 7-9)

Xin Ngài phù trợ và chúc lành cho các chương trình, cho các quỹ hội và các thành viên tham gia những công việc hữu ích và tốt đẹp này. Để nhờ tinh thần quên mình phục vụ, nhờ sự khiêm tốn biết lắng nghe và hợp sức, cũng như nhờ biết để Chúa làm nòng cốt, là Người hướng dẫn và chỉ đạo, các bạn trẻ có thể “tìm Chúa trong mọi sự, và làm vinh danh Chúa qua mọi sự ấy”.

Ước mong rằng, trong tương lai sắp tới nữa thì, hội khuyến tu sẽ có thêm được nhiều ứng sinh mầm non ơn gọi; hội khuyến học có đầy người tài, người chăm chỉ học hành; và hội khuyến tài có thêm nhiều bạn trẻ, nhiều nam thanh nữ tú biết hợp sức chung tay thi thố tài năng, chia sẻ các giá trị tinh thần, để cùng xây dựng một xã hội văn minh, giàu mạnh; giúp Giáo hội Chúa có đầy các con chiên bông đạo ngoan hiền, đạo đức và nên gương, sống Tin Mừng Phục Sinh cách tích cực và sốt sắng.

Khẩn xin Ngài thương cầu bầu và thêm sức cho chúng con.

*\*Có nơi ghi là 15 tuổi.*

## 23 - Thừa Ngài Giuse Hoàng Văn Đạm



Thừa vị tử đạo,

Ngài là vị tử vì đạo đại diện cho họ Hoàng có mặt trong làng Du Hiếu thời bấy giờ. Con không được rõ là thời đại của Ngài đã có bao nhiêu nhân danh thuộc gốc họ Hoàng và trong đó có bao nhiêu cụ ông, cụ bà, bao nhiêu thanh niên ưu tú nam nữ khác. Thế mà lại có một mình Ngài được vinh dự lãnh phúc tử vì đạo thay cho cả họ. Sử liệu hiện có trong tay không ghi lại gì về thân thế, tuổi tác, sự nghiệp của Ngài, và các con cháu có tên như: Lê, Nghi, Nghị hiện cũng chẳng liên lạc được, nên chúng con thành thật xin lỗi, nếu có điều gì thất kính, hàm hồ đối với Ngài và dòng họ Hoàng gốc Du Hiếu.

Thừa Ngài,

Giáo Hội Việt Nam rất tự hào được làm phong phú cho Nước Chúa, khi có được rất nhiều giáo dân đã hân hoan, sẵn sàng đổ máu mình ra để làm chứng tá cho Đức Tin và Đạo Chúa. Con số hơn 130,000 vị tử vì đạo trong đó có Ngài nữa, đã là nguồn dinh dưỡng, sức sống, niềm hy vọng và tự hào cho chúng con từ suốt bao năm qua. Và giờ đây, không riêng gì trên mảnh đất tổ tiên làng Du Hiếu hoặc tồn đọng trong giáo phận Bùi Chu, mà tại khắp nơi, từ miền Nam Việt Nam, đến nhiều quốc gia trên thế giới đều có sự hiện diện của con dân Du Hiếu, là những tín hữu nhiệt thành, chuyên chăm giữ đạo.

Khi nhìn vào mẫu gương kiên trung tử vì đạo của Các Ngài, chúng con thấy mình như được khuyến răn, nhắc nhở về sự vĩnh cửu, sự chân thật, một sức mạnh và tình yêu vô biên nhiệm mầu của Thiên Chúa. Điều mà đã được ban tặng cho tiền nhân, và ngày nay vẫn liên tục tuôn đổ trên chúng con và dân làng. Bằng chứng thực là, với bao sự thăng trầm đổi thay của vận mệnh dân tộc, trải qua bao chế độ chính quyền, đảng phái... thế mà đức tin do Các Ngài lấy máu đào minh chứng, vẫn tiếp tục tồn tại và nuôi dưỡng, bảo vệ và loan truyền một cách trịnh trọng. Mặc dầu là cũng có một số người vì yếu đuối, ngã lòng, nhưng điều này không nên trở ngại cho mọi người, mà lại còn giúp kiên nhẫn, trông chờ vào lòng

## *Ngọn Lửa Tin Yêu*

xót thương, thứ tha của Thiên Chúa. Ngược lại, cũng không thiếu bao tấm gương, bao lối sống can trường, bao sự hy sinh, những đóng góp quảng đại, công trạng lành thánh của nhiều người con Du Hiếu, vẫn đang kiên vững đức tin và làm rạng danh cho Giáo Hội và Dân Tộc.

Thưa Ngài,

***“Trong khi người Do-thái đòi hỏi những điềm thiêng dấu lạ, còn người Hy-lạp tìm kiếm lẽ khôn ngoan”*** thì Ngài lại đề tai, luyện chí lắng nghe những lời của thánh Phaolô, tin vào lời rao giảng của các cô Tây, nói về ***“một Đấng bị đóng đinh, điều mà người Do-thái coi là ô nhục không thể chấp nhận, và dân ngoại cho là điên rồ.”*** Nhưng đối với Ngài và tiền nhân chúng con là những người được Thiên Chúa kêu gọi đã sớm nhận ra ***Đấng ấy chính là Đức Kitô, sức mạnh và khôn ngoan của Thiên Chúa. “Vì cái điên rồ của Thiên Chúa còn hơn cái khôn ngoan của loài người, và cái yếu đuối của Thiên Chúa còn hơn cái mạnh mẽ của loài người.”***  
(1 Cô-rin-tô 1. 22-25)

Chính ân huệ đức tin mà Ngài đã trân quý và với quyết tâm dám lấy mạng sống của mình để mà mình chứng, đang giúp chúng con học biết và mong tìm lại sức mạnh thiêng liêng mà Các Ngài đã nhận được. Xin cho chúng con biết cùng cảm tạ Thiên Chúa, và nhờ lời cầu bầu của Các Ngài, chúng con không còn sợ hãi, mặc cảm về những thiếu sót, yếu đuối của mình, mà biết dùng ơn Chúa để hoàn thành sứ mạng Thiên Chúa trao phó.

Hồng ân Thiên Chúa bao la, muôn đời con sẽ ngợi ca danh Ngài!

**24 - Kính thưa vị tử đạo có tên là Hồ,**

**Kính thưa vị tử đạo có tên là Thuỳ,**

**Kính thưa vị tử đạo có tên là Châu,**

**Kính thưa vị tử đạo có tên là Thuỵ,**



Kính thưa Quý Ngài,

Trước hết, xin cho phép chúng con được dùng những hàng chữ này để bày tỏ lòng ngưỡng mộ vì gương hy sinh tử đạo của Quý Ngài. Và chúng con cũng xin Quý Ngài tha phép cho chúng con, để được hỏi một số vấn đề có liên quan trong cuộc tử đạo mà chúng con là những người ở thế hệ a cùng (@) hiện diện sau cả gần hai thế kỷ, chưa có cơ hội được nghe biết về cuộc tử đạo này một cách tường tận. Xin Quý Ngài rộng lượng thứ lỗi và dấy bảo cho chúng con, hầu có thể noi gương Các Ngài mà giữ đạo và tuyên xưng Đạo Thánh Chúa cho đến cùng.

Thưa Quý Ngài, xin Quý Ngài cho chúng con được biết về lý do và động cơ nào đã thúc đẩy, nâng đỡ cho việc chịu chết vì Đạo của Các Ngài.

Theo các sách sử ghi lại, không thấy đâu đề cập về tuổi tác, gia đình, địa vị trong xã hội của Quý Ngài, nên chúng con không biết phải xưng hô như thế nào với Quý Ngài cho xứng hợp, và cũng không hiểu vì lý do gì mà Quý Ngài lại bị vạ lây, bị bắt chung với tổ tiên trong làng của chúng con?

Và chúng được nghe cha ông cho biết rằng, Quý Ngài là người Hà Lạn và không phải là tín đồ Công Giáo. Vậy tại sao Quý Ngài không bảo vệ quyền công dân, quyền tự do tôn giáo của mình, để hòng thoát khỏi án tử hình của quan quyền đang dành cho người Công Giáo thời bấy giờ?

## *Ngon Lửa Tin Yêu*

Là người Hà Lạn, hẳn là Quý Ngài có những mối tương quan liên hệ với các làng Giáo chung quanh như là Quất Lâm, Sa Châu, Thước Hoá... nhưng tại sao Quý Ngài lại đến làng Du Hiếu của chúng con để cùng bị bắt đi chung như vậy? Đây có phải là một sự tình cờ ngẫu nhiên, hay là vì sẵn có những mối thân duyên thắm thiết, nên gặp cùng vận mệnh với tổ tiên chúng con?

Trong thời gian bị bắt và giam cầm, Quý Ngài có được ở chung với tổ tiên chúng con, hay Quý Ngài lại còn bị đối xử bất công, nghiệt ngã hơn các tín đồ Công giáo nữa? Các lính tráng, quan quyền có chế diễu hoặc chiêu dụ, khuyên răn chối Đạo Thánh Chúa, đập lên Thánh Giá để được về cùng con cháu, gia đình mình hay không?

Khi nghe tin Quý Ngài bị bắt đi chung với các tín hữu Công giáo, gia đình, thân nhân và họ hàng của Quý Ngài đã phản ứng ra sao? Có phiền trách hoặc đồng lòng, để Quý Ngài cùng làm chứng nhân đức tin như người Công giáo chúng con?

Tổ tiên chúng con đã có ai ra công giảng giải về Đạo, động viên tinh thần để Quý Ngài can đảm cùng chịu mọi gian khó, cực hình hòng cùng được đóng danh vào thập giá như Chúa Giêsu Kitô xưa không?

Rồi sau khi cùng chịu tử vì đạo, quê làng Hà Lạn đã không đón rước Quý Ngài về chôn cất trong làng, Các Ngài cảm thấy sự việc này như thế nào? Quý Ngài có mong muốn cho mọi người Hà Lạn cùng gia nhập Đạo Thánh Chúa, cùng tuyên xưng đức tin Công giáo như con dân làng Du Hiếu chúng con hay không?

Sau này, khi cha già Quyền về trông coi giáo xứ Du Hiếu, cha đã đặt tên thánh Vincentê cho Quý Ngài, Quý Ngài có hài lòng về việc đặt tên thánh này, hay là muốn chọn cho mình một tên thánh khác xứng hợp với cá tính, tinh thần và lòng đạo của Quý Ngài?

Hàng năm, dân làng chúng con dù có lưu lạc khắp nơi trên thế giới, nhưng vẫn giữ được truyền thống cầu nguyện và mừng Bồn Mạng, tổ chức giỗ Tổ của Làng. Quý Ngài có lấy đó làm niềm vui và hãnh diện chung với con dân Du Hiếu chúng con hay không?

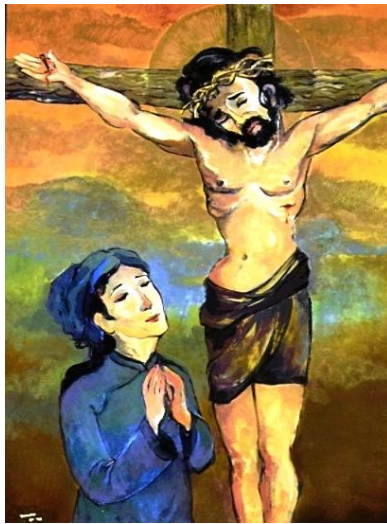
Kính thưa Quý Ngài,

Giả như bây giờ nếu Chúa cho cơ hội được gặp chúng con, Quý Ngài sẽ nhắn nhủ, bảo ban những kẻ hậu thế như chúng con điều gì? Và mỗi người chúng con cần phải sống như thế nào để đẹp lòng Chúa, giữ vững đức tin, làm sao để có thể làm sáng danh Thiên Chúa trong cuộc đời này?

Sau cùng, nhân dịp ra mắt tập Sơ lược Lịch sử và Hạnh tích Các Đấng Tử Vì Đạo làng Du Hiếu, chúng con rất vui mừng được biết đến tên và sự hiện diện, tấm gương tử đạo hào hùng của Quý Ngài. Xin Quý Ngài cầu khẩn cùng Chúa, thương chúc phúc và gìn giữ từng người con dân Du Hiếu, luôn biết yêu thương giúp đỡ lẫn nhau, cùng theo gương tiền nhân anh dũng để sốt sắng giữ đạo, hăng say sống và tuyên xưng Đạo Thánh Đức Chúa Trời cho đến trọn đời. Mong ngày sau chúng con cũng được gặp mặt và cùng chung hưởng vinh quang Nước Chúa với Tổ Tiên Tử Đạo của chúng con, và Quý Ngài, trên Trời.

*(Có nơi ghi là chỉ có hai vị là người Hà Lạn)*

*\*Các tranh vẽ cảnh tử vì đạo trong loạt bài tâm tình với các vị tử vì đạo được chụp lại từ các tài liệu trên mạng internet. BBT.*



(7)

## **13. Văn tế: Tiên Nhân anh dũng tử vì đạo**

**Danh lưu muôn thuở!**

**Máu đổ một thời!**

**Những tướng tồ ác dụ oai phong, củng cố vương quyền,  
bằng gươm chém đầu rơi, quân dân khiếp đảm.**

**Nào ngờ đáng tiên nhân anh dũng hiên ngang tín nghĩa,  
với cờ bay kiêu rước, chiêng trống liên hồi.**

**Chẳng diên rồ khi rao giảng Tin Mừng Thập Giá Yêu thương tại  
thế. (1Cr 1:18)**

**Không mê hoặc khi đợi trông cuộc sống trường sinh bất tử trên trời.  
(Kn 3: 2-4)**

**Ơn Cứu Độ chứng minh đủ lẽ,  
Giá Tin Mừng biện bạch muôn lời.**

**Sao còn vu oan cho Gia tô đạo tà  
mà Đạo không lừa dưới dối trên,  
chỉ những ăn ngay ở thật!**

**Sao lại giáng họa buộc Gia-tô đạo tả  
mà Đạo chẳng bài vua hại nước,  
lại luôn mến Chúa yêu người!**

**Trên đường rong ruổi truyền bá Tin Mừng,  
tình yêu thương không ngừng gắn bó,  
Mỗi bước truân chuyên khai thông đạo thánh,  
đức chân lý liên tiếp sáng ngời.**

**Chuyên lo vun đắp đức tin kiên cố  
Chẳng nề làm ngơ đời sống tả tơi.  
Không tham phú phụ bần,  
lại đỡ nâng bớt nặng nề cơn túng quẫn.**

**Không trọng nam khinh nữ,  
nhưng lo xoá tan cay đắng cảnh tôi đòi.  
Cùng theo nho phong, buộc thảo hiếu mẹ cha,  
hoà thuận anh em,  
tuân theo điều răn hiếu đễ.**

**Chẳng bài mỹ tục, vẫn dạy nhớ ơn tiên tổ,  
nguyện cầu sớm tối,  
giảm bớt nhang nến thịt xôi.**

**Mang phận công dân trọng quyền thế tục,**



Bền lòng tín hữu thờ Chúa cao vời.  
Đạo đắp nghĩa xây tình là thế!  
Ai đem ân đổi oán hỡi ơi?  
Nhớ đến các bậc tiền nhân anh dũng khi xưa  
Tử thần đe dọa,  
Thánh giá chẳng rời.  
Co ro trong vách kếp nhà kho, ruột thắt miệng khô,  
từng giờ phút đợi chờ lưng cơm bát nước.  
Trốn tránh từ làng trên xóm dưới, thân tàn bước mỗi,  
bao tháng ngày len lõi hốc núi ven đồi.  
Đã phân sập tan cửa nát nhà, lạc vợ xa con, như ong vỡ tổ.  
Còn sẵn lòng ngăn đò chặn ngõ,  
rình ngày bắt tội, như sói vây mồi.  
Tra tấn ép cung, bắt nhận tội phản dân, thù vua chúa.  
Dối lừa cáo vạ, phao đồn tin khoét mắt, móc con người.  
Thân cỏ xác ve, sức người có hạn  
Đòn thù gông sắt khổ nhục không ngơi!  
Để thượng lệnh háo hức tuân hành,  
chẳng ngại nhử mồi tiến chức thăng quan, thi đua tỉnh xã.  
Để toàn dân hằng say bắt bớ,  
thần nhiên cho phép moi tiền chuộc mạng, vỡ béo bầy tôi.

Thương ôi là thương! Cả xóm làng dưới lửa hờn thiêu sống!  
Xót ôi là xót! Từng đoàn lũ vui sóng dữ cuốn trôi.

Ôi! Hai chữ nhân ái thánh hiền chẳng lẽ lu mờ hết!  
Ôi! Cả kho tình người truyền thống vì đâu cạn kiệt rồi!

Khổng Tử hãnh không ngựa đại dạy khôn: trút bỏ tư thù,  
giết hại dân oan, làm lễ tế thần giải hạn!  
Tôn Tử cũng chẳng bày mưu hiến kế: liên minh bại quốc,  
xông pha ngõ cụt, cầu may thắng địch, cầm hơi.

Độc sức bình Tây, mà khôn nổi không nhận ra cán cân tương quan  
lực lượng!  
Ra tay sát Tả, lại nở lòng quên đi mất tình huống huyết thống giống  
nòi!

Vì đâu nên nổi:  
Lãnh đạo khước từ nhãn quan cầu tiến,  
Triều đình vui nhận khẩu thiệt buông xuôi,

**Chính tà lẫn lộn, thù bạn bất phân, quan quân huyệt hăng.  
Non nước đổi dời, vua tôi ngờ ngác, sóng thác chơi voi.  
Canh tân chổi bỏ, đạo lý coi thường,  
gông làm tôi tất nhiên sẵn sàng đeo cổ.**

**Ngoại viện yếu hèn, nội tình ai oán,  
nạn mất nước sao khỏi nhanh chóng tới nơi .  
Địch vào tới cửa, vua đổ tại dân,  
chỉ còn trông cậy vị cái thể anh hùng trừ nan cứu khổ.  
Súng nổ tur bê, gươm kê tận cổ,  
không ngớt cầu xin Đấng Bè Trên cao thủ tháo dạn gỡ ngòi.**

**Ôi! Ôn cứu quốc khát khao bất tận!  
Ôi! Mộng thanh bình thao thức khôn nguôi!**

**Ngày đêm an phận tử tù, chờ tháng ngày qua, án ra máu đỏ.  
Thức ngủ khuya kinh sớm nguyện,  
xin ân huệ đến, Chúa đỡ đầu rơi.**

**Dấu ngón ngang trăm môi,  
Nhưng kiên định một lời:  
Lòng quyết không đưa chân quá khoá,  
Miệng cương chẳng chối Chúa qua môi.  
Tình yêu tận hiến bằng sinh mạng,  
Chứng tích cao siêu nhất cõi đời.  
Máu tử đạo tuôn dòng thấm đất,  
Cây Tin Mừng phát lộc đâm chồi. (Tv 71:6,14)  
Cậy trông luôn mãi Chúa tôi.  
Ngợi khen luôn mãi danh Người hiển vinh**

**Đây là lời nói chân tình:  
Các con sẽ phải cực hình khóc than.  
Còn trong thiên hạ hỉ hoan,  
Các con sẽ phải lo toan ngậm ngùi,  
Ngậm ngùi này hoá mừng vui. (Ga 16:20)  
Amen.**

Phạm xuân Thu, Montréal.

## 14. Về sinh hoạt đồng hương Du Hiếu

### ĐỒNG HƯƠNG DU HIẾU

*Nguyễn Dương An*

Đồng Hương Du Hiếu là tổ chức thân hữu của tập thể những người sinh trưởng tại giáo xứ Du Hiếu, kể cả tại các giáo họ, hoặc những người không sinh trưởng tại Du Hiếu, nhưng có cha, có mẹ, có ông, có bà hay có tổ tiên sinh trưởng tại giáo xứ Du Hiếu, mà nay đang sinh sống ngoài giáo xứ Du Hiếu, tại miền Nam, miền Trung và miền Bắc Việt Nam, hoặc tại hải ngoại ; dâu và rể của Du Hiếu cũng thuộc Đồng Hương Du Hiếu.

*(Dâu : là người con gái ngoài Du Hiếu lấy chồng Du Hiếu ; Rể : là người con trai ngoài Du Hiếu lấy vợ Du Hiếu).*

Đồng Hương Du Hiếu còn một thành phần nữa, đó là những người và những gia đình, tuy không thuộc giáo xứ Du Hiếu, nhưng đã tự ý gia nhập sinh hoạt chung với Đồng Hương Du Hiếu. Đồng Hương Du Hiếu rất hân hạnh và vui mừng đón nhận những người và những gia đình này.

### I. NGƯỜI DU HIẾU SỐNG NGOÀI GIÁO XỨ DU HIẾU

Khi còn nhỏ, tôi được cha mẹ kể cho biết, vào khoảng năm 1930, có một số người Du Hiếu đã bỏ làng đi lên miền thượng, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Cao Bằng, Lào Cai, Yên Bái để làm ăn, những người này, đi đi về về, nghĩa là không bỏ dứt làng Du Hiếu ; sau đó, khoảng năm 1940, cũng có một số khác vào Nam Kỳ làm ăn, ra đi vĩnh viễn, không bao giờ trở về làng. Đó là gia đình ông bà Bạ Sở, ông bà Trùm Hán, ông bà Năm Trọng, ông Nhiêu Dương, ông Mão, ông Soạn, ông Cường, và nhiều nữa, tôi không nhớ hết.

Đây là những người Du Hiếu đầu tiên bỏ làng ra đi, chỉ vì lý do kinh tế, làm ăn sinh sống, mỗi người mỗi nơi, không có một sự liên kết hoặc tổ chức nào giữa những người Du Hiếu xa quê hương này cả.

## *Ngọn Lửa Tin Yêu*

Năm 1954, đèn lượt tôi bỏ làng ra đi, 10 giờ sáng ngày 10 tháng 7, tôi đã tới phi trường Tân Sơn Nhứt, Saigon, do nhà trường đem đi, bằng một chuyến bay Dakota của nhà binh Pháp.

Tôi ở Saigon được 10 ngày, thì có hiệp định Genève, ngày 20 tháng 7 năm 1954, chia đôi đất nước và gây nên phong trào di cư rầm rộ, cả triệu người bỏ quê hương ra đi, không phải vì lý do kinh tế, người Bắc vào Nam, người Nam ra Bắc.

Từ cuối năm 1954, đầu năm 1955 và nhiều năm kế tiếp, tuần nào cũng có một vài chuyến tàu chở người Bắc di cư cập bến Saigon. Nhà trường chúng tôi, ở ngay Saigon, với tinh thần “*người đi trước rước người đi sau*”, tổ chức cho học sinh ra đón người di cư, ngay tại bến tàu Saigon, khi bà con vừa dưới tàu bước lên, không bỏ sót chuyến nào, tôi luôn luôn có mặt, hy vọng gặp người thân.

Đã nhiều lần “*đi không về rồi*”, chẳng thấy ai, nhưng tôi không nản. Sau cùng, trời đã thương, cho tôi gặp được người thân. Người thân trước tiên tôi nhìn thấy ở bến tàu Saigon là anh Dục, con bác Trùm Sinh, nhìn thấy anh trong đám đông vừa dưới tàu đi lên, tôi gọi lớn “*Anh Dục ! Anh Dục !*” Anh quay lại nhìn tôi, bỡ ngỡ, một lúc khá lâu mới nhận ra tôi, anh la lớn “*Cậu Giang !*” (*Anh chưa biết tên mới của tôi là An*). Không sao nói hết được niềm vui anh em chúng tôi gặp nhau lúc này ! Và kìa, bác Trùm Sinh, chị Kính, chị Mến, cậu mợ Vân, cậu mợ Cận, mợ Phụng, cậu mợ Hoan, bà Hương Giám và ông bà Chánh Lâm, thầy giáo Luyện, cụ giáo Cư, ông bà Xã Triệu, ông Phan và con là anh Sơn, và rất nhiều người Du Hiếu nữa,... Tôi mừng quá, có cảm tưởng như đang đứng ở sân nhà thờ Du Hiếu. Chẳng ai nhận ra tôi, vì họ đâu có thể ngờ được rằng, tại Saigon xa xôi lạ hoắc này, lại có sẵn một thằng bé Du Hiếu lạc lõng ở đây.

Gặp ai tôi cũng khoanh tay cúi đầu chào, người ta phải nhìn kỹ một lúc lâu rồi mới nhận ra :

- *Giang đấy hả ?*

Có người còn kỹ lưỡng hơn :

- *Giang con ông bà Tuần Bát đấy hả ?*

- *Dạ, cháu đây.*

Cụ giáo Cư nhìn thẳng vào tôi rồi hỏi :

- *Cháu ở đâu mà từ hôm xuống tàu đến nay, ông không thấy cháu ?*

- *Thưa cháu vào đây lâu rồi, ngay đầu tháng 7 cơ.*
- *Đi cùng với bố hả ?*
- *Thưa không, cháu đi một mình, nhà trường cho đi.*

Cụ giáo Cư cho biết, còn rất nhiều người Du Hiếu nữa, đi các chuyến sau, sẽ tới đây trong nay mai. Tôi hy vọng, sẽ còn được gặp thêm nhiều người Du Hiếu, sẽ bớt nhớ nhà, từ khi vào Saigon đến giờ, tôi nhớ nhà lắm, muốn trở về Du Hiếu quá chừng !

Tôi thấy người nào cũng cầm trên tay một ổ bánh mì, vàng óng, cả mấy miếng “phó-mát” hiệu “con bò cười” nữa (*fromage, la vache qui rit*), trông ngon quá chừng, tôi đã từng được ăn từ khi vào đến Saigon, ngon lắm. Tôi hỏi “*sao không ăn bánh, không đói à ?*” Một ông, tôi không nhớ rõ ông nào, hình như thầy giáo Luyện, thầy trả lời :

- *Bánh này khô quá, khó nuốt lắm, cho cơm mà ăn, có phải ngon không.*

Khô quá, các anh thủy thủ Mỹ chẳng hiểu gì về người Du Hiếu cả ! Người Du Hiếu chỉ ăn cơm, chứ có ăn ba cái bánh mì khô khan như gói thể này bao giờ đâu. Mà cơm của người Du Hiếu phải có canh cua rau đay với mướp, lại phải có cá rô kho gừng, cá trê kho xả hoặc cá lóc kho riềng nữa đấy.

Quan sát kỹ hơn, tôi thấy tất cả mọi người đều đeo tượng Thánh Giá và tràng hạt ở cổ, ăn cái gì cũng làm Dấu Thánh Giá. Tự nhiên tôi suy nghĩ : đã vào đến đây, người Du Hiếu, giờ này chẳng còn cái gì gọi là Du Hiếu nữa, bỏ hết rồi, bỏ làng bỏ xứ, bỏ nhà bỏ cửa, bỏ luỹ tre xanh, bỏ đồng trong, đồng ngoài, bỏ cả hộ đồng, bỏ quê cha đất tổ, bỏ mồ mả tổ tiên, nhưng không bỏ Chúa và Đức Mẹ, đi đâu cũng mang theo. Tôi cảm thấy có phúc vì đã được sinh ra trong giáo xứ Du Hiếu có đức tin vững vàng và lòng đạo sốt sắng như thế này !

Tìm mãi không thấy bố và các em, tôi hỏi anh Dục :

- *Bố em có đi không ?*
- *Không, bố cậu không đi được, các em còn nhỏ quá, không ai trông bé cho”.*

Tôi buồn quá, đứng khựng lại, không muốn nhìn thêm nữa.

## II. SỰ HÌNH THÀNH ĐỒNG HƯƠNG DU HIẾU

### 1. Đồng Hương Du Hiếu tại Kinh 5.

Thế là tại Saigon này, tại Nam Kỳ này, không phải chỉ có mình tôi là Du Hiếu, đã có thêm cả một đoàn người Du Hiếu vừa ở tàu đi lên, và sẽ còn có thêm nhiều nữa, tôi thấy bớt cô đơn. Ít lâu sau, chừng hơn tuần lễ, tôi được tin đoàn di cư này chuyển về xã Bà Tang, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre. Trại di cư Bà Tang này toàn người Công Giáo, mà phần lớn lại là người Du Hiếu, lúc đầu do cha Giuse Vũ Công Khanh coi sóc, sau chừng 2 tháng, cha Khanh đổi, cha Gioakim Mai Xuân Triết về thay thế. Cả 2 cha đều là linh mục gốc Bùi Chu.

Cha Triết là cha giáo của tôi, dạy tôi ở Ninh Cường và Bùi Chu từ năm 1951 đến 1954. Ngài là em linh tông của cha Trần Hữu Quyền, nguyên chánh xứ Du Hiếu. Khi cha Quyền coi xứ Du Hiếu, cha Triết, lúc đó là thầy, kỳ nghỉ nào mà ngài chẳng ở Du Hiếu, nên ngài biết rất nhiều về Du Hiếu, ngài kể cho tôi nghe ông Trùm Khanh, ông Bá Hạo, ông Quản Thái, ông Bá Vũ, bà Hương Giám, ông Xã Thiệu, ông Trùm Ngô.... Trại di cư Bà Tang này, có đông bà con của tôi, có nhiều người Du Hiếu, cha coi sóc lại là cha giáo của tôi, nên kỳ nghỉ nào tôi cũng về đây, coi như quê hương mới của mình.

Năm 1956, trại di cư Bà Tang lại di chuyển đến Cái Sắn, Kinh 5, huyện Tân Hiệp, tỉnh Rạch Giá (*bây giờ là tỉnh Kiên Giang*), vẫn cha Triết coi sóc. Giáo xứ đầu tiên của kinh 5 là Tân Chu, giáo dân phần lớn là người Du Hiếu, trưởng ấp là ông Chánh Lâm, trùm trưởng là cụ Trùm Giác, quản giáo là bà Hương Giám, thư ký là cụ Cố Tụng, đàn hát nhà thờ là cụ Giáo Cư, trưởng hội kèn là ông Trùm Vận, đóng bàn ghế cho nhà thờ và cho lớp học là ông Trùm Cận. Tôi còn nhớ rõ, cha Triết đã dẫn ông Trùm Cận lên tận Saigon, vào tiểu chủng viện Phanxicô ở nhà thờ Huyện Sỹ, chính tôi dẫn ông lên nhà nguyện, để ông lấy mẫu bàn thờ về làm bàn thờ cho giáo xứ.

Xứ Tân Chu gần như là giáo xứ Du Hiếu. Nhưng vẫn không phải là Du Hiếu. Bởi vậy, hàng năm, cứ đến lễ Mân Côi, bà con Du Hiếu lại ao ước được mừng lễ Quan Thầy riêng của mình. Thấy vậy, các vị cao tuổi ngồi lại, bàn tính tổ chức mừng lễ Quan Thầy, xin lễ, đôn đốc bà con đi lễ thật đông, trước lễ, rước cờ ảnh Đức Mẹ Mân Côi theo đường kiệu chung quanh sân nhà thờ, không có kiệu Đức Mẹ ; buổi trưa, dù xa quê

hương cả ngàn dặm, người Du Hiếu vẫn không quên truyền thống “*trước kính thánh, sau đánh chén*”, tối họp lại tại nhà cụ trưởng ban tổ chức để đọc kinh cầu cho tiên nhân.

Mỗi năm mỗi diễn lại, lần lần Lễ Quan Thầy Rosa thành truyền thống, không thể thiếu, năm nay chưa xong, đã mong lễ năm tới. Sự nóng lòng và nhiệt tình này đã nối kết người Du Hiếu di cư tại kinh 5 lại với nhau. Thế là phát sinh Đồng Hương Du Hiếu tại Kinh 5.

Lúc đầu do cụ Trùm Sinh làm trùm. Tôi thấy ở nhà Cụ, ngay tại phòng khách, bên cạnh bàn thờ, một cờ ảnh lớn Đức Mẹ Rosa, có ghi chữ “ĐỒNG HƯƠNG DU HIẾU”, treo cẩn thận, một mình một tủ kiếng lớn. Hàng năm, lễ Đức Mẹ Rosa, rước cờ ảnh này trước thánh lễ, thay vì tượng Đức Mẹ, xong lễ, cờ ảnh lại treo vào tủ. Khi cụ trùm Sinh già yếu, không thể tiếp tục được nữa, cụ Trùm Giác được bà con đề cử thay thế. Cứ thế, vị này nghỉ, vị khác lên thay, ông Khoá Nhiên, cụ Trùm Giác (*khoá 2*), ông Trùm Chắt, ông Trùm Liễu, cụ Giáo Luyện. Các vị cao tuổi nghỉ, người trẻ lên thay, ông Cố Dưỡng, ông Trùm Khiển, ông Trùm Mỹ, ông Trùm Thức, ông Trùm Tiệp, ông Trùm Thọ, ông Trùm Bào, ông Trùm Hoà, ông Trùm Lực, ông Trùm Hương, ông Trùm Thuấn...

Tới nhiệm kỳ của ông Trùm Tiệp, năm 1982, Đồng Hương Du Hiếu khắp nơi thống nhất thành một. Đồng Hương Du Hiếu tại Kinh 5 trở thành một khu vực của Đồng Hương Du Hiếu Thống Nhất.

Ngoài Kinh 5 ra, nhiều Kinh khác cũng có người Du Hiếu, tuy không đồng bằng Kinh 5, những bà con Du Hiếu tại mỗi Kinh, tự động họp lại thành một Khu Vực của Đồng Hương Du Hiếu. Tất cả các Khu Vực trong tỉnh Kiên Giang họp lại thành Liên Khu Vực Kiên Giang, mà Trưởng Đại Diện thường là vị Trưởng Đại Diện của Khu Vực Kinh 5.

Tuy vẫn tham gia đầy đủ mọi sinh hoạt của Đồng Hương Du Hiếu Thống Nhất, bà con Đồng Hương tại Kinh 5 không bỏ truyền thống của mình, hàng năm vẫn mừng trọng thể lễ Đức Mẹ Mân Côi, Quan Thầy, vào chính ngày lễ, nhưng không còn mục “đánh chén”.

## **2. Đồng Hương Du Hiếu tại Dốc Mơ :**

Người di cư từ miền Bắc vào miền Nam, mỗi ngày một đông. Thường thường, những người cùng giáo xứ tìm đến ở với nhau, các linh mục cùng giáo phận cũng ở những địa điểm gần nhau. Người Du Hiếu nghe biết cha Quyền, cha xứ cũ của mình, hiện đang ở trại di cư Dốc Mơ,

quận Kiệm Tân, tỉnh Long Khánh, liền rủ nhau di chuyển đến đó, nương bóng cha Quyền. Cha Quyền thấy người Du Hiếu, giáo dân cũ của mình, đến với mình, nên hết lòng thương yêu và tận tình giúp đỡ. Tôi gặp bà lý San, tại nhà bà Bạ Sở, ở Thị Nghè, Saigon, có mặt cả bà Năm Trọng và bà Trùm Hán, bà Lý San bảo có nhiều người gửi tiền nhờ bà đến cha Quyền ở Dốc Mơ để xin lễ.

Đến là rắc rối, các cha khác không làm lễ được hay sao, mà phải đến tận Dốc Mơ để xin cha Quyền ? Thì ra người Du Hiếu “gắn bó” với cha xứ của mình như vậy đây ! Mà những bà con các giáo xứ khác cũng thế. Biết tin cha Quyền ở Dốc Mơ, người Du Hiếu rủ nhau đến trại di cư này mỗi ngày một đông thêm.

Dù mới chân ướt chân ráo vào trại di cư, nhà ở chưa có, chưa có bất cứ một tiện nghi nào cho cuộc sống, nhưng lễ Đức Mẹ Mân Côi, Quan Thầy, người Du Hiếu muốn mừng một cách trọng thể theo khả năng hiện có của mình. Một số cụ cao tuổi thay mặt bà con, xin lễ, kêu mời bà con Du Hiếu tại 3 giáo xứ gần nhau, Dốc Mơ, Đức Long và Đức Huy, tham dự thánh lễ thật đông, trưa họp mặt tại nhà cụ trưởng ban tổ chức đánh chén, buổi tối họp lại để đọc kinh cầu nguyện cho tiên nhân. Năm này rồi năm khác, năm nào cũng vậy, chính nhờ những sinh hoạt tốt lành này mà bà con Du Hiếu quy tụ lại với nhau, thành một tập thể, đoàn kết thương yêu, chia vui sẻ buồn, truyền thống “làng xóm” của Du Hiếu được dịp tái sinh và phát triển mạnh mẽ, đến nỗi người Du Hiếu di cư tại các giáo xứ này, không thể không liên kết với nhau. Thế là thành hình Đồng Hương Du Hiếu tại Dốc Mơ, kể từ năm 1956.

Đồng Hương Du Hiếu tại Dốc Mơ được thành hình là nhờ công lao gây dựng khó khăn buổi ban đầu của các cụ Trùm Luận, cụ Trùm Phác, cụ Trùm Xuân và cụ Trùm Căn. Khi sinh hoạt của Đồng Hương đã được tổ chức có nề nếp, các Cụ sáng lập cũng đã cao tuổi, sức yếu, phải có người kế nhiệm. Lần lượt các vị sau đây được bà con bầu lên tiếp tục : cụ Trùm Căn, cụ Trùm Tuy, cụ Trùm Tuệ, cụ Trùm Khoát, cụ Trùm Lạc, cụ Phần Ái, cụ Trùm Đản, cụ Trùm Ruân, cụ Trùm Tâm, cụ Trùm Ry, cụ Trùm Nghi, cụ Trùm Bảo, cụ Trùm Thảo, cụ Trùm Thành, cụ Trùm Bằng. Mới nhất đây là ông Trùm Sơn cùng các ông Hòa, ông Mạc.

Từ năm 1982, nhiệm kỳ cụ Trùm Tâm, Đồng Hương Du Hiếu tại Dốc Mơ tham gia vào sinh hoạt chung của Đồng Hương Du Hiếu Thống Nhất, tuy vẫn duy trì các sinh hoạt riêng của mình.



Theo gương bà con Du Hiếu tại Dốc Mơ, bà con Du Hiếu tại các giáo xứ “lân cận” của Dốc Mơ, như Gia Kiệm, Dầu Giây và Suối Nho cũng họp lại, tại mỗi giáo xứ, thành một Khu Vực của Đồng Hương. Tất cả các khu vực Đồng Hương Du Hiếu trên đây, đều thuộc huyện Thống Nhất của tỉnh Đồng Nai, họp thành Liên Khu Vực Thống Nhất. Trưởng Liên Khu Vực thường là vị Trưởng Đại Diện Khu Vực Dốc Mơ.

Khu Vực Gia Kiệm, thuộc Liên Khu Vực Thống Nhất, hiện nay, được cha Đồng Hương Vũ Đình Hạo (*Đt : 0965-178-977*), chánh xứ Tân Yên, rất tích cực cộng tác và giúp đỡ trong các công việc chung của Đồng Hương. Đặc biệt, khi có người Đồng Hương qua đời, ở bất cứ nơi nào, nếu được báo tin, Ngài luôn luôn sẵn sàng cùng với bà con đến tang gia thăm viếng, chia buồn và cầu nguyện cho người quá cố. Sự hiện của một linh mục, trong lúc đau thương vì sự ra đi của người thân, quý hóa lắm, yên ủi tang quyến nhiều lắm. Cảm ơn cha Hạo.

Nói đến cha Hạo, người Đồng Hương hẳn không quên, năm 2000, Ngài bị bệnh rất nặng, hết phương cứu chữa, bệnh viện đã “cho về”, ngài nằm chờ “Chúa gọi” tại nhà Bà Cố ở Phương Lâm. Giáo phận Xuân Lộc đã chuẩn bị “hậu sự” cho ngài. “*Còn nước, còn tát*”, mọi người, nhất là người Đồng Hương, bảo nhau cầu nguyện cho cha Hạo. Tôi gửi email xin các Cha và bà con Đồng Hương khắp nơi cầu nguyện cho cha Hạo. Tình cờ lẫn vào địa chỉ của một nhà dòng (*tôi quên tên*), nhà dòng đọc email rồi hồi âm “*Nhà dòng chúng tôi không biết cha Hạo, nhưng chúng tôi đã và sẽ cầu nguyện cho Ngài*”. Tôi rất vui mừng khi nhận được reply này. Thật là một tình cờ may mắn !

Chính Ngài, cha Hạo, trong lúc “*thập tử nhất sinh*”, đã “*chạy đến*” cùng Đức Mẹ Tà Pao. Làm sao mà Đức Mẹ có thể bỏ một người con, trong lúc lâm nguy, đã biết chạy đến cùng Mẹ ? Cha Hạo, từ liệt giường, từ thập tử, từ hấp hối, đã bình phục, mạnh khỏe, coi xứ, xây nhà thờ.

Đề tạ ơn Đức Mẹ, ngay sau khi sức khỏe bình phục, ngài đã xin phép đức giám mục Xuân Lộc, đến trung tâm hành hương Đức Mẹ Tà Pao, giáo phận Phan Thiết, ở lại đó gần 2 năm trời, hàng ngày tiếp đón các đoàn hành hương, dâng thánh lễ, rao giảng và làm chứng nhân về lòng thương xót của Đức Mẹ, mà Ngài là một bằng chứng cụ thể.

Cũng nhiệt tình với Đồng Hương như cha Hạo, cha Nguyễn Công Điền (*Đt : 012-2882-7710*), dòng Đồng Công, cũng đã hứa, khi có người Đồng Hương Du Hiếu tại Saigon hay Biên Hòa qua đời, nếu được thông

báo, Ngài sẽ cùng với bà con Đồng Hương đến tang gia thăm viếng, chia buồn và cầu nguyện cho người quá cố. Cảm ơn cha Điền.

### **3. Đồng Hương Du Hiếu Thống Nhất.**

Vì biết có Đồng Hương Du Hiếu tại Kinh 5 và có Đồng Hương Du Hiếu tại Dốc Mơ, bà con Du Hiếu ở khắp nơi cũng muốn qui tụ lại với nhau, khơi dậy tình làng nghĩa xóm, nhưng vì thời buổi khó khăn, không cho phép hội họp đông người, thành ra muốn mà không thực hiện được.

Mãi năm 1982, sau Kinh 5 và Dốc Mơ gần ba chục năm, cụ Cố Sách, cụ Cố Thúc, cụ Giáo Thuyết, cụ Chánh Xuân, cụ Hân và cụ Thoan ở giáo xứ Bùi Chu, cụ Trùm Sản ở giáo xứ Trà Cổ và cụ Quản Tiến ở giáo xứ Giang Điền, họp nhau lại, bàn tính, rồi quyết định tổ chức mừng Lễ Đức Mẹ Mân Côi, Quan Thầy. Các cụ chỉ thông báo cho bà con Du Hiếu ở mấy giáo xứ gần nhau, Bùi Chu, Trà Cổ và Giang Điền mà thôi, xin lễ vào giờ lễ chung tại nhà thờ Bùi Chu, gọi nhau đi lễ thật đông, được chừng năm chục người, buổi trưa “*ăn mừng lễ*” tại nhà cụ Cố Sách. Bà con vui lắm vì được cùng nhau mừng lễ Quan Thầy, mà lâu nay chưa bao giờ dám nghĩ tới. Vì thời thế khó khăn, nên lần tổ chức đầu tiên này phải mượn danh “*lễ giỗ*” của nhà cụ Cố Sách.

Năm đầu, mọi sự tốt đẹp, thấy “*đầu xuôi*”, hy vọng “*đuôi lọt*”, năm sau, các Cụ hào hứng mở rộng, bà con tại các giáo xứ thuộc thành phố Biên Hoà và huyện Thống Nhất đều được mời tham dự.

Trước lễ, ban tổ chức họp bàn kế hoạch, tại nhà cụ Cố Sách, tôi cũng được tham dự, họp chừng 1 giờ đồng hồ, chưa đi đến đâu, chưa quyết định được điều gì, thì phải giải tán, vì không không được phép tụ họp lâu. Thời đó, mọi tổ chức và hội họp đều không được phép. Các cụ hẹn tuần sau, họp lại.

Đến hẹn lại lên, tuần sau, tôi cũng có mặt, lần này, đông hơn, ngoài các vị đã họp lần trước, một số vị khác ở Tân Mai, Tam Hiệp, Phúc Hải, cũng được mời, như cụ Trùm Yên, ông Thập, ông Cường, ông Tuyền. Lần họp này có một thành viên đặc biệt, chỉ ngồi nghe, không bàn bạc gì cả, vì chẳng biết gì về tổ chức Đồng Hương Du Hiếu, nhưng sự hiện diện của vị này lại rất cần thiết, giúp cho hội nghị được an toàn, không bị khó dễ, mọi người yên tâm thảo luận. Những lần hội họp sau này và những lần tập trung đông đảo bà con để mừng Lễ, đều phải có sự hiện diện của vị này. Ai vậy ? Đó là ông Phan Thế Đam, ở giáo xứ Trà Cổ (*con ÔB*

*Phần Phức*), ông đang là bí thư của huyện Thống Nhất. Cảm ơn ông Đam, nhờ ông mà Đồng Hương Du Hiếu được an toàn thành hình và sinh hoạt một cách hợp pháp !

Ngày 25.12.2013, ông Đam qua đời, Đồng Hương đến thăm viếng và cầu nguyện tại tang gia, tôi đã được ông Hoàng Văn Tùy, Trưởng Đại Diện ủy quyền nói lời “cảm ơn” ông Đam về việc này.

Cũng giống như ở Kinh 5 và Dốc Mơ, nhờ việc mừng lễ Quan Thầy hàng năm, bà con Du Hiếu xa gần quy tụ lại với nhau, thế là lại có thêm một Đồng Hương Du Hiếu nữa. Đồng Hương Du Hiếu này, tuy sinh sau đẻ muộn, lại muốn làm Anh Hai. Theo ý định của các Cụ, muốn quy tụ tất cả bà con Du Hiếu khắp nơi lại, miền Nam, miền Trung, miền Bắc và cả hải ngoại nữa, nghĩa là muốn có một Đồng Hương Du Hiếu Thống Nhất gồm toàn thể bà con Du Hiếu ở khắp nơi, không phải chỉ riêng biệt cho một địa phương nhỏ bé. Cho nên, không nói Đồng Hương Du Hiếu “tại” ..., “tại” ..., như kiểu “tại Kinh 5”, “tại Dốc Mơ”, mà chỉ nói “Đồng Hương Du Hiếu” mà thôi. Cụ Cố Sách được bà con suy tôn là Trưởng Đồng Hương Du Hiếu tiên khởi.

Khi đã thành truyền thống, hàng năm, vào dịp lễ Quan Thầy, phân đời, làm đơn xin phép chính quyền tỉnh, qua phường và thành phố, dưới danh nghĩa “*Lễ Giỗ Tổ Du Hiếu*” ; phân đạo, xin lễ riêng, ngoài giờ, các linh mục Đồng Hương đồng tế, mỗi năm tại một giáo xứ khác nhau. Sau Thánh Lễ, họp mặt “*đánh chén*”.

Nhìn lại con đường hình thành Đồng Hương Du Hiếu, rõ ràng bắt đầu từ việc mừng Lễ Đức Mẹ Mân Côi, Quan Thầy, và khi những người Du Hiếu xa quê hương đã tập trung gặp lại nhau một lần rồi, tình cảm quê hương trời dấy mãnh liệt, người Du Hiếu không thể không liên kết lại với nhau. Và đó chính là lý do có Đồng Hương Du Hiếu.

Tóm lại, Đồng Hương Du Hiếu phát sinh và hình thành do lễ Đức Mẹ Mân Côi.

### **Ban Đại Diện Đồng Hương :**

Các Cụ đã có công thành lập và điều hành sinh hoạt Đồng Hương một thời gian dài, 4 năm, trải qua bao khó khăn vất vả, nay tuổi đã cao, sức cũng yếu dần, không thể tiếp tục phục vụ được nữa, nên xin nghỉ, trao nhiệm vụ lại cho lớp trẻ, khoẻ mạnh và nhanh nhẹn hơn. Yêu cầu của các Cụ, hoàn toàn hợp tình và hợp lý. Bà con cảm ơn các Cụ và bầu người thay thế.

Ngày 13.6.1986, tại nhà cụ Cố Sách, giáo xứ Bùi Chu, bà con đã bầu ông Nguyễn Văn Cường (*con Cụ Hương Phú*) làm Trưởng và ông Nguyễn Dương An (*con cụ Tuần Bát*) làm thư ký. Đó là Ban Đại Diện Đồng Hương chính thức đầu tiên được bà con bầu lên.

Ban Đại Diện mới chỉ có một Trưởng và một Thư ký, không có Phó, vì chưa có người đảm nhận. Nhiều người tỏ ra lo ngại, trước đây cả gần mười Cụ, nay chỉ có 2 người, liệu có đáng đáng được hay không ?

Ngay sau khi được bà con tín nhiệm bầu làm Trưởng Đại Diện Đồng Hương, ông Cường, rất nhiệt tình và hăng hái, bắt tay ngay vào việc. Nơi nào có người Du Hiếu đang ở, họ là con cháu của ai, ông đều biết rõ, trí nhớ của ông, thật đáng phục, dầu xa xôi hẻo lánh, với chiếc xe máy, tự lái, ông đến với hết mọi người, giới thiệu với họ về Đồng Hương Du Hiếu và mời họ tham gia. Xa xôi như Hà Tiên, Rạch Giá, đèo núi hiểm trở như Phương Lâm, Bảo Lộc, chỗ nào ông cũng đến. Khi đi, hầu như luôn luôn có ông Hoàng Văn Tùy (*con cụ Xã Đạo*) cùng đi, để cùng tham gia ý kiến và bàn bạc việc tổ chức Đồng Hương tại các địa phương. Nhờ vậy mà bà con Du Hiếu ở khắp nơi nhận biết rằng Đồng Hương Du Hiếu đã được thành lập, chung cho tất cả mọi người Du Hiếu đang sống xa quê hương. Biết được như vậy, bà con rất vui mừng và nhiệt tình tham gia, không một người nào thờ ơ hoặc từ chối. Các Khu Vực Đồng Hương được thành lập, mỗi Khu Vực có Ban Đại Diện riêng.

Nhờ sự vận động khôn khéo của Ban Đại Diện Đồng Hương và sự hướng dẫn sáng suốt của cha Nguyễn Đình Tân, Niên Trưởng của Đồng Hương, đồng thời với thiện chí của Ban Đại Diện Đồng Hương tại Kinh 5 và Ban Đại Diện Đồng Hương tại Dốc Mơ, Đồng Hương Du Hiếu tại khắp nơi đã thống nhất lại thành một Đồng Hương Du Hiếu duy nhất như ngày hôm nay, có một Ban Đại Diện chung cho toàn thể Đồng Hương.

Ngòai nhiệm vụ của Đồng Hương ra, ban Đại Diện Đồng Hương và các ban Đại Diện Khu Vực còn phải phục vụ việc xây nhà thờ Du Hiếu. Nhà thờ Du Hiếu bắt đầu rõ xuống ngày 21.10.1995, khánh thành ngày 17.6.1999. Trước và trong thời gian này, năm nào cũng có đoàn hương công (*công đức*) của giáo xứ, chừng ba bốn người vào miền Nam để xin bà con Đồng Hương giúp đỡ. Đoàn hương công ăn ở tại nhà ông Trưởng Đại Diện Đồng Hương, ông dẫn đoàn tới các Khu Vực, các ông Trưởng Đại Diện Khu Vực sẽ hướng dẫn đoàn đến từng gia đình Đồng Hương trong Khu Vực. Chừng hơn kém một tháng, đoàn hương công sẽ tổng kết rồi trở về giáo xứ.

Năm 1997, ông Cường từ chức Trưởng Đại Diện vì ông và gia đình chuẩn bị xuất cảnh sang định cư tại Hoa Kỳ. Bà con Đồng Hương bầu ông Hoàng Văn Tuy, giáo xứ Bùi Thái, lên thay thế, đồng thời bầu thêm ông Nguyễn Văn Duy (*con cụ Hào Ngữ*), làm Phó Đại Diện, thư ký vẫn là ông Nguyễn Dương An.

Thay thế ông Cường, ông Tuy tiếp tục hướng dẫn đoàn hương công của giáo xứ Du Hiếu cho đến năm 1999, khi nhà thờ hoàn thành.

Trước khi được bầu làm Trưởng Đại Diện Đồng Hương, ông Tuy đã thường xuyên tháp tùng ông Cường đến với bà con Đồng Hương ở khắp nơi. Do vậy, ông Cường sao thì ông Tuy cũng vậy, không chỗ nào có người Du Hiếu mà ông không đến. Khi đi công tác cho Đồng Hương, ông Tuy thường chở thêm ông Thập (*con Cụ Phó Ngoạn*) cùng đi, để giúp ý kiến, cũng như ông Tuy đã từng giúp cho ông Cường trước kia.

Nhờ vậy, tổ chức của Đồng Hương mỗi ngày một mở rộng, số gia đình tăng thêm đều đều, hiện nay đã lên tới hơn 1.500 gia đình, con số này vẫn tăng lên hàng năm, vì người Du Hiếu bỏ làng vào miền Nam làm ăn, mỗi ngày một thêm. Càng đông, sinh hoạt của Đồng Hương càng vui, nhưng lại thêm nhiều việc cho Ban Đại Diện.

“*Tre*” nào cũng già, nên “*mãng*” cứ phải mọc. Năm 2012, Ban Đại Diện Đồng Hương xin từ chức vì tuổi đã cao (*gần 80 cả rồi*), sức đã yếu, và thời gian phục vụ cũng đã khá dài rồi, ông Tuy và ông Duy, 15 năm (1997-2012), ông An 26 năm (1986-2012). Bà con chấp thuận “đơn xin từ chức” của Ban Đại Diện và ngày 25.2.2012, bầu Ban mới :

Trưởng Đại Diện : Ông Nguyễn Tri Ân (*con cụ Quán Ái*),

Phó Đại Diện : Ông Nguyễn Thành Thu (*con cụ Chánh Xuân*),

## *Ngọn Lửa Tin Yêu*

Thủ Quỹ : Ông Phan Văn Đăng (*con ông bà Tĩnh*),

Thư Ký : Ông Nguyễn Xuân Thu (*con ông bà Thúy*),

Sau một năm làm việc, 2013, ông Ân, vì lý do sức khỏe, xin nghỉ, toàn Ban cũng xin nghỉ theo. Bà con các nơi, nhất là tại Khu Vực Bùi Chu, yêu cầu ông Tùy trở lại phục vụ Đồng Hương. Thấy Bà con tin tưởng yêu cầu, ông Tùy, dù tuổi đã cao, không thể từ chối sự tín nhiệm của đồng đảo bà con, đã nhận lời. Thế là lại có Ban Đại Diện mới :

Trưởng Đại Diện : Ông Hoàng Văn Tùy, *Khu Vực Biên Hòa*,

Phó Đại Diện :

1. Ông Nguyễn Thành Thu, *thường trực*,
2. Ông Phan Văn Tiến, *liên khu vực Trảng Bom*,
- 3- Ông Nguyễn Đức Thường, *liên khu vực Bà Rịa*,
- 4- Ông Phan Văn Thiên, *liên khu vực Saigon*,
- 5- Ông Mai Văn Sơn, *liên khu vực Thống Nhất*,
- 6- Ông Nguyễn Hữu Huynh, *liên khu vực Tân Phú*,
- 7- Ông Phạm Văn Lực, *liên khu vực Kiên Giang*,
- 8- Ông Nguyễn Văn Huân, *liên khu vực Lâm Đồng*,

Thủ Quỹ : Ông Phan Văn Đăng, *khu vực Bùi Chu*,

Thư Ký : Ông Mai Khắc Toàn, *khu vực Biên Hòa*.

Ban Đại Diện Đồng Hương cũng như các Ban Đại Diện Liên Khu Vực và Khu Vực, đều không có thời hạn, khi đã nhận nhiệm vụ, các vị thi hành cho tới khi tuổi cao, sức yếu, hoặc khi sức khỏe không cho phép, khi đó mới có thể được nghỉ.

### **Linh Mục Niên Trưởng của Đồng Hương.**

Ngay từ khi thành hình, Ban Đại Diện Đồng Hương, các Đại Diện Liên Khu Vực và các Ban Đại Diện Khu Vực, nghĩa là những người phục vụ Đồng Hương, đều là giáo dân, không có sự tham gia của Linh Mục hay Tu Sĩ. Tuy vậy, các vị “giáo dân” đã phục vụ Đồng Hương một cách rất đăc lợc, rất hiệu quả và rất tốt đẹp, không bao giờ xảy ra điều gì đáng tiếc, cả về phương diện đời, cả về phương diện đạo. Các Cha Đồng Hương cũng thấy như vậy, thỉnh thoảng các ngài đã có lời khen ngợi đề khuyến khích những người làm việc.

Lễ Quan Thầy năm 1993, tổ chức tại giáo xứ Bùi Thái, tiệc mừng tại nhà ông bà Hoàng Văn Tuy, có đông các Cha, các Dì, các Thầy và Bà Con Đồng Hương, đặc biệt, có cha Phan Quang Tú, lần duy nhất đến với Đồng Hương. Trước khi vào tiệc, các cha họp riêng với nhau, thật là bí mật, chẳng biết các ngài bàn tính chuyện gì. Thế rồi, cha Phan Quang Tú, trước khi làm phép bữa ăn, đã trình trọng tuyên bố :

*“Các Cha hiện diện hôm nay đã cử cha Nguyễn Đình Tân, thay mặt cho các cha Đồng Hương, làm Niên Trưởng Đồng Hương, và ngài đã vui lòng nhận”.*

Bà con vỗ tay reo mừng quá trời. Như vậy, các cha cũng muốn góp phần của mình, không nhiều thì ít, không trực tiếp thì gián tiếp, vào việc phục vụ và điều hành việc chung của Đồng Hương. Cảm ơn các cha.

Thế là từ đây Đồng Hương Du Hiếu có Cha Niên Trưởng, có vị lãnh đạo tinh thần. Cha Tân đã trở thành “Cha Xứ” của “xứ” Đồng Hương Du Hiếu. Từ khi có Cha Niên Trưởng, Ban Đại Diện luôn luôn tham khảo ý kiến của Ngài, mọi quyết định đều được thông qua Ngài, và chỉ khi Ngài chấp thuận, mới được thi hành. Toàn thể Đồng Hương Du Hiếu chân thành cảm ơn Cha Nguyễn Đình Tân đã nhận làm Niên Trưởng Đồng Hương.

### **III. SINH HOẠT CỦA ĐỒNG HƯƠNG DU HIẾU**

Vì Đồng Hương Du Hiếu phát sinh và được hình thành từ việc hàng năm, người Du Hiếu cùng nhau mừng Lễ Đức Mẹ Mân Côi, bởi vậy, sinh hoạt chủ yếu của Đồng Hương Du Hiếu chỉ là những việc liên quan đến Đức Mẹ :

**1. Hàng năm tổ chức Lễ Kính Đức Mẹ Mân Côi, Quan Thầy :** Lễ Đức Mẹ Mân Côi, theo lịch phụng vụ, vào Chúa Nhật thứ nhất đầu tháng Mười, Đồng Hương Du Hiếu luôn luôn tổ chức sau ngày chính lễ, để các Linh Mục, các Tu Sĩ và bà con dễ dàng tham dự, .

Trước ngày Lễ, chừng 2 tháng, Thư Mời Dự Lễ, qua Ban Đại Diện các Khu Vực, được gửi đến tất cả mọi gia đình Đồng Hương, không sót một gia đình nào, vừa để Mời, vừa để Báo Cáo sinh hoạt của Đồng

## *Ngọn Lửa Tin Yêu*

Hương. Thư Mời có in đầy đủ danh sách những người Đồng Hương qua đời trong năm, để Bà Con biết mà chia buồn với tang gia và cầu nguyện cho người qua đời. Danh sách này, hầu như năm nào cũng hơn kém ba chục người !

Lễ Quan Thầy, mỗi năm được tổ chức ở một nơi khác nhau, để các Bà Con không có điều kiện đi xa nhà, cũng có thể, ít ra một lần được cùng cả Đồng Hương dự lễ Quan Thầy tại địa phương mình. Saigon, Biên Hòa, Hồ Nai, Dốc Mơ, Phương Lâm, Vũng Tàu, Kinh 5, Hà Tiên, U Minh Hạ, thậm chí cả tại Du Hiếu, luôn phiên thay đổi, ở đâu, bà con cũng tới.

Sau đây, là một số lần tổ chức Lễ Quan Thầy ở những địa phương khác nhau :

**Lần thứ 11**, năm 1993, tại giáo xứ Bùi Thái, Biên Hòa, họp mặt tại nhà ông bà Hoàng Văn Tuy, chủ đề : **VIÊN GẠCH CHO NHÀ THỜ DU HIẾU**. Có đông các Cha, các Tu Sĩ và chừng 300 bà con Đồng Hương. Trong khi dự tiệc, bà con được xem video cảnh nhà thờ Du Hiếu : cột lim mục rỗng từ đầu xuống chân, một số cột phải có cột phụ chống đỡ, mái ngói lủng rỗng xem thấy trời, tường nứt nẻ nhiều chỗ. Xem xong, tất cả bà con đều đồng lòng, một ý : ***phải làm lại nhà thờ***. Đây đúng là “Hội Nghị Diên Hồng” của người Du Hiếu. Thế là việc cổ động xây lại nhà thờ được bắt đầu từ đây.

Cũng trong Lễ Quan Thầy năm nay, các Cha đã cử cha Nguyễn Đình Tân làm Niên Trưởng Đồng Hương.

**Lần thứ 14**, năm 1996, tại giáo xứ Tân Mai, Biên Hòa, họp mặt tại nhà ông bà Nguyễn Văn Tỳ, chủ đề : **CỔ ĐỘNG ƠN GỌI LINH MỤC VÀ TU SĨ**. Chủ đề này đã hấp dẫn rất đông Linh Mục và Tu Sĩ về tham dự, có chừng 400 bà con Đồng Hương. Cha Đặng Văn Tú, chánh xứ Tân Mai và là Tổng Đại Diện giáo phận Xuân Lộc, trong bài phát biểu cảm tưởng, trước bữa tiệc, đã khen rằng : *“Rất thán phục Đồng Hương Du Hiếu, vì yêu mến Giáo Hội, nên cổ động ơn gọi Linh Mục và Tu Sĩ, thật cao quý và tốt lành. Nguyện xin Thiên Chúa chúc lành cho việc cổ động này và ban cho Đồng Hương Du Hiếu thật nhiều Linh Mục và Tu Sĩ”*.

Đúng như lời cầu chúc của cha Tú, ngày nay Chúa đã ban cho Đồng Hương Du Hiếu rất nhiều linh mục và tu sĩ (*mời đọc danh sách Linh Mục và Tu Sĩ Du Hiếu*).



**Lần thứ 16**, năm 1998, tại kinh 5, giáo xứ Tân Chu, họp mặt tại nhà thầy giáo Luyện. Bà con Đồng Hương ở xa về từ chiều hôm trước, chừng 300 người, thêm đông đảo bà con “chủ nhà” nữa, nên Lễ Quan Thầy năm nay, số người tham dự rất đông. Thầy giáo Luyện, khi vừa “tân gia” tòa nhà lầu, cao to lộng lẫy, liền mời Đồng Hương họp mặt tại nhà mới của mình. Cảm ơn thầy giáo Luyện, đã hết lòng với Đồng Hương. Cuộc gặp gỡ này sẽ là dịp tốt để Thầy giáo Luyện gặp gỡ bà con Đồng Hương, mà số đông là học trò của Thầy, ở Du Hiếu khi xưa. Nhưng Thiên Chúa lại quan phòng cách khác, đã “gọi Thầy về”, trước lễ Đức Mẹ Mân Côi, một tháng.

Thế là Đồng Hương Du Hiếu họp mặt tại nhà thầy giáo Luyện mà không có thầy giáo Luyện. Bà con tề tựu đông đủ trước di ảnh của Thầy, chẳng ai nói lên lời, nhưng chắc chắn mỗi người đều âm thầm có lời riêng với Thầy. Sau cùng, tất cả dâng kính Vực Sâu cầu nguyện cho Thầy.

**Lần thứ 26**, năm 2008, tại trung tâm Đức Mẹ Bãi Dâu, Vũng Tàu, họp mặt tại nhà hội, tiệc mừng tại nhà hàng của trung tâm. Bà con biết rằng tại Vũng Tàu có trung tâm Đức Mẹ Bãi Dâu và có tượng đài Chúa Kitô Vua tại núi Tao Phùng, nên tham dự rất đông để có dịp kính viếng hai linh địa này. Có một đoàn khách, chừng mười dì dòng thánh Phaolô Đà Nẵng (Saint Paul de Chartres), do 2 dì Đồng Hương, Phan Thị Ánh The và Phan Thanh Hương mời về tham dự. Trước khi tới Bãi Dâu, tất cả mọi đoàn đều đã lên núi Tao Phùng kính viếng và cầu nguyện cùng Chúa Kitô Vua.

Theo báo cáo của các Khu Vực, số bà con tham dự là 500 người. Khi dự thánh lễ, tôi thấy ngôi gần kín hết ghé nhà thờ, bèn đếm thử, không ngờ, tổng số lên đến 800 người. Vượt mức dự trù 300 người. Ban tổ chức cuống cuồng, 500 người, 50 bàn ăn, bây giờ 800 người, 80 bàn, chỉ còn 1 giờ đồng hồ nữa thôi, lấy đâu ra 30 bàn ăn ? Nhà hàng có liệu được không ? Cũng may, nhà hàng này, vì của trung tâm hành hương, đã nhiều lần gặp bất thường như thế này, nên lúc nào cũng sẵn sàng đáp ứng mọi đòi hỏi khẩn cấp, chỉ 1 giờ đồng hồ, có thêm 30 bàn ăn. Ban tổ chức thờ phào, nhẹ nhõm.

**Lần thứ 32**, năm 2014, tại giáo xứ Thứ Mười (*cũng gọi là gx Đông Hưng*), ấp 10 Chợ, xã Đông Hưng, huyện An Ninh, tỉnh Kiên Giang. Đây là xứ truyền giáo của giáo phận Long Xuyên, thuộc miền rừng nước U Minh Thượng, giáp giới tỉnh Kiên Giang và tỉnh Cà Mau. Chỉ có duy nhất

## *Ngon Lửa Tin Yêu*

Cha Sở là người Đồng Hương Du Hiếu, cha Cao Văn Luận, con cụ Cố Oánh ở Kinh 5B, ngoài ra, không còn người Đồng Hương Du Hiếu nào ở đây nữa. Ban tổ chức muốn giới thiệu với bà con “*Du Hiếu Toàn Tòng*” một giáo xứ truyền giáo mà cha sở là người Du Hiếu, cho nên mới chọn chủ đề : THĂM VIẾNG XỨ TRUYỀN GIÁO. Bà con đã hưởng ứng lời mời, tham dự rất đông, hơn 600 người, đông hơn giáo dân chủ nhà, chỉ có 550 người. Ban Đại Diện Khu Vực Kinh 5 đã mời và đón cha Cố Mai Xuân Triết, 91 tuổi, từ nhà hưu dưỡng đến dự. Quý lắm ! Cha Sở Chủ Nhà cũng mời các cha trong hạt đến đồng tế cùng các cha Đồng Hương, nhờ vậy mà Lễ Quan Thầy 2014 thêm rất nhiều phần long trọng. Đoàn rước Đức Mẹ Rosa, trước thánh Lễ, chung quanh khuôn viên nhà thờ, đầy đủ áo mào và cờ ảnh sẵn có của Đồng Hương, rất đông và đẹp, đầu đoàn đi hết lộ trình, về đến cửa nhà thờ, cuối đoàn mới ra khỏi nhà thờ.

Một vị trong ban hành giao chủ nhà đã nói với chúng tôi : “*Tại đây, chưa bao giờ có lễ nào long trọng như lễ lần này, chưa bao giờ có đoàn rước kiệu nào đẹp như thế này*”.

3 giờ chiều, “*Lễ xong, bà con đi về bình an*”. Theo đúng chương trình, các Khu Vực Đồng Hương thuộc miền Đông, tới nhà thờ Tắc Sậy, kính viếng Cha Trương Bửu Diệp. Đoàn chúng tôi tới đây vào khoảng 6 giờ chiều, trời đã nhá nhem tối. Sau khi dâng thánh lễ đồng tế, bà con xuống tầng trệt, quỳ cầu nguyện chung quanh mộ Cha Diệp, rất sốt sắng và tha thiết, mỗi người có một tâm sự riêng để thưa với Cha. 9 giờ, Đoàn ăn tối tại nhà thăm viếng do các dì dòng Chúa Quan Phòng phục vụ, rất ngon.

10 giờ đêm, Đoàn từ giã Tắc Sậy để ra về. Tạ ơn Chúa đã ban cho Đồng Hương Du Hiếu một lễ Quan Thầy long trọng, sốt sắng, đi về bình yên.

**Lần thứ 34**, năm 2016, tại giáo xứ Dốc Mơ, họp mặt tại sân nhà giáo lý, có rạp. Các Cha, các Tu Sĩ và bà con về đông lắm, hơn 800 người, riêng Kinh 5 đã hơn hai chục. Trong giờ họp mặt, Đồng Hương chúc mừng 2 cha mới, cha Giuse Phạm Đắc Lực, dòng Chúa Cứu Thế, con ông bà Cố Bảo, chịu chức ngày 2.7.2016, cha Giuse Phan Trung Hiếu, dòng Victor Lion, con ông bà Cố Đại, chịu chức ngày 27.9.2016. Cha Lực vắng mặt, chỉ có cha Hiếu hiện diện, nên các cha đã đề cử cha Hiếu chủ tế thánh lễ.

Khi rước kiệu, đoàn rước vừa đi hết, chuẩn bị lên kiệu thì trời đổ mưa, bà con chạy ào vào nhà thờ, chờ hết mưa, kiệu Đức Mẹ đi lồi tắt vào nhà thờ. Khi dự tiệc, rạp làm ngoài sân, bàn không ướt, nhưng dưới chân, nước chảy như thác. Đã 33 lần tổ chức, chưa bao giờ trời lại mưa như lần này. Chắc Đức Mẹ muốn thử lòng hiếu thảo của con cái Du Hiếu !

Theo đúng chương trình, 14 giờ, các xe chở bà con vào kính viếng trung tâm Đức Mẹ Núi Cối, cách nhà thờ Dốc Mơ 3 cây số, để lãnh ơn toàn xá. Chính vì mục này trong chương trình mà bà con đã tích cực tham dự đông đảo.

**2. Thăm viếng người Đồng Hương qua đời :** khi có người Đồng Hương qua đời, Ban Đại Diện Khu Vực sở tại, tổ chức để Bà Con trong Khu Vực đến tang gia chia buồn và cầu nguyện, dự thánh lễ an táng và tiễn đưa người quá cố đến nơi an nghỉ sau cùng. Buổi tối ngày an táng, Bà Con Đồng Hương trong Khu Vực đến tang gia đọc kinh cầu nguyện cho Người Qua Đời. Nếu người qua đời là Ân Nhân của Đồng Hương, thì xin một lễ cầu nguyện.

**3. Sinh hoạt bác ái** (*mời đọc trong Quỹ Ân Nhân của Đồng Hương Du Hiếu*).

#### **IV. QUỸ AN NHÂN CỦA ĐỒNG HƯƠNG DU HIẾU**

##### **① Thành lập quỹ Ân Nhân :**

Đồng Hương Du Hiếu sinh hoạt đến hôm nay, ngày 10 tháng 8 năm 2011, đã 29 năm, tất cả chi tiêu cho sinh hoạt và cho những việc bác ái trong Đồng Hương, đều do bà con Đồng Hương giúp đỡ, khi thừa, khi đủ, khi thiếu. Thừa thì rất ít, đủ thì thỉnh thoảng, nhưng thiếu thì nhiều, có khi thiếu rất “nặng nề”. Những khi thiếu, các vị trong Ban Đại Diện phải tự tìm cách trang trải, thường thường các vị giải bài toán “chia đều”.

Nay nhằm cắt gánh nặng cho những vị phụ trách việc chung của Đồng Hương, trong buổi họp bàn tổ chức Lễ Quan Thầy, ngày 10 tháng 8 năm 2011, tại nhà ông Nguyễn Văn Duy, Phó Đại Diện Đồng Hương, tất cả các Vị Đại Diện Đồng Hương hiện diện, đã quyết định cổ động bà con Đồng Hương giúp đỡ thành lập một quỹ cho những chi tiêu thường xuyên của Đồng Hương và cho những công tác bác ái, như :

- Thăm viếng người Đồng Hương khi đau yếu nặng...
- Giúp đỡ người Đồng Hương khi gặp hoạn nạn ...
- Thăm viếng các Cụ cao niên của Đồng Hương.

Quý này sẽ do những bà con trong cũng như ngoài Đồng Hương, vì lòng mến Chúa và yêu người, tùy khả năng và lòng tốt, tự ý giúp đỡ. quý này được gọi là **QUỸ AN NHÂN ĐỒNG HƯƠNG DU HIẾU**, những bà con có lòng tốt giúp đỡ Quỹ Ân Nhân, được gọi là **ÂN NHÂN ĐỒNG HƯƠNG DU HIẾU**, danh sách sẽ lưu giữ mãi mãi trong Sổ Ân Nhân.

Bà Con nào có điều kiện, muốn giúp Quỹ Ân Nhân này, xin liên hệ trực tiếp với Vị Đại Diện Khu Vực, hoặc vị Đại Diện Liên Khu Vực, hoặc Ban Đại Diện Đồng Hương để biết rõ thể thức ghi tên vào Ân Nhân, từ 1.000.000 đồng trở lên.

## ② Đền ơn đáp nghĩa Ân Nhân :

1. Đồng Hương Du Hiếu mãi mãi ghi nhớ công ơn của các vị Ân Nhân và sẽ cầu nguyện cho các Vị trong những dịp đặc biệt :

Trong thánh lễ Quan Thầy hàng năm, Đồng Hương sẽ cầu nguyện cho các Ân Nhân, những Vị còn sống cũng như những Vị đã qua đời.

2. Ban Đại Diện Đồng Hương đã xin các Cha trong Đồng Hương mỗi năm cho một Thánh Lễ cầu nguyện cho các Ân Nhân, người còn sống cũng như người đã qua đời. Đến lễ Quan Thầy năm 2016, đã có 15 cha hứa dâng lễ theo ý này.

### 3. Khi Ân Nhân qua đời :

- Ban Đại Diện Đồng Hương (*hoặc Ban Đại Diện Liên Khu Vực*) cùng với bà con trong Khu Vực sẽ thăm viếng, dự thánh lễ an táng, tiễn đưa đến nơi an nghỉ và tập trung tại tang gia ngay tối ngày an táng để đọc kinh cầu nguyện cho Ân Nhân. Mỗi gia đình phải có ít nhất một đại diện tham dự các nghi lễ trên đây.

- Đồng Hương sẽ xin một thánh lễ tại giáo xứ sở tại, cầu nguyện cho Ân Nhân qua đời, yêu cầu Bà Con Đồng Hương trong cùng Khu Vực đến dự Thánh Lễ này.

4. Hơn thế nữa, Đồng Hương Du Hiếu tin rằng chính Thiên Chúa sẽ đền ơn đáp nghĩa cho các Ân Nhân, một cách bội hậu nhất, trọng đại nhất và cao trọng nhất như, Chúa Giêsu đã phán :

"Nào những kẻ Cha Ta chúc phúc, hãy đến thừa hưởng Vương Quốc dọn sẵn cho các ngươi ngay từ thuở tạo thiên lập địa. Vì xưa Ta đói, các ngươi đã cho ăn ; Ta khát, các ngươi đã cho uống ; Ta là khách lạ, các ngươi đã tiếp rước ; Ta trần truồng, các ngươi đã cho mặc ; Ta đau yếu, các ngươi đã thăm nom ; Ta ngồi tù, các ngươi đã đến thăm" (Mt 25, 34-36).

### **③ Thăm viếng người Đồng Hương đau yếu :**

Khi có người Đồng Hương đau yếu nặng, liệt giường, phải nằm bệnh viện, Ban Đại Diện Khu Vực thay mặt cho Đồng Hương đến thăm viếng (*Đoàn thăm viếng ít nhất phải có chừng hai ba người*), cũng phải có chút quà mọn tượng trưng cho tình cảm của Đồng Hương (*chừng 5 hộp sữa đặc hoặc vật gì tương đương*). Chi tiêu này, xin Ban Đại Diện Khu Vực vui lòng ứng trước, Thủ Quỹ Đồng Hương sẽ trích từ quỹ Ân Nhân thanh toán lại.

### **④ Giúp đỡ người Đồng Hương gặp hoạn nạn :**

Khi có người Đồng Hương gặp tai nạn, thiên tai, Ban Đại Diện Khu Vực thông báo ngay cho Ban Đại Diện Đồng Hương biết. Ban Đại Diện Đồng Hương sẽ họp bàn với Ban Đại Diện Liên Khu Vực và Khu Vực để lên kế hoạch cứu trợ tùy theo khả năng của Đồng Hương và tùy theo mức độ của tai nạn.

### **⑤ Thăm viếng các Cụ Cao Tuổi :**

"Cao Tuổi" là các Cụ từ 80 tuổi trở lên. Mỗi Khu Vực đã có một sổ ghi tên các cụ Cao Tuổi. Xin Ông Trưởng Đại Diện Khu Vực dò hỏi trong Khu Vực để biết tất cả các cụ cao tuổi và ghi chép đầy đủ danh sách vào sổ này, đừng để sót Cụ nào. Xin vui lòng ghi đúng theo cách thức của Đồng Hương.

Hàng năm, vào dịp lễ Quan Thầy, Ban Đại Diện Khu Vực, mời thêm một vài người nữa, thay mặt cho toàn thể Đồng Hương, đến thăm và mời các Cụ dự lễ Quan Thầy. Khi thăm, phải có quà tượng trưng cho tình cảm Đồng Hương đối với các Cụ (*giống như quà thăm viếng người đau yếu*). Khi các Cụ yếu mệt (*nguy tử*), cũng phải thăm viếng như trên. Chi tiêu này, xin Ban Đại Diện Khu Vực vui lòng ứng trước, Thủ Quỹ Đồng Hương sẽ trích từ quỹ Ân Nhân thanh toán lại.

### **⑥ Ban Cổ Động Quỹ Ân Nhân :**

- Các Vị trong Ban Đại Diện Đồng Hương ;
- Các Vị Đại Diện Liên Khu Vực ;
- Các Vị trong Ban Đại Diện Khu Vực.

**⑦ Ban Quản Lý Quỹ Ân Nhân :**

- Ban Đại Diện Đồng Hương ;
- Các Vị Đại Diện Liên Khu Vực.

## **TỔ CHỨC CỦA ĐỒNG HƯƠNG DU HIẾU**

Đồng Hương Du Hiếu, trong sinh hoạt, có 4 Đơn Vị, liên lạc theo hàng dọc, từ căn bản đi lên :

**1. GIA ĐÌNH** : là đơn vị sinh hoạt căn bản, mỗi gia đình Công Giáo là một Gia Đình của Đồng Hương. Đại diện của Gia Đình là Gia Trưởng.

**2. KHU VỰC** : Những Gia Đình Đồng Hương sống gần nhau trong một hoặc nhiều giáo xứ, họp lại thành một Khu Vực, có Ban Đại Diện, gồm một Trưởng và một hoặc nhiều Phó.

Những nơi chỉ có một số ít Gia Đình, không đủ thành lập một Khu Vực riêng, được gọi là những Gia Đình Biệt Lập. Ban Đại diện Đồng Hương sẽ trực tiếp liên lạc với những Gia Đình này.

**3. LIÊN KHU VỰC** : Những Khu Vực gần nhau, thuộc một huyện hoặc một tỉnh họp chung lại thành một Liên Khu vực, có một Trưởng Đại Diện.

Những Khu Vực không gần các Khu Vực khác, không thuộc Liên Khu Vực nào, gọi là Khu Vực Biệt Lập.

**4. ĐỒNG HƯƠNG** : là đơn vị lớn nhất, bao gồm toàn thể các Đơn Vị trong Đồng Hương, Ban Đại Diện gồm một Trưởng, nhiều Phó, Thư Ký và Thủ Quỹ .

**ĐẠI HỘI ĐẠI DIỆN ĐỒNG HƯƠNG** : là hội nghị mà thành phần tham dự gồm có : Ban Đại Diện Đồng Hương, các Trưởng Liên Khu Vực và Ban Đại Diện các Khu Vực, thường họp trước lễ Quan Thầy

chừng 2 tháng, để bàn việc tổ chức lễ Quan Thầy và hoạch định các sinh hoạt chính trong cả năm. Đây là hội nghị cao nhất của Đồng Hương Du Hiếu, tất cả những gì không phù hợp với Đại Hội này đều không được thi hành.

<b>BAN ĐẠI DIỆN ĐỒNG HƯƠNG</b>	
Chức Vụ	Địa Chỉ
Trưởng	Ô. Hoàng Văn Tuy Giáo xứ Bùi Thái, 87/18A, KP 1, P.Tam Hòa, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. <b>Đt :</b> (061) 3812-378 và 0913-739-341
Phó	Ô. Nguyễn Thành Thu Gx Bùi Chu, 38 thôn Đông Bình, ấp Bùi Chu, xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. <b>Đt :</b> 0168-9119-592
Thư Ký	Ô. Mai Khắc Toán Gx Bùi Thái, KP 1, P. Tam Hoà, Tp Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai. <b>Đt :</b> (061) 381-1803 và 0919-622-720 Email : domitoan@gmail.com
Thủ Quỹ	Ô. Phan Văn Đăng Gx Bùi Chu, 232 ấp Bùi Chu, xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. <b>Đt :</b> 0918-206-299 và 0918-206-299
<b>PHÓ ĐẠI DIỆN ĐỒNG HƯƠNG</b> <b>(Đồng Thời Là Trưởng Đại Diện Liên Khu Vực)</b>	
Ô. Phan Văn Thiên	<i>Liên Khu Vực Saigon, Gx Thanh Đa</i>
Ô. Phan Văn Tiến	<i>Liên Khu Vực Trảng Bom, Gx Bùi Chu,</i>
Ô. Nguyễn Đức Thương	<i>Liên Khu Vực Bà Rịa, Gx Phước Tỉnh</i>
Ô. Mai Văn Sơn	<i>Liên Khu Vực Thống Nhất, Gx Dốc Mơ</i>
Ô. Nguyễn Hữu Huỳnh	<i>Liên Khu Vực Tân Phú, Gx Phương Lâm</i>
Ô. Nguyễn Văn Huân	<i>Liên Khu Vực Lâm Đồng, Gx Phúc Lộc</i>

Ô. Phạm Văn Lục		<i>Liên Khu Vực Kiên Giang, Gx Tân Chu</i>
<b>ĐẠI DIỆN LIÊN KHU VỰC và ĐẠI DIỆN KHU VỰC</b>		
1	<b>Khu vực BIÊN HÒA</b> Gồm các gia đình Đồng Hương cư ngụ tại các giáo xứ trong Tp Biên Hoà, Đồng Nai	- Trưởng Đại Diện : Ô. Lê Văn Hùng, Gx Đaminh, P. Tam Hiệp. Tp Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai. <b>Đt</b> : 0917-007-197
2	<b>Khu vực PHAN THIẾT</b> Gồm các gia đình Đồng Hương cư ngụ tại các giáo xứ trong tỉnh Bình Thuận	- Trưởng Đại Diện : Ô. Nguyễn Văn Chức, Gx Vinh Thủy, 356 đường Thủ Khoa Huân, P. Phú Thủy, Tp Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận <b>Đt</b> : 0919-205-667
3	<b>Khu vực BÌNH DƯƠNG</b> Gồm các gia đình Đồng Hương cư ngụ tại các giáo xứ trong tỉnh Bình Dương.	- Trưởng Đại Diện : Ô. Nguyễn Văn Can, Gx Vinh Sơn, 95 KP 2, đường Phú Lợi, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. <b>Đt</b> : 0908-375-011
		- Phó : Ô. Trần Văn Cường, <b>Đt</b> : 0902-794-078 và (0650) 385 9028 Email : cuongttnt@gmail.com
4	<b>Khu vực Tại Mỹ</b> Gồm các gia đình Đồng Hương đang định cư tại Hoa Kỳ	- Trưởng Đại Diện : Ô. Phan Ngọc Mạo, 1957 Doxey dr Sanjose CA95131, USA <b>Đt</b> : 4082-580-983 Email: <a href="mailto:thuyhuong_phan@yahoo.com">thuyhuong_phan@yahoo.com</a>
<b>① LIÊN KHU VỰC SAIGÒN :</b>		
Gồm các Khu Vực Đồng Hương trong thành phố Saigon. Trưởng Đại Diện : Ô. Phan Văn Thiên, Cố vấn : Ông Cao Văn Pháp, Gx Tân Việt, 44/11 Nguyễn Minh Hoàng, P.12, Q. Tân Bình, Tp HCM, <b>Đt</b> : (08) 3811-0341 và 0937-271-999. Email : <a href="mailto:phatvancao@yahoo.com.vn">phatvancao@yahoo.com.vn</a>		



4	<p><b>Khu vực SAIGÒN 1</b> Gồm các gia đình Đồng Hương cư ngụ tại các quận Bình Thạnh, Phú Nhuận, Tân Bình, Gò Vấp, Q 4, Q 7.</p>	<p>- Trưởng Đại Diện : Ô. Phan Văn Thiên, Gx Thanh Đa, 643/24/3B, Hẻm 8, đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P 26, Q. Bình Thạnh, Tp HCM. <b>Đt</b> : 0903-963-066 và (08) 3898-4797 Email : <a href="mailto:thientgk@yahoo.com">thientgk@yahoo.com</a></p>
5	<p><b>Khu vực SAIGÒN 2</b> Gồm các gia đình Đồng Hương cư ngụ tại Q 8, Q 10, Q 11.</p>	<p>- Trưởng Đại Diện : Ô. Nguyễn Ngọc Định, Gx Đồng Tiên, 20/D11 cư xá Nguyễn Trung Trực, đường 3 tháng 2, P. 12, Q 10, Tp HCM. <b>Đt</b> : (08) 3862-2184</p>
6	<p><b>Khu vực TÂN PHÚ</b> Gồm các gia đình Đồng Hương cư ngụ tại quận Tân Phú.</p>	<p>- Trưởng Đại Diện : Ô. Cao Văn Luật, Gx Nhân Hòa, 18/66 đường Đỗ Nhuận, P. Sơn Kỳ, Q. Tân Phú, Tp HCM. <b>Đt</b> : 0989-017-221</p>
7	<p><b>Khu vực THỦ ĐỨC</b> Gồm các gia đình Đồng Hương thuộc các giáo xứ tại quận Thủ Đức.</p>	<p>- Trưởng Đại Diện : Ô. Phan Cẩm Bào, Gx Thủ Đức, 12, đường 9, P. Trường Thọ, Q. Thủ Đức, Tp HCM. <b>Đt</b> : 0918-217-856 Email : <a href="mailto:cambaophan@yahoo.com">cambaophan@yahoo.com</a></p>
8	<p><b>Khu vực HÓC MÔN</b> Gồm các gia đình Đồng Hương cư ngụ tại các giáo xứ thuộc quận Hóc Môn và các vùng lân cận.</p>	<p>- Trưởng Đại Diện : Ô. Nguyễn Thế Quyền, Gx Trung Chánh, 136/7B đường Nguyễn Anh Thủ, P. Tân Xuân, Q. Hóc Môn, Tp HCM. <b>Đt</b> : (08) 3891-4444 ; 0908-147-576</p>
<p><b>② LIÊN KHU VỰC TRẮNG BOM :</b> Gồm các Khu Vực Đồng Hương ở trong huyện Trảng Bom và huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai. Trưởng Đại Diện : Ông Phan Văn Tiến, <b>Đt</b> : (061) 3869 170</p>		
9	<p><b>Khu vực TRẮNG BOM</b> Gồm các gia đình Đồng Hương cư ngụ tại các Gx :</p>	<p>- Trưởng Đại Diện : Ô. Phan Quang Trung, Gx Trà Cỏ, 925 ấp Trà cỏ, xã Bình Minh, huyện Trảng Bom,</p>

	Tân Bình, Trà Cỏ, Giang Điền, Quảng Biên, Lộc Hòa, Tâm An, Thanh Bình, Bình Minh, ..... huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.	tỉnh Đồng Nai. <b>Đt</b> : 0983-308-594
10	<b>Khu vực BÙI CHU</b> Gồm các gia đình Đồng Hương cư ngụ tại các giáo xứ Bùi Chu, Ngũ Phúc, Hoà Bình, Thánh Tâm và Đông Vinh tại huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.	- Trưởng Đại Diện : Ô. Phan Văn Tiến, Gx Bùi Chu, 168 thôn Đông Bình, ấp Bùi Chu, xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. <b>Đt</b> : (061) 386 9170 - Phó : Ô. Nguyễn Thành Thu <b>Đt</b> : 0168-9119-592 - Thư Ký : Ô. Nguyễn Xuân Thu, <b>Đt</b> : 0918-206-299 - Thủ quỹ : Ô. Phan Văn Đăng, <b>Đt</b> : 0918-206-299 - Cố vấn : Ô. Nguyễn Tri Ân <b>Đt</b> : 0169-635-8723 - Cố vấn : Ô. Tạ Văn Hựu
11	<b>Khu vực TRỊ AN</b> Gồm các gia đình Đồng Hương cư ngụ tại Gx Thuận An và Gx Thạch An, huyện Vĩnh Cửu, ĐN	- Trưởng Đại Diện : Ô. Phạm Thanh Tùng, Gx Thạch An, 216, tổ 11, ấp 2, xã Vĩnh Tân, huyện Vĩnh Cửu, Đồng Nai. <b>Đt</b> : 0986-684-361 và (061) 3961 302 - Cố Vấn : Ô. Nguyễn Văn Vy, <b>Đt</b> : 0125-7675-913
12	<b>Khu vực SÔNG MÂY</b> Gồm các gia đình Đồng Hương cư ngụ tại Gx Sông Mây, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.	- Trưởng Đại Diện : Ô. Phạm Quốc Hương, Gx Sông Mây, 68/8, tổ 8, ấp Sông Mây, xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. <b>Đt</b> : 0125-7675-913 - Phó : Bà Tịnh (Nguyễn Thị Ruyên) <b>Đt</b> : 0908-425-801

<p><b>③ LIÊN KHU VỰC THỐNG NHẤT :</b>          Gồm các khu vực Đồng Hương trong huyện Thống Nhất, huyện Long Khánh và huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.          Trưởng Đại Diện : Ông Mai Văn Sơn :  <b>Đt : 0165-9506-515</b></p>		
13	<p><b>Khu vực ĐỐC MƠ</b>          Gồm các gia đình Đồng Hương cư ngụ tại các giáo xứ Đốc Mơ, Đức Long, Đức Huy, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.</p>	<p>- Trưởng Đại Diện : Ô. Mai Văn Sơn, Gx Đốc Mơ, ấp Đốc Mơ, xã Gia Tân 1, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.  <b>Đt : 0165-9506-515</b></p>
		<p>- Phó 1 : Ô. Nguyễn Công Hoà,  <b>Đt : 0164-3912-339</b></p>
		<p>- Phó 2 : Ô. Trịnh Xuân Mạc,  <b>Đt : 0973-892-657</b></p>
14	<p><b>Khu vực GIA KIỆM</b>          Gồm các gia đình Đồng Hương cư ngụ tại các Gx trong xã Gia Kiệm, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.</p>	<p>- Trưởng Đại Diện : Ô. Lâm Đình Nguyên, Gx Võ Đông, xã Gia Kiệm, huyện Thống Nhất, Đồng Nai.  <b>Đt : 0983-517-704</b></p>
		<p>- Phó 1 : Ô. Nguyễn Anh Long,  <b>Đt : 0166-5159-480 ; (061) 376 -6968</b></p>
		<p>- Phó 2 : Bà Nguyễn Văn Minh (Phượng),  <b>Đt : 0124-7922-308</b></p>
		<p>- Phó 3 : Bà Nguyễn Đình Dục (Hồng),  <b>Đt : 0916-215-834</b></p>
15	<p><b>Khu vực DẦU GIÂY</b>          Gồm các gia đình Đồng Hương cư ngụ tại các giáo xứ thuộc thị trấn Dầu Giây, và các giáo xứ trong huyện Long Khánh, ĐN</p>	<p>- Trưởng Đại Diện : Ô. Nguyễn Văn Lưỡng, Gx Dầu Giây, 239/5B ấp Lập Thành, xã Xuân Thạnh, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.  <b>Đt : 0974-917-677 và (061) 3770-441</b></p>

16	<p><b>Khu vực SUỐI NHO</b> Gồm các gia đình Đồng Hương cư ngụ tại xã Suối Nho, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.</p>	<p>- Trưởng Đại Diện : Ô. Nguyễn Văn Nhận, Gx Suối Nho, 09, tổ 16, ấp 1, xã Suối Nho, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai. <b>Đt : 0933-344-249</b></p> <p>- Phó : Ô. Phan Thanh Trúc <b>Đt : 0909-485-336</b></p>
<p style="text-align: center;"><b>④ LIÊN KHU VỰC TÂN PHÚ :</b></p> <p style="text-align: center;">Gồm các Khu Vực Đồng Hương trong huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai</p> <p style="text-align: center;">Trưởng Đại Diện : Ông Nguyễn Hữu Huynh, Gx Phương Lâm, tổ 4, ấp Phương Mai 2, xã Phú Lâm, huyện Tân Phú, Đồng Nai, <b>Đt : 0164-356-2223</b></p> <p style="text-align: center;">Cố Vấn : Ông Nguyễn Văn Đàm, Gx Phương Lâm, <b>Đt (061) 3663-843 và 0953-372-049</b></p>		
17	<p><b>Khu vực PHƯƠNG LÂM</b> Gồm các gia đình Đồng Hương cư ngụ tại giáo xứ Phương Lâm, Tân Phú, ĐN</p>	<p>- Trưởng Đại Diện : Ô. Vũ Thi thơ, Gx Phương Lâm, ấp Thanh Thọ 2, xã Phương Lâm, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. <b>Đt : 0169-3580-878</b></p>
18	<p><b>Khu vực BÌNH LÂM</b> Gồm các gia đình Đồng Hương cư ngụ tại giáo xứ Bình Lâm, huyện Tân Phú.</p>	<p>- Trưởng Đại Diện : Ô. Hoàng Văn Tĩnh, Gx Bình Lâm, ấp Phú Ngọc, xã Phú Trung, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. <b>Đt : 0169-912-639 và (061) 221 6648</b></p>
19	<p><b>Khu vực THỌ LÂM</b> Gồm các gia đình Đồng Hương cư ngụ tại giáo xứ Thọ Lâm, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.</p>	<p>- Trưởng Đại Diện : Ô. Trần Viết Quyền, Gx Thọ Lâm, 1703 ấp Thọ Lâm, xã Phú Xuân, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. <b>Đt : 0919-020-814</b></p>
20	<p><b>Khu vực NGỌC LÂM</b> Gồm các gia đình Đồng</p>	<p>- Trưởng Đại Diện : Ô. Nguyễn Văn Phụng, Gx Ngọc Lâm, ấp Ngọc</p>

	Hương cư ngụ tại giáo xứ Ngọc Lâm, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.	Lâm, xã Phú Thanh, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. <b>Đt</b> : 0168-6589-190 - Phó : Ô. Đạm,
<p><b>© LIÊN KHU VỰC BÀ RỊA :</b></p> <p>Gồm các Khu Vực Đồng Hương trong tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu  Trưởng ĐD : Ông Nguyễn Đức Thường, <b>Đt</b> : 0918-559-280  Email : <a href="mailto:nguyenducthuong1212@gmail.com">nguyenducthuong1212@gmail.com</a></p>		
22	<p><b>Khu vực BÀ RỊA</b></p> <p>Gồm các gia đình Đồng Hương cư ngụ tại các giáo xứ trong tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, (trừ ra Gx Hoà Thuận)</p>	- Trưởng Đại Diện : Ô. Nguyễn Đức Thường, Gx Phước Tĩnh, D14, tổ 1, ấp Phước Hiệp, xã Phước Tĩnh, huyện Long Điền, tỉnh BR-VT. <b>Đt</b> : (064) 384-2003
		- Phó 1 : Ô. Nguyễn Văn Tinh <b>Đt</b> : 0908-269-402
		- Phó 2 : Ô. Nguyễn Văn Tinh
		- Thư Ký : Ô. Phan Đại Từ
23	<p><b>Khu vực BỪNG KÈ</b></p> <p>Gồm các gia đình Đồng Hương thuộc Gx Hòa Thuận, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu</p>	- Trưởng Đại Diện : Ô. Nguyễn Văn Đồng, Gx Hoà Thuận, tổ 16, ấp Phú Bình, xã Hòa Hiệp, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. <b>Đt</b> : 0934-108-528 và (064) 378 3261
<p><b>© LIÊN KHU VỰC BÌNH PHƯỚC :</b></p> <p>Gồm các Khu Vực Đồng Hương trong tỉnh Bình Phước.  Trưởng Đại Diện : Ô. Dom Nguyễn Văn Khoa. <b>Đt</b> : 0984-362-979</p>		
24	<p><b>Khu vực ĐỒNG XOÀI</b></p> <p>Gồm các gia đình Đồng Hương tại thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.</p>	- Trưởng Đại Diện : Ô. Phan Văn Chung, Gx Đồng Xoài, 615, QL 14, P. Tân Bình, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước . <b>Đt</b> : 0986-613-492
25	<b>Khu vực PHƯỚC LONG</b>	- Trưởng Đại Diện : Ô. Dom

	Gồm các gia đình Đồng Hương cư ngụ tại các giáo xứ trong huyện Phước Long, tỉnh Bình Phước.	Nguyễn Văn Khoa, Gx Tân Long, Xã Bù Nho, Huyện Phú Riềng, Tỉnh Bình Phước. <b>Đt</b> : 0984-362-979
		- Phó : Ô. Giuse Phạm Văn Trúc <b>Đt</b> : 0123-8904-028
		- Thư Ký : Bà Bạch (Maria Đoàn Thị Vi) <b>Đt</b> : 0123-8904-028

		- Cố Vấn : Ô. Nguyễn Việt Hùng, <b>Đt</b> : (0651) 377 8396
		- Cố Vấn : Cô Maria Nguyễn Lan Hương. <b>Đt</b> : (0651) 650 7687
26	<b>Khu vực BÌNH LONG</b> Gồm các gia đình Đồng Hương cư ngụ tại các giáo xứ trong huyện Bình Long, tỉnh Bình Phước.	- Trưởng Đại Diện : Ô. Nguyễn Văn Khẩn, Gx Bình Long, 123, tổ 6, Ấp Thanh Hà, xã Thanh Phú, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước. Điện thoại : (0651) 2212 651 - Cố vấn : Ô. Bùi Văn Trọng, <b>Đt</b> : (0651) 368 0488
<b>® LIÊN KHU VỰC BAN MÊ THUẬT :</b> Gồm các Khu Vực Đồng Hương trong các tỉnh Đắk Lắk và tỉnh Đắk Nông, thuộc giáo phận Ban Mê Thuật. Trưởng Đại Diện : Ô. Phạm Quang Tuyên, Gx Kim Châu, <b>Đt</b> : (500) 655-5057 và 0984-294-168.		
27	<b>Khu vực ĐẮK LẮK</b> Gồm các gia đình Đồng Hương cư ngụ tại các giáo xứ trong tỉnh Đắk Lắk	- Trưởng Đại Diện : Ô. Phạm Quang Tuyên, Gx Kim Châu, 19E, thôn Kim Châu, xã Dray Bhang, huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk. <b>Đt</b> : 0984-294-168 Email : <a href="mailto:nhatkc@gmail.com">nhatkc@gmail.com</a>
28	<b>Khu vực ĐẮK NÔNG</b>	- Trưởng Đại Diện : Ô. Nguyễn Văn

	Gồm các gia đình Đồng Hương cư ngụ tại các giáo xứ trong tỉnh Đắk Nông.	Lâm, Gx Quảng Đà, 134 đường Nguyễn Tất Thành, thị trấn Đắc Mâm, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông. <b>Đt</b> : 0905-191-728
		- Phó : Ô. Giuse Nguyễn Văn Ruật, <b>Đt</b> : 0979-833-325 và 0168-521-0629

<b>© LIÊN KHU VỰC LÂM ĐỒNG :</b>		
Gồm các Khu Vực Đồng Hương trong tỉnh Lâm Đồng. Trưởng Đại Diện : Ô. Nguyễn Văn Huân, <b>Đt</b> : 097 583 7646		
29	<b>Khu Vực BẢO LỘC</b> Gồm các gia đình Đồng Hương cư ngụ tại các giáo xứ trong Tp Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.	- Trưởng Đại Diện : Ô. Nguyễn Văn Huân, Gx Phúc Lộc, tổ 10, KP 8A, P. Lộc Sơn, thị xã Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng. <b>Đt</b> : 0975-837-646
30	<b>Khu Vực DI LINH</b> Các gia đình Đồng Hương cư ngụ tại các giáo xứ trong huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng	- Trưởng Đại Diện : Ô. Phan Văn Chiến, Gx Phú Hiệp, Khu vực Sao Mai, 67, thôn Phú Hiệp 1. xã Gia Hiệp, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng. <b>Đt</b> : (063) 387-2432
31	<b>Khu Vực ĐỨC TRỌNG</b> Gồm các gia đình Đồng Hương cư ngụ tại các giáo xứ trong huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.	- Trưởng Đại Diện : Ô. Nguyễn Văn Triệu, Gx Đức Trọng, thôn Thanh Bình 3, xã Bình Thạnh, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng. <b>Đt</b> : (063) 366 7166
		- Cố Vấn : Ô. Nguyễn Vũ Thoan. <b>Đt</b> : (063) 384 2539
32	<b>Khu Vực LÂM HÀ</b>	- Trưởng Đại Diện : Ô. Nguyễn Văn Thuận, Gx Lán Tranh, thôn 8, làng

	Gồm các gia đình Đồng Hương cư ngụ tại các giáo xứ trong huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.	2, xã Phúc Thọ, Lâm Hà, Lâm Đồng <b>Đt</b> : 0168-4853-689
		- Phó 1 : Ô. Phan Văn Hanh, <b>Đt</b> : 0975-387-268
		- Phó 2 : Ô. Nguyễn Văn Thắng, <b>Đt</b> : 0973-406-234

<b>® LIÊN KHU VỰC KIÊN GIANG :</b>		
Gồm các Khu Vực Đồng Hương trong tỉnh Kiên Giang. Trưởng Đại Diện : Ô. Phạm Văn Lực, <b>Đt</b> : 0946-664-652 Cố Vấn : Ô. Nguyễn Thái Hoà ( <i>tên thường gọi : Học</i> ), <b>Đt</b> : (77) 383 2386, Email : hocnguyentc@gmail.com.		
33	<b>Khu Vực TÂN CHU</b> Gồm các gia đình Đồng Hương Du Hiếu tại giáo xứ Tân Chu, Kinh 5A, xã Tân Hiệp A, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang	Trưởng Đại Diện : Ô. Phạm Văn Lực, Gx Tân Chu, nhà số 53, tập đoàn 13, ấp Kinh 5 A, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Kên Giang. <b>Đt</b> : (077) 3832-094
		- Phó 1 : Ô. Nguyễn Văn Hương <b>Đt</b> : (077) 3832-375
		- Phó 2 : Ô. Trần Đức Thuần <b>Đt</b> : 0976-314-030
		- Phó 3 : Ô. Đỗ Văn Nam <b>Đt</b> : 0129-7272-118
34	<b>Khu Vực THỨC HOÁ</b> Gồm các gia đình Đồng Hương thuộc giáo xứ Thức Hoá, kinh 5A, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.	- Trưởng Đại Diện : Ô. Nguyễn Ngọc Nguyên, Gx Thức Hoá, Kinh 5A, xã Tân Hiệp A, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. <b>Đt</b> : 0165-7625-466 và 0165-7734-044
35	<b>Khu Vực TÂN HÀ</b> Gồm các gia đình Đồng	- Trưởng Đại Diện : Ô. Nguyễn Văn Kỹ, Gx Tân Hà, Kinh 5B, xã Tân



	Hương thuộc giáo xứ Tân Hà, kinh 5B, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.	Hiệp A, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. <b>Đt</b> : 0989-040-278
36	<b>Khu Vực MỸ LÂM</b> Gồm các gia đình Đồng Hương thuộc giáo xứ Tân Lập, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.	- Trưởng Đại Diện : Ô. Nguyễn Duy Khiêm, Gx Tân Lập, ấp Mỹ Thuận, xã Sóc Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang (phía trong Kinh 5B) <b>Đt</b> : (077) 374 4135 và 0126-9555-665
37	<b>Khu Vực KINH 1</b> Gồm các gia đình Đồng Hương tại Kinh 1, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.	- Trưởng Đại Diện : Ô. Nguyễn Văn Chiến, Gx Thánh Gia, Kinh 1B, xã Tân Hoà, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. <b>Đt</b> : (077) 372 0297 và 0163-6320-197
38	<b>Khu vực KINH 3</b> Gồm các gia đình Đồng Hương tại Kinh 3, Cái Sắn, huyện Tân Hiệp, tỉnh KG.	- Trưởng Đại Diện : Ô. Huynh, Gx Đồng Tâm, Kinh 3B, xã Tân Hiệp A, huyện Tân Hiệp, Kiên Giang <b>Đt</b> : 0907-145-507
39	<b>Khu Vực KINH 4</b> Gồm các gia đình Đồng Hương tại Kinh 4, Cái Sắn, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang	- Trưởng Đại Diện : Ô. Vũ Xuân Thành, Gx Tân Thành, kinh 4B <b>Đt</b> : 0122-3928-070
		- Phó : Ô. Đinh Đức Liêm.
40	<b>Khu Vực KINH 7</b> Gồm các gia đình Đồng Hương tại Kinh 7, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.	- Trưởng Đại Diện : Ô. Nguyễn Văn Lý, 109 tổ 4, ấp Kinh 7A, xã Thạnh Đông A, huyện Tân Hiệp, Kiên Giang. <b>Đt</b> : (077) 3731-308 ; 0122-2189-962
41	<b>Khu Vực KINH 8</b> Gồm các gia đình Đồng Hương tại Kinh 8, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.	- Trưởng Đại Diện : Ô. Nguyễn Văn Hân, Gx Bình Châu, tổ 14, Kinh 8A, xã Thạnh Đông A, h. Tân Hiệp, Kiên Giang. <b>Đt</b> : (077) 373-1354 ; 0169-6410-633
42	<b>Khu Vực TÂN HIỆP</b> Gồm các gia đình Đồng	- Trưởng Đại Diện : Ô. Phan Bình Hảo, Gx Tân Hiệp, 111 khóm B, thị

	Hương tại Kinh Tân Hiệp và Kinh Đông Bình, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.	trần Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. <b>Đt</b> : (077) 371 1964 và 0164-5487-388
43	<b>Khu Vực KIÊN LƯƠNG</b> Gồm các gia đình Đồng Hương tại huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.	- Trưởng Đại Diện : Ô. Nguyễn Văn Thái, Gx Kiên Lương, 535 đường Triệu Thị Trinh, KP Cư Xá, thị trấn Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang. <b>Đt</b> : 0909-101-088

### **\*Giới thiệu tài liệu**

Đây là đoạn video về lễ Đức Mẹ Mân Côi, Quan Thầy đồng hương Du Hiếu đã được tổ chức tại giáo xứ Dốc Mơ ngày 14/10/2016.

<https://www.youtube.com/watch?v=QomyPB5GL0I>

*Cách thức mở để xem trang mạng: khi máy tính đang được nối mạng internet, vừa nhấn phím Ctrl và đồng thời gõ đúp Click (hai lần liên tiếp) lên trên trang mạng ghi trên. Sau đó sẽ theo các chỉ thị được hướng dẫn.*

*Hoặc có thể điền chi tiết trên vào khung tìm kiếm của youtube.*

## **Địa chỉ liên lạc đồng hương ở Hải Ngoại**

### **Địa chỉ liên lạc đồng hương ở nước Đức**

Họ và tên: Nguyễn Thị Kim Thanh (Thủy)  
Địa chỉ: Siemensstrasse 48a  
8153 Münster, GERMANY.  
E-mail: [kimthanhnguyen63@yahoo.de](mailto:kimthanhnguyen63@yahoo.de)

Họ và tên: Phan Quang Tú  
Địa chỉ: Heidstrasse 79, 44649 Herne, GERMANY.  
E-mail: <phan123@gmx.de >

Họ và tên: Phan Thị Hương  
Địa chỉ: Situli Str. 65, 80939 München, GERMANY.  
E-mail: [thi-huong.phan@gmx.de](mailto:thi-huong.phan@gmx.de)

### **Địa chỉ liên lạc đồng hương ở Nhật Bản**

Họ và tên: Cao Sơn Thân  
Địa chỉ: 3-1-21 Akamatsu-cho, Nada-ku, Kobe-shi. JP. 657-0061.  
E-mail: [takasinsgjp@yahoo.co.jp](mailto:takasinsgjp@yahoo.co.jp)

### **Địa chỉ liên lạc đồng hương ở Hoa Kỳ**

Họ và tên: Phan Ngọc Mạo  
Địa chỉ: 1957 Doxey Drive, San Jose, CA 95131. USA  
E-mail: [thuyhuong\\_phan@yahoo.com](mailto:thuyhuong_phan@yahoo.com)

Họ và tên: Vũ Ngọc Hải  
Địa chỉ: 11043 NE Everett Street, Portland, OR 97220. USA  
E-mail: [haivu1946@gmail.com](mailto:haivu1946@gmail.com)

Họ và tên: Cao Thi Thoa  
Địa chỉ: 227 N. Redrock St. Anaheim, CA 92807-2806. USA  
E-mail: [thoathicao@yahoo.com](mailto:thoathicao@yahoo.com)

### **Địa chỉ liên lạc đồng hương ở nước Úc**

Họ và tên: Phan Cao Trí (Chư)  
Địa chỉ: 16 Moreton Cres, Bundoora, VIC 3083. Australia  
Tel. (03) 9467-7830  
E-mail: [thanphong.vic@gmail.com](mailto:thanphong.vic@gmail.com)

Họ và tên: Nguyễn Thị Hường  
Địa chỉ: 96 Scotts Rd. Darra QLD 4076. Australia.  
Tel. (07) 3375-5863  
E-mail: [mnguyenbris@hotmail.com](mailto:mnguyenbris@hotmail.com)

## 15. Các linh mục, tu sỹ gốc giáo xứ Du Hiếu

**ĐỒNG HƯƠNG DU HIẾU**

*Địa chỉ liên lạc :*

87/18A, KP 1, P. Tam Hòa,

Tp Biên Hòa, **ĐỒNG NAI**

Email : anduhieu@gmail.com

**LINH MỤC và TU SĨ**

***Du Hi ếu***

*Niềm Vinh Dự của Người Du Hiếu*

	<b>LINH MỤC</b> (Ngày chịu chức, cha mẹ, ông bà )	<b>ĐỊA CHỈ</b>
1	Lm Dom Nguyễn Đình Tân, 14.5.1968 <i>Cha mẹ : ÔB Cố Chiêu, gx Hải Nhuận, ÔB nội : Cụ Chánh Chiêu, gx Hải Nhuận, ÔB ngoại : Cụ Tổng Lực, gx Du Hiếu.</i>	Chánh xứ Thanh Đa, 801/67 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. 26, Q. Bình Thạnh, TP HCM. <b>Đt</b> : 0903-528-339 ; (08) 3899-2329 Email : <a href="mailto:domdinhthan@gmail.com">domdinhthan@gmail.com</a>
2	Lm Jos Cao Văn Bài, 19.3.1974, <i>Cha mẹ : ÔB Cố Sách, gx Du Hiếu, ÔB nội : Cụ Trùm Chính, gx Du Hiếu, ÔB ngoại : Cụ Ký Húc, gx Thức Hoá.</i>	Địa chỉ liên lạc: Tòa giám mục Long Xuyên, số 9 Nguyễn Huệ A, P. Mỹ Long, Tp. Long Xuyên, AN GIANG. <b>Đt</b> : (076) 3844-917
3	Lm Jos Nguyễn Văn Quang, 2.7.1976, <i>Cha mẹ : ÔB Cố Thiệu, gx Quất Lâm, ÔB nội : Cụ Chiêu, gx Quất Lâm, ÔB ngoại : Cụ Hòa, gx Quất Lâm, (Bà Hòa : gx Du Hiếu).</i>	Bề Trên Giám Tỉnh Dòng Salésiens, 54, đường số 5, phường Linh Xuân, quận Thủ Đức, TP. HCM <b>Đt</b> : 091-375-7982 Email : <a href="mailto:inguyenq@yahoo.com">inguyenq@yahoo.com</a>
4	Lm Vinc Nguyễn Minh Chu, 19.12.1976, <i>Cha mẹ : ÔB Cố Tung, gx Du Hiếu, ÔB nội : Cụ Trùm Vĩnh, gx Du Hiếu, ÔB ngoại : Cụ Trùm Đình, gh Minh Đường, gx Quất Lâm.</i>	Chánh xứ Kiên Lương, thị trấn Kiên Lương, tỉnh KIÊN GIANG. <b>Đt</b> : 091-319-0085 Email : <a href="mailto:nguyenminhchu@gmail.com">nguyenminhchu@gmail.com</a> <a href="mailto:chuvi50@yahoo.com">chuvi50@yahoo.com</a>
5	Đức Ông Jos Bùi Đức Tiến, 18.8.1979, <i>Cha mẹ : ÔB Cố Cứ, gx Du Hiếu, ÔB nội : Cụ Trùm Soạn, gx Du Hiếu, ÔB ngoại : Cụ Giáo Tiếp, gx Du Hiếu.</i>	Our Lady of Perpetual Help Church, 14 Bedford Road, Ringwood 3134, AUSTRALIA <b>Đt</b> : 613-980-6056 Email : <a href="mailto:buiductien@hotmail.com">buiductien@hotmail.com</a>

6	<p>Lm Jos Phạm Hùng Sơn, 9.6.1990,  <i>Cha mẹ : Ông Cố Lâm, gx Quất Lâm</i>  <i>Ông nội : Cụ Xã Ngũ, gx Quất Lâm</i>  <i>Ông ngoại : Cụ Phần Phụng, gx Du Hiếu.</i></p>	<p>Nhà hưu dưỡng linh mục gp Xuân Lộc,          TP Biên Hòa, tỉnh ĐỒNG NAI.  <b>Đt</b> : 091-812-4624          Email : <i>hsondq@gmail.com</i></p>
7	<p>Lm Phaolô Phạm Đình Hiện,          3.8.1991,  <i>(Anh cha Phạm Đình Hiện),</i>  <i>Cha mẹ : Ông Cố Hào, gx Bùi Chu,</i>  <i>Ông nội : Cụ Bình Ngoạn, gx Phong Lâm (Bà Bình Ngoạn : Du Hiếu),</i>  <i>Ông ngoại : Cụ Tạ Viết Bái, gx Phong Lâm</i></p>	<p>Tu hội Truyền Giáo Thánh Giuse,          Mill Hill Formation House, P.O. Box          2130, Giáo phận Jinja, UGANDA  <b>Đt</b> : 00256-776 -224-265          Email : <i>paulhienmhm@yahoo.co.uk</i></p>
8	<p>Lm Giuse Phạm Đình Hiện,          30.9.2005,  <i>(Em cha Phạm Đình Hiện),</i>  <i>Cha mẹ : Ông Cố Hào. gx Bùi Chu,</i>  <i>Ông nội : Cụ Bình Ngoạn, gx Phong Lâm (Bà Bình Ngoạn : Du Hiếu),</i>  <i>Ông ngoại : Cụ Tạ Viết Bái, gx Phong Lâm</i></p>	<p>Chánh xứ Thanh Hoá, ấp Thanh Hoá,          xã Hồ Nai 3, huyện Trảng Bom,          tỉnh ĐỒNG NAI.  <b>Đt</b> : 097-422-1113</p>
9	<p>Lm Jos Phan Văn Dương, 29.5.1993,  <i>(Em của Sr. Phan Thị Ánh The),</i>  <i>Cha mẹ : Ông Cố Dưỡng, gx Du Hiếu,</i>  <i>Ông nội : Cụ Trùm Sinh, gx Du Hiếu,</i>  <i>Ông ngoại : Cụ Phần Phụng, gx Du Hiếu.</i></p>	<p>1100 Fulton Ave, San Leandro, Ca 94577          USA.  <b>Đt</b> : 510-213-3340          Email : <i>josephanduong@gmail.com</i></p>
10	<p>Lm Tôma Vũ Đình Hạo, 7.2.1996,  <i>Cha mẹ : Ông Cố Hào, gh Văn Trì, gx Du Hiếu,</i>  <i>Ông nội : Cụ Vũ Văn Nhàn, ngoại giáo,</i>  <i>xóm Văn Trì,</i>  <i>Bà ngoại : Maria Phạm Thị Kính, gh Phaolô, gx Thứ Hóa.</i></p>	<p>Chánh xứ Tân Yên, ấp Tân Yên, xã Gia Tân 3, huyện Thống Nhất, tỉnh ĐỒNG NAI.  <b>Đt</b> : 0965-178-977</p>
11	<p>Lm Jos Phạm Minh Hào, 18.9.1996,  <i>(Anh cha Phạm Thanh Quang),</i>  <i>Cha mẹ : Ông Cố Tính, gx Du Hiếu,</i>  <i>Ông nội : Cụ Trương Tình, gh Trái Tim,</i>  <i>Ông ngoại : Cụ Trùm Căn, gx Du Hiếu.</i></p>	<p>Dòng Chúa Cứu Thế, 38 Kỳ Đồng, P. 9,          Q. 3, Tp. HCM  <b>Đt</b> : 090-754-7286          Email : <i>josfamihaoqn@gmail.com</i></p>

***Ngọn Lửa Tin Yêu***

12	<p>Lm Jos Phạm Thanh Quang, 19.8. 2005,  <i>(Em cha Phạm Minh Hảo),</i>  <i>Cha mẹ : ÔB Cố Tính, gx Du Hiếu,</i>  <i>ÔB nội : Cụ Trương Tinh, họ Trái Tim,</i>  <i>ÔB ngoại : Cụ Trùm Cẩn, gx Du Hiếu.</i></p>	<p>Dòng Chúa Cứu Thế, 38 Kỳ Đồng, P. 9, Q. 3, Tp. HCM  <b>Đt</b> : 0937-290-353</p>
13	<p>Lm Jos Trần Minh Quang, 5.2.1996,  <i>(Anh của cha Trần Minh Chính và Sr Maria Trần Thị Kim Loan),</i>  <i>Cha mẹ : ÔB Cố Miễn, gx Dốc Mơ,</i>  <i>ÔB nội : Cụ Quản Chử, gx Mộc Đức,</i>  <i>ÔB ngoại : Cụ Giáo Trung, gx Du Hiếu.</i></p>	<p>Dòng Chúa Cứu Thế, 38 Kỳ Đồng, P. 9, Q. 3, Tp. HCM  <b>Đt</b> : 098-663-7191  Email : <i>jtmquangdcct@gmail.com</i></p>
14	<p>Lm Jos Trần Minh Chính, 19.8. 2005,  <i>(Em cha Trần Minh Quang và anh Sr Maria Trần Thị Kim Loan)</i>  <i>Cha mẹ : ÔB Cố Miễn, gx Du Hiếu,,</i>  <i>ÔB nội : Cụ Quản Chử, gx Mộc Đức,</i>  <i>ÔB ngoại : Cụ Giáo Trung, gx Du Hiếu.</i></p>	<p>Dòng Chúa Cứu Thế, 38 Kỳ Đồng, P. 9, Q. 3, Tp. HCM  <b>Đt</b> : 098-531-6662</p>
15	<p>Lm Dom Cao Sơn Thân, SJ,  21.3.1998,  <i>(anh của Sr. Cao Thị Hoa và Sr. Cao Thùy Dung),</i>  <i>Cha mẹ : ÔB Cố Thúc, gx Du Hiếu,</i>  <i>ÔB nội : Cụ Trùm Chính, gx Du Hiếu,</i>  <i>ÔB ngoại : Cụ Lý San, gx Du Hiếu.</i></p>	<p>Dòng Tên, Nhật Bản  3-1-21 Akamatsu-cho, Nada-ku, Kobe-shi. JP. 657-0061  Email : <i>takasinsgjp@yahoo.co.jp</i></p>
16	<p>Lm Jos Lâm Văn Sỹ, OP, 21.7.2000,  <i>(Em của Thầy Lâm Văn Chí),</i>  <i>Cha mẹ : ÔB Cố Xứ, gx Mộc Đức,</i>  <i>ÔB nội : Cụ Lý Liêm, gx Mộc Đức,</i>  <i>ÔB ngoại : cụ Trùm Chính, gx Du Hiếu.</i></p>	<p>Tu viện Mân Côi, 90 Nguyễn Thái Sơn, P.3, Q. Gò Vấp, Tp HCM,  <b>Đt</b> : (08) 3894-0477  Email : <i>anhsau_lvs@yahoo.com</i></p>
17	<p>Lm Dom Nguyễn Đình Khanh,  25.1.2000,  Chánh xứ Thiết Nham, gp Xuân Lộc,  <i>Gốc : Ngọc Cục, nơi phát xuất DH.</i></p>	<p>Nhà thờ Thiết Nham, ấp Đoàn Kết, xã Vĩnh Thanh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.  <b>Đt</b> : 091-828-7910</p>

18	<p>Lm Vinc Nguyễn Tiến Dũng, 11.4.2002, Chánh xứ Đông Vinh, <i>Nghĩa tử của ÔB Cố Tuyên, gx Du Hiếu.</i></p>	<p>Ấp Đông Hải 2, xã Hố Nai 3, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. <b>Đt</b> : 091-892-5556</p>
19	<p>Lm Pet Đặng Duy Linh, 4.9.2003 <i>Nghĩa tử của ÔB Cố Tấn, gx Du Hiếu.</i></p>	<p>Chánh xứ Đất Đỏ, ấp Thanh Long, xã Phước Thanh, huyện Đất Đỏ, tỉnh BÀ RỊA – VŨNG TÀU.</p>
20	<p>Lm Jos Cao Văn Luận, 29.6.2004, <i>Cha mẹ : ÔB Cố Oánh, gx Du Hiếu, ÔB nội : Cụ Cao Văn Nhuệ, gx Du Hiếu ÔB ngoại : Cụ Yết, gx Thức Hóa.</i></p>	<p>Chánh xứ Đông Hưng, ấp 10 Chợ, xã Đông Hưng, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. <b>Đt</b> : 091-976-2175 Email : <a href="mailto:gscvl@yahoo.com">gscvl@yahoo.com</a></p>
21	<p>Lm Paul. Phạm Việt Hưng, SJ, 2004, <i>Cha mẹ : ÔB Cố Tài, gx Du Hiếu, ÔB nội : Cụ Thành, gh Phao Lô, gx Thức Hóa, ÔB ngoại : Cụ Trùm Thông (bà Trùm Thông là Nga, con cụ Bá Vũ, Du Hiếu).</i></p>	<p>Chương án toà án hôn phối, Tổng giáo phận Los Angeles, Hoa Kỳ</p>
22	<p>Lm Jos Nguyễn Ngọc Hạnh, 25.5.2010, Hội Thừa Sai VN, gp Phú Cường, <i>Nghĩa tử của Cha Phạm Hùng Sơn.</i></p>	<p>Nhà thờ Tân Khai, xã Tân Khai, huyện Hớn Quảng, tỉnh Bình Phước. <b>Đt</b> : 097-205-6842 Email : <a href="mailto:joshanh68@yahoo.com">joshanh68@yahoo.com</a></p>
23	<p>Lm Joach M Nguyễn Công Điền, 1.6.2013 <i>Cha mẹ : ÔB Cố Ruăn, gx Du Hiếu, ÔB nội : Cụ Trùm Ru, gx Du Hiếu, ÔB ngoại : Cụ Xã Tinh, gx Quát Lâm.</i></p>	<p>Dòng Đồng Công, Thủ Đức, 521 tỉnh lộ 43, xã Tam Phú, h. Thủ Đức, Tp HCM <b>Đt</b> : 012-2882-7710`</p>
24	<p>Lm Phaolô Nguyễn Minh Chiến, 1.6.2013, <i>Cha mẹ : ÔB Cố Khoát, Gx Dốc Mơ, ÔB nội : Cụ Giuse Khoan, gx Du Hiếu, ÔB ngoại : Cụ Giuse Miễn, gx Du Hiếu.</i></p>	<p>Dòng Đồng Công, Thủ Đức, 521 tỉnh lộ 43, xã Tam Phú, huyện Thủ Đức, Tp HCM <b>Đt</b> : 098-871-5511</p>

***Ngọn Lửa Tin Yêu***

25	Lm Louis Nguyễn Châu Bình, 31.5.2014, ( <i>Anh của lm Nguyễn Tuấn Dũng</i> ), Cha mẹ : <i>ÔB Cố Sơn, gx Du Hiếu,</i> <i>ÔB nội : Cụ Phan, gx Du Hiếu,</i> <i>ÔB ngoại : Cụ Thực, gx Đồng Quan,</i> <i>Thái Bình.</i>	Phố xứ, Saint Joseph Catholic Church, 412 Main Street, Greenville, MS <b>Đt</b> : 310-531-3897, Văn phòng gx : 662-335-5251 Email : <i>nguyenchaubinh@gmail.com</i>
26	Lm Jos Nguyễn Đức Cường, 30.5.2015, Cha mẹ : <i>ÔB Cố Trạch, gx Du Hiếu,</i> <i>ÔB nội : Cụ Trùm Thất, gx Du Hiếu,</i> <i>ÔB ngoại : Cụ Nguyễn Bá Loát, làng</i> <i>Hà Cát, Nam Định. bên lương.</i>	Dòng Thánh Thể.15b Đường Số 4, Khu Phố 4, Phường Bình Chiểu, Quận Thủ Đức, TP.HCM, <b>Đt</b> : 0120-589-5593 Email : <i>giusenguyencuong@gmail.com</i>
27	Lm Dom Lâm Sơn Thủy, 30.5.2015, ( <i>anh của Dì Lâm Nguyễn Thảo Hiền</i> ), Cha mẹ : <i>ÔB Cố Tiến, gx Mộc Đức,</i> <i>ÔB nội : Cụ Tộ, gx Mộc Đức,</i> <i>ÔB ngoại : Cụ Tiêm (Bà Tiêm: gxDH).</i>	Phố xứ chánh tòa Xuân Lộc. Nhà thờ Xuân lộc, I 44 Hùng Vương, thị trấn Xuân Lộc, huyện Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
28	Lm Jos Phạm Đắc Lực, 2.7.2016, ( <i>anh của Sr. Phạm Thị Thu Nguyệt</i> ), Cha mẹ : <i>ÔB Cố Bảo, gh Văn Trì,</i> <i>ÔB nội : Cụ Khiển, gh Văn Trì,</i> <i>ÔB ngoại : Cụ Sắc, gx Du Hiếu.</i>	Dòng Chúa Cứu Thế Saigon : 38 Kỳ Đông, P 9, Q 3, Tp. CHM <b>Đt</b> : (08) 3844-0322
29	Lm Jos Phan Trung Hiếu, 27.9.2016, <i>Dòng Victor Lion (Pháp),</i> Cha mẹ : <i>ÔB Cố Đại, gx Du Hiếu,</i> <i>ÔB nội : Cụ Thành, gx Du Hiếu,</i> <i>ÔB ngoại: Cụ Phần Phúc, gx Du Hiếu</i>	225/11 QL 1A, Kp. 5, P. Bình Hưng Hòa, Q. Bình Tân, Tp HCM. <b>Đt</b> : 090-963-7310
30	Lm Giuse Đinh Văn Thắng, 08.12.2016, Cha mẹ : <i>ÔB Cố Điển, gx Phú Nhai,</i> <i>ÔB nội : Cụ Liên, gx Phú Nhai,</i> <i>ÔB ngoại : Cụ Thiêm (bà Thiêm là</i> <i>Loan, con Cụ Phó Đễ : gx Du Hiếu)</i>	Dòng Thừa Sai Đức Tin VN, 311/14/9 đường 30/4, phường Phú Thọ, Tp. Thủ Đầu Một, tỉnh Bình Dương. <b>Đt</b> : 0166-4573-404
31	Lm Giuse Nguyễn Tuấn Dũng ( <i>em cha Nguyễn Châu Bình</i> ) 7.8.2017 Cha mẹ : <i>ÔB Cố Sơn, gx Du Hiếu,</i> <i>ÔB nội : Cụ Phan, gx Du Hiếu,</i> <i>ÔB ngoại : Cụ Thực, gx Đồng Quan,</i> <i>Thái Bình</i>	Dòng Đaminh, Nhà thờ Mân Côi, 90 Nguyễn Thái Sơn, P.3, Q. Gò Vấp, Tp HCM, <b>Đt</b> : (08) 3894-0477



	<b>NỮ TU SỸ</b> (Ngày khẩn trốn, cha mẹ, ông bà )	<b>ĐỊA CHỈ</b>
1	Dì Maria Rita Nguyễn Thị Vóc, 30.4.1975 <i>Cha mẹ : ÔB Phần Cung, gx Ninh Phát</i> <i>ÔB nội : Cụ Trưởng Khiêm, Du Hiếu</i> <i>ÔB ngoại : Cụ Trùm Xuất, Đồng Thầy Già</i>	Tu hội Nữ Tỳ Thiên Chúa, Q1/023 ấp Nguyễn Huệ, xã Quang Trung, huyện Thống Nhất, ĐỒNG NAI. <b>Đt</b> : (061) 377-5505 ; 016-5803-3508 Email : <i>m.ritavoc@gmail.com</i>
2	Dì Maria Têrêsa Phạm Thị Minh Nguyệt, 14.8.2016 <i>Cha mẹ : ÔB Vũ, gx Ninh Phát</i> <i>ÔB nội : Cụ Kim, Ninh Bình</i> <i>ÔB ngoại : Cụ Cố Cung, Du Hiếu</i>	Tu hội Nữ Tỳ Thiên Chúa, 6/17 CMT8 P. 5, Q. Tân Bình, Tp. HCM <b>Đt</b> : (08) 3842-4791
3	Dì Têrêsa Phan Thị Ánh The, 24.3.1984 ( <i>Chị cha Phan Văn Dương</i> ) <i>Cha mẹ : ÔB Cố Dưỡng, gx Du Hiếu,</i> <i>ÔB nội : Cụ Trùm Sinh, gx Du Hiếu,</i> <i>ÔB ngoại : Cụ Phần Phụng, gx Du Hiếu.</i>	Dòng Thánh Phaolô Trường Mầm Non Bích Du, 25/7 Nguyễn Tất Thành, Tp Tuy Hoà <b>Đt</b> : 012-6800-8862 Email : <i>phananhthe@gmail.com</i>
4	Dì Maria Phan Thị Thanh Hương, 24.3.1984 <i>Cha mẹ : ÔB Chánh Lâm, gx Du Hiếu,</i> <i>ÔB nội : Cụ Hương Giám, gx Du Hiếu,</i> <i>ÔB ngoại : Cụ Biểu Mẫn, gx Mộc Đức.</i>	Dòng Thánh Phaolô, 47 Yên Bái, TP ĐÀ NẴNG. <b>Đt</b> : 093-206-9911
5	Dì Maria Nguyễn Thị Hồng Cậy, 28.6.1987 <i>Cha mẹ : ÔB Dân, gx Du Hiếu,</i> <i>ÔB nội : Cụ Sửu, gx Du Hiếu,</i> <i>ÔB ngoại : Cụ Ấn, gx Du Hiếu.</i>	Dòng Thánh Phaolô Đà Nẵng. 828 Lê Duẩn , TP. Pleiku, Gia Lai. <b>Đt</b> : 012-2244-3242 Email : <i>caythinguyen@yahoo.com</i>
6	Dì Têrêsa Cao Thị Hoa, 10.6.1994 ( <i>Em cha Thân, chị Sr. Dung</i> ) <i>Cha mẹ : ÔB Cố Thúc, gx Du Hiếu,</i> <i>ÔB nội : Cụ Trùm Chính, gx Du Hiếu,</i> <i>ÔB ngoại : Cụ Lý San, gx Du Hiếu.</i>	Dòng Phansinh Thừa Sai Đức Mẹ, Việt Nam Email : <i>hoafmm@yahoo.com</i>

***Ngọn Lửa Tin Yêu***

7	Dì Têrêsa Cao Thùy Dung, ( <i>Em cha Thân và em Sr. Hoa</i> ) <i>Cha mẹ : ÔB Cố Thúc, gx Du Hiếu,</i> <i>ÔB nội : Cụ Trùm Chinh, gx Du Hiếu,</i> <i>ÔB ngoại : Cụ Lý San, gx Du Hiếu.</i>	Nhà Dòng Phansinh Thừa Sai Đức Mẹ, Việt Nam Email : <i>theresehd@yahoo.com</i>
8	Dì Maria Nguyễn Thị Huệ Di, 8.12.1985 <i>Cha mẹ : ÔB Trùm Năng, gx Du Hiếu,</i> <i>ÔB nội : Cụ Ru, gx Du Hiếu,</i> <i>ÔB ngoại : Cụ Khoan, gx Du Hiếu.</i>	Dòng Trinh Vương, 41/2D Ấp Tân Tiến, xã Xuân Thới, huyện Hóc Môn, Tp HCM <b>Đt :</b> 0122-3514-805
9	Dì Têrêsa Maria Nguyễn Thị Toàn, 30.5.1971 <i>Cha mẹ : ÔB Trùm Vực, gx Du Hiếu,</i> <i>ÔB nội : Cụ Trùm Ngộ, gx Du Hiếu,</i> <i>ÔB ngoại : Cụ Hương Giám, gx Du</i> <i>Hiếu.</i>	Giồng Riềng, Rạch Giá, Nhà Dòng Trinh Vương, 41/2D Ấp Tân Tiến, xã Xuân Thới, huyện Hóc Môn, Tp HCM, <b>Đt :</b> (08) 3891-0676 Email : <i>dtrinhvuongvn@gmail.com</i>
10	Dì M. Dom Savio Hoàng Thị Minh Tâm, 24.05.1970 <i>Cha mẹ : ÔB Trùm Tuy, gx Du Hiếu,</i> <i>ÔB nội : Cụ Bá Hạo, gx Du Hiếu,</i> <i>ÔB ngoại : Cụ Thứ, gx Du Hiếu.</i>	Dòng Mân Côi Chí Hoà  Mái Ấm Hoa Hồng, 136 Quách Đình Bảo,  P. Phú Thạnh, Q. Tân Phú, Tp HCM <b>Đt :</b> (08) 3860-7988 và 098-446-1008 Email : <i>saviotam@yahoo.ca</i>
11	Dì Maria Nguyễn Thị Cây, <i>Cha mẹ : ÔB Huyền, Kinh 8A</i> <i>ÔB nội : Cụ Sửu, xóm Phanxicô</i> <i>ÔB ngoại : Cụ Ấn, xóm Phanxicô</i>	Nhà Dòng Mân Côi Chí Hòa, 94 Bành Văn Trân, P. 7, Q. Tân Bình, TP. HCM. <b>Đt :</b> (08) 3864-0000
12	Dì Maria Lucia Phạm Thị Tuyết Nhưng <i>Cha mẹ : ÔB Bảo, gx Đốc Mơ</i> <i>ÔB nội : Cụ Phạm Văn Tuyển, họ Văn</i> <i>Trì</i> <i>ÔB ngoại : Cụ Phan Văn Sắc, Du</i> <i>Hiếu.</i>	Nhà Dòng Mân Côi Chí Hòa, 94 Bành Văn Trân, P. 7, Q. Tân Bình, TP HCM <b>Đt :</b> (08) 3864-0000
13	Dì Maria Phạm Thị Thu Nguyệt <i>Cha mẹ : ÔB Cố Bảo, gh Văn Trì,</i> <i>ÔB nội : Cụ Tuyển, gh Văn Trì,</i> <i>ÔB ngoại : Cụ Sắc, gx Du Hiếu</i>	Nhà Dòng Nữ Tử Bác Ái Vinh Sơn, 42 Tú Xương, P. 7, Q. 3, Tp HCM

14	<p>Dì Maria Ngô Thị Hồng The (<i>Chị thầy Công</i>) Cha mẹ : <i>ÔB Cố Giáp, Gx Đaminh,</i> <i>ÔB nội : Ngô Văn Ngọ, gx Quát Lâm,</i> <i>ÔB ngoại : Cụ Đường, gx Du Hiếu.</i></p>	<p>Nhà Dòng Đaminh Bùi Chu, xã Xuân Ngọc, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định. <b>Đt :</b> (0350)-388-6138 ; 016-7272-2422</p>
15	<p>Dì Maria Trần Thị Kim Loan (<i>Em của cha Trần Minh Quang và cha Trần Minh Chính</i>) Cha mẹ : <i>Cụ Cố Miến, gx Dốc Mơ,</i> <i>ÔB nội : Cụ Quản Chử, Gx Mộc Đức</i> <i>ÔB ngoại : Cụ Giáo Trung, gx Du Hiếu</i></p>	<p>Nhà Dòng Đaminh Tam Hiệp, 134/4, KP 5, P. Tam Hiệp, TP Biên Hòa, ĐN <b>Đt :</b> (061) 389-1296</p>
16	<p>Dì Maria Nguyễn Thị Kim Dung Cha mẹ : <i>ÔB Liêm, gx Dốc Mơ,</i> <i>ÔB nội : Cụ Chương, gx Văn Lý,</i> <i>ÔB ngoại : Cụ Trùm Chát, gx Du Hiếu.</i></p>	<p>Nhà Dòng Phaolô Thiện Bản, 21/2A đường Lý Chính Thắng, P.8, Q.3, Tp HCM. <b>Đt :</b> (08) 3848-4344 ; 097-411-3376</p>
17	<p>Dì Maria Nguyễn Thị Thu Thảo, Cha mẹ : <i>ÔB Giáo Chuẩn, gx Bùi Chu</i> <i>ÔB nội : Cụ Trùm Cừ, xóm Phaolô</i> <i>ÔB ngoại : Cụ Lý San, xóm Vincentê</i></p>	<p>Dòng Canossa, Fliglia Della Carita, Canassian, AUSTRALIA</p>
18	<p>Dì Maria Theresa Nguyễn Thị Hoàng Oanh, 2.8.1997 Vietnamese Dominican Sisters Cha mẹ : <i>ÔB Nhu, gx Du Hiếu</i> <i>ÔB nội : Cụ Phó Đễ, gx Du Hiếu</i> <i>ÔB ngoại : Cụ Khanh, gx Ngưỡng Nhân</i></p>	<p>Vietnamese Dominican Sisters Mary Immaculate Province, 5250 Games drive, Houston, TX 77035, USA Email : <i>sch.mton@yahoo.com</i></p>
19	<p>Dì An-Maie Nhung , MC Cha mẹ : <i>ÔB Cán, gx Du Hiếu,</i> <i>ÔB nội : Cụ Xã Triệu, gx Du Hiếu</i> <i>ÔB ngoại : Cụ Tiêm,</i></p>	<p>Missionaries of Charity, 2475 E 48<sup>th</sup> Ave Vancouver, BC V55LG CANADA.</p>
20	<p>Dì Maria Lâm Nguyễn Thảo Hiền, (<i>Em của cha Lâm Sơn Thủy</i>) Cha mẹ : <i>ÔB Cố Tiến, gx Mộc Đức,</i> <i>ÔB nội : Cụ Tộ, gx Mộc Đức,</i> <i>ÔB ngoại : Cụ Tiêm (Bà Tiêm : gx Du Hiếu).</i></p>	<p>Nhà Dòng Đaminh Tam Hiệp, 134/4, KP 5, P. Tam Hiệp, TP Biên Hòa, ĐN <b>Đt :</b> (061) 389-1296</p>

***Ngon Lửa Tin Yêu***

	<b>NAM TU SỸ</b> (Ngày khấn trọn, cha mẹ, ông bà )	<b>ĐỊA CHỈ</b>
1	Thầy Jos Dom Phan Quang Vinh Tu sĩ Gp Đalat. <i>Cha mẹ : ÔB Mậu (Mão), RIP</i> <i>ÔB nội : Cụ Hanh, Gx Quát Lâm</i> <i>ÔB ngoại : Cụ Trùm Khuê, xóm Gioan</i>	Gx Tân Thanh, 17 Nguyễn Trãi, Lộc Thanh, Tp Bảo Lộc, LÂM ĐỒNG. <b>Đt</b> : 098-706-4359 và (063) 375-8000 Email : <i>dsvinh@gmail.com</i>
2	Thầy Phó tế Vinc Lâm Văn Chí, 11.6.2012 ( <i>Anh của cha Lâm Văn Sỹ</i> ) <i>Cha mẹ : ÔB Cố Xứ, gx Bùi Chu</i> <i>ÔB nội : Cụ Lý Liêm, Gx Mộc Đức</i> <i>ÔB ngoại : Cụ Trùm Chính, xóm Antôn</i>	Giáo xứ Đông Hòa, Xuân Lộc. Khu phố Tân Quý, P. Đông Hòa, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương. Email : <i>chilam03@yahoo.com</i>
3	Thầy Jos Ngô Văn Công, <i>Cha mẹ : ÔB Cố Giáp, Gx Đaminh,</i> <i>ÔB nội : Ngô Văn Ngộ, gx Quát Lâm,</i> <i>ÔB ngoại : Cụ Đường, gx Du Hiếu.</i>	Dòng Đaminh, Nhà thờ Ba Chuông, 190 Lê Văn Sỹ, P. 10, Q. Phú Nhuận, TP CHM.
4	Thầy Jos Vũ Nguyên An, SJ <i>Cha mẹ : ÔB Vũ Ngọc Hải,</i> <i>ÔB nội : Cụ Lý San, xóm Vincentê</i> <i>ÔB ngoại : Cụ Nghiêm, Gx Tam Tòa, Quảng Bình.</i>	Tu học tại Culver California, Hoa Kỳ
5	Thầy Giuse Nguyễn Tân Kiệt Dòng Passionist <i>Cha mẹ : ÔB. Nghi, gx Đức Long</i> <i>ÔB nội : Cụ Trùm Phác, Du Hiếu</i> <i>ÔB ngoại : Cụ Thiệu, gx Dốc Mơ</i>	Nhà Dòng Passionist, Thủ Đức, TP HCM <b>Đt</b> : 016-826-3326
6	Thầy Giuse Maria Nguyễn Ngọc Huy <i>Cha mẹ : ÔB Mai, gx Dốc Mơ</i> <i>ÔB nội : Cụ Trùm Căn, Du Hiếu</i> <i>ÔB ngoại : Cụ Chúc, gx Kiên Chính</i>	Dòng Thừa Sai :
7	Thầy Giuse Phạm Văn Thái <i>Cha mẹ : ÔB Yên, gx Phước Bình,</i> <i>ÔB nội : Cụ Hoan, gx Hải Nhuận</i> <i>ÔB ngoại : <u>Cụ Cố Ruẫn</u>, Du Hiếu</i>	Dòng Phansinh, Thủ Đức,
8	Thầy Giuse Phạm Văn Thông <i>Cha mẹ : ÔB Yên, gx Phước Bình</i> <i>ÔB nội : Cụ Hoan, gx Hải Nhuận</i> <i>ÔB ngoại : <u>Cụ Cố Ruẫn</u>, gx Du Hiếu</i>	Dòng Don Bosco, Gx Xuân Hiệp, P. Linh Trung, Q. Thủ Đức, Tp HCM.

9	<p>Thầy Giuse Phạm Văn Hoan  <i>Cha mẹ : ÔB Hiến, gx Võ Đông</i>  <i>ÔB nội : Cụ Chánh Hình, gx Du Hiếu</i>  <i>ÔB ngoại : Cụ Tiết, gx Võ Đông.</i></p>	<p>Dòng Don Bosco, Gx Xuân Hiệp,  P. Linh Trung, Q. Thủ Đức, Tp HCM.</p>
10	<p>Thầy Giuse Phan Quang Minh Phát  <i>Cha mẹ : ÔB Giáo Trung, gx Trà Cổ</i>  <i>ÔB nội : Cụ Nhiều Dương, xóm Gioan</i>  <i>ÔB ngoại : Cụ Vượng, gx Quát Lâm</i>  <i>Thượng</i></p>	<p>Dòng Don Bosco, Gx Xuân Hiệp,  P. Linh Trung, Q. Thủ Đức, Tp HCM.</p>
11	<p>Thầy Giuse Lê Thanh Tĩnh,  11.07.2011  <i>Cha mẹ : ÔB cố Thuần, Gx Ngọc Lâm</i>  <i>ÔB Nội : Cụ Thực, Gx Phú Hải</i>  <i>ÔB Ngoại : Cụ Thiêm (bà Thiêm là</i>  <i>Loan, con Cụ Phó Đễ, gx Du Hiếu).</i></p>	<p>Đan Viện Biển Đức Thiên Phước  18 đường số 7, khu phố 2, phường Tam Bình, quận Thủ Đức, Tp. HCM, Việt Nam.  <b>Đt : 0837294971</b></p>
12	<p>Thầy Giuse Lê Minh Chính,  11.07.2011  <i>Cha mẹ : ÔB Thuần, Gx Ngọc Lâm</i>  <i>ÔB Nội : Cụ Thực, Gx Phú Hải</i>  <i>ÔB Ngoại : Cụ Thiêm (bà Thiêm là</i>  <i>Loan, con Cụ Phó Đễ, gx Du Hiếu).</i></p>	<p>Đan Viện Biển Đức Thiên Phước  18 đường số 7, khu phố 2, phường Tam Bình, quận Thủ Đức, Tp. HCM, Việt Nam.  <b>Đt : 0837294971</b></p>
13	<p>Thầy Giuse Lê Cao Thắng  <i>Cha mẹ : ÔB Thuần, Gx Ngọc Lâm</i>  <i>ÔB Nội : Cụ Thực, Gx Phú Hải</i>  <i>ÔB Ngoại : Cụ Thiêm (bà Thiêm là</i>  <i>Loan, con Cụ Phó Đễ, gx Du Hiếu).</i></p>	<p><i>Dòng Đức Mẹ đồng Công Cứu Chuộc,</i>  521 Tô Ngọc Vân, phường Tam Phú,  quận Thủ Đức Tp HCM VN  <b>Đt : 0838968471</b>  Email : <i>dongdongcongvn@gmail.com</i></p>
14	<p>Thầy Giuse Lê Thanh Phương <i>nhập</i>  <i>Mặc áo dòng ngày 25.08.2012</i>  <i>Cha mẹ : ÔB Thuần</i>  <i>ÔB Nội : Cụ Thực, Gx Phú Hải</i>  <i>ÔB Ngoại : Cụ Thiêm (bà Thiêm là</i>  <i>Loan, con Cụ Phó Đễ, gx Du Hiếu).</i></p>	<p>Đại chủng viện Thánh Giuse Xuân Lộc  210 Hùng Vương phường Xuân Bình,  thị xã Long Khánh tỉnh Đồng Nai.  <b>Đt : 0906800700</b></p>
15	<p>Thầy Phaolô Phan Quốc Bảo,  <i>Cha mẹ : ÔB Thành. Gx Tân Bình</i>  <i>ÔB Nội : Cụ Giáo Trung, gx Du Hiếu,</i>  <i>ÔB Ngoại : Cụ Vinh, Gx Trà Cổ.</i></p>	<p>Dự tu giáo phận Xuân Lộc</p>

## LINH MỤC DU HIẾU ĐÃ QUA ĐỜI

**1. Lm Giuse Hoàng Văn Ngự** : thường gọi “Cha Già Ngự”, con cụ Cố Lễ, sinh năm 1873, tại Du Hiếu, chịu chức linh mục năm 1903, giáo phận Trung, đảng Ngoài, qua đời năm 1953, tại Gx Bồng Tiên, xã Vũ Tiến, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình, giáo phận Thái Bình, thọ 80 tuổi, 50 năm linh mục. An táng tại khuôn viên nhà thờ Bồng Tiên.

Người Du Hiếu thường nhắc với nhau lời của Cha Già Ngự : “*Khi nào Ngự này nằm xuống, khi đó Du Hiếu mới có Ngự khác*”, nghĩa là khi nào cha Ngự qua đời, Du Hiếu mới linh mục khác. RIP.

**2. Lm Giuse Phan Quang Tú** : con cụ Cố Trường, sinh năm 1909, tại Du Hiếu, chịu chức linh mục năm 1939, giáo phận Thái Bình, năm 1954, di cư vào miền Nam, nhập giáo phận Phú Cường, qua đời ngày 4.12.2009 tại nhà hưu dưỡng linh mục Phát Diệm, Q. Gò Vấp, Saigon, thọ 100 tuổi, 70 năm linh mục, an táng tại nghĩa trang linh mục Phú Cường, giáo xứ Bến Sắn, tỉnh Bình Dương.. RIP.

*Cha Phan Quang Tú, vì tuổi cao, sức yếu, chỉ có thể tham dự Lễ Quan Thầy Đồng Hương 1 lần, năm 1994 tại giáo xứ Bùi Thái, nhưng không phải vì vậy mà Ngài quên Du Hiếu. Khi Ngài ở nhà hưu dưỡng linh mục gốc Thái Bình, tại Thi Nghè, Saigon, hàng năm, vào dịp chuẩn bị mừng lễ Quan Thầy, Ban Đại Diện Đồng Hương luôn luôn đến kính thăm và chuyển Thư Mời đến Ngài. Vì già yếu, sức khoẻ không cho phép, không thể đi dự lễ được, nhưng năm nào Ngài cũng có một “bao thư” gửi về cho nhà thờ Du Hiếu đang xây, cùng với lời rất nhắn gửi thân tình “Tôi luôn luôn nhớ cầu nguyện cho giáo xứ Du Hiếu”.*

*Ai cũng biết rằng những đồng tiền quý hoá này, do các ân nhân hoặc các “con chiên” cũ, vì lòng yêu mến, kính biểu để Ngài chi dùng trong những ngày hưu dưỡng. Nhưng Ngài đã không tiêu dùng, chắt chiu, dành lại để gửi về cho Nhà Thờ Du Hiếu. Thế mới thấy tình cảm Du Hiếu của Cha Cố Tú đối với quê hương cao quý và tha thiết như thế nào !*

**3. Lm Giuse Phan Văn Lung** : con cụ Cố Cương, sinh ngày 7.2.1943, tại Du Hiếu, chịu chức linh mục ngày 3.5.1973, giáo phận Long Xuyên, qua đời ngày 1.12.2013, tại Gx Hà Tiên, giáo phận Long Xuyên, thọ 70 tuổi, 40 năm linh mục, an táng tại khuôn viên nhà thờ Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang. RIP.

*Khi cha Lung qua đời, Ban Đại Diện thay mặt cho toàn thể bà con Đồng Hương, đến giáo xứ Hà Tiên dự Tang Lễ. Ban Đại Diện chúng tôi có 6 người và cha Phạm Hùng Sơn nữa là 7. Ban lễ tang bố trí một xe du lịch chở chúng tôi đến khách sạn Tân Tiến, đường Mạc Thiên Tích, thị xã Hà Tiên. Chúng tôi ở khách sạn này 3 ngày, 2 đêm, 4 phòng, ăn ngày 2 bữa, sáng và tối. Hằng ngày, xe của khách sạn chở chúng tôi đi về.*

*Xong Tang Lễ, chúng tôi tính tiền để ra về. Chủ khách sạn làm chúng hết sức bất ngờ, bàng hoàng, tưởng như nghe lộn :*

*“Cha Lung là người đã hy sinh cho họ đạo chúng tôi hết cả cuộc đời, cho đến khi chết. Nhờ Ngài mà họ đạo chúng tôi được như ngày hôm nay. Tang lễ của Ngài, chúng tôi may mắn được phục vụ quý vị là thân nhân của Ngài, thật là một vinh dự, chúng tôi không dám tính tiền, coi như là lời Cảm Ơn của chúng tôi đối với Cha Sở đáng kính của họ đạo. Xin Quý Vị an tâm.”*

*Chúng ta chẳng biết Cha Lung đã thi hành “mục vụ” như thế nào, nhưng cứ theo cách cư xử của chủ khách sạn Tân Tiến này, chúng ta vững tâm suy ra cha Lung thật là một mục tử nhân lành (Ga 10, 14).*

**4. Lm Giuse Đình Vương Cần** (Đình Khắc Uy) con cụ cố Thức (Thoả) Cháu cụ nhang Thuận, dòng Đức Mẹ Đồng Công Cứu Chuộc

Qua đời tại Hoa Kỳ ngày 29 tháng 1 năm 2017

**Chúng con cậy vì danh Chúa nhân từ  
Xin cho các linh hồn được lên chốn nghỉ ngơi.**

**R.I.P**

## **MỘT THOÁNG QUÊ HƯƠNG**

*Xin giới thiệu một số bài thơ về Quê Hương Du Hiếu,  
do linh mục Phan Văn Lung, Chánh xứ Hà Tiên, sáng tác.*

### **Tặng Công Nhân Du Hiếu Xây Nhà Thờ**

*Sông Lạc Quần đổ ra Hà Lạn,  
Đồng Du Hiếu xanh ngát hai mùa,  
Thương em lặn lội sớm khuya,  
Cái cò cái vạc nắng mưa quê nghèo,  
Chắt chiu nửa nhánh sông quê,  
Con trê con diếc dựng xây cuộc đời.*

*Sang trang vận hội lên khơi,  
Đức tin chắp cánh sáng ngời quê hương,  
Gái trai vui bước công trường,  
Đầy vơi một gánh tình quê mặn mà,  
Quan viên làng xóm chan hòa,  
Xây nhà mới nâng cao tòa Chúa ta,  
Anh về đặng đó đơm hoa,  
Bắt con cá lóc chặt ra kho hành,  
Chờ đi việc họ việc làng,  
Cùng nhau khiêng gạch Bát Tràng về xây,  
Em ơi đừng lỡ vận may.*



## Du Hiếu Đồng Hương

*Du Hiếu năm xưa,  
Du Hiếu hôm nay,  
Chút đồng nội xứ Bắc,  
Gửi vào nắng phương Nam.*

*Từ thừa biết Dốc Mơ, Gia Kiệm,  
Rừng thiêng nước độc miền đất đỏ,  
Dáng Tân Mai, Tam Hiệp mơ màng,  
Đồng Nai vẫn gọi thên thang.*

*Chiều tư lự ngã ba Rừng Mít,  
Anh về Hồ Nai hay ngược Bảo Lộc,  
Ghé Phương Lâm thăm lại người thương,  
Miền Đông nương rẫy ngút ngàn.*

*Hòn ngọc viễn đông cô gái Sai thành,  
Ca-ti-na Bô-na\* giảng mắc,  
Anh chọn bãi rác ngoại ô,  
Chí Hòa Ông Tạ anh xây nhà tầng.*

*Một ngày mưa nắng vương vương,  
Nhớ hương lúa, anh xuôi vùng Cửu Long.  
Miền Tây đồng nước mênh mông,  
Ơi thương Cái Sắn, cô nàng chân quê.  
Bước chân Du Hiếu, trăm năm dư lễ,  
Nửa thế kỷ ra khỏi lũy tre làng,  
Anh đã đi dọc bờ đất nước,  
Mộng công danh chưa dừng bờ Nam Hải.*

*Vượt biển Đông, anh tìm bầu bạn mới,  
Sánh vai cùng bốn bể năm châu.  
Anh sang Ca-li, Frăng-fuộc,  
Anh về Tokyo, Meo-bờn\*\*.*

*Bến bờ nào cũng nhớ về quê mẹ,  
Tương tư cái vó cái nơm,  
Cái lò cua rạm, cái giậm bên cừ,  
Cái cổng làng buổi trưa hiu quạnh.*

*Con còng gió công Vãn Trì giương còng sủi bọt,  
Con đò Hà Lạn ướt át những ngày mưa,  
Heo hút ngã tư đường cồn quanh quất,  
Cái khoá cuối làng nước đọng quanh năm.*

*Về đâu ruộng cói Minh Đường,  
Ngõ quê bậc thang trâu đi hần vết,  
Ruộng bãi Cát Đàm bốn mùa chua mặn,  
Đồng trũng chiêm ray rút kiếp nghèo.*

*Bãi cồn Tàu bên bồi bên lở,  
Giòng sông Sò khi đục, khi trong,  
Vẫn in bóng nhà thờ Trái Tim trên đồng lúa cạn,  
Vắng vẻ Kính Danh bên gốc soan già.*

*Với mẹ, con bao nhiêu tuổi, vẫn còn thơ,  
Du Hiếu hôm nay, Đồng Hương hội ngộ,  
Nước chảy đá không mòn,  
Xa nhau tình nghĩa vẫn còn son.*

*Lm Giuse Phan Văn Lung*

\*Ca-ti-na : tên đường Catinat của Saigon xưa, nay là đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa

Bo-na : tên đường Bonard của Saigon xưa, nay là đường Lê Lợi.

\*\*tiểu bang California ở Hoa Kỳ ; thành phố Frankfurt ở Đức ; Tokyo thủ đô nước Nhật ; Melbourne thủ phủ của tiểu bang Victoria, Úc.

## **XỨ ĐẠO VIỆT NAM**

*Quê tôi bên bờ kinh  
Mỗi chiều xinh rất xinh  
Gió nam về hương lúa  
Đồng quê cũng đa tình*

*Bầu trời hơi tím tím  
Ráng mây chùng trôi nhanh  
Cô gái thoi cắt cỏ  
Mỉm cười nhớ mong manh*

*Tối nay đi tập hát  
Không biết kể chuyện gì  
Với anh trai hàng xóm  
Làng quê rất nhu mì*

*Đứng lặng bên bờ nước  
Cổ kính tháp Giáo đường  
Lở lói đôi ba chỗ  
Con se sẻ dễ thương*

*Thương sao thương quá là  
Xứ đạo Việt nam ta  
Êm đềm như đồng lúa  
Bên những buổi chiều tà*

## **TIẾNG HÁT THIÊN THẦN**

*Có ngọn gió ở phương xa  
Dường như bay tới làng ta một chiều  
Bềnh bồng xanh ngắt cánh diều  
Hương xa kín đáo ít nhiều thoảng qua  
Ngẩn ngơ tiếng hát Thánh ca  
Âng khuâng gõ đá nhà Cha trên trời  
Rộn ràng nhịp bước lên khơi  
Thanh tao tiếng hát à ơi vào đời*

*Này cô ca đoàn của tôi  
Trăng lên đã tới ngọn đồi Tô Châu  
Đời người thấp thoáng bóng cầu  
Nhanh lên kéo lỗ chuyến tàu thời gian  
Đêm nay sương khói mênh mang  
Hỏi người cố quận Thiên đàng về đâu?  
Quê người nặng bước u sầu  
Giang hồ một gánh ngàn dâu mịt mù  
Trăng thu chết lặng giữa thu  
Hồn ai tan vỡ như chừ khô khan*

*Thèm nghe tiếng hát Thiên Thần  
Của người áo trắng thanh xuân ngọc ngà  
Em dâng tiếng hát phụng ca  
Lên vòm cung Thánh ngự nga Chúa Trời  
Dắt người khỏi bể chơi vơi  
Thuyền nan cập bến đời đời đó em*

*Một ngày mộng thắm cánh sen  
Rẽ đường lữ thứ bon chen với đời  
Gió sương mưa nắng tới bờ  
Nhớ bài ca Thánh bồi hồi năm xưa*

*Lm Giuse Phan Văn Lung  
Chánh xứ Hà Tiên,*

## **16. Chút tâm tình với Du Hiếu**

*Ban Biên Tập*

### **1 - Hình ảnh người phụ nữ Việt Nam thời kỳ bị cấm đạo**



Văn hóa dân tộc Việt Nam thường nhắc nhớ và đề cao những hình ảnh đáng kính, đáng yêu của người phụ nữ Việt, bất kể là vào thời bình hay khi gặp cảnh nhiều nhương, hay dầu có biến thiên đổi thay muôn hình vạn trạng của vận nước. Nói khác đi, số phận của người phụ nữ Việt luôn được lồng gắn thật là mật thiết với sự tồn vong, thịnh suy của dân tộc, như không thể nào tách lìa hoặc coi nhẹ được.

Xét về danh xưng, văn chương xem vai trò người nữ như là Mẹ của cả một dân tộc: *“Mẹ Việt Nam ơi, chúng con mãi còn đây”, “Gia tài của mẹ để lại cho con, gia tài của mẹ một nước Việt buồn”,* hoặc là *“Sóng vô miên man như câu ru êm của mẹ dịu hiền, nước biển mênh mông như đôi tay ôm của mẹ trùng dương”*. Và cứ như thế, mỗi một người phụ nữ Việt Nam, hầu như ai ai cũng thầm hãnh diện mình là người con gái Việt Nam da vàng, luôn *“yêu quê hương như yêu đồng lúa chín”*, lúc nào cũng có thể sẵn lòng chấp nhận lời nhắn gởi của chồng: *“Nàng về nuôi mẹ cùng con, để anh đi trải nước non Cao Bằng.”*

Về mặt xã hội, nếu người thanh niên Việt Nam được kỳ vọng nơi giá trị của Tam Cương, Ngũ Thường, thì nền tảng của người phụ nữ lại được đặt vào Tam Tông, Tứ Đức. Giá trị sống trong xã hội được ràng buộc và gắn bó theo từng gia đoạn trưởng thành: tại gia tông phụ, xuất giá tông phu, phu tử tông tử. Và phẩm hạnh của người con gái phải là: công, dung, ngôn, hạnh. Những giá trị này không chỉ đơn thuần phát xuất từ tinh thần Khổng giáo hoặc hàm hồ cho là tàn dư của chế độ phong

kiến, mà phải được xem là nền tảng cần có để mà gây dựng, duy trì cũng như có được để mà truyền đạt lại cho các thế hệ mai sau.

Nhìn về công lao lập quốc dựng nhà, hình ảnh bà Nữ Oa “đội đá vá trời” hoặc như nhị vị Trưng Vương khí tiết một lòng, như chị em cô Giang cô Bắc, luôn hiện diện bên cạnh và hợp sức một lòng với chồng để cùng chống giặc ngoại xâm, những tưởng không hề thiếu vắng trong lịch sử đấu tranh trường tồn của dân tộc. Thân phận người phụ nữ Việt không chỉ nổi bật ở những trang sử hào hùng, mà còn được rạn rỡ nơi bao liệt nữ, với những mảnh đời đầy bao gian lao, khốn khó, nghiệt ngã phải gánh chịu. Hình ảnh được mô tả ngắn gọn trong câu ca dao: “Con cò lặn lội bờ sông, gánh gạo nuôi chồng, tiếng khóc nỉ non”, như khiến nhà văn Hồ Zếnh phải nghẹn ngào thổn thức:

*“Này cô gái Việt Nam ơi,  
Nếu chữ hy sinh có ở đời,  
Tôi xin nạm vàng muôn đau khổ,  
Cho lòng cô gái Việt Nam tươi.”*

Phải. Đúng vậy! Điều này cũng thật là chính xác cho bao phụ nữ Công giáo Việt Nam vào thời kỳ cấm cách, bách đạo.

Sử liệu của làng Du Hiếu có ghi sơ lược về bà Quán Chiêu, sau khi ông Đaminh Phan Văn Minh -là người đầu mục trong làng bị bắt và chịu tử vì đạo, bản thân bà và con cháu cũng bị phân sáp, đọa đầy lưu lạc tứ tán nhiều nơi. Nhưng sau thời gian bách đạo và được trở về làng, bà đã ra công gánh vác mọi sự: một vai hô hào mọi người còn sót trở về chung sức xây dựng lại hạ tầng cơ sở xóm làng và tái lập trật tự xã hội, một vai đem hết tâm huyết nghị lực để mà dậy dỗ bảo ban, cũng như làm gương sống đạo và giữ gìn đạo...

Trong 117 vị đã được phong thánh, Giáo hội Việt Nam cũng hãnh diện nêu danh vị thánh Annê Lê Thị Thành, một người phụ nữ tiêu biểu thật đáng nên gương cho các bà mẹ Công giáo Việt Nam. Thánh nữ đã chẳng quản thân hèn phận nữ, mà một lòng một dạ quả cảm trung thành giữ đạo cùng làm chứng tá cho Tin Mừng Phục Sinh bất diệt của Đức Kitô. Người nữ Việt quả xứng đáng như là hình ảnh bà mẹ của 7 người con trai trong sách Maccabê đã ghi lại (2 Ma-ca-bê 7)

Quả thật, khi nhìn vào các giá trị truyền thống của dân tộc, người Việt Nam ít thấy có những sự xúc phạm hoặc các điều gây phiền hà, gây khổ lụy cho các bà mẹ, cho người phụ nữ dân Việt. Mà ngược lại, hầu như văn hoá Việt Nam luôn đề cao và bày tỏ sự tin tưởng tuyệt đối nơi phái nữ, để hòng cùng chia sẻ sứ mạng bảo vệ và cùng gìn giữ dân tộc, như các bậc mây râu, nam nhi đáng nhận.

Nơi người dân Việt, khi đất nước gặp nạn, thì người đàn ông thanh niên ai cũng sẵn sàng liều mình dấn thân nơi biên ải, trận tiền. Còn người phụ nữ các bà thì mặc nhiên là được trao phó trọng trách lo liệu mọi sự, mọi việc ở chốn hậu phương, xóm làng. Điều này không phải là một sự ngẫu nhiên tình cờ, mà là bởi chính sự khôn ngoan, trí tuệ và kinh nghiệm ngàn đời của tiền nhân để lại. Cha ông chúng ta đã biết là phải ứng phó ra sao trước bao gian nan, hiểm họa luôn rình rập đe dọa đến sự tồn vong của dân tộc mình. Chính nhờ các bài học ngàn đời có được mà mỗi khi có biến, thì các ông sẵn lòng hy sinh xem mạng tựa như “lông hồng” để xông ra trận tiền hòng ngăn giặc và giữ gìn đất nước; còn các bà nghiêm nhiên trở thành những người mẹ can đảm trách nhiệm, đa đoan thay các ông để mà trông con, dạy cái, nhủ bảo con cháu gìn giữ và duy trì các giá trị tinh thần bất khuất, hào hùng của dân tộc.

Chính nhờ sự khí tiết, quả cảm sẵn có của người phụ nữ Việt, mà các bà mẹ Công giáo cũng nhờ đó mà nêu gương đức tin cách mãnh liệt và kiêu hùng. Nếu không được cùng các con trai, các ông bố ra trước mặt quan quyền để mà tuyên xưng đức tin, hy sinh mạng sống mình vì đạo Chúa, thì ít là tại nhà, hoặc ở những nơi bị phát lưu cầm cố, các bà vẫn một dạ trung kiên, động viên nhắc nhở con cháu vững đức tin, đạo thật.

Như Đức Maria và bà Maria, bà Mai Đệ Liên, là các phụ nữ đã một lòng sát chân theo Chúa Giêsu trên đường thập giá, thì cũng không thiếu bao bà mẹ Việt Nam đã can đảm giống như Veronica, chẳng sợ gươm đao lý hình, chẳng quản đường dài tù ngục tăm tối, luôn can đảm tìm để thăm nuôi, chờ chực tin tức tử vì đạo.

Các bà đã chứng kiến bao cuộc tử hình của người thân mình. Nhiều bà ở lại đến phút sau cùng để thấm máu, nhận xác và chôn cất các vị tử vì đạo. Những đau khổ nơi thân xác của các vị tử đạo có thể là trong giây phút và sớm được cất đi khỏi, nhưng các nỗi đau khổ về tinh

## *Ngọn Lửa Tin Yêu*

thần, nổi hoang mang, cô độc, buồn tủi mà các bà ở lại phải gánh chịu, tưởng cũng không nhẹ nhàng hoặc dễ dàng vui đi theo năm tháng.

Ví như thiên tài Michelangelo (1475-1564) đã có đủ tài năng để khắc tạc ra được bức siêu họa Pieta (tượng Mẹ Sầu Bi) hùng vĩ tả sự thương khó của Mẹ Maria, khi đón ẵm con một Giêsu vừa được hạ xuống từ khô giá, thì những người mẹ Công giáo Việt Nam thời bách đạo kia cũng là những tuyệt tác không kém, vì chẳng những vừa đón xác chồng, vừa nhận xác con thân yêu chịu tử đạo, mà còn phải giang rộng thêm đôi tay để ôm ấp cả đàn lũ cháu đàn con mồ côi, vất vưởng không nơi nương tựa. Các bà đã sẵn sàng theo lời của Chúa Giêsu “Này là con bà” để đón nhận các con cô đơn lẻ bóng, mất người bảo trợ về nhà nuôi nấng và tiếp tục duy trì sống đạo.



Vâng. Ngày nay, chúng ta được học biết về đạo, còn có thể sống và tin theo đạo Chúa, âu cũng là nhờ bao gương can đảm và hy sinh, một dạ trung kiên và hiếu nghĩa mà các phụ nữ Công giáo Việt Nam đã luôn biết trân quý và giữ gìn. Hẳn rằng, triều thiên vinh quang mà Thiên Chúa muốn dành sẵn cho các vị tôi tớ của Người, cũng luôn đủ rộng và đầy vinh dự để các bà cùng được đội chung trong Nước Thiên Chúa.

Ước mong rằng, nhờ gương các bậc phụ nữ, các bà mẹ Công giáo Việt Nam đã nêu ra, các nữ lưu hậu duệ Việt mãi hãnh diện và tin tưởng mạnh mẽ về tương lai tươi sáng của dân tộc, cùng các đấng mày râu để hợp sức dựng xây một xã hội Việt Nam đầy khoan dung và tình thương, thịnh vượng và an lành. Một khi các Đấng Tử Vì Đạo Du Hiếu được tôn vinh, thì hẳn là các nữ lưu của làng Du Hiếu cũng đáng được đồng hưởng vinh dự cao quý, và đáng tôn kính và khâm phục mãi mãi.



## **2 - Tương quan giữa hai giáo hội Nhật Bản và Việt Nam**

*Lm. Cao Sơn Thân, S.J*

Năm 1614, tại Nhật Bản tướng quân Tokugawa I-êyasu lại ra lệnh cấm đạo và trục xuất tất cả các giáo sỹ ngoại quốc trên toàn lãnh thổ. Đây là một quyết định có tính cách quyết liệt và nghiêm ngặt nhất, so với các lệnh cấm đạo đã ra trước. Kể từ đó, hầu như không còn các vị thừa sai nước ngoài có thể xâm nhập vào, hoặc có thể tiếp xúc, giảng đạo tại Nhật Bản nữa. Đất nước này bắt đầu vào thời kỳ bế quan tỏa cảng, kéo dài hơn 250 năm, là thời kỳ đoạn giao với thế giới cũng như vắng bóng các sinh hoạt công khai của giáo hội Công giáo trong cả nước.

Trước tình trạng này, một số giáo sỹ dòng Tên thuộc tỉnh dòng Nhật Bản là các giáo sỹ gốc Bồ Đào Nha, Ý và Tây Ban Nha đã nhận lệnh của tổng quyền, được sai đến Việt Nam để giúp các giáo dân Nhật đang phải lánh nạn tại vùng Cửa Hàn, Hội An.

Ngày 18 tháng 1 năm 1615, ba tu sỹ dòng Tên là linh mục Francesco Buzomi (người Ý), linh mục Diogo Carvalho (người Bồ Đào Nha) và tu huynh Antonios Dias (người Bồ Đào Nha) đã đi thuyền cập cảng Cửa Hàn, đặt chân lên đất Việt. Cũng năm ấy, các ngài đã cử hành lễ Phục Sinh cho các giáo dân Nhật tạm cư ở đó, và năm sau, có hơn 300 tân tòng người Việt gia nhập vào cộng đoàn, chiếm được cảm tình của quan trấn nhà Nguyễn.

Năm 1615, cơ sở cộng đoàn đầu tiên được thiết lập tại Hội An; năm 1618 tại Nước Mặn (nay thuộc tỉnh Bình Định) và năm 1623 thêm một cơ sở nữa tại Thanh Chiêm (cách Hội An chừng 7km)

Tháng 12 năm 1624, cha Alexandre de Rhodes (cha Đắc Lộ) đến Đàng Trong và sau nhiều lần bị trục xuất và tìm cách trở lại, Ngài đã có những nỗ lực, công lao đóng góp thật lớn cho việc hệ thống hoá chữ Quốc Ngữ, cũng như vận động Giáo Triều công nhận sự hiện của các cộng đoàn tín hữu Việt Nam. Năm 1659, Đức thánh cha Alexander XII ban sắc lệnh thiết lập hai giáo phận truyền giáo đầu tiên tại Việt Nam là địa phận Đàng Trong (từ sông Gianh trở vào Nam bao gồm Chiêm Thành

## *Ngọn Lửa Tin Yêu*

và Cao Miên) và địa phận Đàng Ngoài (từ sông Gianh ra Bắc, bao gồm miền Nam Trung Hoa).

Năm 1644, Ngài và thầy giảng Anrê Phú Yên bị quan trấn Quảng Nam tuyên án tử hình, nhưng sau đổi thành án trục xuất. Trước khi vĩnh viễn phải rời bỏ Việt Nam, Ngài đã vinh hạnh được chứng kiến cuộc hành quyết tử vì đạo của thầy giảng Anrê, và nhận đưa thủ cấp về Ma Cao. Năm 2000, Thánh Giáo Hoàng Gioan Phaolô đệ Nhị đã phong Chân Phước cho thầy giảng Anrê tại Roma.

Kể từ khi có sự hiện diện và hoạt động của các tu sỹ dòng Tên tại Việt Nam từ năm 1615, cho đến khi hội dòng bị giải tán năm 1773 (năm 1814 được phép hoạt động trở lại), đã có trên 30 tu sỹ người Việt gia nhập và phục vụ trong giáo hội Việt Nam.

Sau cuộc cách mạng tại Trung Hoa vào năm 1949, hơn 700 tu sỹ dòng bị trục xuất khỏi đại lục. Trong số các vị thừa sai này có một số đã được tổng quyền sai phái tới Việt Nam vào năm 1957. Và như thế, sau gần 200 năm vắng mặt tại Việt Nam, các tu sỹ dòng Tên lại có cơ hội được phục vụ Giáo hội Chúa trên cánh đồng luôn nặng trĩu lúa đã chín vàng, là Việt nam thân yêu của chúng ta đây.

Tại Nhật sau cả 250 năm cấm đạo, vào năm 1864 một số tín hữu âm thầm sống đạo kiểu cha truyền con nối của Nhật đã tìm đến một nhà thờ mới được chính phủ cho phép xây dựng ở thành phố cảng Nagasaki thuộc miền Nam nước Nhật và liêu hỏi: Tượng Đức Bà được đặt ở đâu? Đạo của các ngài có phải là chỉ do một vị đứng đầu, và các viên chức giữ đời độc thân, không con cái và gia đình?

Nhờ hoàn cảnh thế giới đã có những thông thương, trao đổi chính phủ Nhật đã cho phép mở cảng để buôn bán, giao dịch và các cha hội thừa sai Paris của Pháp đã đặt chân đến Nagasaki, và xây dựng cơ sở truyền giáo. Được các cha giải thích tận tường, các tín hữu ẩn mình này cùng chỉ vào ngực mình và thưa: chúng tôi cũng là những người cùng một dạ một lòng với quý vị!

Đây chính là con cháu hậu duệ của các tín hữu Công giáo xưa, đầu sau hơn 250 năm bị cấm đạo nhưng vẫn tiếp tục nhớ các lời truyền dạy của cha ông, luôn tuân giữ và thực hành một số lễ nghi tôn giáo đã được truyền lại. Số tín hữu âm thầm ra “trình diện” này sau đó lại bị chính quyền đương thời cầm tù, bách hại và lưu đày. Nhưng cũng chính nhờ sự mạnh dạn tuyên xưng đức tin này, mà giáo hội Nhật Bản đã được thế giới và Giáo Hội toàn cầu biết đến. Nhờ sự can thiệp của thế giới, chính sách bách hại đạo được xoá bỏ hoàn toàn và Tin Mừng lại được loan truyền và niềm tin Công giáo cũng được hồi sinh trở lại. Năm ngoái, năm 2015 giáo hội Nhật Bản đã nồng nhiệt vui mừng tổ chức kỷ niệm 150 năm biến cố phát hiện sức sống đức tin âm thầm và liên lý kỳ diệu này.

Liên quan tới Việt Nam, năm 1905 sau khi nghe tin quân đội Nhật phá tan hạm đội của Nga Hoàng tại eo biển Đồi Mã, nhà cách mạng Phan Bội Châu đã sớm nhận ra mức văn minh tiên bộ và sức mạnh của dân tộc Nhật, nên đã hô hào vận động chiêu mộ thanh niên Việt gửi sang Nhật. Cụ Phan đã nghĩ rằng, cùng là một dân tộc Á châu và chịu ảnh hưởng Nho giáo như nhau, hẳn là người Việt có thể theo gương của Nhật để mà tự cải cách, phát triển và đủ sức để mà chống trả Thực Dân Pháp được.

Đã có hơn 200 thanh niên ưu tú Việt Nam theo phong trào Đông Du để vào trường Đông Kinh Nghĩa Thục, học hỏi và chuẩn bị cho công cuộc cứu nước giành độc lập. Sau này, tình hình quốc tế thay đổi và quân phiệt Nhật đã chọn đường lối phò vua, tức là chọn Kỳ Ngoại Hầu Cường Để và loại bỏ đường lối hoạt động cách mạng của cụ Phan, khiến cho phong trào bị ngừng trệ rồi tan rã.

Thánh ý Chúa thật nhiệm mầu và kỳ diệu. Người luôn có cách thức làm việc riêng để mà thể hiện ý định yêu thương ngàn đời của Người!

Từ năm 2001, để nối lại mối tương quan giữa hai giáo hội Nhật và Việt, một tu sỹ Việt Nam thuộc tỉnh dòng Tên Nhật Bản đã tìm cách bắc cầu làm gạch nối giữa hai giáo hội Nhật Việt. Chương trình Chuẩn bị Ôn gọi Truyền giáo tại Nhật Bản được hình thành. Tính đến nay đã có 60 nam thanh nữ tú của Chương Trình được gửi sang Nhật. Một số đã trở thành linh mục và đang phục vụ trong hội dòng hoặc tại các giáo xứ Nhật. Hơn ba mươi nữ tu đã tuyên khấn và đang phục vụ trong mười hội dòng. Một số tập sinh, ứng sinh dự tu đang chuẩn bị tiếng Nhật để có thể chính

## *Ngọn Lửa Tin Yêu*

thức bước vào giai đoạn huấn luyện. Số ứng sinh dự tu Việt Nam khao khát mong sớm được theo chân đi truyền giáo ở Nhật ngày càng tăng thêm nhiều.

Không riêng gì các tu sỹ dòng Tên hoặc các tu sỹ do chương trình ơn gọi giới thiệu, hiện cũng có hơn 200 linh mục, tu sỹ nam nữ người Việt khác đã được sai phái từ Việt Nam, để cùng hợp sức với giáo hội địa phương rao giảng Tin Mừng. Giáo hội Nhật Bản còn đón nhận hơn 40 tu sỹ dòng kín người Việt đang tận hiến trong các đan viện, ngày đêm âm thầm cầu nguyện và nên sức mạnh nâng đỡ cho giáo hội Nhật.

Đổi lại, một số nữ tu người Nhật cũng đã hiện diện tại Việt Nam từ hàng chục năm qua. Hội dòng ASPA được thiết lập và đang mở mang, phát triển hoạt động tại Việt Nam. Một số hội dòng Nhật khác cũng đang có các hoạt động chiêu sinh, thâu tuyền ơn gọi từ Việt Nam hầu có thể xây thêm cầu, bắc nhiều nhịp liên kết hợp tác giữa hai Giáo Hội.

Năm 2014, tỉnh dòng Tên Việt Nam đã long trọng khai mở Năm Thánh để mừng và kỷ niệm 400 năm vào truyền đạo tại Việt Nam. Với con số hàng trăm anh em Kitô-hữu trẻ trung năng động, tỉnh dòng đang dẫn đầu về số ơn gọi, cũng như đang hứa hẹn góp thêm nguồn nhân lực cho các tỉnh dòng lân cận, hầu tiếp tục sứ mạng đem Tin Mừng cho con dân châu Á, một lục địa còn rất nhiều lương dân chưa có cơ hội học biết về Thiên Chúa. Vài năm gần đây đã có 5 tu sỹ của dòng lại được sai phái đến xứ sở Nhật Bản.

Nhìn vào các sự việc trên, có thể nói được là, qua sự bách hại của vua chúa quan quyền, mà Giáo hội Việt Nam lại được thừa hưởng vinh dự đón nhận Đức Tin và Tin Mừng một cách đặc biệt từ phía giáo hội Nhật Bản. Một mặt, qua các thử thách gian lao mà giáo hội Việt Nam từng trải nghiệm, rất đông ơn gọi người Việt lại được chín muồi và sinh hoa kết trái trên cánh đồng thiếu bóng Thánh Giá là Nhật Bản.

Thiên Chúa có thể làm được mọi sự. Người chưa cần biến cát đá thành những tác tổ để mà ca ngợi Thánh Danh. Nhưng đã thương dùng bao bạn trẻ Việt Nam, là những con người thiện chí, trung thành và quả cảm, khát mong sao được thực thi Thánh Ý, can đảm chấp nhận rời bỏ

gia đình, quê hương hầu trở nên những chứng nhân tình yêu rao truyền Chân Lý, vui sống Tin Mừng, và trở nên những nếp ván, các nấc cầu hồng có thể hiệp thông, nối kết giữa các giáo hội của Chúa.

Con cháu các Đấng Tử Vì Đạo của làng Du Hiếu cũng có nhiều người đang được diễm phúc nối bác các nhíp cầu truyền giáo tại nhiều nơi, nhiều nước trên thế giới.Ơn phúc tử vì đạo của tiền nhân đổ ra không chỉ nuôi dưỡng và làm trở sinh hoa trái tại quê hương, mà ngày càng tuôn trào, lan rộng trên khắp mặt đất, hiện diện tại những nơi mà Thiên Chúa muốn gửi kẻ mà Người muốn thương chọn và tin tưởng sai phái đi.

Ước gì toàn thể con dân Du Hiếu hãy vui mừng và cùng tạ ơn Thiên Chúa về những ơn huệ đặc biệt được ban tặng này. Đồng thời sẵn sàng cố võ, khích lệ con cháu mình cùng can đảm dấn thân, tham gia sứ mạng truyền giáo luôn được mời gọi và uỷ thác cho này.



HY LÊ TOÀN THIẾU  
HAI MƯƠI BẢY ĐĂNG TỬ VÌ ĐẠO LÀNG DU HIẾU

### 3 - Đôi lời về quê hương Du Hiếu

Munich, 12.09.2016

Cha quý mến,

Cảm ơn Cha đã nhớ đến con, một phụ nữ họ Phan, con cháu làng Du Hiếu đang lưu lạc tại Đức quốc này.

Thưa cha,

Thời còn nhỏ khi học lịch sử, con được biết ông Nguyễn Công Trứ đã chiêu mộ dân đi khai hoang lập ấp, con ngưỡng mộ chung chung dân mình có đầu óc khai phá, xem chuyện này là một phần của lịch sử Nước Nhà. Rồi năm 1988, được may mắn tham dự lễ phong thánh tại Roma, con cũng cảm thấy xúc động trước gương anh hùng bảo vệ niềm tin nhưng không sâu lắng lắm. Hôm nay nhận được thư của cha từ Nhật gửi tới với lịch sử của làng Du Hiếu, quê cha đất tổ, con mới thấy thấm thía những cảm nghiệm quý báu này.

Thưa Cha,

Đọc lịch sử làng, con rất hãnh diện được làm con cháu các cụ, những người kiêu hùng gan dạ, mặc dù chẳng bị đói khát lắm than nhưng đã không ngại khó khăn thử thách, dám từ bỏ quê cha đất tổ để đi khai hoang lập ấp. Các Ngài đã hy sinh biết bao công sức, chỉ vì mong ước cho tương lai con cháu, gia đình được sáng lạng hơn. Con dùng chữ HỒN vì Các Ngài không nghèo nhưng óc mạo hiểm và tinh thần cầu tiến đã thôi thúc Các Ngài ra đi.

Và rồi hậu duệ cũng noi gương tiên nhân để cố gắng tạo cho gia đình, làng xóm một cuộc sống khá hơn, điển hình là ông Bạ Phác, (chú của bố con, ông Phan Quý Chức hiện đã 90 tuổi, đang sống tại Melbourne. Anh ruột của bố con, là ông Bạ Uy, năm nay mừng thượng thọ 100 tuổi ở Đức) mà bố con vẫn thường ca tụng là ông chú có óc cầu tiến, có lòng yêu quê Hương, dân tộc. Bác Bạ và bố con đã được ông chú Bạ Phác dạy dỗ, đưa đi học nghề đan cói ở

Hà nội, ông cũng hun đúc lòng yêu Quê Hương, bảo vệ tổ quốc cho hai anh em trước nạn Cộng sản, đến nỗi chú cháu đều bị Việt minh bắt và giam ở trại Đầm Đùn, một trại giam nổi tiếng ác độc. Bố con nhờ còn nhỏ ít tuổi và biết nghề đan nón nên mới thoát chết. Bác Bạ Uy và bố con vẫn thường nhắc nhở con cháu, dù tất cả đã chọn Mỹ, Úc, Đức... là quê Hương thứ hai: Dù các cháu đã lập gia đình với người ngoại quốc, nhưng không được quên quê cha đất tổ, phải nhớ công ơn tiên nhân đã có công xây dựng làng xã, nhất là đã bảo vệ truyền thống tốt đẹp của tiên nhân.

Dù là phận nữ nhưng con cũng có chút máu huyết của các bà Du Hiếu nên con cũng bắt chước ông Bạ Phác mở trường dạy tiếng Việt ở Munich được 7 năm, sau đó về Giáo xứ dạy chung với các thầy cô khác. Anh trai con là Phan cao Trí ở Úc cũng noi gương ông, mở trường dạy võ ở nhiều nơi trong Melbourne.

Mặc dù con đã cố gắng nhiều nhưng với thời đại hôm nay đang bị cám dỗ mọi mặt, con cảm thấy mình thật yếu đuối vụng về, con chỉ biết noi gương cha ông, hàng ngày cầu nguyện, lấy Lời Chúa là ngọn đường soi sáng cho mình bước đi theo Chúa, thực hành Lời Người giảng dạy, tin tưởng phó thác vào lòng thương xót vô biên của Người sẽ giúp mình vượt qua thử thách, thêm sức mạnh và ơn can đảm khi con yếu đuối. Và ở trên trời, Mẹ Maria, Các Thánh Tử Vì Đạo cũng cùng đồng hành và cầu bầu cho con, hậu duệ của Các Ngài.

Cuối thư, con xin kính chúc cha nhiều sức khỏe, tràn đầy bình an và luôn vui tươi cậy trông vào Chúa.

Kính thư,

Phan Thị Hương

## **4 - Về tập Sơ Lược Lịch Sử làng Du Hiếu**

Cha Thân kính mến,

Thật là ngạc nhiên khi con nhận được thư cha gửi và nhờ coi tập sơ lược lịch sử làng Du Hiếu, để có thể đóng góp và bổ túc cho cuốn sách thêm phong phú hơn, vì chúng ta bây giờ là hậu duệ, những gì chúng ta viết đều là do những cha ông chúng ta kể lại.

Người nào thích về lịch sử tổ tiên thì nhớ lâu, còn người nào không thích thì nói trước quên sau, nhưng ai cũng nghĩ rằng, cha đã bỏ bao nhiêu công sức để làm cái nhà rồi, mỗi người chúng ta nên đóng góp tu bổ phòng của mình sao cho đẹp, đó là cung cấp cho cha những dữ kiện về dòng họ của mình và cho cha biết những gì mà tổ tiên đã trải qua, để cho con cháu chúng ta có thể biết sau này.

Thành thật cảm ơn cha, nhờ cha mà đã biết thêm rất nhiều về quê cha đất tổ, miền đất mà bố mẹ con rất vui mừng kể lại gương những anh hùng tử đạo, đã là những hạt giống tốt, để cho bản thân và những người đồng hương hãnh diện vì mình là người Du Hiếu.

Làm bất cứ chuyện gì thì cũng có người thích kẻ không, nếu chúng ta không cung cấp vật liệu bằng cách đóng góp nhanh chóng bài vở hay gia phả, thì thời gian sẽ lâu hơn.

Con xin thành thật cảm ơn cha.

Ngày 10 tháng 11 năm 2016.

Nguyễn Cao Thăng



## **Du Hiếu Vọng Nguyễn**

*Du Hiếu, Bùi Chu đất bẻ bời,  
Minh Mạng, Công Trứ lệnh khởi khai.  
Phan Minh, Lục Thủy đầu mục ứng,  
Dân hợp lập thôn, sử để đời.*

*Công danh sự nghiệp, chưa kịp hưởng,  
Tử đạo triều thiên, sớm vinh trao.  
Hai Bảy Tiên Nhân, gương tuân tiết,  
Vạn dân ngàn đời, nguyện tuân theo.*

*Bao phen thặng trâm, đầy khố luy,  
Chia lìa bách hại, lảm tai ương.  
Gia-Tô một lòng, niềm tin vững.  
Nội ngoại xa gân, bốn đạo đông.*

*Ơn thiêng tuôn đổ, nguồn bất tận,  
Con cháu sinh thành, tỏa muôn phương  
Lòng dạ tâm tư, luôn vọng nguyện,  
Quê nhà quốc tổ, mộng hồi hương.*

*Hai không một sáu, sử liệu tập,  
Gương lành sự nghiệp, sáng soi chung.  
Sáng danh Thiên Chúa, Tiên Nhân phúc,  
Dững tiết tử đạo, Hậu Sinh vinh.*

Lm. Cao Sơn Thân, S.J

## **17. Các tài liệu tham khảo**

- Giáo Hội Công Giáo ở Việt Nam, Im. Bùi Đức Sinh, 1998
  - Lịch sử Địa phận Bùi Chu, Im. Trần Đức Huỳnh, 2000
  - Sử ký Địa phận Trung, in tại Phú Nhuận Đường năm 1916,
  - Lịch sử Truyền Giáo ở Việt Nam, Im. Nguyễn Hồng, 2009
  - Lịch sử làng Thức Hoá (1845-2005) xuất bản tại Hoa kỳ, 2005,
  - Hương Phả Làng Thức Hoá, 1994, tài liệu lưu hành nội bộ
  - Phổ hệ Họ Lâm, do ông Lâm Trác Rĩnh biên soạn, 1971
  - Tập thơ của phái đoàn họ Phan về cố hương giỗ tổ, năm 1995
  - Đặc San Bùi Chu, xuất bản tại Hoa Kỳ, 1989
  - Vụ Án Phong Thánh, Đức ông Trần Ngọc Thụ, 1987, Hoa kỳ
  - 117 Thánh Tử Đạo Việt Nam, Im. Vũ Thành, 1987
  - Du hiếu phả hệ liên tộc, Im. Bùi Đức Tiến, 1996
  - Phả hệ Cao Tộc làng Du Hiếu, Cao Hữu Tài, 2002
  - Cải Táng Hải Cốt Các Đấng Tử Đạo  
Tại Hai Xứ Trung Thành & Hưng Nghĩa, Gp. Bùi Chu, 9/2003
  - Kỷ yếu mừng 50 năm dòng Tên trở lại phục vụ tại VN, 2007.
- Một số tài liệu viết tay được lưu truyền trong các dòng họ  
-Một số tài liệu tải từ các trang mạng trên Internet.

**Mọi thắc mắc và thông tin liên lạc, xin gửi về địa chỉ:**

3-1-21 Akamatsu-cho, Nada-ku, Kobe-shi. JP. 657-0061  
E-mail: takasinsgjp@yahoo.co.jp

Lm. Cao Sơn Thân, S.J

## 18. Một số chi tiết phụ chú

*Với nhiều lý do, hoàn cảnh xã hội cũng như nền tảng sinh hoạt và đời sống văn hoá của dân tộc Việt Nam trong gần cả thế kỷ nay bị thay đổi và đảo lộn, khiến không ít người dân và đặc biệt là giới trẻ bị hoang mang hoặc hụt hẫng, thậm chí chẳng có được cơ hội để mà học biết, cảm nghiệm và suy xét cho tường tận.*

*Một số bài viết sau đây nhằm mong giúp cho người đọc có thêm kiến thức và dễ liên tưởng, gọi nhớ về nền tảng xã hội cũng như các giá trị cao quý của dân tộc vốn sẵn có từ ngàn xưa.*

### 1 - Ý nghĩa của một số danh từ được sử dụng thời trước

- An Nam: tên nước Việt Nam
- Đạo Gia-tô hay còn gọi là Đa-tô giáo: đạo Công giáo
- Câu-rút: Thánh Giá (Cross)
- Lễ Santi: lễ Mình Máu Thánh Chúa (Corpus Santi)
- Cụ: danh xưng về linh mục bản quốc;
- Cố: danh xưng về linh mục ngoại quốc
- Chế độ phong kiến: thể chế khép kín, chuyên chế, bề toạ để cai trị
- Cường hào, ác bá: kẻ có tiền cậy quyền, ý thế hà hiếp dân lành
- Đức Thầy, Đức Víp-vô: giám mục ngoại quốc (bishop)
- Kẻ giảng: thầy giảng
- Mụ: danh xưng gọi các nữ tu bản quốc, ma-sơ, sister, ma soeur
- Nhà mụ: nhà dòng nữ, tu viện dành cho các sơ
- Nhà chung: toà giám mục
- Nhà thầy: nhà dòng, nhà xứ, còn gọi là nhà Đức Chúa Trời
- Nguyên mộ: những người đầu tiên có công khai phá, lập làng và được chia đất để cùng lập nên làng, ấp tùy theo số suất đình đã tham gia.
- Quá khoá: đạp lên Thánh giá để tỏ ý từ bỏ đạo
- Phân sáp (phân tháp) bị lưu đây và ghép vào các gia đình bên lương
- Thứ mộ: những người kế tiếp sau các nguyên mộ để xây dựng làng
- Tòng mộ: những người cùng đi chung với nguyên mộ, thứ mộ.
- Xử bá đao: bị đao phủ chém hàng trăm nhát trước khi xử tử.
- Xử giáo: bị tròng dây qua cổ rồi xiết cho đến chết.
- Xử lẳng trì: bị chặt tay, chặt chân trước khi xử tử.
- Xử voi giày: bị voi hoặc thú dữ giày xéo, dẫm đạp cho đến chết.

## 2 – Về “Gia Tô giáo”

*Phan Kế Bính (1875-1921) là một học giả uyên thâm Hán Nho cũng như Tân học. Ông có cái nhìn sâu sắc và tinh tường về xã hội, văn hoá, tôn giáo của Việt Nam. Quyển Việt Nam Phong Tục được soạn giả cho ra đời năm 1915, giới thiệu về đạo Công giáo một cách khách quan và đứng đắn.*

*Xin trích lược một phần để có thể biết được tầm nhìn của người đương thời về đạo Công giáo tại Việt Nam thời bấy giờ.*

“Đạo Thiên Chúa truyền sang nước ta, kể cũng đã lâu. Cứ trong Quốc sử chép thì đời Nguyên Hoà nguyên niên nhà Lê (1523)\*, người nước Hà Lan tên là I-nê-khu, mới bắt đầu đến các địa phương Nam Chân, Dao Thuỷ (thuộc tỉnh Nam Định) giảng đạo Thiên Chúa. Ở sách tây thì chép rằng: các thầy Dòng bên Âu châu năm 1615 đến xứ Nam kỳ, 1626 thì đến xứ Bắc kỳ; các thầy ấy là người nước Pháp, nước Tây Ban Nha và người Nhật nhĩ man.

Vậy thì đạo truyền sang nước ta, chắc là bắt đầu từ người Hà Lan, mà người các nước là tiếp theo đến sau để truyền giáo.

Trong năm 1765, Giáo hội cử thầy Bá-đa-Lộc (Pigneau de Béhaine) sang giảng giáo ở các miền Xiêm la, Tây trúc, Cao miên: Năm 1780 thì thầy Bá-đa-Lộc đến miền Biên Hoà, dựng nên nhà thờ để giảng đạo. Năm 1783 đức Gia Long bấy giờ là chúa Nam kỳ, nhân vì đánh nhau với Nguyễn Huệ bị thua phải tránh nạn, gặp thầy Bá-đa-Lộc ở núi Cà Mau, nói chuyện với nhau vui lòng lắm. Đức Gia Long mới cậy Ngài đem Hoàng tử Cảnh về cầu cứu bên nước Pháp, rồi vì thế mà khôi phục được nước và nhất thống cả nước Nam.

Đến đời Thiệu Trị, Tự Đức thì nước ta nghiêm cấm người theo đạo Thiên Chúa, song chẳng bao lâu vì chuyện ấy mà gây nên mối hiềm khích cho nước Pháp. Từ lúc vua nước ta và nước Pháp lập hoà ước thì đạo Thiên Chúa lại thịnh hành ở xứ ta.

Qui thức của người theo đạo Thiên Chúa, mỗi người phải đeo một bộ câu rút, ở nhà thì thờ tượng Thiên Chúa và cây Thánh giá hình

chữ thập (+), tức là một thứ hình cụ khi Đức Chúa bị nạn thay tội cho trần gian. Đeo vào mình để làm một sự kỷ niệm cho lúc nào cũng trông thấy công đức của Chúa.

Mỗi ngày trước khi hai bữa ăn cơm và lúc đi ngủ lúc mới thức dậy, phải chỉ tay lên trán, hai vai và ngực, gọi là làm dấu, rồi tụng một bài cầu nguyện, nghĩa là chúc tụng công đức của Thiên Chúa mà cầu Chúa cho mình được cái lòng yêu mến Ngài mãi mãi. Mỗi một chủ nhật và ngày lễ thì các người có đạo phải đến nhà thờ quỳ trước tượng Thiên Chúa mà cầu kinh, đoạn rồi vào nhà riêng quỳ trước mặt ông cố và thú tội. Ông cố ban cho ăn một miếng bánh thánh cho được gọi nhuần ơn Chúa.

Người theo đạo chỉ được phép lấy một vợ một chồng. Khi mới cưới, vợ chồng phải đem nhau đến nhà thờ làm phép cưới, ông cố chúc cho một vài câu rồi rảy nước phép mà rửa tội cho. Khi sinh con, khi chết, cũng đều đem đến nhà thờ rửa tội.

Mỗi năm có ngày thứ tư gọi là ngày vào mùa (*Cendres, Thứ Tư lễ Tro*) và một ngày chủ nhật gọi là ngày (*Pâque, lễ Phục Sinh*). Trong khoảng hai ngày ấy cả thầy bốn mươi ngày thì nhà theo đạo cứ ngày thứ tư và thứ sáu phải ăn chay (không thịt, còn cá và trứng thì ăn được). Nghĩa là trong những ngày Đức Chúa bị nạn thì phải kiêng ky, đến ngày ra mùa là ngày Phục sinh thì mới thôi. Còn quanh năm thì thường ngày thứ sáu bao giờ cũng phải ăn chay.

Mỗi năm về ngày hai mươi lăm tháng Décebre (*tháng mười hai*) là ngày sinh nhật Đức Chúa thì các nhà thờ làm lễ Noel, ngày mười lăm tháng Aout (*tháng tám*) là ngày Thánh Mẫu lên trời, thì các nhà thờ làm lễ Assomption (*Mông triệu*). Người có đạo đến lễ đông lắm. Lại có một ngày nhà thờ rước đi quanh phố, gọi là lễ Fête Dieu (?) rước vui lắm.

Người đi tu chia làm hai thứ: một thứ vào nhà tu, chỉ chuyên nghề tụng niệm suốt cả đời, mà cách ăn ở thì rất khổ hạnh. Một thứ phải học cho giỏi khoa thần học và biết đủ mọi lễ nhà thờ, ai thi đỗ thì mới được phép làm lễ ở nhà thờ và được cử đi làm cố, làm giám mục v.v...

Nước ta khi trước rất mộ nho giáo, mà nho giáo thì trọng nhất là việc tế tự, thấy đạo Thiên Chúa chỉ sùng bái riêng một thần, ngoại giả không lễ, bái gì nữa, cho nên coi là đạo phản đối mà sinh ra lắm sự tàn ngược. Song cứ xét cái chủ ý của đạo Thiên Chúa thì chỉ cốt khuyên người ta thương yêu nhau, cũng chẳng khác gì lòng nhân thứ của đạo nho, lòng từ bi của đạo Phật. Vậy mới biết thánh nào cũng vậy, cũng chỉ dạy người ta lấy sự làm lành mà thôi. Người ta không xét đến nơi đến chốn mà cứ thấy lạ tai lạ mắt thì đem lòng hiểm nghi lẫn nhau, chẳng qua chỉ gây nên mối họa loạn, mà hại lẫn nhau thực là điều trái với tôn chỉ của đạo giáo mình cả.

Vả lại lòng tin tưởng của người ta nên mặc cho người ta được tự do, sao nên lấy ý riêng của mình mà ngăn cấm, ấy lại là trái với lẽ công bằng nữa.

Bây giờ thì nước nào cũng đã rõ cái lẽ tự do tôn giáo, đạo thịnh hay suy chỉ cốt bởi lòng người tôn tín nhiều hay ít, chớ không còn thói quen ghen ghét nhau như xưa nữa.”

(VNPT, trang 225-227)

*\*Các sách vở khác ghi là năm 1533.*

### **3 - Về văn hoá, phong tục và lối sống của Việt Nam xưa**

- Xã hội Việt Nam thời phong kiến coi trọng chế độ khoa cử, dùng những người có học đã đỗ đạt để cất đặt vào guồng máy hành chính. Lấy giá trị văn hoá Khổng, Mạnh làm nền, dựa trên các bài học trong sách Ngũ Kinh. Đàn ông có Tam Cương, Ngũ Thường là nền tảng và lễ sống; phụ nữ thì lấy Tam Tòng, Tứ Đức làm tiêu chuẩn đạo đức, lễ giáo trong gia đình cũng như xã hội.
- Ngũ Kinh gồm có: Kinh Dịch, Kinh Thư, Kinh Thợ, Kinh Lễ, Kinh Xuân Thu, tất cả được ghi bằng chữ Nôm, một kiểu chữ Hán được soạn ra từ thời Hàn Thuyên vào thế kỷ 13, nhưng cộng thêm một số bộ, nét khác biệt và hàm ý theo lý lẽ riêng của văn hoá Việt)
- Khoa cử được mở hàng năm, sĩ tử khăn gói về kinh để thi cử tùy theo các cấp: tú tài, cử nhân, tiến sĩ. Người đỗ đạt được cấp bằng Tú Tài, Bảng Nhãn, Thám Hoa.

- Sĩ tử phải là người hiếu học và yêu quý chữ nghĩa “thánh hiền”, tôn trọng thầy dạy tuyệt đối theo tinh thần: “tôn sư trọng đạo”, “nhất tự vi sư, bán tự vi sư...” ngày ngày mài mài kinh sử tại “cửa Khổng sân Trình”. Ai thi không đậu, hoặc có đỗ đạt mà không muốn ra làm quan, thường mở lớp dạy học trò tại làng, gọi là ông Cống, ông Nghè. Người biết chữ nghĩa được gọi là cậu Cử, chú Khoaá.
- Tam Cương: mối tương quan Quân - Thần, Phụ - Tử, Phu - Phụ. Là trung với vua, hiếu đễ với cha mẹ và vợ chồng thuận hoà.
- Ngũ Thường: các giá trị luân lý: Nhân, Lễ, Nghĩa, Trí, Tín.
- Tam Tông: tại gia tông phụ; xuất giá tông phu; phu tử tông tử. Nghĩa là ở nhà thì vâng theo cha mẹ; lấy chồng thì tuân thủ theo bên nhà chồng; chồng mất thì một lòng với con cái.
- Tứ Đức là các giá trị của người phụ nữ: Công – Dung – Ngôn - Hạnh.
- Về tôn giáo, người Việt Nam coi trọng giá trị tinh thần Tam Giáo đồng tôn, phối hợp tinh thần của đạo Khổng, đạo Lão và đạo Phật. Nhưng nền tảng tín ngưỡng dân gian như: tin vào phận số, vào lẽ vĩnh hằng của trời đất, cũng như đặc biệt hiếu đễ, thờ kính tổ tiên mình, theo quan niệm: “nghĩa tử là nghĩa tận” luôn đặt làm đầu; đối với các đấng bậc sinh thành, thì “sống phải tết, chết phải giỗ.” Ngày rằm tháng bảy Vu Lan, lễ xá tội vong linh là dịp để con cái tỏ lòng hiếu đễ với ông bà cha mẹ còn sống, cũng như đối những người đã khuất. Tội bất hiếu với các bậc sinh thành bị coi là đáng kinh tởm, bị cả xã hội lên án rất nặng nề.
- Một số thói tục có tính cách mê tín dị đoan như: đồng bóng, gieo quẻ, bói toán, tin vào “thầy bói”, “phù thủy” được coi như là một phần của tín ngưỡng nhân gian và là phương tiện để tiếp xúc với thế giới thần linh vô hình, tạo cơ hội giải oan, hoá kiếp, đổi nghiệp.
- Hầu hết là tại các làng mạc, bung biên người Việt quây quần chung sống với nhau theo từng xóm, từng khu chung quanh với họ hàng thân thuộc; vừa để chia sẻ nâng đỡ về vật chất, vừa duy trì tình nghĩa máu mủ với nhau. Ông bà, cha mẹ, con cháu được sống gần gũi là điều phước đức, ai cũng mong đợi “tứ đại đồng đường”.
- Về lãnh vực y tế, trị liệu, trong thời buổi chưa tiếp xúc nhiều với thế giới văn minh tây phương, hầu như người dân lệ thuộc vào các phương pháp trị liệu đông y, gia truyền. Chủ yếu là dùng thuốc ta, dược liệu được tìm kiếm thu thập sẵn trong thiên nhiên, hoặc là dựa vào các cách chữa trị cổ truyền như châm cứu, với các dụng cụ để tìm như xông, giác, lễ... mà chữa trị.

- Khi tiếp xúc với các nhà truyền giáo, với đông đa số là người không biết đọc, chẳng biết viết chữ Nôm, nên các ngài đã sáng kiến tạo ra vần thơ, đặt về, văn sấm... là loại văn chương bình dân giúp dân dễ tiếp nhận và sớm truyền đạt cách hữu hiệu và mau chóng.
- Các giáo sĩ kết hợp mẫu tự La-tinh và tiếng Bồ-đào-nha để phiên âm và soạn ra chữ “Quốc ngữ” theo vần A, B, C, D... và được tiếp nhận, hệ thống hoá rồi triển khai cho đến giờ.
- Về đời sống thường nhật, văn hoá chưa được phổ biến rộng rãi, đường xá chưa thông, nghề nghiệp chưa công nghệ hoá, bán buôn chưa phồn thịnh, nên chủ yếu sống nhờ vào việc canh tác đất đai ruộng vườn; người nông dân hoàn toàn trông nhờ “mưa nắng ơn trời”, “mưa thuận gió hòa”; nhưng trong cuộc sống xã hội nông dân vẫn được coi trọng hơn các giai cấp sản xuất công nghiệp, kinh doanh buôn bán hoặc binh biên, theo thứ tự đẳng cấp: Sĩ – Nông – Công – Thương – Binh.
- Về đơn vị hành chính thời Gia Long: - Làng gồm 50 suất đình với 600 mẫu ta ruộng đất; - Ấp gồm 30 suất đình với 400 mẫu ta ruộng; - Trại gồm 15 suất đình với 200 mẫu ta ruộng.
- Về ruộng đất, gồm đất, ruộng Tư Điền và đất, ruộng Công Điền. Cứ mỗi 100 mẫu thì có 30 mẫu là đất ở, và 70 mẫu là đất ruộng. -Mỗi suất đình được chia cho 2.5 mẫu ta, gọi là ruộng tư điền, trong đó gồm 1, 8 mẫu đất nhà, và còn lại là đất ruộng canh tác (*tham khảo Lịch sử làng Thực Hoá, 1845-2005, trang 43*)  
Đất công điền gồm đất để xây cơ sở tôn giáo, nghĩa địa, đình chùa; ruộng công điền được cấp để chung nhau trồng cây và lấy nguồn lợi mà chi trả các chi phí xã hội, từ thiện, tương tế, hoặc các nhu cầu chung trong làng, ấp.
- Tương tự như chế độ hộ khẩu, người ngoại tịch không được cấp đất. Các thế hệ vẫn: “con quan thì được làm quan, con bác xã chùa thì quét lá đa.” Trong trường hợp có các hành vi tội phạm, bất tuân thủ các lễ thói, tục lệ của làng ấp, có thể bị trục xuất ra khỏi làng mạc của mình, trở thành kẻ “tứ cố vô thân”, phải “tha phương cầu thực” như những kẻ “du thủ du thực”, không nơi tiếp nhận.
- Xã hội thời phong kiến chưa có cơ cấu tổ chức hành chính, luật pháp quy mô và dân chủ. Trong các làng xã có nhiều thói tục, và quyền hành được đặt trong tay của giới có tiền, kẻ có học, ảnh hưởng mạnh như “phép vua thua lệ làng”. Chức tước, danh vọng, quyền lực có thể dùng tiền để mà mua bán cách hợp lệ, kiểu “mua quan bán tước”.



Tình trạng các dòng họ tranh giành thế lực, gả bán con cái, mua chuộc nhân thân hồng cùng cố quyền lực, địa vị trong các làng thường xảy ra và gây nhiều điều tệ hại, hiềm thù, chia rẽ.

- Trong một xã hội đóng khung và chịu ảnh hưởng khắt khe theo tinh thần Nho giáo “nam nữ thọ thọ bất thân”, nên các dịp hội hè đình đám là cơ hội cho trai thanh, gái lịch gặp gỡ quen biết và thi thố tài năng. Nhưng vấn đề luyến ái, “bò bịch” phần nhiều là phải do “ông mai bà mối” dẫn lối se duyên mới được quan viên, làng nước công nhận.
- “Phú quý sinh lễ nghĩa”, “bần cùng sinh đạo tặc”, trong xã hội một khi lơ là và để thiếu vắng các giá trị tâm linh, cũng như xem thường tín ngưỡng tôn giáo cũng dễ phát sinh ra nhiều thói xấu, tệ nạn như: “tứ đồ tường” là các tệ đoan: cờ bạc, rượu chè, hút sách, trai gái đi điếm.
- Những phe cánh, thế lực cũng dễ lồi cuốn, tạo ra các “mối thù truyền kiếp”, “bất cộng đái thiên” phát sinh và âm ỷ trong làng ấp. Đôi khi kéo bè kết đảng thành quy mô lớn, dẫn đến những cuộc khởi binh, dấy loạn, trả thù và tiêu diệt lẫn nhau, thường xảy ra trong lịch sử.
- Khi đất nước gặp nạn ngoại xâm, người dân có thể ngồi chung đê cùng nghĩ về đại cuộc, chấp nhận “vì hận nước, quên thù nhà” mà đoàn kết, hợp sức cùng chống phó với giặc.
- Các truyền thống văn hoá, lễ thói được truyền lại từ lâu đời được coi như là luật lệ cổ hũu và là khuôn khổ phải theo. Như trong thủ tục cưới hỏi, thì tiền khao bá quan làng xã phải là “quan tám tiền treo”, tốn kém hơn “quan năm tiền cưới”. Những vị tiên chỉ, giáo sĩ, cựu quan chức và những người có tiếng, có công luôn được trọng vọng và ưu tiên “ăn trên, ngồi tróc” trong các sinh hoạt cộng đồng.
- Quan niệm “nhất nam viết hũu”, “thập nữ viết vô” như đã thâm nhập chi phối nhân tâm, chưa dễ xoá bỏ để đem lại bình đẳng, bình quyền cho nữ giới đã vậy, mà đôi khi còn làm ngơ, xem thường vợ con, phái yếu như câu nói: “trai anh hùng năm thê bảy thiếp”, “gái chính chuyên chỉ có một chồng”. Người phụ nữ bị thiệt thòi nhiều không chỉ nơi xã hội, mà trong gia đình cũng luôn phải rúc ở xó bếp, hoặc ngồi ở mâm sau với trẻ con và người làm.
- Tại mỗi đơn vị làng, ấp đời đều có ranh giới lãnh thổ riêng, được bao che bằng lũy tre làng; có tổ chức cắt đặt các tuần, đình, tráng để tuần tra và bảo vệ an ninh cũng như đề phòng trộm cướp hoặc người ngoài xâm nhập. Nhiều người cả đời cũng chưa có được một dịp bước chân ra khỏi làng một lần, mà vẫn có thể cả giọng “coi trời bằng vung”.
- Trên các đơn vị như làng xã là các cấp như tổng, trấn, huyện, Phủ do

- các quan trấn, quan huyện, quan phủ điều hành. Ở cấp làng, có lý trưởng đứng đầu; cao hơn là cấp tổng; trên nữa là các cấp quan lại.
- Tại thủ đô có cung vua, phủ chúa. Có các bộ như: bộ Lễ, bộ Thư, bộ Binh, bộ Hình... giúp vua chuyên lo điều hành các ban ngành.
  - Việt Nam chịu ảnh hưởng văn hoá, tôn giáo, chính trị của Trung Hoa. Vua, là người cầm đầu nước được coi là vị thiên tử, do trời định đặt và được kế tục theo kiểu “cha truyền con nối”. Dân cư được an thịnh khi có vị minh quân cai trị; bằng không, nếu gặp phải người thất tài kém đức, thì cả dân tộc phải mang họa. Khi vua băng hà, hoàng thái tử lên ngôi nhậm chức kế vị, nhưng thường vẫn phải lãnh ý của thiên triều Trung Hoa, và chịu bảo hộ theo hình thức là triều cống.
  - Người lớn phải nộp sưu cao, thuế nặng tính bằng thóc lúa để cung phụng và nuôi triều đình, binh lính. Nhiều người phải lên rừng tìm Trâm, xuống biển lặn tìm ngọc trai... để tiến vua, làm quà cống sang Trung Quốc.
  - Thời vua chúa nhà Nguyễn đã có sử dụng tiền đúc để tạo giá trị sở hữu. Nhưng trong dân gian chưa mấy được phổ biến thịnh hành. Nhiều người chẳng có gì để mà sở hữu riêng tư, ngoại trừ tấm áo trên thân, mái chòi làm nhà. Sau này khi Pháp cai trị, có phổ biến loại tiền giấy gọi là tiền Đông Dương, dùng làm bản vị để mà trao đổi mậu dịch, buôn bán chung cho cả ba nước Việt, Miên, Lào.
  - Thời các giáo sĩ vào Việt Nam truyền đạo, tình hình chính trị bị ảnh hưởng bởi các chúa họ Trịnh, với chủ trương là phò vua Lê, chống lại các thế lực của họ Nguyễn, gọi là thời Trịnh Nguyễn phân tranh.
  - Các giáo sĩ ngoại quốc lợi dụng tình trạng phân tranh để tìm cách thâm phục nhân tâm, cũng như tiếp cận với giới cầm quyền, hầu tạo cơ hội thuận tiện cho việc truyền giáo, hành đạo.
  - Thời vua Gia Long Nguyễn Ánh, địa phận truyền giáo gọi là Đàng Trong, từ Huế trở vào Nam và Cao Miên; Đàng Ngoài từ Vinh ra Bắc và một thời bao gồm một phần của Trung Hoa. Quyền lợi đến truyền giáo tại các nước cũng được phân chia cho từng nước ở Âu châu. Ban đầu, Việt Nam được dành cho đế quốc Bồ-đào-nha, do các hàng giáo sĩ Bồ đảm trách. Sau này các cha thừa sai người Ý, người Pháp mới được tham gia.
  - Tương tự, quyền lợi trao đổi mậu dịch, ngoại giao cũng phân ra rõ rệt. Trên thực tế là thời kỳ Thực Dân, nước Pháp độc chiếm miền Đông Dương, gồm Việt, Miên và Lào cũng như một số nước ở Phi Châu;

Hoà Lan tranh giành quyền cai trị ở Nam Dương; Tây-ban-nha cai trị nước Phi-luật-tân...

- Khi các Tướng quân ở Nhật ra lệnh cấm đạo và tuyên bố chính sách “Bế quan toả cảng”, đã gây ảnh hưởng sang Trung Hoa, Hàn Quốc và Việt Nam. Các nước đều xảy ra nhiều cuộc bách hại đạo khốc liệt. Số tín hữu hy sinh vì đạo có tới hàng vạn, hàng trăm ngàn.
- Lý do bách hại chính yếu, là vì chủ trương “Nhất Tàu, nhì Ta”, bị chi phối bởi tầng lớp cai trị quan liêu hủ Nho, không muốn mở cửa tiếp nhận các nền văn hoá ngoại lai, và cũng không cho du nhập các hệ tư tưởng văn minh, các giá trị nhân bản khác biệt...

Giới Nho sĩ lo ngại tầm ảnh hưởng của các giáo sĩ ngoại quốc đối với vương triều, cũng như sức phát triển lan rộng của các Kitô-hữu trong xã hội, nên xúi giục các quan lại trong triều hòng khuyến dụ vua ra các chiếu chỉ cấm cản và bách hại đạo.

Giáo dân thuộc các vùng Bùi Chu, Thái Bình và Phát Diệm vì ở chung quanh lưu vực sông Hồng, nên đã bị vu oan, báo họa là có âm mưu phản nước, trở cờ theo giặc, nên đã là mục tiêu triệt hạ khủng khiếp dưới thời vua Tự Đức.

- Chí sỹ Nguyễn Trường Tộ là một người công giáo, có học cũng như đầy tinh thần cầu tiến, đã dâng sớ trình vua xin cho phép để cải tổ xã hội, mong đưa nếp sống dân tộc nên văn minh tiến bộ, nhưng không được nhận lời. Kết quả là cả dân tộc bị thụt lùi xa so với các nước lân bang, dẫn đến tình trạng yếu kém cả về kinh tế, kỹ thuật không còn đủ sức để mà chống trả ngoại xâm, khi Pháp đem quân đánh phá...

(Việt Nam Phong Tục của Phan Kế Bính, *nxb tp. HCM, 1992*)

- *Bởi sự phân chia đất nước, chịu chi phối bởi nhiều tư tưởng ngoại lai, và sự mất ổn định trật tự trong xã hội qua nhiều thập niên thời Xã Hội Chủ Nghĩa, nên thực trạng xã hội Việt Nam hiện nay đang bị coi là rơi vào thời kỳ khủng hoảng cực kỳ nghiêm trọng.*

*Thiết nghĩ là những vị hữu trách, các nhà trí thức, niên trưởng... và những vị lãnh đạo tôn giáo... cũng nên sớm có những hành động can thiệp cụ thể, nhằm giúp sửa đổi, giúp phục hồi nền tảng xã hội cho đúng nghĩa và trật tự. BBT.*

#### 4- Lời trần tình cùng quê xa Du Hiếu

*Ngoài một số bài vở đã chia sẻ cách tích cực, như giúp rọi sáng phần lịch sử và văn hoá của làng. Ban Biên Tập còn nhận được một số bài như giúp vạch ra những mảng tối, các ngõ khuất cần được chiếu rọi thêm. Cũng xin ghi lại để mọi người cùng gẫm suy và tự vấn. Xin cảm ơn những ý kiến bộc trực chân thành này.*

**Từ Úc châu:** Gửi cha Cao Sơn Thân,

.....

Đầu năm 2016 (Bắc Việt rét kỷ lục) vợ chồng tôi về Quất Lâm ở motel 1 tuần, đường đi từ Hà Nội đều cao tốc với xe bus giường nằm. Chúng tôi thuê xe gắn máy Honda chạy cùng khắp các ngõ làng; Du Hiếu, Mộc Đức, Thúc Hóa lên cả CỒ LỄ, Phú Nhai, Bùi Chu, Ngô Đồng. Thấy làng Du Hiếu đã thay đổi gần như hoàn toàn đường đồ xi măng, nhà nhà xây gạch, mái tôn, mở shop buôn bán... cùng khắp đường xóm khó mà kiếm được nhà nào vách đất mái rạ, bởi như đầu năm 2004 tôi và con cháu đã về thăm lại làng xưa.

Dân làng chạy xe gắn máy đời mới với quần Jean áo shirt model không thua dân Hà Nội, Sài gòn. Thăm mộ bà tổ Trùm Minh mới xây lại 3 mộ lên tầng thêm cao cho cả 2 cha ở cuối hông bên trái nhà thờ rất đẹp, nhà thờ được sơn lại màu xám khang trang... Tôi đi lễ lại đọc bảng cảm thạch khắc chữ gắn ở đầu nhà thờ chỉ ghi chung: các cụ thành lập làng chứ không có tên: nguyên mộ thành lập làng: Phan Văn Minh (!?)

Nhưng Lịch Sử là sự thật không ai thay đổi được, trong tập: "Nguyễn Công Trứ - Sự Nghiệp và Thi Văn, tác giả Trúc Lâm - Nguyễn Xuyên do Thời Văn tái xuất bản lại năm 1993 tại Hoa Kỳ, là chứng tích về Lịch Sử thành lập làng Du Hiếu, viết: - **Áp Du Hiếu, nguyên mộ: Phan Văn Minh, nhà giàu...** cùng với các nguyên mộ các Ấp, Trại, Giáp, Làng khác được thành lập năm 1828 do Quan Dinh Điền Nguyễn Công Trứ, năm thứ 9 thời vua Minh Mệnh. (pct)

## Từ Hoa Kỳ:

*Kính cha,*

*Cám ơn cha đã có nhã ý gửi cho xem tài liệu đang soạn có liên quan đến việc lập làng. Xin hoan nghênh sáng kiến cũng như mọi nỗ lực mà cha cố gắng thực hiện.*

*Thực tình mà nói, tôi đã rời quê cha đất tổ Du Hiếu từ ngày còn mặc quần thụng đít, và sau vài chục năm ngang dọc, tang bồng ở miền Nam, cho đến ngày phải chạy theo “tàn quân Mỹ Ngụy” đến xứ sở mà có người húng chí gọi là “thiên đường trần gian”, thì kể ra cũng hơn 40 chục năm, cả nửa đời người của tôi rồi.*

*Với kiếp tha phương, sống nơi xứ lạ quê người, nhiều khi tôi cũng buồn tủi và sầu nhớ họ hàng và bạn hữu xa xưa lắm. Đúng là như tâm trạng của kẻ “xa quê hương, nhớ mẹ hiền”, để rồi “chiều chiều ra đứng ngõ sau, nhớ về quê mẹ ruột đau chín chiều”...*

*Sau thời gian dài vùi đầu với công việc, bận rộn tranh thủ để làm lại cuộc đời, giờ tôi cũng qua tuổi “thập cổ lai hy”, và có chút thời gian thảnh thơi để mà ôn lại chuyện xưa, dĩ vãng. Lẽ ra tôi cũng nên theo lời đề nghị của cha mà viết lách đôi chút sự tình, như thế có gì để mà làm quà và vài lời tình tự với quê hương dân tộc, hòng mong vui đi được phần nào nỗi lòng của kẻ phải biệt xứ, vong quốc.*

*Tuy nhiên, phải thực tình mà nói, tôi cũng thật là ái ngại mỗi khi có ai trong dòng tộc hoặc bạn bè quen thuộc ngỏ lời rủ rê cùng về thăm lại quê cha, đất tổ. Không phải là vì tôi ngại chuyện tốn kém tiền bạc hay do đường xá xa xôi, mệt nhọc. Nhưng không hiểu tại sao trong thâm tâm tôi vẫn có nhiều điều trăn trở, do dự phập phồng, như muốn ngăn cản tôi là đừng về, chẳng nghĩ đến chuyện về lại làng quê xa nữa!*

*Tôi vốn có nhiều dịp được nghe người quen đi về Việt Nam và kể lại chuyện làng mình: nào là việc xây cất nhà Thờ, giờ thì đã sửa sang nhà cửa và đường xá khác xa xưa nhiều; nào là việc di dời bãi tha ma và cải táng xây mộ lại rất hoành tráng. Và cả chuyện mới mở thêm đường từ Sa Châu băng ngang Du Hiếu, chạy ra tới tận bãi tắm thần tiên Quất Lâm kia nữa...*

*Nay khi nghe tin cha đang sống tại Nhật và gắng công sưu tầm tích chuyện của làng, thì không biết là cha đã về Việt Nam và có thăm làng, sống với người Du Hiếu bây giờ được bao nhiêu ngày. Chẳng rõ động lực nào khiến cha lại để tâm, bỏ sức để mà sưu tầm, biên soạn lịch sử của làng như vậy.*

*Tôi tuy đáng gọi là già, nhưng từ trước đến giờ chưa thấy ai dám cả gan hở miệng nói ra chuyện này. Nay tôi cũng xin thực tình để mà chia sẻ với cha một điều, là xin cha cũng đừng hồ hởi phấn khởi nhiều về kết quả mà cha hy vọng có được. Bởi vì theo kinh nghiệm của bản thân, cũng như “hệ lụy” xa xưa của làng, là dân Du Hiếu chúng ta chẳng bao giờ chịu nhịn, chịu nhường một ai, để mà hợp lòng, hợp ý với nhau hòng có thể làm nên chuyện gì cho đặng. Ngay cả các việc như xây nhà thờ, dựng nguyện đường ở các họ hoặc việc xây lại mồ ông mã tổ... đã khiến tôi phải nghe bao lời dèm pha, chê trách rất ư là khó chịu. Không biết có phải là vì hư danh, khoe khoang lấy tiếng hay là bởi chuyện “trấu cọt ghét trấu ăn”, hoặc vì tình trạng “đèn nhà ai nhà ấy rạng”...*

*Nay cha nhân danh các vị tử đạo để mà biên soạn tài liệu thì không biết là mọi người trong làng, và mấy vị đại diện đồng hương có vui vẻ, hoà thuận mà hợp tác với cha trên danh nghĩa vì đạo, vì Chúa để mà hoàn thành. Hay cha lại cùng một kinh nghiệm là được nghe bao lời chê bai, mỉa mai, thậm chí còn gặp điều tệ hại, phải chạm mặt đối đầu với bao người chỉ hòng chống đối, dẫm chân phá hoại. Nhiều người chẳng tỏ ra chút tinh thần phục thiện hoặc ít ra là biết suy nghĩ vì lợi ích chung để cùng chấp nhận các sự khác biệt để mà hợp tác, chung sức làm việc với nhau.*

*Bản thân tôi, cũng có liên hệ với làng bên Thức Hoá và có đọc qua tập Lịch Sử Làng Thức Hóa, nên đôi lúc tự thâm tâm mình lấy làm buồn tủi và ô nhục. Trong tim cũng có lúc như dấy lên một niềm tự hào, ước mong có thể làm được điều gì cho thôn xóm làng mạc Du Hiếu của mình. Nhưng mỗi khi tôi mang chuyện ra tâm sự và bàn bạc với đồng hương hoặc người nhà, thì quả y như là lần nào cũng được tặng cho bao lời lẽ nghe sao khiếp chán và nặng lòng. Có lúc còn bị cho là chỉ nói nhảm, toàn thích bày vẽ chuyện bao đồng!*

*Lần này, gặp được cha nên tôi thấy như một cơ hội để mà giải toả cõi lòng. Tuy với ít lời thật, nhưng cũng rất dễ mất lòng, xin cha thứ lỗi và hy vọng là nhờ sự liễu lĩnh gông mình “chịu đấm ăn xôi” này, sẽ giúp cho nhiều người Du Hiếu có dịp nhìn lại bản tính sẵn ngang tàng, luôn bất mãn... như đã thâm nhập ngấm ngấm lâu đời trong nhiều dòng họ.*

*Mong rằng bất luận là người Du Hiếu nào, dù đang sống ở làng hay hiện diện đâu đó trong miền Nam, tại hải ngoại, xin đừng để uổng phí bao công lao hy sinh khai phá lập làng, đã can đảm đổ máu làm chứng cho Đạo thật của Tiên Nhân mình. Mà từ rầy về sau, sẽ có nhiều người cộng tác với cha, cùng hợp đoàn chung vai, góp sức gây dựng giang san, giữ gìn cơ đồ đã do Tiên Nhân đổ mồ hôi, đổ máu đào ra mà bảo vệ. Và nhờ đó có thể kỳ vọng vào tương lai sự nghiệp của lũ cháu, đàn con sau này.*

*Khi nào cha có dịp sang thăm các anh chị em ở Hoa Kỳ, mong cha nhớ liên lạc để chúng ta có dịp cùng được gặp mặt và hàn huyên tâm sự.*

*Xin cha nhớ gửi cho tôi một tập, sau khi hình thành.*

*Trân trọng và biết ơn cha.*

*(HQV)*



(8)

## **Từ Úc châu:**

Mến thăm cha Thân,

Kể ra thì anh em mình đã xa cách nhau gần bốn thập kỷ, là quãng thời gian quá dài so với đời trai của bọn mình!

Về chuyện cha muốn mời mình tham gia vào việc biên soạn tài liệu cho làng, mình cũng xin chia sẻ với cha một chút tâm tình, để mong cha thông cảm và thứ lỗi cho.

Sau khi đã tạm ổn định cuộc sống bên xứ Kang-gu-ru này, mình và họ hàng có dịp về thăm làng Du Hiếu, và xem lại căn nhà xưa cũ, nơi mà cha mẹ và anh em mình đã một thời từng trải tại Sài Gòn. Nhưng điều làm cho mình buồn và thất vọng nhiều nhất, không phải là chuyện đối với những “chủ nhân mới”, mà là toàn những chuyện chả-ra-gì của những người gọi là họ hàng, quen thuộc trong dòng họ.

Đối với bản thân mình, vì là lần đầu được về Bắc để viếng mộ Ông Bà Tiên Tổ, cùng nhân cơ hội nhận họ nhận hàng. Nhưng mới gặp nhau lần đầu mà nhiều người vốn chưa hề gặp mặt, chẳng biết có tương quan gì mà cứ tự nhiên ứng xử với mình y như kiểu “bạn xưa nghĩa cũ”, làm mình cảm thấy e dè ngần ngại. Ban đầu thì cứ tưởng đây là phong cách hiếu khách, niềm nở của dân quê miền Bắc, nên cũng cố gắng lịch sự để mà tiếp chuyện. Dần dà, mình mới khám phá ra được sự việc: là nếu không xong “thủ tục đầu tiên”, thì đâu có là cháu con, thân thuộc đi mấy, thì cũng không thể ở yên được. Đúng như câu: “tự nhiên như người Hà Nội!”

Không biết là lần đầu khi cha về thăm làng, cha đã có được những cảm xúc, tâm tình, kỷ niệm như thế nào với nơi gọi là “quê cha đất tổ”. Nhưng đối với mình thì thôi: một lần là quá đủ rồi. Con xin bái lạy, và xin vẫy tay chào vĩnh biệt!

Rồi ở trong Nam cũng vậy. Mái nhà xưa mà cha mẹ mình phải khôn khó, vất vả xây dựng để có chỗ có nơi cho anh em tá túc, khi gia đình đi Úc đã nhờ người họ hàng ngoài Bắc mới vào ở tạm, trông giùm. Thế mà, lần về thăm lại nhà của mình mà cứ như là



có ma ám quỷ trừ; ở nhà thì bị hù dọa và có đi đâu cũng bị theo dõi, trông chừng. Đúng y như lời tâm sự của cha mình, khi ông cụ trở về làng thăm anh em bị kẹt lại ở miền Bắc, sau ngày giải phóng miền Nam trước vậy!

Hoá ra, chỉ mới mười mấy năm xa cách, thế mà thế hệ cha mẹ, người lớn đã có một khoảng cách xa tắp, tưởng chừng không thể hàn gắn, xích lại gần nhau được. Lúc cha mình di cư vào Nam, mọi anh chị em ai nấy đều đã lập gia đình. Vậy mà khi gặp lại, người thì nói gà, kẻ thì nói vịt. Thật chẳng biết đâu là sự thật. Ai ai cũng cố kể ra bao công lao đã hy sinh phụng dưỡng cho Ông Bà, và đến giờ thì cha mẹ mình phải liệu mà lo đáp hiếu trả lễ, phải nghĩ đến công khó của họ để mà đền bù lại. Ông Bà là của chung chứ có phải là riêng ai, vậy mà người ta dám can tâm xem cha mẹ như một món đồ hàng, lấy đó đặt làm điều kiện hồng bắt bẻ và đòi buộc cha mình phải xì tiền ra để mà chuộc vậy!

Mà thật lạ, những bạn bè đồng thời của mình cũng sớm thay đổi như vậy. Khi chia tay nhau thì ai cũng đều vào tuổi biết suy biết nghĩ, có thể hiểu được đâu là thiện ác, đâu là phải trái, đâu là phước họa. Ấy vậy mà chẳng hiểu tại sao có phải vì chính sách “bóp nghẹt bao tử”, hay bởi chủ nghĩa vô sản đã dễ sai khiến được dân chúng, biến cả xã hội thành mù loà, như thể có một thế lực gì khổng chế cả lương tâm, chi phối được cả nhân tính của những người còn ở lại!?

Không biết là cha có nghe về sự khác biệt giữa “Bắc Kỳ bộ đội” và “Bắc Kỳ chín nút”. Những chú “cuội thật” thì luôn cố chấp tìm đủ mọi hình thức mà khoe mẽ, vùi vĩnh hoặc tự tôn tự đại về chuyện làng nước; còn phía các “cuội non” thì lại khăng khăng bảo thủ với dĩ vãng vàng son, những điều mà lẽ ra đã mất mát xa vời, trôi theo dòng đời vận nước!

Nhưng thôi. Mình chỉ tâm sự riêng với cha chút ít, để gọi là tìm cơ sở giải nhiệt. Việc cha đang hô hào, là việc của Chúa và là chuyện trên Trời. Mong cha không bị vấp phạm, và cũng xin Các Vị Tử vì Đạo của xứ Du Hiếu phù trợ cho cha, có thể hoàn tất công việc cực kỳ khó khăn và nan giải này.

Cha định cư ở Nhật đã lâu chắc cũng cảm thấy được tự hào và hãnh diện với nhãn mác “Made in Japan”. Và hẳn là toàn sử dụng hàng xịn, đồ thiệt chứ nhì! (LBV)

### **Từ quê mẹ Việt Nam:**

Xin gửi cha chút cảm hứng từ bài thơ của cô giáo Lam, khi nghĩ về quê hương “**ngộ, lạ, buồn, thương**” làng Du Hiếu mình. TTH.

*“Du Hiếu mình **ngộ** quá phải không cha?  
Hai trăm năm khởi nghiệp lập ấp, dựng nhà  
Hai trăm năm đức tin, máu đào tuấn tiết  
Hà có Bắc Nam, Đồng Hương chẳng một lòng!*

*Du Hiếu mình **lạ** quá phải không cha?  
Chuyện quá khứ lịch sử, hỏi chẳng ai biết  
Công lao sự nghiệp kẻ không mấy người nghe  
Di sản niềm tin, lấy gì mà mình chứng!*

*Du Hiếu mình **buồn** quá phải không cha?  
Lương tâm, nhân nghĩa sao thật khó kiếm  
Thảo hiếu, lễ độ hiền hoà biến tiêu đâu  
Những điều chê bai, ngờ vực tưởng dư nhiều.*

*Du Hiếu mình **thương** quá phải không cha?  
Túng bán, cơ hàn đâu dễ nên nguyên có  
Bạc tiền thế lực, họa có há chia pha  
Bây giờ lấy gì mà đổi, hồng chuộc lại.  
Đức tin, tình nghĩa, tự hào cùng danh dự  
Con cháu Lạc Hồng, tín hữu Chúa Ki-tô.*

*Thưa cha, hỏi mẹ, kính cụ, đồng hương nữa  
Xin trả lời giùm, **Du Hiếu mình liệu sẽ về đâu?***

## 19. Niên Biểu Giáo Hội Việt Nam

<i>Năm</i>	<i>Sự kiện xảy ra trong Giáo Hội</i>	<i>Các sự kiện trong nước, thế giới</i>
1533 1550 1580 1591	Giáo sỹ Inêkhô đến giảng đạo ở Ninh Cường Lm Gaspar da Santa Cruz O.P đến Hà Tiên Lm Luis da Fonseca O.P đến Quảng Nam Lm Pedro rửa tội cho công chúa Mai Hoa, chị của vua Lê Thế Tông	Thời vua Lê Trang Tông Thời hậu Mạc, họ Trịnh chi phối quyền vua Lê và soán ngôi, chống nhà Nguyễn
1615 1620 1624 1625 1629 1630 1643 1644 1650 1659 1662 1668 1670 1672 1679 1691 1694	Lm Buzomi, Im. Calvaho S.J đến Cửa Hàn giúp giáo dân ty nạn Nhật và lập cộng đồng đức tin Lm Borri truyền giáo ở Bình Định Cha Đắc Lộ và các bạn đến Hải Phố Nguyễn Phúc Nguyên ra sắc cấm thờ đạo Cha Đắc Lộ bắt đầu huấn luyện lớp thầy giảng. Cha Đắc Lộ bị trục xuất khỏi Đàng Ngoài. Chứng nhân đầu tiên Phanxicô bị chém đầu Tất cả thừa sai đều bị trục xuất Anrê Phú Yên tử đạo tại Quảng Nam. Cha Đắc Lộ xin ĐTC Innocens X đặt hàng giáo phẩm cho VN. ĐTC Alexander XII cho lập 2 giáo phận đầu tiên là Đàng Trong và Đàng Ngoài Giám mục P. Lambert de la Motte đến Thái để chờ cơ hội vào VN. 4 linh mục VN đầu tiên chịu chức tại Thái Lan GM Lambert de la Motte họp công đồng Đàng Ngoài tại Phố Hiến. GM la Motte họp công đồng Đàng Trong tại Hội An. Gp Đàng Ngoài chia ra Đông Đàng Ngoài và Tây Đàng Ngoài. Nguyễn Phúc Chu bắt đầu cấm đạo 2 linh mục VN dòng Tên	Chúa Thanh Đô Vương Trịnh Tráng cấm giao tiếp với giáo sỹ ngoại quốc  1639. Miền Bắc có 82,000, miền Trung có 15 ngàn giáo dân  Đàng Trong từ sông Gianh trở vào Nam, bao gồm Cao Miên và Thái Lan  Đàng Ngoài, từ sông Gianh ra Bắc, bao gồm Lào và 4 tỉnh miền Nam Trung Hoa  1687 Nguyễn Phúc Trân lên ngôi dời đô về Phú Xuân
1704 1712 1723 1748	Nguyễn Phúc Chu đình chỉ việc cấm đạo Các thừa sai ở Phố Hiến bị trục xuất 2 thừa sai đầu tiên bị giết hại ở Đàng ngoài. Những năm sau nhiều thừa sai dòng Tên, dòng Đa Minh bị giết ở Đàng Ngoài. Trịnh Sâm đình chỉ việc cấm đạo	Giáo hội ở Đàng Trong tạm bình an có khoảng 70,000 giáo dân

*Ngọn Lửa Tin Yêu*

1750	Nguyễn Phúc Khoát trục xuất tất cả thừa sai	1777, Tây Sơn nổi dậy
1780	khỏi Đàng Trong	Nguyễn Ánh xưng vương ở Gia
1784	GM Pigneau đem hoàng tử Cảnh sang Pháp	Định
	cầu viện.	1783 Tây Sơn chiếm Gia Định
1787	GM Pigneau đại diện Nguyễn Ánh ký hiệp	Gia Long chạy sang Thái
	ước Versailles	Võ Tánh giúp Nguyễn Ánh lấy
1798	Đức Mẹ hiện ra ở La Vang an ủi giáo dân.	Gia Định
	Thời Trịnh Nguyễn phân tranh có chừng	Cảnh Thịnh cấm đạo ở Phú xuân
	30,000 giáo dân chịu tử đạo	
1802	Nguyễn Ánh thắng Tây Sơn, thống nhất sơn	Gia Long khởi nghiệp
	hà	
1820	Giáo hội được bình an phát triển	Gia Long qua đời, Minh Mạng
	Đàng Ngoài 2 giáo phận có 260,000 giáo dân	lên ngôi
1825	Đàng Trong có 60 ngàn	Lê Văn Khôi dấy binh
1833	Minh Mạng cấm đạo, kiểm soát giáo sỹ	<b>1828 di dân khai phá lập làng</b>
	Lê Văn Khôi dấy loạn ở Gia Định, một số	<b>Du Hiếu</b>
1841	giáo dân, thừa sai bị lôi cuốn,	Minh Mạng ra chiếu cấm đạo
1843	Thiệu Trị lên ngôi, lỏng việc cấm đạo	
1847	Nhiều thừa sai Pháp bị trục xuất	
	Pháp bắn phá Đà Nẵng	
1848	Thiệu Trị ban lệnh chống Công giáo	Tự Đức lên ngôi, Hồng Bảo dấy
1850	Tự Đức liên tục ra chiếu cấm đạo	loạn
1856	Đạo giáo lan rộng khắp lãnh Việt Nam	
1858	Tàu Pháp lại bắn phá Đà Nẵng	
1861	Chiến tranh Pháp, Tây Ban Nha bùng nổ	Pháp đánh các tỉnh miền Nam
1862	Tự Đức bách đạo, phân sáp	<b>Du Hiếu hy sinh tử đạo 27 vị</b>
	Tàn sát giáo dân ở Nam Định, Hưng Yên,	Hoà ước Nhâm Tuất,
	Biên Hoà, Long Thành, Trảng Bàng...	Nhượng bộ với Pháp
1867	Pháp chiếm 3 tỉnh miền Tây Nam bộ	
1869	Tự Đức ra chỉ dụ tha việc cấm đạo	
1873	Pháp chiếm Hà Nội	
1874	Văn Thân bành trướng trả thù đạo dữ dội	Hoà ước Giáp Tuất, nhượng 6
1883	Tự Đức qua đời, Hiệp Hoà rồi Kiến Phúc	tỉnh Nam Kỳ
	Thời kỳ phục hưng, truyền đạo ở Đàng Ngoài	
1884	Pháp bảo hộ ở Bắc kỳ, Trung kỳ thuộc triều	Phong trào Cần Vương ra đời
	đình, Nam kỳ thuộc Pháp	Các phong trào kháng Pháp
1885	Văn Thân tàn sát giáo dân tại nhiều tỉnh	Hoà ước Giáp Thân, thời kỳ bảo
		hộ, thuộc địa bắt đầu
1925	Lập toà Khâm sứ tại VN	1917 Lật đổ Nga hoàng, Cộng
1933	GM tiên khởi VN Nguyễn Bá Tòng	sản Nga thành lập
		Nhật chiếm Mãn Châu, Triều
		Tiên, Trung Hoa

1934	Công đồng Đông Dương đầu tiên họp ở Hà Nội	1941 Đệ nhị thế chiến bắt đầu
1945	Cách mạng tháng 8, kháng chiến,	Nhật đầu hàng, Pháp trở lại
1951	Lập khu tự trị Phát Diệm	Đông Dương.
1954	800,000 giáo dân di cư từ Bắc vào Nam	Trận Điện Biên Phủ, Pháp đầu
1956	3,000 cán bộ cộng sản tập kết ra Bắc.	hàng, Hiệp định Geneve chia đôi
	Chính phủ Ngô Đình Diệm ra đời	Nam Bắc. Cải cách ruộng đất ở
1960	Thành lập Hàng Giáo Phẩm VN	miền Bắc
1962	Khai mạc Công Đồng Vatican II	Mặt trận giải phóng miền Nam
1973	Mùa hè đỏ lửa	ra đời
	Thiết lập địa phận thứ 15, gp. Phan Thiết	Hiệp định đình chiến Paris, Mỹ
1975	Đóng cửa toà Khâm Sứ, đổi tên địa phận SG	rút quân
1976	Nghị quyết Tôn Giáo 297	Chấm dứt chiến tranh
		Giải tán mặt trận giải phóng
1977		Hiến pháp nước CHXHCNVN
1978		
1979	Họp hội đồng GMVN đầu tiên tại HN	Phái quân sang Campuchia
1980	Đại chủng viện SG mở cửa lại	Chiến tranh Trung-Việt, làn
1987	Phong thánh 117 Vị Tử Đạo VN tại Roma	sóng ty nạn lan rộng
1988	TGM Nguyễn Văn Thuận đi Roma	1986 Chính sách Đổi Mới ra đời
1989	Nghị định 69 thay thế nghị quyết 297	Rút quân từ Campuchia, tướng
1991	Phái đoàn Toà Thánh thăm VN	Bá Linh sụp đổ, giải thể đảng
1992	Họp thường niên HĐGM VN tại SG	cộng sản Liên Xô
1993	Giáo phận SG mừng Năm Thánh 150 năm;	Phái đoàn chính phủ sang Roma
1994	Khánh thành ĐCV Sao Biển	
1996	Toàn Giáo Hội chuẩn bị Năm Đại Thánh;	ĐHY Thuận chủ tịch Công lý
1998	200 năm Đức Mẹ hiện ra ở La Vang	Hoà Bình
2000	Năm Đại Thánh, Chân Phước Anrê Phú Yên	Xoá nợ cho nhiều nước nghèo
2002	ĐHY PX Nguyễn Văn Thuận qua đời	
2003	TGM Nguyễn Văn Tốt, STTT	ĐHY Phạm Minh Mẫn, TGM
	Đc Mai Thanh Lương, GM Orange	SG
	Thành lập địa phận Bà Rịa	
2005	Đại hội Dân Chúa, mừng 350 năm rao giảng	2007. NT Dũng gặp ĐGH Biển
2010	Tin Mừng, kỷ niệm 50 lập HĐGMVN	Đức 16; Gia nhập tổ chức WTO
2013		ĐGH Phanxicô đăng quang
2014	Dòng Tên kỷ niệm 400 truyền giáo tại VN	Đức TGM Bùi Văn Đọc về SG
2015	Năm thánh Lòng Chúa Thương Xót	

## **20. Lịch Sử Địa Phận Bùi Chu**

*Lm. Trần Đức Huynh*

*Trích từ tập Kỷ yếu địa phận Bùi Chu (1984)*

Chúng ta có thể chia ra bốn thời kỳ:

- 1.- **Phôi thai trong máu đào** (1679-1888)
- 2.- **Phát triển trong thời bình**, (1888-1936)
- 3.- **Trưởng thành với hàng giáo phẩm địa phương** (1936-1954)
- 4.- **Bùi Chu di cư và tị nạn** (1954- ngày nay)

### **1 - Phôi Thai trong máu đào:**

Thời kỳ đầu tiên: Bùi Chu (viết tắt là B.C) tiếp nhận đạo Công Giáo và phải trải qua mấy thế kỷ thử thách, qua không biết bao nhiêu kỳ cấm đạo, thì B.C cũng như các địa phận khác đều có nhiều điểm giống nhau. Chúng tôi muốn bắt đầu thời kỳ này từ năm 1679 đến 1888. Năm 1679 là năm thành lập địa phận thứ hai cho miền Bắc cũng gọi là Đàng Ngoài.

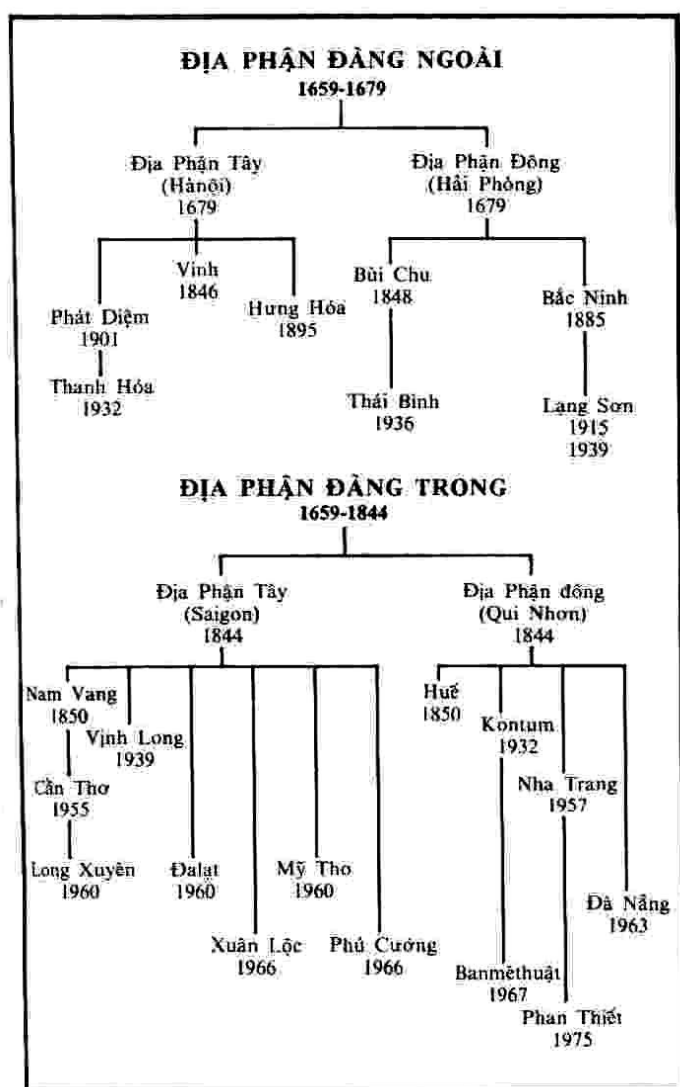
Muốn biết rõ các biến chuyển tôn giáo trong thời kỳ này, ta cần biết sơ qua về tình hình chính trị Việt Nam (viết tắt là VN) vào thời đó. Trước hết, về chính trị thì từ 1592 đến 1788 kéo dài đến 196 năm, VN đã chia ra hai miền, miền Bắc cũng gọi là Bắc Hà hay còn gọi là Đàng Ngoài, lấy sông Gianh gần Quảng Bình làm ranh giới, thuộc quyền vua Lê và Chúa Trịnh, đóng đô ở Thăng Long. Vua Lê chỉ có quyền tượng trưng, thực quyền do chúa Trịnh nắm hết. Bắc Hà chia ra 11 xứ hay Trấn. Địa phận B.C nằm trong xứ Nam tức trấn Sơn Nam. Xứ Sơn Nam gồm các tỉnh Nam Định, Hà Nam, Thái Bình, Hưng Yên ngày nay.

Miền Nam tức Nam Hà còn gọi là Đàng Trong lấy ranh giới từ phía Nam sông Gianh trở xuống. Kinh đô ban đầu đóng ở làng Ái Tử, tỉnh Quảng Trị (vì thế có cổ thành *Quảng Trị*), sau này dời về Phú An, huyện Quảng Điền, về sau di vào Kim Long huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên. Từ năm 1788 đến 1802, nhà Nguyễn Tây Sơn đánh thắng cả chúa Nguyễn, chúa Trịnh, thống nhất đất nước được 14 năm, đến khi vua

Quang Trung băng hà, thì nhà Nguyễn Tây Sơn suy yếu. Chúa Nguyễn Ánh mời một số sĩ quan Pháp tới giúp khí giới và chiến lược đánh thắng được nhà Tây Sơn, thống nhất VN lấy hiệu là Gia Long từ năm 1802, tiếp theo là các triều vua Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức...

Thời vua Tự đức, quân Pháp chiếm nước VN. Vua Tự Đức chấp nhận tha đạo qua hai hòa ước Nhâm Tuất (1862) và Giáp Tuất (1874) được ký với Pháp. Vua Tự Đức mất vào năm 1883.

### **Bùi Chu Đón Nhận Đạo Công Giáo:**



## *Ngọn Lửa Tin Yêu*

Theo tài liệu lịch sử VN, làng Ninh Cường của Bùi Chu được đón nhận Đạo Chúa sớm nhất. Theo cuốn Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục thì: "Năm Nguyên Hòa nguyên niên (1533) đời Lê Trang Tôn có một dương nhân (người Tây) tên là I-ni-khu đi đường biển lên vào giảng đạo Da-Tô ở làng Ninh Cường, Quận Anh thuộc huyện Nam-Chân và làng Trà Lũ thuộc huyện Giao Thủy. Mấy làng này đều thuộc địa hạt Bùi Chu.

Theo tài liệu của cha Đắc Lộ, thì năm 1627, vào thời Trịnh Tráng, các giáo sĩ dòng Tên từ Ma Cao đã được sai đến giảng đạo ở xứ Bắc. Các ngài đã đến nơi nhằm ngày 19-3-1627 nên đã nhận thánh Giuse làm quan thầy cho Bắc Việt.

Tương cũng nên biết các cha dòng Tên là những vị tiên phong truyền giáo ở Việt Nam từ 1615 đến 1659. Các cha Buzomi, Christoforo Borri, cha Đắc Lộ đi lại các tỉnh miền Nam nhiều hơn. Chỉ có cha Baldinolli là giáo sĩ dòng Tên hoạt động nhiều ở Đàng Ngoài tức miền Bắc. Ai cũng biết cha Đắc Lộ đã có công sáng chế ra vần quốc ngữ cho Việt Nam.

Cho tới năm 1653, các cha dòng Tên đã rửa tội được 408,000 người VN, trong số đó 308,000 người ở Đàng Ngoài, 50,000 người ở Đàng Trong. Hội đó chưa có Giám Mục. Với một tầm nhìn xa trông rộng, cha Đắc Lộ thấy rõ: cần phải có linh mục Việt Nam để giảng đạo cho người Việt Nam. Con số trên 400 ngàn giáo dân kia đòi hỏi ba bốn trăm linh mục mới có thể giúp giáo dân sống đạo được. Không thể đưa mấy trăm linh mục ngoại quốc vào VN được. Trước hết không tìm đâu ra số linh mục đó, không có phương tiện vật chất để thực hiện. Đàng khác linh mục ngoại quốc sẽ gặp rất nhiều trở ngại cấm cách tại VN. Muốn lập hàng giáo sĩ VN, trước hết cần phải lập địa phận tại VN.

Cha Đắc Lộ nghĩ và làm. Ngài đi vận động tại Roma, trình bày vấn đề với Tòa Thánh. Dĩ nhiên Tòa Thánh rất đồng ý, và muốn cha đi tìm người để đề nghị. Ngài về Pháp và đề nghị hai cha Pallu và cha Lambert de la Motte thuộc hội thừa sai Paris MEP lên Tòa Thánh. Hai cha đã được Tòa Thánh chọn làm Giám mục cho Việt Nam, và 2 địa phận tiên khởi VN được thành lập 1659: một địa phận Đàng Ngoài do Đức Cha Pallu phụ trách, địa phận Đàng Trong do Đức Cha Lambert de la Motte



trông coi. Và cũng từ đó, tức từ năm 1659, Giáo Hội VN được trao cho các thừa sai Paris và các cha Đaminh, tỉnh dòng Phi Luật Tân.

Từ năm 1679, Địa phận Đàng Ngoài chia thành 2, lấy sông Hồng và sông Lô làm ranh giới cho 2 miền Tây và Đông. Miền Tây thành địa phận Tây, tức Hà Nội, do đức cha de Bourges phụ trách. Miền đông thành địa phận Đông tức Hải Phòng được trao cho đức cha Deydier.

### **Những ngày đầu của Bùi Chu:**

Muốn hiểu rõ những biến chuyển của địa phận Bùi Chu, chúng ta cần lưu ý đến 3 địa phận Hải Phòng (trước là địa phận Đông từ năm 1679 ) địa phận Bùi Chu và địa phận Thái Bình (1936) trước đó thuộc địa phận Trung (từ năm 1848).

Mồng 7 tháng 7 năm 1676, hai cha dòng Đa Minh người Tây Ban Nha (Spanish) thuộc tỉnh dòng Phi Luật Tân là các cha Gioan de Santa Cruz và Gioan Arjona từ Manila tới tham gia việc truyền giáo tại VN. Các cha đặt chân lên phố Hiến và từ đó học tiếng VN sáu tháng. Vốn là những nhà trí thức có căn bản sinh ngữ, các ngài học tiếng bản quốc không khó khăn lắm. Cha Gioan de Santa Cruz đã thông thạo tiếng Trung Hoa vì đã từng giảng đạo cho người Trung Hoa tại Manila, Phi Luật Tân. Cha Gioan Arjona là giáo sư đại học thánh Thomas tại Manila.

Trong thời kỳ học tiếng Việt Nam, hai cha lấy kinh nghiệm sống với những người Tàu sinh sống tại Manila, viết lại tất cả những phong tục, những nghi lễ của người Tàu mà các ngài thấy người VN cũng bắt chước. Bản phúc trình của hai cha gửi cho đức cha Deydier về các nghi lễ Trung Hoa được đức cha kết thành 274 câu hỏi và những lời giải đáp. Bản phúc trình này đã giúp ích rất nhiều cho các nhà thần học tại những đại học Công giáo ở Roma giải quyết những nghi vấn một cách ổn thoả đúng giáo lý Công giáo. Về sau giám mục hai địa phận Đàng Ngoài là Hà Nội và Hải Phòng đã tha thiết xin bề trên tỉnh dòng Phi luật Tân gửi thêm các linh mục sang giảng đạo tại Nam Định, Hải Dương và Bắc Ninh.

Tháng hai năm 1677, sau khi đã biết nói tiếng Việt, hai cha theo đường thủy xuống giảng đạo tại các làng Trung Linh, Bùi Chu. Các làng

## *Ngọn Lửa Tin Yêu*

đó nằm ngay ven sông Ninh Cơ, rất thuận lợi cho việc di chuyển bằng thuyền, để tránh sự lùng bắt của chính quyền tỉnh Nam Định thời đó đang xiết chặt vòng vây cấm đạo. Cũng năm đó cha Dionysius Morles dòng Đa Minh Tây Ban Nha được phái sang tăng cường cho hai cha đang giảng đạo tại vùng Trung Linh, B.C. Ngày đêm di chuyển bằng thuyền, tìm mọi dịp để dạy đạo, dâng thánh lễ, giúp đỡ tinh thần vật chất cho người bản xứ do tiền quyền cứng nhận được từ Phi Luật Tân. Kết quả đầu: các cha đã rửa tội được 300 người, và mỗi năm khuyên được ba bốn trăm người nhận biết Chúa.

Cha Gioan de Santa Crux soạn thảo một số sách đạo bằng Việt ngữ như: Hạnh các Thánh, Vườn hoa thiêng liêng. Phương pháp học Hán văn. Các cha lập hội Mân Côi, tổ chức ngắm đứng trong tuần thánh theo tục lệ bên Tây Ban Nha để giáo dân dễ suy niệm cuộc khổ nạn của Chúa Cứu Thế v.v...

Năm 1681, hai cha Gioan Arjona và Dionysius Morales bị quan tổng đốc Sơn Hà bắt. Sau nhiều ngày tháng giam cầm tra tấn, các cha đã bị cưỡng ép xuống tàu Hoà Lan trở về Manila. Vùng Bùi Chu, Trung Linh chỉ còn một mình cha Gioan de Santa Crux ở lại lén lút giảng đạo.

Tới năm 1682, cha Raymondus Lezoli gốc Ý tu dòng Đa Minh Phi Luật Tân tới giúp cha Santa Crux. Cha Lezoli nguyên là y sỹ, ban đầu tạm trú ở Thủy Nhai gần Bùi Chu để học tiếng Việt, nhưng vì việc cấm đạo quá gắt gao, cha phải tạm lánh nạn sang Thái Lan làm thư ký cho hai cha Bourges và Deydier đã được sắc Tòa Thánh phong làm giám mục chia địa phận Tây và địa phận Đông. Các ngài mới sang Thái Lan để thụ phong chức Giám mục. Khi được tin có thể trở lại VN cùng cha Santa Crux tiếp tục giảng đạo. Kết quả rất khả quan: các cha đã khuyên được rất nhiều người chung quanh vùng Bùi Chu theo đạo.

Năm 1683, cha Gioan Santa Crux được cử coi sóc họ đạo tại Kiên Lao, một làng cách B.C 3 cây số về phía Nam, đồng thời Tòa Giám Mục cũng ủy thác cho các cha Đa Minh thuộc tỉnh dòng Phi luật tân coi sóc các họ đạo trong giáo phận Bùi Chu và hoạt động giảng đạo trong 5 phủ huyện. Riêng cha Santa Crux đã xây được 140 nhà thờ và 12 giáo họ.

Năm 1686, công giáo bị đàn áp quá gắt gao, các cha phải tạm lánh nạn. Ban đầu, các ngài vào Thanh Hóa, giảng đạo và khuyến được nhiều người theo đạo. Các cha định tiến vào Nghệ An, nhưng không thể đi được. Các ngài tìm đường đi Hải Dương, tại đây một vấn đề nan giải xảy ra: hiện ở Hải Dương đã có rất nhiều người công giáo trở lại đạo từ hồi các cha dòng Tên giảng đạo tại đó. Khi các cha dòng Tên ra đi, giáo dân nhất định không chịu xưng tội với các dòng khác. Phải một hồi khuyên bảo, giải thích, giáo dân mới vỡ lẽ và tiếp tục giữ đạo. Hai cha phân địa giới để làm việc. Cha Lezoli hoạt động trong phạm vi nửa tỉnh phía đông, còn cha Santa Crux giảng đạo nửa tỉnh phía tây và lan rộng sang cả địa giới tỉnh Bắc Ninh.

Năm 1690, các cha Đa Minh lại trở về Trung Linh, Bùi Chu, khuyến được 400 người theo đạo trong đó có 25 sư sãi. Hội đó số giáo dân Bùi Chu đã tới 18 ngàn người chưa kể những người đang chuẩn bị chịu phép rửa tội. Phong trào lòng bắt các giáo sĩ ngoại quốc lại lên cao độ, sau khi thảo luận với giáo dân, các ngài tạm lánh đi Hải Dương.

Năm 1695, phái đoàn truyền giáo Đa Minh được thêm hai cha Petrus Bustamente và Franciscus Lopez. Ban đầu 2 cha tạm lưu tại Bangkok, Thái Lan giúp đức cha, rồi năm sau, các ngài đi tàu vào Phố Hiến. Nhưng việc cấm đạo quá gắt, các ngài không lên bộ tại phố Hiến được phải ở lại tàu buôn mấy tháng sau mới lên bờ được và hoạt động tại Kẻ Sặt.

Năm 1698, cha Raymundus Lezoli được tòa thánh bổ nhiệm làm Giám Mục coi sóc địa phận Đông thay thế Đức cha Deydier đã qua đời từ 1693. Cha Lezoli thụ phong giám mục tại Kẻ Sặt năm 1702.

Năm 1705, thêm 2 cha Đa Minh Sabuquillo và Thomas Sextri tăng cường cho 5 cha đang ngày đêm kiệt sức lo việc giảng đạo vì phải săn sóc 120 họ đạo hằng năm số người xưng tội là 25 ngàn, rửa tội 2 ngàn trẻ em và 300 người lớn. Đặc biệt năm 1705, đức cha Lezoli về Trung Lao, một họ đạo cách Bùi Chu về phía tây 10 cây số, dự các nghi lễ tuần thánh rất long trọng.

Năm 1706, một tai họa xảy đến: một số người bỏ đạo và vì muốn lập công, bằng cách tố cáo các linh mục, khiến các ngài phải lẩn trốn.

## *Ngọn Lửa Tin Yêu*

Đức cha Lezoli qua đời được an táng tại Lục Thủy cách Bùi Chu 2 cây số về phía Bắc. Năm 1707 cha Santa Crux được bổ nhiệm làm giám mục thay thế.

Năm 1712, chúa An Vương lên ngôi ra sắc lệnh cấm đạo. Rất nhiều sách đạo, đồ thờ phượng, 164 nhà thờ thuộc địa phận Kẻ Sặt bị tiêu hủy, 304 giáo dân chết vì đạo. Các linh mục may mắn thoát hiểm bằng cách trốn xuống thuyền di chuyển đó đây để thăm viếng an ủi giáo dân. Vì thế số người theo đạo vẫn đông. Hằng năm có 500 người chịu phép rửa tội. Con cấm đạo kéo dài hai năm. Dân chúng tin rằng việc ấy khiến cho cả miền bị lụt và dịch tễ, làm thiệt hại một phần ba lúa thóc. Trong lúc này các thừa sai vẫn hăng hái giảng đạo và giúp đỡ nhân dân, nên đã đưa được 1165 người trở lại đạo, nhất là có 2500 người vì yếu đuối đã bỏ đạo, nay xin hồi cải trở về cùng Chúa và Giáo hội.

Năm 1715, thêm hai cha Đa Minh Guelda và Joannes Ventura sang giảng đạo. Cha Guelda hoạt động tại Nam Lạng, một làng cách Bùi Chu 14 cây số về phía Tây. Một giai thoại buồn cười xảy ra: Một hôm cha Guelda bị bắt cùng với một số thầy giảng. Các bà mẹ công giáo nhanh trí, tung tro vào quân lính, làm cho họ dụi mắt không kịp, cha Guelda trốn được, các bà dùng nhiều xảo thuật khác, làm tất cả các thầy giảng bị bắt cùng trốn được. Từ đó các cha phải ẩn trốn vào các nghĩa địa. Cha Santa Crux phải ẩn trốn trong cốt thóc nhà dân.

Năm 1718, Tòa Thánh sắc phong cha Santa Crux và cha Sextri làm Giám Mục, nhưng tại Đàng Ngoài không có giám mục chủ phong. Cha Sextri phải trở về Manila chịu phong giám mục rồi trở lại Bùi Chu ngày 13 tháng 8 năm 1719 để phong chức giám mục cho cha Santa Crux tại làng Trung Linh cách Bùi Chu một cây số, trước sự chứng kiến của sứ thần Hoàng đế Tây ban nha.

Ngày 14/8/1721, một đám tang vô cùng cảm động diễn ra tại làng Trung Linh. Đám tang đức cha Santa Crux, ngài là vị truyền giáo dòng Đa Minh đầu tiên tới VN năm 1676. Sau 45 năm tận tụy giảng đạo cho người VN nói chung và cho dân Bùi Chu nói riêng, với 21 năm làm cha chính địa phận, 14 năm quyền giám mục và 2 năm làm giám mục thực thụ đã qua đời hưởng thọ 75 tuổi.

Cũng trong năm 1721, phong trào cấm đạo lại bộc phát dữ dội, các giáo sĩ lại phải di chuyển bằng thuyền để trốn tránh, để tìm dịp đi thăm giáo dân và giảng đạo. Trong năm ấy, thầy Lê bị bắt và chết rũ tù. Thầy là gương sáng cho mọi người trong tù, hằng ngày thầy vẫn đọc 15 tràng hạt 150 hoặc đọc một mình hay đọc chung với các thầy và giáo dân cùng bị giam.

Năm 1726, kỷ niệm 50 năm dòng Đa Minh tỉnh dòng Phi luật tân truyền giáo tại VN. Tính sơ qua, đã có 15 vị vừa giám mục vừa linh mục đã qua đời và an táng trên đất VN, một số khác đã trở lại Manila, sau khi đã mãn nhiệm kỳ. Nhờ công lao của các ngài, Chúa đã soi sáng cho rất nhiều người VN mà có tới 80% là dân Bùi Chu đã nhận biết ánh sáng Phúc Âm.

Năm 1737, Đức cha Sextri qua đời, chôn táng tại Lục Thủy, cách Bùi Chu 2 cây số về phía Bắc. Đức cha Hilarius a Jesu kế vị cho tới năm 1757. Năm 1737, cha Gil de Frederich bị bắt điệu lên Hà Nội cầm tù cho tới khi bị xử tử năm 1745.

Năm 1738, năm đáng ghi nhớ trong lịch sử truyền giáo tại VN. Ta nên biết rằng: ngay từ năm 1668, các Đức Cha đã nghĩ tới việc huấn luyện linh mục VN và đã có ít là 4 thầy giảng đã được huấn luyện để chịu chức linh mục. Như cha Gioan Huệ, 46 tuổi, cha Benedictô Hiền, 54 tuổi thuộc địa phận Đàng Ngoài, cha Giuse Trang, 28 tuổi, cha Luca Bền, thuộc địa phận Đàng Trong. Nhưng riêng địa phận Đông, từ năm 1738, mới phát động phong trào gửi thanh niên ra ngoại quốc để học làm linh mục. Hoàng đế Tây ban Nha thường xuyên hàng năm cấp 6 học bổng, mỗi học bổng là 100 quan tiền cấp cho chủng sinh VN du học tại các đại học Công Giáo tại Manila Phi luật Tân. Chủng sinh bất cứ là dòng hay triều đều được hưởng học bổng. Nếu thiếu, thì tỉnh dòng Đa Minh Phi luật Tân sẽ cấp thêm. Vì thế, về sau mới có nhiều linh mục giảng đạo cho người VN. Cũng năm 1738, có 2 thanh niên VN nhập dòng Đa Minh

Năm 1743, cha Mathoeus Liciniana bị bắt tại làng Lục Thủy và giam chung với cha Gil Federich và thầy Quý, những người đã bị bắt trước. Thầy Quý về sau nhập dòng Đa Minh và chịu chức linh mục, bị bắt, bị tra tấn một thời kỳ rồi được tha. Còn 2 cha Licinianna và Federich vẫn

## *Ngọn Lửa Tin Yêu*

bị giam, nhưng được làm lễ và các phép bí tích cho tới ngày 22/1/1745 bị xử tử tại Hà Nội. Xác 2 cha được đưa về an táng tại làng Liên Thủy.

Năm 1750, đa số các cha Đa Minh gốc Tây ban Nha đều qua đời, chỉ còn cha Ludovicus Espinosa và 7 cha Đa Minh VN. Năm sau thêm 2 cha Hernandez và Emmanuael Martin. Thời đó, việc cấm đạo có vẻ lỏng lẻo, có lẽ vì các linh mục ngoại quốc đều ỉn tránh hay có lẽ vì 2 cha ngoại quốc mới bị chết vì đạo.

Năm 1753, một công đồng giả hiệu nhóm họp tại Lục Thủy gồm một số linh mục và thầy giảng ngoài dòng Đa Minh. Để phản đối, các vị thừa sai đã phải ủy cha Hernandez đi Roma trình bày diễn tiến công đồng giả hiệu ấy với Toà Thánh. Cha Hernandez trình bày các chi tiết của nhóm công đồng giả hiệu, tòa thánh hiểu vấn đề, và đã bổ nhiệm cha làm giám mục địa phận Đông, và đồng thời từ nay trao địa phận Đông cho các cha dòng Đa Minh, tỉnh dòng Phi luật tân. Trong khi các sự việc diễn tiến như trên tại Roma, thì đức cha Hilarius a Jesu qua đời tại Lục Thủy, cha chính Adrianus dùng quyền khiển trách và chống lại các cha Đa Minh đến nỗi cha Llobresals tác giả cuốn sách "Giống Má" phải lên tiếng phản đối cha chính Adrianus và bênh vực các cha Đa Minh. Có thể cha chính Adrianus hành động thiếu khôn ngoan, vì sau đó, Toà Thánh đã gọi Ngài và các cha dòng Augustino phải bỏ VN trở về Âu Châu. Trong địa phận Đông hồi đó chỉ còn lại các cha Đaminh và các cha VN với một số ít các cha dòng Tên.

Năm 1764, tình hình nội bộ êm đẹp trở lại tòa giám mục được di về Liên Thủy, cách Bùi Chu 1 cây số về phía đông. Cha Chính địa phận từ nay sẽ là cho phó giám tỉnh Đa Minh, tỉnh dòng Phi luật Tân. Các cha gốc Âu châu hay các cha bản xứ sẽ phụ trách một nhiệm sở rõ rệt. Cha chính sẽ bổ nhiệm các thầy giảng giúp các cha tại các họ đạo. Giới phụ nữ cũng được lưu ý đặc biệt: cho học thêm giáo lý và sống đạo đức hơn để tổ chức thành tu hội Mến Thánh Giá hay dòng Ba Đa Minh sống chung với nhau. Cha Ludovicus Espinoza làm cha chính từ năm 1747 và đã qua đời, an táng tại Trung Linh năm 1770. Trước khi qua đời, ngài có ghi lại những cảm nghĩ về tình hình địa phận hồi ấy như sau: "Trong địa phận số giáo dân tăng thêm, mê tín dị đoan giảm thiểu, các người tân tòng sống đạo vừa có ý thức, vừa biết sửa đổi cách ăn ở". Hàng giáo

phẩm hồi đó, ngoài Giám mục, còn có 9 cha Đa Minh Tây ban Nha, 17 cha dòng Đa Minh VN và một số linh mục triều VN.

Năm 1773, cha Vincentius Liêm quê ở Thôn Đông, Trà Lũ, tử đạo tại Hà Nội ngày 7/11/1773. Cha Vincentius Liêm du học đại học Đa Minh Manila năm 1754, chịu chức linh mục 1758, về VN giảng đạo, bị bắt và tử đạo. Ngài là một nhà trí thức uyên bác, lúc bị giam tại Hà Nội, ngài yêu cầu quan quyền cho phép tranh luận về tôn giáo với các nhà trí thức của Phật giáo, Khổng giáo và Lão Giáo. Ngài đã được đáp ứng và các bài tranh luận của Ngài được ghi lại trong cuốn Hội đồng Tứ Giáo (Công giáo, Phật giáo, Khổng và Lão giáo). Cha Vincentius Liêm được phong chân phước năm 1906 và tại đại học dòng Đa Minh Manila, người được trọng kính như quan thầy của trường. Hàng năm trường đại học tổ chức lễ kính Ngài rất long trọng.

Năm 1776, việc cấm đạo sôi động trở lại. Riêng các làng chung quanh Bùi Chu, 306 nhà thờ bị phá hủy. Cha nào bị bắt, giáo dân xin tha phải chuộc một ngàn quan tiền. Thầy Triệu và 20 người giáo dân bị xử tử, rất nhiều người bị cầm tù, bị tra tấn dã man, tình trạng bi thảm kéo dài tới năm 1781 mới tạm yên. Năm 1777, đức cha Hernandez qua đời tại Bùi Chu, cha Alonso tạm quyền nhiếp chính.

Năm 1779, cha Emmanuel Obelar, thụ phong giám mục tại Bùi Chu, sau khi trao xứ Kiên lao cho cha Feliciano, ngài di chuyển tòa giám mục từ Liên Thủy sang Bùi Chu. Đến đây, ta nên nhớ rằng: tuy địa phận Đông mà người ta thường gọi là địa phận Hải Phòng được thành lập từ năm 1679, nhưng trụ sở tòa giám mục vẫn đặt tại mấy làng chung quanh Bùi Chu, lúc thì ở Lục Thủy cách Bùi Chu 1 cây số về phía đông, cho tới năm 1779, mới dời về Bùi Chu. Năm 1848, tòa thánh lập thêm địa phận Trung tức Bùi Chu, thì tòa giám mục địa phận Hải Phòng đi về Kẻ Sặt và mãi tới đầu thế kỷ 20, mới đưa về Hải Phòng. Còn Bùi Chu thì từ năm 1779 vốn là trụ sở của địa phận Đông (Hải Phòng), và từ 1848 biến thành trụ sở của địa phận Trung tức Bùi Chu.

Năm 1785, cha Pujol sau khi hy sinh giảng đạo 27 năm tại các họ đạo Trung Lao, Thạch Bi, Phạm Pháo đã qua đời ở Bùi Chu. Đức cha Obelar qua đời năm 1789 tại Bùi Chu sau khi đã phục vụ Giáo hội 21 năm trong cánh đồng truyền giáo. Cha chính Alonso lên thay thế ngài

## *Ngọn Lửa Tin Yêu*

trong chức vụ GM địa phận đã có tới 95 ngàn giáo dân. Về chính trị, nhà Hậu Lê, họ Trịnh và họ Nguyễn mất quyền vào tay nhà Nguyễn Tây Sơn thống nhất Nam Bắc VN.

Năm 1790, nhà Nguyễn Tây Sơn còn cấm đạo dữ dội hơn trước. Thầy Quý bị bắt với cha Liciniana tại Lục Thủy, bị điệu từ Nam Định lên Hà Nội, bị ra tòa 10 lần. Nhờ giáo dân hối lộ với quan nên thầy được tha. Thầy nhập dòng Đa Minh hồi 28 tuổi, học thêm về thần học, chịu chức linh mục nhưng sau cùng cũng bị bắt và chết vì đạo. Năm đó, giáo đoàn được thêm 4 cha: cha Delgado, cha Gatilepa, cha Vidal và cha Henares.

Năm 1793, cha Alonso thụ phong giám mục địa phận Đông. Đạo phát triển rất mau lẹ. Đức cha mở tu hội Nhà Chúa tại nhiều nơi, xin Toà thánh bổ nhiệm cha chính Delgado Y làm giám mục phụ tá. Chính ngài truyền chức giám mục cho cha Delgado ngày 20-9-1795. Về chính trị, chúa Nguyễn Ánh tấn công nhà Nguyễn Tây Sơn tại Bắc Việt.

Năm 1789, cha Triệu gốc miền Nam ra bắc học thêm thần học tại Trung Linh, cạnh Bùi Chu với cha Henares. Xa nhà lâu ngày, muốn về thăm quê, trên đường vô Nam, cha bị bắt và bị xử tử tại đó.

Từ 1784 đến 1789, về chính trị chúa Nguyễn đã nhờ đức cha Bá Đa Lộc (Pigneaux de Béhaine) đưa Hoàng tử Cảnh sang cầu viện nước Pháp. Một số tướng tá Pháp đã giúp chúa Nguyễn Ánh thống nhất được VN lên ngôi lấy hiệu là Gia Long. Khi mới lên ngôi, vua Gia Long ban chỉ thị tha đạo, hứa cho người công giáo được tự do giữ đạo, không phải đóng góp vào các việc tế tự của người ngoại giáo. Từ trước đến nay, sự đóng góp này đã gây nhiều khó nghĩ cho người công giáo thiểu số ở chung với những làng ngoại giáo.

Ngày 9/1/1803, đức cha Henares Minh thụ phong giám mục tại nhà thờ Phú Nhai, cách Bùi Chu 3 cây số về phía đông trước sự tham dự rất đông của giáo dân và 31 linh mục VN, có cả phu nhân quan tổng đốc Nam Định tới dự với một đoàn lính hộ vệ.

Hai giám mục Delgado Y và Jacobus vào yết kiến vua Gia Long tại kinh đô Huế, trình lên vua lời hứa miễn cho giáo dân đóng góp vào



việc tế tự thần Phật, nhà vua từ chối lấy có là các quan trong triều không ưng thuận.

Năm 1806, thêm 13 linh mục VN nhập dòng Đaminh, trong số này có cha Yên, về sau bị bắt và tử đạo. Cha Yên là linh mục VN thứ 50 nhập dòng Đa Minh, tỉnh dòng Phi luật Tân. Các cha VN nhập dòng Đa Minh đa số học tại mấy đại học bên Manila.

Năm 1809, bão lụt rất lớn xảy ra tại Bắc Việt, nước sông, nước biển dâng cao, nhiều làng bị ngập lụt, hàng ngàn người bị chết đuối. Cha Amandi, bề trên dòng Đa Minh, ra sức cổ động các nơi giúp đỡ nạn bão lụt. Chính ngài làm gương sáng và làm mọi cách giúp nạn nhân.

Năm 1812, vua Napoléon gây chiến tại Âu châu, VN tương đối bằng an, tình hình tôn giáo lắng dịu. Dân công giáo Bùi Chu lên tới 100 ngàn người. Những người sa ngã chối đạo vì yếu đuối, đều trở lại ăn năn hối cải. Về hàng giáo phẩm, ngoài đức cha và đức cha phụ tá, còn có cha chính, 8 cha gốc Tây ban Nha và 25 cha VN.

Năm 1816, nhiều người đặt hy vọng vào vua Gia Long, một ông vua đã nhận nhiều giúp đỡ của các giáo sĩ ngoại quốc, người ta cũng đặt hy vọng vào ông hoàng tử Cảnh, một ông hoàng hiểu biết nhiều về Tây phương nói chung và các giáo sĩ nói riêng. Nhưng hy vọng đã tan như mây khói. Ông hoàng tử Cảnh đã qua đời, và chỉ chịu phép rửa tội trước khi chết. Vua Gia Long truyền ngôi cho con một bà quý phi khác là ông hoàng Đảm, sau này lấy hiệu là vua Minh Mạng. Triều đình hầu hết ác cảm với Công giáo. Vì thế, những người hiểu rõ thời thế tiên đoán sóng gió tàn sát Công giáo sắp diễn ra. Vua Gia Long qua đời năm 1820, vua Minh Mạng lên nối ngôi. Tuy tân vương rất ác cảm với Công giáo, nhưng chưa muốn ra tay ngay, nhất là hồi đó, cả nước đang bị bệnh dịch tàn phá, khiến rất nhiều người bị chết. Chính nhà vua cũng lo sợ đề phòng bệnh cho chính mình.

Về tình hình địa phận, cha Bombin được chọn làm cha chính kiêm nhiệm cả cha sở xứ Ninh Cường và giám đốc chủng viện Ninh Cường. Tuy kiêm nhiều chức vụ, ngài rất chịu khó giảng dạy, khuyến bảo được rất nhiều người trở lại xin chịu đạo.

## *Ngọn Lửa Tin Yêu*

Năm 1825, vua Minh Mạng ra chỉ cấm giáo sĩ tây phương không được vào VN giảng đạo. Sang năm 1826, vua ra chỉ dụ cấm đạo. Vua cho mời các giáo sĩ ngoại quốc vào kinh đô Huế, và nói rằng vua cần nhờ các ngài phiên dịch một số tài liệu viết bằng ngoại ngữ tây phương. Mưu đó không thành công, vì các giáo sĩ đã đoán trước ác ý của vua, nên không ai đáp lời mời để tự nạp mình. Đức cha Henares Minh thoát được vòng vây quân quan có ý bao vây để bắt ngài.

Năm 1830, đức cha Hermosilla tới giảng đạo tại VN. Số giáo dân địa phận Đông, đa số là Bùi Chu tăng lên 163 ngàn người.

Năm 1836, cha chính Amandi qua đời. Ngài là người đầu tiên soạn sách thần học luân lý bằng tiếng Việt. Ngài đã nhận 35 thanh niên VN gia nhập dòng Đa Minh trong số đó nhiều vị đã được phúc tử vì đạo thời vua Minh Mạng và Tự Đức. Ngài cũng mời được cha Vincente Thiên gia nhập dòng Đa Minh. Cha Thiên là một linh mục trí thức, đã soạn cuốn sách các bài giảng bằng tiếng Việt Nam, một cuốn sách giúp ích rất nhiều cho các linh mục ngoại quốc và VN. Ngài là linh mục Đa Minh VN thứ 98.

Năm 1838, bắt được một số thư viết cho giáo sĩ ngoại quốc, vua Minh Mạng ra lệnh cho tổng đốc Trịnh Quang Khanh cấp tốc phải bằng mọi cách tiêu diệt các linh mục ngoại quốc và linh mục VN, bắt mọi người từ giáo dân đến giáo sĩ phải bỏ đạo bằng hành động bước qua tượng Thánh giá. Được lệnh này, tổng đốc Trịnh Quang Khanh đã tích cực lùng bắt các giáo sĩ. Ông bắt được đức cha Delgado Y tại làng Kiên Lao cách Bùi Chu 3 cây số về phía Nam, bắt được đức cha Henares và thầy Chiêu tại một làng gần bãi biển.

Năm 1841, vua Minh Mạng ngã ngựa qua đời, vua Thiệu Trị lên nối ngôi. Cha Hermosilla chịu chức giám mục tại Vĩnh Trị.

Năm 1847, vua Thiệu Trị chết, vua Tự Đức nối ngôi. Cha Marti Gia thụ phong giám mục phụ tá cho địa phận Đông.

Năm 1848, địa phận Trung, tức Bùi Chu được tách ra khỏi địa phận Đông tức Hải Phòng, trụ sở địa phận Bùi Chu đặt tại làng Bùi Chu, còn địa phận Đông bây giờ gọi là địa phận Hải Phòng được di chuyển từ

Bùi Chu lên Đông Xuyên do đức cha Hermosilla là giám mục và đức cha Hilario Aleazas làm giám mục phụ tá. Địa phận Bùi Chu được đặt dưới quyền đức cha Dominico Marti Gia và đức cha phụ tá Josepho Sanjurjo.

Năm 1848 là năm đáng ghi nhớ đối với lịch sử của Bùi Chu. Từ 1679 đến đây, tuy rằng tới 80% giáo sĩ, giáo dân được nói đến về địa phận đông tức Hải Phòng, đều xảy ra tại Bùi Chu. Ví dụ toà giám mục địa phận Đông, ban đầu đặt tại Lục Thủy cách Bùi Chu 2 cây số về phía Bắc, rồi lại di chuyển về Liên Thủy cách Bùi Chu 1 cây số về phía đông, sau cùng đưa về chính làng Bùi Chu. Các địa danh mà các giáo sĩ ngoại quốc thường đi lại, hoặc được chôn cất cũng đều là những họ đạo thuộc Bùi Chu như Trung Linh, Lục Thủy, Liên Thủy, Thủy nhai, Phú Nhai, Kiên Lao, An Lãng, Trung Lao, Nam Lạng, Phạm Pháo, Ninh Cường v.v... Nhưng danh xưng của địa phận vẫn là địa phận Đông tức Hải Phòng chiếm một biên giới rất rộng lớn, bắc giáp Trung Hoa, Đông và Nam là Vịnh Bắc Việt, tây là sông Hồng Hà. Tới năm 1848, toà thánh mới chính thức thành lập địa phận Trung vì nó nằm giữa địa phận Tây (Hà Nội) và địa phận Đông (Hải Phòng), và gồm 3 tỉnh: Nam Định, Thái Bình, và Hưng Yên.

Từ 1855 đến 1862, dưới triều vua Tự Đức, việc cấm đạo khủng khiếp hơn hết. Riêng 2 địa phận Bùi Chu và Hải Phòng đã có trên hai ngàn giáo dân chịu chết vì đạo.

Năm 1858, cuối thời vua Tự Đức, đức cha Melchior Sampedro Xuyên vừa mới nhận trọng trách địa phận Trung (B.C) đã bị bắt, nhưng trước đó ngài đã phong cho cha Berri Ochoa Vinh làm giám mục phụ tá có quyền kế vị. Đức cha Xuyên đã bị xử lăng trì tại Nam Định ngày 28/7/1858.

Sau hoà ước Nhâm Tuất (5/6/1862), tôn giáo tương đối được dễ dàng đôi chút, nhưng địa phận Trung vẫn chưa có giám mục vì tình hình chưa yên hẳn. Phải đợi đến 1865 mới có đức cha Cezon Khang (1865-1880) về cai quản địa phận.

Với hiệu lực của hòa ước Nhâm Tuất (1862) và 2 sắc dụ tha đạo của vua Tự Đức (1869) cùng với hòa ước Giáp Tuất (1874), việc cấm đạo coi như được chính thức bãi bỏ, nhưng đã làm giới kẻ sĩ (Nhà Nho) phẫn

nộ, vu oan cho người công giáo theo tây làm mất nước. Họ nổi dậy qua hai phong trào Văn Thân và Cần Vương dưới thời vua Hàm Nghi bắt bớ tàn sát người công giáo một cách vô cùng ác liệt.

Từ năm 1874 đến năm 1888 và nhất là từ 1855 đến 1888, phong trào Cần Vương đã gây thiệt hại rất nặng nề cho giáo hội, nhất là tại miền Trung và miền Nam. Vì đó là những phong trào nhân dân, vua quan vô tình hay hữu ý, đã làm ngờ đễ dân không Công giáo là đa số, đứng ra tàn sát dân Công giáo thiểu số. Chúng ta thử tưởng tượng cảnh hãi hùng của những anh em, chị em Công giáo thời đó sống trong các làng mạc xa xôi, hay tại các làng ít người Công giáo. Ban đầu vì bất ngờ không đề phòng, nên người Công giáo bị giết, bị tước đoạt tài sản, nhà thờ bị phá huỷ không bút nào tả xiết. Về sau, biết là phong trào nhân dân ghen ghét và vu oan, người Công giáo đã đứng lên tổ chức tự vệ để chống lại. Theo tài liệu để lại, 14 năm sau cùng này đã làm thiệt hại giáo hội VN không kém mấy trăm năm cấm đạo của các vua chúa.

Diễn tiến lịch sử cấm cách, bắt đạo trên đất Việt đã chứng minh hơn 30 ngàn anh hùng tử đạo dưới thời chúa Trịnh, Nguyễn và nhà Tây Sơn. Hơn 40 ngàn chiến sĩ đức tin dưới đời 3 triều đại Minh Mạng, Thiệu Trị và Tự Đức. Và hơn 60 ngàn tín hữu đã chết vì tin vào Đức Ki-tô phục sinh bởi hai phong trào Văn Thân và Cần Vương. Thiệt hại về nhân mạng và vật chất quá lớn lao. Hầu hết các nhà thờ, nhà trường, các cơ sở tôn giáo của địa phận đã bị huỷ. Giáo quyền phải nghĩ ngay đến việc trùng tu những cơ sở cần thiết đó.

Nhận xét và phê bình vua chúa VN đã cấm đạo Công giáo trải qua các thời đại, chúng tôi không muốn đưa ra ý kiến riêng, chỉ xin trích dẫn một số nhận xét của sử gia Trần Trọng Kim, người ngoài Công giáo.

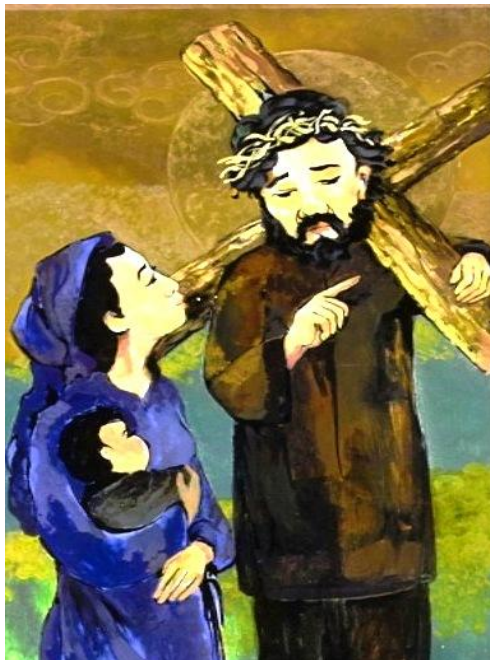
Nói về sự cấm đạo thời vua Minh Mạng ông Trần trọng Kim viết:

*" Nhà Vua một mặt thì cấm đạo, một mặt thì ban những huấn điều ra để khuyên dân giữ lấy đạo chính. Nhưng nhà vua mà dùng uy quyền để giết hại bao nhiêu, thì dân sự lại khổ sở bấy nhiêu, chứ lòng tin tưởng của người ta không sao ngăn cấm được. Vả lại, Đạo Thiên Chúa cũng là một đạo tôn nghiêm, dạy người ta lấy lòng nhân ái, việc gì mà làm khổ dân sự như thế? Các giáo sĩ bấy giờ cứ một niềm liều*

*sống chết đi truyền giáo cho được, có người phải đào hầm mà ở dưới đất hàng mấy tháng để dạy đạo. Những người có chí bền chặt như vậy, thì hình phạt cũng vô ích mà thôi" (VNSL - quyển II trang 228).*

*"Đến năm Tân Hợi (1851) là năm Tự Đức thứ 4, lại có dụ cấm đạo. Lần này cấm nghiêm hơn lần trước... Sức đã không đủ giữ nước mà lại cứ làm điều tàn ác. Đã không cho người ngoại quốc vào buôn bán, lại làm tội những người đi giảng đạo, bởi thế cho nên nước Pháp và nước Iphanho mới nhân cơ ấy mà đánh nước ta vậy" (VNSL - TTK Quyển II trang 242)*

*"Bọn Văn Thân cả thầy đồ non ba nghìn người, kéo nhau đi đốt phá những làng có đạo. Nước ta mà không chịu khai hóa ra như các nước khác là cũng bởi bọn sĩ phu cứ giữ thói cũ, không chịu theo thời thế mà thay đổi, nay sự suy nhược của mình đã sờ sờ ra đấy, thế mà vẫn cứ không chịu mở mắt ra nhìn, lại vì sự tức giận một lúc mà việc nông nổi càng rở, để cho thiệt hại thêm, như thế thì cái tội trạng của bọn sĩ phu đối với nước nhà chẳng to lắm ru " (VNSL - TTK quyển II trang 289-290)*



(9)

## **2 - Phát Triển Trong Thời Bình: (1888-1936)**

Từ năm 1888, vua Thành Thái lên ngôi, việc đàn áp Công giáo coi như chấm dứt, giáo hội VN như bưng tỉnh sau những ngày triền miên bị theo dõi bắt bớ. Giám mục địa phận Bùi Chu thời đó là đức cha Wesceslas Onate Thuận coi sóc từ 1884 đến 1897.

Ngài cấp tốc bắt tay vào việc xây cất lại đại chủng viện, nhà thờ chính tòa Bùi Chu, nhà dục anh Bùi Chu và tiếp tục giảng đạo rộng rãi hơn.

Năm 1897, đức cha Onate Thuận qua đời, đức cha Fernandez Định lên thay thế cho tới năm 1907. Đức cha Định tiếp tục kiến thiết, chú trọng đến việc mở rộng nước Chúa và đã xây thêm được nhà thờ tại các làng ngoại giáo, phát triển các hoạt động giáo hội. Tính đến năm 1907, đức cha Fernandez Định từ chức, địa phận đã có những con số tốt đẹp như sau:

- 228192 giáo dân
- 615 nhà thờ
- 5 trại cùi
- 5 Cô nhi viện
- 2 bệnh viện
- 19 tu hội Mến Thánh Giá
- 3 Tu hội dòng Đa Minh.

Năm 1900, địa phận tổ chức đại hội rất long trọng trong lễ phong chân phước cho 26 đáng tử đạo của địa phận.

Năm 1907, Đức cha Munagori Trung nhận quyền coi sóc địa phận Bùi Chu, Ngài thuộc dòng Đa Minh từ Manila sang VN, chịu chức linh mục tại Bùi Chu năm 1888, nên có nhiều kinh nghiệm về Bùi Chu. Đời giám mục của ngài đã làm được rất nhiều công tác tôn giáo và xã hội. Ngài hoàn tất và kiện toàn đại chủng viện Bùi Chu, tu bổ và xây thêm tiểu chủng viện Ninh Cường, năm 1931 xây trường thử Trung Linh, để thu nhận các trẻ em nhỏ tuổi muốn đi tu, mà vì nghèo không có phương tiện học hành. Các em sẽ hoàn tất chương trình tiểu học để lên học trung học tại tiểu chủng viện Ninh Cường. Sau đó sẽ lên đại chủng viện học triết học và thần học trước khi được gọi chịu chức linh mục.

Đến đây, chúng tôi xin nhấn mạnh đến những lợi ích vĩ đại do các trường thử, tiểu chủng viện và đại chủng viện đã đưa đến cho giáo hội VN nói riêng và cho người công giáo nói chung. Tại Mỹ, địa phận chỉ nhận các tu sĩ mãn trung học vào học thêm 4 năm triết và 4 năm thần học để chịu chức linh mục. Tại VN không thể làm như thế được, nhất là vào đầu thế kỷ 20. Lý do rất đơn giản: vì ở thôn quê rất ít trường tiểu học, nếu có thì chỉ dạy đến trình độ lớp 3, ngoài ra dân ta nghèo không có tiền cho con lên tỉnh du học bậc trung học. Các địa phận công giáo mở những trường thử, dạy chương trình tiểu học, tiểu chủng viện dạy chương trình trung học. Đại chủng viện dạy chương trình đại học về Triết và Thần học. Những thanh thiếu niên mãn các chương trình nói trên, nếu được làm linh mục là tốt nhất. Nếu vì bất cứ lý do cá nhân hay gia đình không làm linh mục được, cũng có thể làm thầy giảng hay ít ra những giáo dân với căn bản học vấn khá có thể vừa tiến thân, vừa giúp ích cho giáo hội và quê hương. Chúng ta đã chứng kiến hàng ngàn cựu tu sĩ đang có địa vị trong xã hội, hay đang hăng hái tham gia vào các hội đoàn công giáo tiến hành, các hoạt động xã hội. Các chủng viện VN đã đóng góp rất lớn trong những thành công của họ.

Đức cha cũng lập trường thầy giảng để đào tạo các thầy ra giúp các cha trong xứ đạo. Năm 1908, mở nhà in tại Phú Nhai để in các sách Việt ngữ, chữ Nôm và chữ Hán.

Năm 1916, nhân dịp kỷ niệm 700 năm thành lập dòng Đa Minh, với sự hiện diện của cha bề trên cả dòng Đa Minh từ Roma sang, ngài công bố lập đại chủng viện Thánh Albertô chung cho các địa phận do các cha Đa Minh quản trị. Mục đích là tăng hiệu lực cho việc giảng huấn. Thay vì mỗi địa phận tự tìm lấy ban giáo sư, thì các địa phận góp những giáo sư giỏi để đào tạo linh mục tương lai cho địa phận mình.

Các chủng sinh lại có cơ hội thi đua học tập mong rằng địa phận mình không thua kém địa phận khác.

Tới năm 1923, một công trình đáng ghi nhớ của đời ngài là nhà thờ Phú Nhai được thực hiện. Theo lịch sử địa phận Trung kể lại, thì vào năm 1860, thời vua Tự Đức đàn áp công giáo đẫm máu nhất, đức cha địa phận Bùi Chu lúc đó là Berri Ochoa Vinh và cha chính Riano Hòa khẩn hứa xin Đức Mẹ cho bằng an để giữ đạo, thì sẽ xây một đền thánh kính dâng

## *Ngọn Lửa Tin Yêu*

Đức Mẹ. Lời khẩn hứa đã được Đức Mẹ chấp nhận, vì thế giáo quyền địa phận cô động quyền góp xây nhà thờ dâng kính Đức Mẹ. Nhà thờ xây theo kiểu Gothic, dài 88 mét, rộng 28 mét, 2 cây tháp cao 30 mét, do chính chuyên viên Ý vẽ đồ án và trông nom công việc xây cất. Sau 7 năm công tác mới hoàn thành. Lễ cung hiến nhà thờ kính Đức Mẹ Vô Nhiễm đã được tổ chức rất long trọng vào ngày 8 tháng 12 năm 1923, do Đức cha Munagori Trung chủ tọa với hầu hết các linh mục của địa phận và trên 50 ngàn giáo dân về tham dự. Trận bão ngày 30 tháng 9 năm 1929 đã làm nhà thờ bị hư hại nặng nề. Giáo dân lại quyền góp và đã sửa chữa xong vào năm 1933.

Năm 1926, nhân dịp lễ kỷ niệm ngày các cha Đa Minh tỉnh dòng Phi luật Tân tới giảng đạo tại VN được 250 năm, có đức khâm sứ tòa thánh Aiuti tham dự, đại chủng viện thánh Albertô đã nâng lên hàng đại chủng viện miền.

Năm 1923, đức cha mời dòng Kín về lập nhà dòng tại Bùi Chu. Năm 1924, ngài xây trường trung học Saint Thomas, mời các sư huynh La San về quản trị và giảng dạy.

Năm 1933, nhân lễ kỷ niệm 25 năm giám mục của ngài, các cha tặng ngài mấy con số thống kê trong thời gian ngài làm giám mục như sau:

- 50,000 người trở lại đạo.
- 130,000 trẻ em bỏ rơi được đưa về nuôi tại cô nhi viện Bùi Chu.
- 250 nhà thờ mới được xây cất.
- 180 linh mục do ngài truyền chức.
- 73 họ đạo được thành lập.
- 15,000 tấn tòng rải rác trong 270 họ giáo.
- 121,000 trẻ em học giáo lý trong 2337 lớp giáo lý.
- 70,000 trẻ em tiểu học trong 844 trường tiểu học.

Năm 1934, năm cuối cùng của đời giám mục, ngài xây tập viện Đa Minh tại Quận Phương để đào tạo thanh niên VN thành những sư huynh, những linh mục dòng Đa Minh. Trong ngày lễ chứng kiến các chủng sinh VN lần đầu tiên mặc áo, Đức Cha quá mừng vui và cảm xúc thốt lên những câu: "*Lạy Chúa, nay con đã sẵn sàng để Chúa đưa con về với*



*Chúa...*" Tập viện Đa Minh này tới năm 1940 đã trở thành trường sở của ĐCV Quân Phương.

Đức cha qua đời ngày 17 tháng 6 năm 1936 và chôn cất tại Bùi Chu, sau 48 năm liên tục tại địa phận Bùi Chu. Theo thỉnh cầu của ngài trong những năm trước khi qua đời, ngày mùng 9 tháng 3 năm 1936, tòa thánh đã chấp thuận lập địa phận Thái Bình tách khỏi địa phận Bùi Chu. Địa phận Thái Bình gồm 2 tỉnh Thái Bình và Hưng Yên, sẽ tiếp tục được đặt dưới quyền coi sóc của các cha dòng Đa Minh. Địa phận Bùi Chu còn hai phần ba huyện Nghĩa Hưng và 5 huyện Xuân Trường, Giao Thủy, Hải Hậu, Trực Ninh, Nam Trực của tỉnh Nam Định được trao cho hàng giáo sĩ VN do đức cha Hồ Ngọc Cẩn làm giám mục Phụ tá trông coi.

### **3 - Hàng giáo phẩm địa phương: (1836-1954)**

Từ năm 1936, Bùi Chu hoàn toàn do hàng giáo sĩ VN quản trị, từ giám mục tới linh mục. Vị giám mục đầu tiên cai quản địa phận B.C là Đức cha Hồ Ngọc Cẩn. Ta nên biết rằng tòa thánh hằng mong ước các xứ truyền giáo mau chóng có những giáo sĩ bản xứ làm việc trong cánh đồng truyền giáo. Vì thế trong các huấn dụ của thánh bộ Truyền giáo, luôn luôn nhấn mạnh đến việc đào tạo các giáo sĩ địa phương. Điều này rất cần thiết và ích lợi, có thể giảm thiểu được phí tổn rất nhiều. Vì đào tạo một giáo sĩ địa phương đỡ tốn phí hơn đưa một giáo sĩ ngoại quốc vào. Hơn nữa giáo sĩ địa phương một khi được huấn luyện đầy đủ sẽ làm việc đắc lực hơn, vì biết ngôn ngữ địa phương, biết tâm lý địa phương, có thể lẩn tránh dễ dàng hơn trong lúc bị lùng bắt; ấy là chưa nói đến điểm lợi: tránh được tiếng xấu vọng ngoại, trong khi phong trào quốc gia quá khích trở nên sôi động.

Tại VN, các nhà truyền giáo đã nghĩ việc đào tạo thanh thiếu niên VN trở thành linh mục năm 1663 đã lên tới 1.159 vào năm 1933. Nhưng theo cơ cấu của giáo hội Công giáo, đơn vị địa phận giám mục cai quản mới quan trọng. Vì thế, giáo hội VN đã có linh mục từ năm 1663 mà mãi tới năm 1933, nghĩa là 270 năm sau, mới có giám mục tiên khởi là Đức cha Nguyễn Bá Tông làm giám mục phụ tá, rồi sau đó kế vị cai quản địa phận Phát Diệm từ năm 1935.

## *Ngọn Lửa Tin Yêu*

Địa phận thứ hai có giám mục VN là Bùi Chu, với Đức cha Hồ Ngọc Cẩn từ năm 1936. Địa phận thứ ba là Vĩnh Long do Đức cha Ngô Đình Thục coi sóc từ năm 1938. Từ năm 1939, khi Lạng Sơn được nâng lên hàng địa phận, giáo hội VN đã có 15 địa phận, 1 địa phận Cao Mên và 17 giám Mục (10 Pháp, 4 Tây ban nha, và 3 VN) 347 linh mục ngoại quốc và 1330 linh mục VN.

Đức cha Hồ Ngọc Cẩn sinh năm 1876 tại Ba Châu, địa phận Huế, chịu chức linh mục năm 1902, làm cha phó, giáo sư tiểu chủng viện 1924, sáng lập dòng Thánh Tâm, thụ phong giám mục ngày 29 tháng 6 năm 1935 tại nhà thờ Chính toà Huế, được bổ nhiệm làm giám mục phó Bùi Chu với quyền kế vị.

Ngày 17/6/1936, Đức cha Munagori Trung qua đời, Ngài chính thức làm giám mục Bùi Chu, một địa phận sau khi đã tách 2 tỉnh Thái Bình và Hưng Yên, chỉ còn 1073 cây số vuông đất đai, 704,900 người bên lương, 238,000 công giáo, 520 nhà thờ, 130 linh mục, 70 đại chủng sinh, 140 tiểu chủng sinh và 390 thầy giảng.

Về tình hình chính trị trong thời kỳ này, tình hình thế giới rất căng thẳng: Nhật đánh chiếm Trung Hoa từ năm 1937 và kéo dài tới 1945, đệ nhị thế chiến bùng nổ giữa Đức và đồng minh từ 1939 tới 1945. Nhật chiếm VN từ 1940 đến 1945. Tháng 8 năm 1945, Nhật đầu hàng Đồng Minh vì sức tàn phá kinh khủng của hai trái bom nguyên tử. Việt Minh cướp chính quyền từ 1945. Năm 1946, người Pháp trở lại VN gây cuộc chiến tranh Việt-Pháp từ tháng 12 năm 1946. Đất nước chia 2 khu vực: quốc gia, cộng sản. Nhiều địa phận Công giáo cũng lâm cảnh chia 2 khu vực như thế. Sự liên lạc trở thành khó khăn. Trong khu vực cộng sản kiểm soát hoàn toàn, Công giáo lại bị khó dễ, các linh mục, giáo dân bị bắt bớ tù đày.

Bắt tay vào việc coi sóc địa phận, Đức cha mời các sư huynh Lasan về trường thử Trung Linh để ngay từ niên khóa 1937-38, trường dạy hết chương trình lớp cao đẳng tiểu học, mở ký túc xá đón nhận những học sinh ở các làng xa xôi tới ăn học tại chỗ.

Cũng từ niên khóa 1937-38, ngài tái lập ĐCV riêng cho địa phận B.C. Nên nhớ lại rằng từ năm 1930, các chủng sinh Triết và Thần học của

cả địa phận B.C, Hải Phòng và Bắc Ninh đều học chung tại ĐCV thánh Albertô tại Nam Định - cũng còn gọi là trường Khoái Đông - do các cha dòng Đa Minh giảng dạy. Đức cha Cẩn muốn lập ĐCV riêng cho địa phận, để chủng sinh hiểu rõ tại chỗ các nhu cầu thiết thực của giáo dân, hầu sau này sẽ không bỡ ngỡ khi thi hành chức vụ linh mục. Sau nhiều cuộc vận động với toà thánh qua sự trung gian của đức khâm sứ. Ngài đã thành công bằng cách gây dựng ĐCV từ lớp Triết I trở lên. Cha cố Trần Đức Tiến và cha Nguyễn Đăng Quang là những chủng sinh lớp Triết đầu tiên học ở ĐCV Bùi Chu. Ban đầu ĐCV đặt ở B.C, rồi Phú Nhai, tới năm 1940, mới đưa hẳn về Quần Phương.

Ngoài việc cải tổ trường thờ, tiểu chủng viện và tái lập đại chủng viện, riêng đức cha còn sáng lập dòng Mân Côi. Thời ấy trong địa phận có 14 nhà phước gồm 417 chị em thuộc dòng Mến Thánh Giá và dòng ba Đa Minh không có lời khẩn. Cũng nên biết rằng: Dòng Mến Thánh Giá do Đức Cha Lambert de la Motte sáng lập tu hội đầu tiên tại Kiên Lao, B.C năm 1670. Trong thời cấm đạo, các chị em chia nhau đi an ủi giáo dân, liên lạc và giúp đỡ những người bị tù đày, và nhiều chị em được phúc tử vì đạo.

Năm 1941, Đức cha đệ đơn xin Tòa Thánh cho phép lập dòng nữ Mân Côi, để thu nhận dì phước ở các nhà thuộc hai tu hội trên, và thu nhận cả những thiếu nữ muốn đi tu. Mục đích của dòng là truyền giáo bằng cách thực thi bác ái trong việc dạy dỗ thanh thiếu nữ, săn sóc bệnh nhân và hỗ trợ các hội đoàn công giáo tiến hành. Tuy chưa có sắc lệnh tòa thánh chấp nhận, vì giữa lúc đệ nhị thế chiến bùng nổ dữ dội, sự liên lạc giữa Việt Nam và Roma khó khăn hơn, nhưng tin chắc sẽ được ưng thuận, đức cha chọn nhà phước Trung Linh làm trụ sở của dòng Mân Côi. Tới năm 1946, tức sau đệ nhị thế chiến, sắc chỉ ưng thuận của tòa thánh mới tới nơi. Ngày 6/9/1946 tuyên sắc lập dòng vào đúng ngày lễ sinh nhật Đức Mẹ. Lớp tập đầu tiên ngày 21/11/1946 có 17 chị, lớp tập kế tiếp ngày 3/2/1947 có 26 chị. Tới ngày 28/11/1948, ngày vị sáng lập qua đời, đã có 100 chị khẩn và vào nhà tập.

Sự cải thiện lớn nhất của Đức cha Cẩn là lập hội cầu nguyện, hội thanh niên Công Giáo, và cải biến các hội đó thành những hội đoàn công giáo tiến hành, làm tăng số xưng tội rước lễ lên 15 lần.

## *Ngọn Lửa Tin Yêu*

Ngày 15/2/1938, Đức cha ra thư chung lập hội nghĩa binh thánh thể, in điều lệ, in bằng cấp cho các cha tuyên úy, các quản giáo, các tông đồ nghĩa binh và sổ kho quân binh sau 6 tháng phát động, số nghĩa binh đã tới 23,879 em. Hội Cầu nguyện đã có 49,847 hội viên. Ngày 16/6/1948 mở đại hội Nghĩa Binh tại Bùi Chu ở Ninh Cường. Ngày 22/6/1948. lại mở đại hội Nghĩa Binh tại Tứ Trưng thuộc Lạc Giáo.

Phong trào thanh niên Công giáo phát động từ 8/6/1937, in điều lệ hội các cha Tuyên Úy để học tập và sau đó đi tổ chức tại các xứ trong địa phận. Đức cha đã rút kinh nghiệm về thanh niên công giáo trong các ngày giảng tuần tĩnh tâm cho thanh niên Công giáo tại Nam Định hồi cuối năm 1935, các bài giảng được rất nhiều người ca tụng. Năm 1936, Ngài lại đi tham dự đại hội thanh niên Công giáo tại Nam Định, sau khi rút được nhiều ưu khuyết điểm. Ngài mới thành lập các đoàn thanh niên Công giáo cho Bùi Chu. Vì thế, chỉ sau 1 năm tổ chức, đã có trên 10,000 đoàn viên. Ngày 30/4/1939, ngày lễ thánh cả Giuse, Ngài tổ chức đại hội thanh niên Công giáo tại Phú Nhai quy tụ 2,500 thanh niên Bùi Chu với sự tham dự của nhiều đại diện thanh niên các địa phận Phát Diệm, Thái Bình, Hải Phòng. Đức cha Nguyễn Bá Tòng thuyết trình về vai trò thanh niên trong sứ mạng giữ đạo và truyền đạo. Năm 1945, trại huấn luyện thanh niên tại Cồn Tròn, các bạn thanh niên gốc Hạ Trại, Kiên Chính, Tang Điền là nòng cốt của trại huấn luyện này.

Tháng 9 năm 1945, Việt Minh cướp chính quyền. Sau khi đã biết bộ mặt thực cộng sản của Hồ Chí Minh, trại thủ lãnh thanh niên Công giáo mang tên Hồ Ngọc Cẩn đã tổ chức tại Quần Phương, quy tụ trên một ngàn thanh niên ưu tú để chuẩn bị tư tưởng đối chọi với làn sóng vô thần của Việt Minh cộng sản. Những thanh niên ưu tú đó đã được huấn luyện để trở thành những cán bộ nòng cốt của phong trào Công giáo Cứu Quốc 1946-1951 sau này.

Nói đến Đức cha Hồ Ngọc Cẩn là phải nói đến các hoạt động văn hóa, như tạp chí Đa Minh bán nguyệt san là những tờ báo rất hiếm trên diễn đàn văn hóa thời đó. Lúc bấy giờ, báo chí công giáo chỉ có Trung Hòa Nhật Báo của Hà nội ra mỗi tuần 3 kỳ, tuần báo Vì Chúa của Huế, Lời Thăm của Quy Nhơn và Sacerdos Indonensis xuất bản hàng tháng ở Huế. Ngài còn viết nhiều sách như "Bổn đồng Âu", "Thánh Giáo Thuyết Minh", "Cáo giải linh đơn", "Văn Phạm tiếng Việt Nam", "Văn Phạm La

Ngữ", và một số sách hộ giáo rất có giá trị trong thời đó như: "Truy tâm chân đạo", "Thận chung truy viễn", v.v...

Đức cha Cẩn với tổ chức Ra Khơi (Duc In Altum) ở Quận Phương: Khi ĐCV Bùi Chu di về Quận Phương hồi năm 1940, Đức cha đã khuyến khích cha Nguyễn Năng Vịnh cùng với ngài lập Hàn Lâm thực tiễn, lập thư viện với nhiều sách mua và xin ở các nơi, để các chủng sinh nghiên cứu thêm ngoài Triết và Thần Học, lập ban nhạc, tổ chức diễn thuyết hàng tháng cho vùng Hải Hậu đến tham dự. Đó là nguồn gốc của tổ chức văn hóa Ra-Khơi hay Duc In Altum của Bùi Chu sau này. Phong trào đã đưa đến nhiều kết quả rõ rệt. Các chủng sinh chăm chú học tập và nghiên cứu hơn. Giới trí thức lương giáo chung quanh ái mộ và kính phục công giáo hơn.

Về việc truyền giáo, Ngài lập quỹ truyền giáo, lập hội lễ Misa, chọn cha Trần Đình Thủ làm tông tuyên úy truyền giáo, chọn 12 vị phụ tá để đôn đốc việc truyền giáo. Cha Trần Đình Thủ sau này là bề trên sáng lập dòng Đồng Công.

Sau khi đã tận tụy hy sinh và làm tròn sứ mạng, Ngài đã qua đời ngày 27/11/1948 tại Bùi Chu và hưởng thọ 72 tuổi, làm giám mục được 13 năm.

Một tiên bộ đặc biệt khác về phương diện ca nhạc phụng vụ là việc thành lập nhạc đoàn Sao Mai. Từ nhiều thập niên trước cho tới ngày thay đổi chính quyền tháng 8 năm 1945, nhạc phụng vụ thường gồm hai phần, bình ca và các bài hát cầu nguyện bằng Pháp ngữ trong sách Cantiques de la Jeunesse. Khi những thánh ca bằng tiếng Pháp, mặc dầu rất được yêu chuộng, xem ra không thích hợp với thời mới có tính cách bài Pháp, các nhạc sĩ địa phương gồm Hải Linh, Minh Trân, và Thiệu Quang (thầy giáo Tri) bắt đầu viết các bài hát VN mới đầu tiên để đáp ứng nhu cầu trong địa phận. Sau khi mau chóng hoàn thành được một tập trên mười bài hát đặt tên là Ca Vịnh, Hải Linh và Minh Trân mang lên trình bày cùng đức cha Hồ Ngọc Cẩn, với tâm sự lo sợ không được đức cha chấp thuận, vì "bụt nhà không thiêng?" nhất là đối với phận các con cái của đức cha, bao giờ cũng là bé nhỏ.

Hai ông đã làm, vì sau khi trình bày và hát cho Đức cha nghe, Đức cha nói cha cũng có một bài hát cho cha in vào sách với. Thế là mọi sự thông qua, và trong số các bài hát trong tập Ca Vịnh I, có bài hát Nữ Vương mà tác giả là Hồ Ngọc Cẩn, nằm chung với các bài "Tháng Hoa" của Hải Linh, "Mẹ Từ Bi" của Minh Trân v.v... Và chỉ ít tháng sau, Ca Vịnh II ra đời với "Đêm Đông", "Những Đêm Thâu" và thêm các đóng góp của một số các nhạc sĩ khác như Ngô Duy Linh "Xin Phù Hộ Cứu Giúp", Thanh Hương "Thánh Gia" và sau này Vũ Đình Trác "Cảm tạ Hồng Ân" v.v... Nhạc đoàn Sao Mai với đầy đủ sự đóng góp trong tinh thần yêu mến phụng vụ, các nhạc sĩ trước sau hầu hết đã có mặt tại Hoa Kỳ và rất còn khởi sắc xung phong, ngoại trừ Thiệu Quang đã mất tích trong những năm kháng cộng tại Việt Trì và Thanh Hưng vẫn còn lọt lại tại Việt Nam.

Sau khi Đức cha Hồ Ngọc Cẩn qua đời, cha chính Uyên tạm quyền. Tới ngày 4 tháng 8 năm 1950, Đức cha Phạm Ngọc Chi mới chính thức thụ phong và nhận quyền giám mục. Đức cha sinh ngày 14 tháng 5 1909 tại Tôn Đạo, Ninh Bình, du học tại Roma, chịu chức linh mục 1933 tại Roma, rồi tiếp tục học và đậu các bằng cử nhân Thần học, cử nhân Giáo luật và tiến sĩ Triết học 1936. Trở về VN làm giáo sư, làm giám đốc ĐCV Phát Diệm cho tới ngày nhậm chức giám mục Bùi Chu 14/8/1950. Đức cha nhận địa phận giữa lúc chiến tranh cộng sản và Pháp đến thời quyết liệt, vì chính quyền tại Trung Hoa, tàn quân quốc gia của Tưởng giới Thạch phải di tản ra đảo Đài Loan hồi 1949. Biên giới Việt Nam thành trục giao thông dễ dàng giữa hai đảng cộng sản Việt Hoa, nói rõ hơn là Trung Cộng tiếp tế người và vũ khí dồi dào cho Việt cộng hơn trước gấp bội.

Tình hình chung của đất nước Việt Nam lúc đó là thế. Riêng hai địa phận Phát Diệm và Bùi Chu thì đi vào một khúc quanh lịch sử đặc biệt. Hồi cuối năm 1949, cựu trung tướng Nguyễn văn Vỹ hồi đó còn là đại úy, nhảy dù xuống Phát Diệm đưa thư quốc trưởng Bảo Đại viết cho Đức cha Lê Hữu Từ, giám mục địa phận Phát Diệm, ủy cho Đức cha tạm quyền lập một khu tự trị gồm Bùi Chu và Phát Diệm. Cuối năm 1949, cha Hoàng Quỳnh được Đức cha bổ nhiệm lập lực lượng võ trang tự vệ Bùi Chu Phát Diệm. Nhân tiện sẵn có mấy trăm thanh niên B.C tạm lánh tại Phát Diệm, đã huấn luyện quân sự mấy năm rồi cùng với cha Hoàng Quỳnh sang tổ chức Phong Trào Tự Vệ B.C. Hồi đó cha chính Uyên

đang tạm quyền nhiếp chính. Chỉ trong vòng 2 tháng, toàn thể địa phận B.C đã lập được những đoàn võ trang tự vệ, khiến lực lượng hành chính và quân sự của VC phải rút vào bí mật. Vì thế, sự đi lại ngày đêm giữa các họ đạo B.C không bị cộng sản uy hiếp. Tình trạng tốt đẹp này kéo dài tới ngày 4/8/1950, lúc đức cha Phạm Ngọc Chi nhận quyền địa phận B.C.

Ngày 4/8/1950, Bùi Chu tung bùng với lễ tấn phong chức giám mục cho Đức cha Phạm Ngọc Chi, có ĐC Ngô Đình Thục từ Vĩnh Long ra, ĐC Lê Hữu Từ - PD chủ phong và nhiều nhân sĩ công giáo từ Trung-Nam-Bắc về dự lễ.

Cảnh thanh bình tồn tại đến năm 1952, thì tình trạng mất an ninh chớm nở ban đầu từ những làng xã xa B.C rồi lan dần về tới tỉnh lỵ.

Nói đến Đức cha Phạm Ngọc Chi, những người biết nhiều về ngài, đều có chung một nhận xét: Nếu có thời giờ và môi trường hoạt động, Ngài sẽ làm được nhiều điều lợi ích cho Giáo Hội và Quê Hương. Nói như thế, vì chúng tôi thấy ngài có nhiều yếu tố bản thân để thành công. Ngoài những kiến thức và nhiều bằng cấp thu lượm tại các đại học ngoại quốc, Ngài là người có óc thực tế trong suy luận và hành động, bình dân, lịch thiệp và vui vẻ, rất biết dùng người, biết sáng suốt tiếp nhận ý kiến hay đẹp của người khác, biết chịu đựng người dưới quyền trong những lúc thảo luận gay go. Óc cầu tiến của Ngài thật là rõ rệt. Trong một vài năm nhận địa phận, Ngài đã gởi trên dưới 50 nam nữ tu sỹ đi du học tại Âu Mỹ. Thêm vào yếu tố thành công sẵn có, Đức cha lại biết chú ý đến xã giao và quen biết nhiều bạn học ngoại quốc, được nhiều sự giúp đỡ về tài chánh từ các nước.

Nhưng hoàn cảnh bên ngoài có vẻ không hoàn toàn thuận lợi cho ngài. Vì khi nhận địa phận được mấy tháng, tình hình chính trị có vẻ bất lợi: Phía quốc gia càng ngày càng mất đất, phía cộng sản tăng cường hoạt động. Trong địa phận B.C, nhiều họ đạo ở những vùng hẻo lánh đã bị cảnh ngày quốc gia, đêm cộng sản.

Chúng tôi sẽ trình bày công việc của ĐC dưới hai phương diện văn hoá và tôn giáo. Về tôn giáo, ngoài những công tác thường nhật của một chủ chăn đối với đoàn chiên Chúa giao phó, ngài còn nhiều sáng kiến độc đáo, lập những phái đoàn giảng tuần đại phúc, đi từng xứ trong địa phận.

## *Ngọn Lửa Tin Yêu*

Mỗi phái đoàn gồm 3 cha và 2 thầy giảng, chọn trong các cha có giọng nói cảm động, dễ hiểu, đến từng xứ đạo, hợp tác với các cha sở tại, để tổ chức một tuần cấm phòng. Sáng kiến này đưa đến nhiều kết quả khác thường. Hầu hết những người bỏ xưng tội lâu năm đã nhận cơ hội này trở lại với Chúa. Những người khác thì thêm lòng sốt sắng hành đạo hơn. Chính họ sở tại tòa giám mục thì hàng tuần, Ngài tham dự buổi thuyết giảng vào chiều thứ bảy, do những cha có tài hùng biện đến trình bày một vấn đề về Đức Mẹ. Khán giả được chú ý đặc biệt là giới trí thức. Buổi giảng thuyết nào cũng đông nghẹt cả công viên cuối nhà thờ chính tòa B.C. Khi B.C thành tỉnh Bùi Chu và đầu năm 1951, số công chức gia tăng đáng kể, Ngài cổ võ lập hội "Mẫu Tâm Công Tư Chức" khuyến khích họ giữ đạo đàng hoàng, đặc biệt là tôn sùng Đức Mẹ. Ủy ban Truyền Giáo do cha Trần Đình Thủ được bổ nhiệm làm giám đốc ngay từ hồi ĐC Hồ Ngọc Cẩn, thì nay đức cha Phạm Ngọc Chi mở rộng thành phần, tổ chức nhiều phái đoàn truyền giáo, mời nhiều nam nữ giáo dân tham gia, đi khắp các nơi trong địa phận để giảng đạo. Kết quả rất tốt đẹp: từ cuối năm 1950 đến 1954, đã có trên 40,000 người theo đạo.

Đức cha cũng xúc tiến cải tổ các tu hội. Năm 1951, ngài ủy thác cha Hoàng Mạnh Hiền từ Nam Định về Bùi Chu cải tổ dòng Ba Đaminh B.C. Di cư vào nam năm 1954, dòng Nữ tu Đa Minh B.C lập nhà ở Tam Hiệp, Tân Mai, tỉnh Biên Hòa.

Về văn hóa, ĐC là một nhà trí thức uyên bác và thức thời. Ngay từ khi nhận địa phận, Ngài đã ủy thác cho ký giả Minh Châu, Đỗ Việt Phúc xuất bản Tuần Báo Thời Mới tại B.C, lúc đó sẵn có nhà in đã được di chuyển từ Phú Nhai sang Bùi Chu ngay từ hồi đức cố giám mục Hồ Ngọc Cẩn.

Một công tác văn hóa đặc biệt là ngài đã thúc đẩy việc thành lập trường trung học Hồ Ngọc Cẩn. Ta nên nhớ lại rằng trường trung học Hồ Ngọc Cẩn đã được cha Phạm Châu Diên thành lập từ năm 1949, và mở lớp dạy tại các lớp học xứ Lục Thủy với hơn một trăm học sinh.

Hồi đó cha Phạm Châu Diên làm trưởng ty học chánh Bùi Chu từ 1950. Ông Phạm Trung Quân (Austin, TX) làm chánh văn phòng tòa giám mục Bùi Chu, kiêm phụ tá ty học chánh. Ngoài việc sáng lập trường HNC niên khoá 1949-50, cha Phạm Châu Diên còn có công trong việc



thiết lập các trường tiểu học dạy chương trình lớp 5 tại hầu hết các làng xã, các giáo xứ trong địa phận. Ngài cũng lập trường trung học Phêrô Tụ tại Ninh Cường do cha Tạ Đức Kiểm làm hiệu trưởng

Khi về nhận địa phận, ĐC đã thấy rõ tầm mức quan trọng của một trường trung học tại B.C, nên Ngài đã bổ cha Trần Đức Huỳnh làm hiệu trưởng. Đang sẵn có uy tín với chính quyền quốc gia, ngài vận động biến trường Hồ Ngọc Cẩn thành trường công lập. Chính quyền hồi đó ý thức rõ ràng uy thế của khối Công giáo Bùi Chu Phát Diệm nên đã công lập hoá trường trung học Trần Lục - Phát Diệm do cha Trần Phúc Long làm hiệu trưởng và trường trung học Hồ Ngọc Cẩn của Bùi Chu do cha Trần Đức Huỳnh làm hiệu trưởng.

Di cư vào Nam, trường trung học Trần Lục đưa vào Sài Gòn và trường Trung học Hồ Ngọc Cẩn lúc đầu đặt tại Sài Gòn, nhưng từ niên khóa 1956-57 đã di chuyển sang tỉnh lỵ Gia Định.

Ở trên chúng tôi đã nói ĐC chú ý đặc biệt đến ảnh hưởng sâu rộng của một trường trung học. Thực vậy khi đã được chính quyền công lập hóa trường Hồ Ngọc Cẩn B.C, ngài triệt để ủng hộ và làm mọi cách để phát triển thực lẹ với một ngân sách tối thiểu. Ngài cho trường mượn không 12 phòng học của trường thử Trung Linh và các phòng cần thiết khác làm văn phòng, phòng giáo sư, phòng thí nghiệm v.v... Chính phủ chỉ phải trả lương cho ban giám đốc, văn phòng và ban giám thị, ban giáo sư và văn phòng phẩm. Đức cha đã sáng suốt và can đảm di chuyển trường thử dạy chương trình tiểu học xuống Ninh Cường ngay vào niên khóa 1950-51, và đưa chủng viện Ninh Cường dạy chương trình trung học lên Trung Linh để học theo chương trình của trường Hồ Ngọc Cẩn B.C đặt tại trụ sở tại Trung Linh. Cách mạng hơn nữa, ngài cho rút ngay lớp Triết I từ ĐCV Quận Phương về Trung Linh học ôn để thi bằng tú-tài.

Một chi tiết khác cũng nên lưu ý là hồi 1948-54 trong số tất cả các trường công lập tại miền Bắc VN, chỉ có 4 trường trung học dạy chương trình trung học đệ nhị cấp (*từ lớp 10 tới lớp 12*) 3 trường ở Hà Nội là Trung Vương, Chu Văn An, Nguyễn Trãi và 1 trường ở B.C là Hồ Ngọc Cẩn. Các trường công lập khác như Nguyễn Khuyến (Nam Định), Ngô Quyền (Hải Phòng), Trần Lục (Phát Diệm) v.v... chỉ dạy chương trình trung học đệ nhất cấp (*từ lớp 6 đến lớp 9 như ngày nay*)

## *Ngọn Lửa Tin Yêu*

Sự thành công của trường Hồ Ngọc Cẩn, ai cũng phải công nhận đó là công ơn rất lớn của ĐC Phạm Ngọc Chi, vì từ xưa đến giờ, trong địa phận đã có rất nhiều thanh thiếu niên vốn thông minh hiếu học, nhưng chỉ vì thiếu môi trường, vì ở quá xa thành phố, không có trường học, lên tỉnh học thì vừa sợ tốn phí, vừa sợ nguy hiểm về đạo đức. Nay được cơ hội thuận tiện học ngay gần nhà, lại thuận đà tiến, khi di cư vào Nam, họ tiếp tục học lên và đưa thêm con em vào học thành thử chỉ sau mười năm số sinh viên gốc B.C tốt nghiệp đại học cũng rất cao.

Sang năm 1952, Việt Cộng lấn đất giành dân, tấn công các nơi, khiến vùng Quần Phương, trụ sở của ĐCV Bùi Chu thành nơi mất an ninh, ĐC đã nghĩ ngay tới việc di chuyển ĐCV lên Hà Nội, để chúng sinh an tâm học hành.

Một công tác đặc biệt khác của ĐC, là chỉ trong mấy năm, ngài đã gửi được 50 người đi du học ngoại quốc, trong số đó có cả linh mục, tu sĩ nam nữ. Lý do là Ngài quen biết những Giám Mục ngoại quốc bằng lòng cấp học bổng, và ngài thấy cần đào tạo nhân tài, để sau này về giúp địa phận.

Một công việc khá đặc biệt khác cũng xảy ra dưới thời Đức cha Chi là việc thành lập tỉnh Bùi Chu năm 1951. Tưởng cũng cần nhắc lại vào thời kỳ bị đàn áp, cấm cách, trụ sở các địa phận thường hay chọn đóng ở những nơi có nhiều bảo đảm, chẳng hạn những vùng nông thôn có nhiều giáo dân. Nhưng một khi tình thế sáng sủa, thì toà giám mục lại muốn đưa về các thành phố lớn để dễ bề liên lạc. Chẳng hạn trụ sở toà giám mục Hà Nội đã di từ Kẻ Sở lên Hà Nội, toà giám mục Hải Phòng cũng bỏ Kẻ Sặt di về Hải Phòng. Bùi Chu cũng trải qua một thời kỳ sôi nổi có ý kiến muốn đưa xuống Quần Phương cho trung độ hơn, có ý kiến muốn đưa lên tỉnh lỵ Nam Định cho dễ liên lạc với chính quyền và với toà thánh. Nhưng khi ý kiến Bùi Chu trở thành tỉnh lỵ được hình thành, thì mọi người đều thỏa mãn, vì Bùi Chu vừa là tỉnh lỵ vừa là trụ sở toà giám mục. Tỉnh Bùi Chu gồm có những huyện Trực Ninh, Xuân Trường, Giao Thủy, Nghĩa Hưng, Hải Hậu. Huyện Nam Trực thuộc Nam Định.

Địa phận Bùi Chu đang tiến triển tốt đẹp như trên thì tình hình chính trị xoay chuyển: Hiệp định Genève 1954 chia đôi đất nước VN phần từ vĩ tuyến 17 trở lên, trong đó có cả Bùi Chu thuộc quyền cộng sản,

phần đất vĩ tuyến 17 trở xuống dành cho phe quốc gia. Tin sét đánh đó làm bàng hoàng mọi người Công giáo, giáo dân cũng như giáo sĩ. Một vấn đề lương tâm được đặt ra: Ở hay đi? Với giáo dân thì không thành vấn đề, nhưng đối với linh mục thì lại là vấn đề. Chúa chiên có thể bỏ con chiên mà trốn không? Sau khi thảo luận lâu dài, giải pháp đã được đưa ra: đi hay ở tùy theo lương tâm mỗi người. Nếu thực sự thấy an ninh của mình bị nghiêm trọng, có ở lại cũng bằng thừa thì có thể ra đi. Ấy là chưa kể sự kiện đi để theo giúp những giáo dân đã quyết định di tản.

Từ đó phong trào di cư tỵ nạn cộng sản kéo dài trong 300 ngày kể từ 20 tháng 7 năm 1954, đã có 150,000 giáo dân Bùi Chu đi di cư vào miền Nam, trong tổng số 650,000 người công giáo Bắc Việt đi tìm tự do, với 150 linh mục đảm nhiệm 100 họ đạo được thiết lập tại miền Nam. Phần Bùi Chu còn ở lại miền Bắc là 81,446 giáo dân với 28 linh mục.



Hình ảnh dân di cư miền Bắc lũ lượt lên tàu há mồm, 1954.

## **4 - Bùi Chu di cư và tỵ nạn (1954-1975)**

Hiệp định Genève 20 tháng 7, 1954 chấm dứt chiến tranh tại Việt Nam, nhưng lại chia cắt VN thành hai miền Nam, Bắc lấy vĩ tuyến 17 tức sông Bến Hải làm ranh giới. Hiệp định cũng có khoản dành 300 ngày để những ai muốn di chuyển từ miền nọ sang miền kia.

Hồi đó, ông Lê Quang Luật là đại diện chính phủ tại Bắc Việt, đã lập ủy ban tiếp cư do ông Mai Văn Hàm, một nhân sĩ người Kiên Lao, Bùi Chu làm chủ tịch, cha Mai Ngọc Khuê (Bùi Chu), cha Nguyễn Khắc Việt Anh (Thái Bình) làm tuyên úy. Nhờ sự đồng tâm, nhất trí giữa ông đại diện và ủy ban tiếp cư, việc tổ chức di cư cũng như tiếp cư đã đạt được kết quả rất to lớn như ta đã thấy: hơn kém một triệu người Bắc đã vào Nam tìm tự do trong đó có 650,000 người công giáo mà công giáo Bùi Chu chiếm tới 150,000 người. Lý do chính khiến người công giáo Bùi Chu đi được nhiều, là vì địa thế Bùi Chu có nhiều phương tiện di chuyển dễ dàng bằng đường thủy, ra bể có tàu lớn đón, hoặc bằng đường bộ đi thẳng ra Hải Phòng.

Vào đến miền Nam, người Bùi Chu lại càng được phần khởi, vì ĐC Phạm Ngọc Chi đã được đức khâm sứ toà thánh giới thiệu với đức giám mục Sài Gòn để coi sóc giáo sĩ, tu sĩ và giáo dân di cư. Đức cha cũng được chính phủ mời làm chủ tịch ủy ban hỗ trợ định cư. 150 linh mục Bùi Chu di cư đã giúp giáo dân di cư Bùi Chu đi định cư tùy theo sở thích và nghề nghiệp. Những người quen ngư nghiệp chọn định cư tại Phước Tỉnh, Phước Lâm, Bến Đá, Sao Mai, Phan Thiết. Có những người vừa làm nông nghiệp vừa thương nghiệp thì định cư tại Hồ Nai, Tam Hiệp. Những người thích nghề nông thì chọn Đốc Mơ, Gia Kiệm, Bảo Lộc, Tây Ninh; đi xa hơn nữa lên vùng cao nguyên Ban Mê Thuột như tại Kim-Châu, Kim-Phát, hay xuống tận cuối miền Tây như Cái Sắn. Những công tư chức hay thương gia chọn sống tại Saigon hay các vùng phụ cận như Bùi Môn, Hóc Môn, Thủ Đức v.v... Chúng ta đã thấy rất nhiều xứ di cư, đa số là giáo dân B.C sống chung với nhau như Phước Tỉnh, Phước Lâm, Bến Đá, Sao Mai, Láng Cát, Chu Hải, Đốc Mơ, Gia Kiệm, Bùi Hiệp. Bùi Đức, Tân Mai, Bùi Phát, Bùi Môn, Tân Sa Châu, Bùi Chu v.v...

Tiểu chủng viện Bùi Chu chuyển từ Bắc vào Nam đặt tại 63 Bùi thị Xuân Sài Gòn. Ngoài các chủng sinh Bùi Chu, các chủng sinh những lớp

trung học đệ nhị cấp của các địa phận Thái Bình, Hải phòng cũng ăn học tại đó.

Đại chủng viện Bùi Chu cũng được di chuyển vào Nam và ban đầu đặt tại số 1B đường Bùi Chu Sai Gòn, trên khu đất thuộc nhà thờ Huyện Sĩ, về sau đưa sang Gia Định.

Trường trung học Nguyễn Bá Tông đã có từ lâu do một số cha hợp tác với cha sở nhà thờ Huyện Sĩ đứng tổ chức. Ban đầu, trường chỉ sử dụng có 5 phòng học. Từ niên khóa 1955-56 mới xây thêm dãy nhà 3 tầng và trao cho cha Nguyễn Quang Lãm làm hiệu trưởng, rồi cha Nguyễn Khánh Tường, sau cùng là cha Đỗ Đình Tiệm làm hiệu trưởng cho tới năm 1975. Trường Nguyễn Bá Tông là tổ hợp phát triển giáo dục, trong đó Bùi Chu có 33%, địa phận Saigon 33% và nhà thờ Huyện Sĩ 34% cổ phần. Số học sinh trung học Nguyễn Bá Tông thời đông nhất là 10,000.

Trường Hưng Đạo sáng lập từ niên học 1959-60 cũng là một tổ hợp trong đó Bùi Chu có 40%, địa Phận Vinh 10%, phần còn lại là của một số giáo sư. Số học sinh trung học Hưng Đạo thời đông nhất là 14,500. Cha Trần Đức Huỳnh là giám đốc sáng lập từ 1959-1975.

Nhà in Nguyễn Bá Tông thành lập ngay từ hồi 1955. Ngoài các việc in sách và văn phòng phẩm của khách hàng đưa tới, nhà in chú ý đặc biệt in các sách triết học, thần học và những sách về tôn giáo, học thuật của nhà xuất bản Ra Khơi, nhà xuất bản của Bùi Chu. Hồi 1955, nhà in còn ấn hành tuần báo Đường Sống do cha Vũ Đình Trác làm chủ nhiệm. Từ năm 1970, nhà in được cải tiến đại quy mô, xây lên 4 lầu, mua thêm máy in tối tân, máy chụp, máy làm bản kẽm, máy xếp chữ Monophoto với số vốn trên 400,000 Mỹ kim. Đặc biệt nhất máy Rotative Offset in nhật báo đầu tiên ở VN là máy của nhà in Nguyễn Bá Tông và nhật báo đầu tiên ở VN in bằng máy này là nhật báo Sóng Thần của nhà văn Chu Tử.

Trụ sở Bùi Chu trước ở gần nhà thờ cha sở họ Huyện Sĩ, đến năm 1970, khi xây xong nhà in Nguyễn Bá Tông, thì trụ sở di chuyển ra đó, và chiếm trọn 4 căn lầu của dãy nhà in Nguyễn Bá Tông. Trụ sở Bùi Chu là nơi ở của các cha đại diện Bùi Chu và các cha làm việc chung tại Sài Gòn,

## *Ngọn Lửa Tin Yêu*

đồng thời cũng là nơi vãng lai cho các cha các thầy gốc Bùi Chu mỗi khi có việc về Sài Gòn.

Building Gia Long là một khách sạn ở đường Gia Long, đối diện với cổng chính nhà thương Grall, có 60 phòng cho thuê, tạo mãi từ năm 1960.

Nhà hưu dưỡng các cha ở Ngã tư Bảy Hiền, cạnh trường trung học Bùi Chu của các nữ tu Mân Côi. Các thầy có nhà hưu dưỡng trên Đốc Mơ, Gia Kiệm.

Ai cũng biết tài sản Bùi Chu cũng là của địa phận gốc Bùi Chu, nên phải có người đứng sẵn sóc và làm sổ sách phân minh rõ ràng. Vì thế đã có ban quản trị tài sản gồm năm cha, 3 tháng ủy ban họp một lần, để trình bày các chi thu. Số thu là do các tài sản ở trên đưa tới. Số chi là những chi phí của trụ sở và nhà hưu dưỡng các cha các thầy và rượu lễ, quà cáp gửi về địa phận mẹ Bùi Chu.



Dân miền Bắc chạy ra tàu cứu hộ đậu ngoài khơi để di cư vào Nam, 1954.

## **Bùi Chu, Bắc Việt Nam Ngày Nay**

Theo niên lịch công giáo kỷ hợi 1959, phát hành dịp Đại Hội Thánh Mẫu toàn quốc tại Sài Gòn năm 1959, số giáo dân còn lại miền Bắc là 81,446 với 28 linh mục giúp 102 xứ đạo, trong đó có 78 xứ đạo không có linh mục. Có cha phải phụ trách 36,000 giáo dân.

Cha chính Phạm Năng Tĩnh bí thư toà giám mục Bùi Chu từ 1952 đã di cư vào Nam 1954. Vâng lời bề trên, Ngài trở về Bắc làm giám quản địa phận Bùi Chu từ 1954-1960. Mãi mùng 10 tháng 11 năm 1960 ngài mới được chịu chức giám mục, và vì quá kiệt sức Ngài qua đời ngày 12 tháng 2 năm 1974. Kế vị đức cha là cha Đa Minh Lê Hữu Cung sinh năm 1898 tại Phú Nhai, huyện Xuân Trường, Bùi Chu, thụ phong giám mục 26 tháng 6 năm 1975. Mặc dầu 88 tuổi rồi, ngài vẫn còn đủ sức săn sóc địa phận. Phụ tá cho đức cha già là Đức cha Vũ Duy Nhất, sinh năm 1911 tại Sa Châu, huyện Giao Thủy Bùi Chu, thụ phong giám mục ngày 8 tháng 8 năm 1979. Tuy 75 tuổi, nhưng vẫn đủ sức chịu đựng.

Theo tài liệu chính thức của toà thánh Annuario Pontificio per L'anno 1984, giáo dân Bùi Chu Bắc VN là 165,000, 117 giáo xứ, 30 linh mục, 33 chủng sinh, 1 nam tu sĩ và 90 nữ tu.

Nhìn vào số giáo dân và số linh mục, và quan sát hình hai Đức cha của chúng ta mặc phẩm phục giám mục, nhưng chân đi dép cao su, dáng người gầy còm, chúng ta nên suy nghĩ nhiều về sự thiếu linh mục, thiếu cả tinh thần và vật chất của địa phận mẹ Bùi Chu: Suy nghĩ sông chưa đủ, phải có hành động đi theo là cầu nguyện và giúp đỡ.



## **Tỵ Nạn 1975**

Hiệp định Ba lê chấm dứt chiến tranh VN một lần nữa, nhưng cũng là cơ hội Việt cộng lừa dối trắng trợn thế giới. Thay vì chính phủ 3 thành phần, công sản cướp luôn cả chính quyền miền Nam, đại bịp luôn cả Mặt trận Giải phóng miền Nam. Khác với hồi năm 1954 chia đôi đất nước, ai không ưa công sản có thể di cư về vùng quốc gia, lần này 1975, hết vùng quê hương quốc gia để đi tới, vì đã lọt vào tay công sản hết rồi. Di cư là mạo hiểm, không biết đi đâu, đi vào đất lạ quê người, phong tục ngôn ngữ đều quá xa lạ. Hơn nữa, đi bằng cách nào? Bao giờ đi? Có chắc ăn không? Bằng ấy câu hỏi ám ảnh những người ngán công sản, muốn đi tìm **TỰ DO**.

Lần này các linh mục chỉ được biết rằng chính sách chung là các giám mục quyết định không ai đi, còn các linh mục thì tùy theo lương tâm; nếu cảm thấy an ninh bản thân thực sự bị đe dọa nghiêm trọng, thì có thể đi. Ngoài ra, Chúa chiên không bỏ con chiên mà chạy trốn.

Ra đi lần này, những ai có phương tiện ở gần bờ biển là đi được nhiều nhất, rồi đến những người đi bằng tàu hải quân. Số người đi bằng máy bay ít hơn vì không đủ thời gian. Về sau, đi chui là nhiều nhất. Những người tới bờ tự do được cũng nhiều, những người chết đuối dưới biển cũng không ít.

Dân Bùi Chu lại may mắn có nhiều người sống gần biển, nên có người mang được cả nồi niêu xoong chảo, mang cả TV đen trắng đi theo. Ban đầu sang Mỹ, mạnh ai tìm lấy chỗ ở. Sau mấy năm, nhờ quen phong tục, bà con mách nước giúp nhau sống quy tụ gần họ hàng quen thuộc, tùy theo khí hậu ấm mát hơn, hoặc tùy theo công việc làm ăn, nhà cửa đất rẻ v.v... nên đã có những cộng đoàn rất đông người VN sống chung, như vùng Orange County, Los Angeles, San Jose, Houston, New Orleans v.v...

Từ năm 1980 về sau, một phần vì thư từ liên lạc về VN tương đối dễ dàng hơn, tin tức trao đổi giữa bà con trong và ngoài nước được biết nhiều hơn, một đảng vì đời sống bên này đã tạm ổn định hơn, nên việc gửi quà về VN trở thành thói quen. Đức bác ái thúc đẩy nhiều bậc từ bà con thân thuộc đến bạn bè đồng nghiệp. Xa hơn nữa, phải nghĩ đến cộng đoàn thiêng liêng, tức là các cha các thầy hưu dưỡng nói riêng, và địa



phận Mẹ Bùi Chu nói chung. Hội ái hữu gia đình Bùi Chu phát xuất từ đó, và trở nên sợi giây liên lạc giữa bà con Bùi Chu nơi hải ngoại.

*Thưa quý bạn,*

*Nhìn lại 425 năm lịch sử công giáo Bùi Chu, chúng ta hãnh diện là con cháu các Thánh Tử Đạo. Cha ông chúng ta đã phải lấy máu đào với bao tra tấn cực hình để giữ đức tin đã truyền lại cho chúng ta. Các vị thừa sai ngoại quốc đã bỏ mọi tiện nghi tại quê nhà để mạo hiểm vào vùng đất xa lạ cả về phong tục lẫn ngôn ngữ, cùng rất nhiều đau khổ, và đổ cả máu mình ra để rao giảng Đạo Chúa cho ta.*

*Chúng ta phải cảm ơn tổ tiên, cảm ơn các vị thừa sai đã để lại cho ta ĐỨC TIN và gương hy sinh cao quý. Của quý báu như vậy ta phải cố giữ vững đức tin ấy, phải sống Đức Tin mãnh liệt, phát triển đức tin ấy và thúc giục con cháu chúng ta cũng phải sống đức tin mạnh mẽ như chính chúng ta.*

*Những dòng sử trên đây được viết theo tài liệu chính xác. Từ năm 1935 về sau được viết theo những điều mắt thấy tai nghe. Tôi học tiểu chủng viện Ninh Cường giữa năm Đức cha Hồ Ngọc Cẩn làm giám mục phụ tá Bùi Chu và năm sau, 1936, Ngài chính thức nhậm quyền giám mục cai quản địa phận Bùi Chu. Tôi chịu chức Linh Mục do Đức cha Cẩn năm 1947, đã hợp tác với Đức cha Phạm Ngọc Chi trong một số công tác trong địa phận từ ngoài Bắc đến miền Nam; ty nạn cộng sản tại Hoa Kỳ năm 1975, và là một trong những người đề xướng thành lập hội Ái Hữu Bùi Chu tại Hải Ngoại.*

*Viết những dòng trên đây, mong quý bạn nhớ địa phận gốc, một nguồn gốc rất vĩ đại về mọi mặt, để giữ vững Đức Tin trong vùng đất mới, và nhất là để duy trì mãi mãi Bùi Chu, vì chúng ta là những người may mắn có phương tiện để duy trì Bùi Chu: giúp đỡ địa phận gốc Bùi Chu, giúp các cha, các thầy hưu dưỡng và những giáo sĩ (giáo dân còn đang phải gian nan khôn khổ.)*

**Hoa Kỳ, năm 1984.**

## **21. Chân Dung Các Thánh Tử Đạo Việt Nam**

(Chương 23: CHÂN DUNG CÁC THÁNH TỬ ĐẠO VIỆT NAM)



### **I. HỌ ĐÃ SỐNG NHƯ THỂ**

Martyr theo nguyên ngữ có nghĩa là nhân chứng. Trừ một vài vị tử đạo nhờ ơn Chúa đặc biệt để có được một quyết định quả cảm bất ngờ trước thử thách. Còn bình thường, cuộc đời của họ đã là một chứng từ, một quá trình hợp tác với ơn Chúa, trước khi phải

làm chứng cho Ngài bằng máu đào.

Giai đoạn lịch sử thời 117 thánh Tử Đạo Việt Nam kéo dài đúng 117 năm, tính từ hai vị tử đạo tiên khởi 1745 (*thánh Phanxicô Federich Tê và Matthêu Liciniana Đậu*) đến vị cuối cùng 1862 (*thánh Phêrô Đa*), qua các triều đại vua Lê - chúa Trịnh, Tây Sơn và triều Nguyễn (*Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức*).

Nếu xét lịch sử Giáo hội Việt Nam theo niên biểu 1533, khởi đầu bằng giáo sĩ I-ni-khu (Iñigo) được nhắc đến trong Khâm Định Việt sử [1], thì thời các thánh tử đạo phải nói là hoa quả của hơn hai thế kỷ LỜI THIÊN CHÚA đã được gieo trồng trên quê hương Việt Nam. Trong đó gần một thế kỷ đi vào tổ chức nề nếp (*từ 1659*) khi có hai giáo phận Đàng Trong và Đàng Ngoài, rồi từ năm 1668 có linh mục bản xứ. Vì thế có thể nói, Giáo hội đã có những chọn lựa cách sống tương ứng với giai đoạn lịch sử của mình.

Theo thống kê 1855, Giáo hội Việt Nam có 426.000 tín hữu, chiếm tỷ lệ 4% dân số [2], rải rác từ trấn Kinh Bắc, qua miền Thượng du cho đến Châu đốc, An Giang.

Xét về thành phần tử đạo, ngoài các giám mục, linh mục chuyên lo về tôn giáo ta thấy còn có các giáo hữu thuộc mọi tầng lớp nhân dân như quan

trường có thánh Hy, quan án có thánh Khảm, quân ngũ có những cai đội hoặc chuông vệ, xuống đến những binh sĩ tầm thường, hương chức có những chánh tổng, lý trưởng. Xét về nghề nghiệp ta thấy có lang y, thương gia, có thợ may, thợ dệt, thợ mộc, cả dân chài, nhưng đông đảo nhất vẫn là giới nông dân (10 vị).

Để trả lời câu hỏi: các thánh tử đạo đã sống thế nào? Chúng ta có thể chú ý đặc biệt đến năm vấn đề sau:

### **1,1. Thân ái với mọi người**

Người Việt Nam thường nói: "*Phép vua thua lệ làng*". Mặc cho triều đình nhà Nguyễn ra những chiếu chỉ bách hại, dấu hiệu tình thân giữa bà con chòm xóm đối với người Công giáo là sự kiện quá rõ rệt. Thí dụ trong vụ án linh mục Gioan Đạt, viên cai ngục nói: "*Tôi thấy cụ khôn ngoan, đạo đức, thì muốn kết nghĩa huynh đệ lắm, ngặt vì cụ sắp bị án tử rồi. Tôi xin hứa biểu cụ một cỗ quan tài để biểu lộ lòng tôi quý cụ*".

Chuyện hai linh mục ***Trương Đình Thi*** và ***Dũng Lạc***, quan huyện Bình Lục nói: "Các ông là quan bên đạo, tôi quan bên đời", rồi cho lệnh cởi trói và cho dọn cơm bằng mâm bát của mình. Đến khi cho áp giải hai vị về Thăng Long, quan lập đàn tế lạy trời phật để thanh minh mình vô can trong vụ án.

Đặc biệt chuyện linh mục ***Vũ Bá Loan***, niên trưởng 84 tuổi, được mọi người kính trọng gọi bằng "cụ", ngài không bị đòn đánh, và trong ngày xử, mười lý hình bỏ đao chạy trốn, đến người thứ mười một, đã lịch sự xin phép: "Việc vua truyền cháu phải làm, xin cụ xá lỗi cho. Cháu sẽ cố giúp cụ chết êm ái. Khi về trời cụ nhớ đến cháu nhé".

Nhờ đâu ông câu ***Lê Văn Phụng***, mỗi lần quan huyện đi truy lùng lại cho người đến báo trước? Nhờ đâu linh mục ***Lê Bảo Tịnh*** được quan tổng trấn cho giấy phép mở chủng viện? Nhờ đâu Giáo hội miền Nam suốt thời Minh Mạng chỉ có duy nhất một vị trong số 117 vị tử đạo? Rồi nhờ đâu khu vực dòng Đaminh bình an đến năm 1838, và hầu như an bình từ năm 1841-1856? Nhờ đâu những giám mục như ***Hermosilla Vọng***, từng được nêu đích danh trong chiếu chỉ nhà vua, vẫn được an toàn hơn 20 năm: Thưa, nhờ những quan chức địa phương không đánh giá đạo Công

giáo như nhà vua, và nhờ những căn nhà " lương dân" luôn mở rộng cách hào hiệp.

Ngay cả khi vua Tự Đức đã ra chiếu chỉ phân tháp ngày 05-8-1861, phân tán các tín hữu, giao cho lương dân quản lý cả người lẫn của cải, thì Giáo hội vẫn tồn tại nhờ nhiều người không theo lệnh vua. Như lương dân làng Hảo Hội, đã che dấu và tiếp tế cho nhiều chủng sinh ở Kẻ Mốt đến ẩn trốn [3]. Con số hàng chục ngàn người bị giết trong giai đoạn này cũng là lớn, nhưng đó chỉ là tỷ lệ vài phần trăm, còn trên 90% giới Công Giáo vẫn sống sót qua cơn "hồng thủy".

Chính trong bối cảnh thân ái của đại quần chúng bình dân Việt Nam, các tín hữu đầu thế kỷ XIX có nhiều cơ may thể hiện sự gắn bó, tinh thần phục vụ và lòng bác ái của Tin Mừng. Những cuộc truy lùng thường xuyên của triều đình đã giúp các nhà thừa sai sống sát với tinh thần nghèo khó của người tông đồ và gần gũi với dân lao động trong các làng quê, sau lũy tre xanh. Đến Việt Nam, các vị liền lo việc học tiếng và phong tục [4]. Rồi sau đó, cũng ăn nước mắm, ăn tương, ăn cà, cũng nón lá, áo bà ba, áo khố... sống với dân Việt, sống như dân Việt, có thừa sai suốt 15 năm không đụng đến một miếng thịt. Thế nhưng các vị vẫn vui tươi. Thừa sai Gagelin Kính gửi thư về nhà: "*Những thiếu thốn, những cực nhọc đủ thứ đến với chúng tôi, nhưng tôi dám khẳng định rằng: tôi được hạnh phúc trong túp lều tranh của tôi hơn vua nước Pháp trong hoàng cung của ngài*".

Đại đa số giới Công giáo thuộc thành phần nào? Thừa, là những người nông dân tâm thường nhất, mỗi ngày lam lũ lao động để làm xanh giải đất quê hương. Linh mục **Khuông** từng tuyên bố: "*Đạo Giatô không những cấm tín hữu chống lại triều đình, mà còn khuyến khích để họ cầu nguyện và góp phần giúp quê hương an ninh thịnh vượng*".

## **1.2. Tôn trọng vua quan và hết lòng vì quê hương**

Hội nhập vào nền văn hóa Á Đông theo chế độ xã hội gia trưởng, Giáo hội Việt Nam đã có nét suy tư sáng tạo đặc biệt. Ngay từ thời linh mục Đắc Lộ, tín hữu Việt Nam đã coi nhà cầm quyền như một người cha, mọi người đều là con trong đại gia đình dân tộc [5]. Linh mục **Nguyễn Văn**

**Tự** đối đáp với quan tòa: "*Tôi kính Thiên Chúa như Thượng Phụ, kính vua như trung phụ, và kính song thân như hạ phụ. Không thể nghe cha ruột để hại vua, tôi cũng không thể vì vua mà phạm đến Thượng Phụ là Thiên Chúa được*".

Dĩ nhiên trong bối cảnh lịch sử "*thượng tôn Tổng Nho*" của nhà Nguyễn, thì việc đề cao chữ hiếu hơn chữ trung đủ làm cho triều đình thêm khó chịu. Vì khi đề cao hiếu hơn trung, người Công giáo tuân lệnh vua một cách có suy nghĩ, có lựa chọn, tuân giữ luật lệ hợp lý, nhưng bạo dạn phản đối điều nghịch lý trái với lương tâm mình. Dầu sao giới Công giáo không tổ chức nổi loạn, bạo động. Giám mục Alonso Phê trong thư chung năm 1798 xác định khí giới đánh giặc bách hại "*chẳng phải là súng ống gươm giáo đâu, mà là đức tin, lời cầu nguyện và đức bác ái*" [6].

Đức cha **Sampedro Xuyên** ra vạ tuyệt thông cho ai tổ chức bạo động và buộc những ai vu cáo ngài cổ động nổi dậy phải cải chính công khai [7]. Giám mục **Hemosilla Liêm** nhắc nhở các tín hữu phải tuân giữ luật nhà phép nước, còn nếu bị vu cáo tội chính trị thì cứ an tâm, vì đức Giêsu xưa từng bị dân Do Thái lấy cớ chính trị để giết (Ga 19,12). Ngài nói tiếp: "*...Phô con đừng hòa tập vuốt giặc, đừng nghe chúng nói dối dá đáng ấy đáng khác sai chúng nó, vì cái ấy là không hẳn*" [8].

Là dân trong nước, các tín hữu sẵn sàng thi hành nghĩa vụ công dân, từ thuế khóa cho đến gia nhập quân ngũ. Năm 1838, nguyên tại tỉnh Nam Định, quan tổng đốc Trịnh Quang Khanh đã tụ tập được 500 binh sĩ Công giáo, đề rồi bắt đập lên Thánh Giá[9]. Trong quan trường, chiếu chỉ tháng 9-1855 ra lệnh sàng lọc các quan Công giáo, cấm đạo đồ đi thi hay nhận chức vụ trong làng trong tổng [10]. Thế mà sáu năm sau (1861), trong một đợt thanh trừng, triều đình còn bắt được 32 viên quan, ba người chối đạo, 18 bị giết, 11 bị án lưu đày [11].

Các thừa sai Pháp sẵn sàng làm nhân viên thông dịch cho nhà vua. Chính Minh Mạng định phong các ngài làm quan chức trong triều đình. Linh mục **Gagelin Kính** đại diện anh em từ chối đặc ân đó: "*Tuy nhiên, những việc đó nào có thể dung hòa với nhiệm vụ linh mục của tôi, tôi sẵn sàng giúp đỡ nhà vua*". Thừa sai **Jaccard Phan** liên tục giúp vua 10 năm, dù bị lãnh ba án tử hình: lần đầu vua giảm thành án xung quân để dịch sách,

## *Ngọn Lửa Tin Yêu*

lần hai đôi thành án lưu đày chung với thừa sai Odorico Phương Ofm, vị này chết nơi rừng thiêng nước độc, còn ngài vẫn sống sót và tiếp tục dạy sinh ngữ và dịch sách cho hoàng triều. Lần cuối cùng cha tử đạo vào ngày 21-9-1838. Trước đó, nhiều người khuyên ngài bỏ trốn, ngài nói: "*Không bao giờ, tôi muốn chứng tỏ phải dùng điều thiện để thắng điều ác*".

Cuốn giáo lý đầu tiên cho người Công giáo Việt Nam, cuốn "Phép giảng tám ngày" (1651) của cha Đắc Lộ đã khẳng định các tín hữu theo đạo Thiên Chúa, đạo của mọi quốc gia chứ không phải đạo Phú Lãng Sa [12]. Đến thời Lê Cảnh Hưng (1740-86), trong cuộc tranh luận bốn tôn giáo, được ghi lại trong cuốn "Hội đồng tứ giáo" [13], hai linh mục **Catañeda Gia** và **Phạm Hiếu Liêm** đã trả lời vấn nạn "Đạo Hoa Lang là đạo ngoại quốc" rằng: "Chớ thì đạo Phật chẳng từ Ấn Độ, đạo Nho từ nước Lỗ, đạo Lão chẳng từ đời nhà Châu ở Trung Hoa sao?" và đã khẳng định: "Chẳng có đạo nào là đạo Hoa Lang, đạo chúng tôi là đạo Thiên Chúa, chúng tôi ước ao thiên hạ mọi nước đều biết". Linh mục **Vũ Bá Loan** trình bày điều đó với quan: "Tôi chẳng theo đạo của nước nào cả, tôi chỉ thờ Chúa Trời Đất, Chúa của muôn dân thôi".

Cũng vì vậy, khi quân đội Pháp tiến vào Đà Nẵng năm 1858, giới Công giáo không hề làm nội ứng như thừa sai Pelerin tưởng [14]. Ngược lại, họ tình nguyện đi bảo vệ non sông. Có điều, vua Tự Đức đòi họ, muốn tham chiến phải bỏ đạo trước đã. Tháng 7-1857, có 14 binh sĩ, một bỏ đạo, 13 bị lưu đày. Tháng 4-1858, trong nhóm 20 binh sĩ, bốn bỏ đạo, 16 bị lưu đày. Và khi tàu Pháp đến, 193 binh sĩ Công giáo chuẩn bị lên đường xuống Đà Nẵng, vì không chối đạo đã lãnh án chung thân.

Một vị tử đạo thời này là binh sĩ **Trần Văn Trung**, đã bị giết vì khẳng khái tuyên bố: "*Tôi là Kitô hữu tôi sẵn sàng đi đánh kẻ thù của đất nước, nhưng bỏ đạo thì không bao giờ*" [15].

### **1.3. Sống Tin Mừng yêu thương**

Thế nhưng chân dung đích thực cuộc đời các vị tử đạo nổi bật ở lòng yêu thương. Với người "có đồng ăn đồng để", như y sĩ **Phan Đắc Hòa**, thì ông rộng rãi giúp người nghèo khổ, riêng bệnh nhân túng thiếu, không

những ông chữa bệnh miễn phí, lại còn giúp tiền giúp lúa. Với ông **Martinô Thọ**, thì "Công bằng chưa đủ, phải có bác ái nữa, mà muốn thực thi bác ái phải có điều kiện", và ông trồng thêm vườn dâu kiếm tiền giúp người thiếu thốn. Người cùng tử đạo với ông là **Gioan Cồn** từng mạnh dạn đấu tranh cho người nghèo chống lại một lý tưởng đòi sưu cao thuế nặng. Ông **Năm Thuông** là ân nhân của viện cô nhi trong vùng. Ông **Trùm Đích** thường xuyên thăm viếng trại cùi và sẵn sàng nuôi người mắc bệnh dịch tại nhà mình.

Nếu tình thương bác ái đã được Đức Giêsu coi là dấu chỉ của những môn đệ Ngài (Ga 13,35), ta không lạ gì linh mục **Emmanuel Triệu** sẵn sàng nhường tiền bữa ăn ân huệ trước giờ xử tử: "Xin cầm tiền và gửi cho người nghèo dùm tôi". Linh mục **Phan Văn Minh** dặn đừng tổ chức an táng lớn, để dành tiền giúp người bản cùng. Linh mục **Hoàng Khanh** trong tù sẵn sàng chữa bệnh cho thân nhân viên cai ngục. Và giám mục **Henares Minh** đi đâu cũng mang theo tráp thuốc chữa bệnh miễn phí.

Với ông Cai Tả, thì yêu thương để xứng với tình Chúa yêu, ông thường chầm chước cho những người mắc nợ và nói "*Mình quên nợ người, Chúa quên tội mình*". Với ông Năm Quỳnh thì bác ái rõ rệt là hoa quả của đức tin, ông từng nói với gia đình: "*Bà và các con không đồng ý cho tôi lấy của nhà để giúp người nghèo, tôi sẽ đi vay mượn hoặc làm thuê kiếm tiền giúp đỡ họ*", vì ông nói: "*Tôi chưa thấy ai hay giúp người nghèo khó lại túng bán bao giờ. Kinh Thánh chẳng dạy chúng ta phải coi họ như chi thể của Chúa đó sao? Chúa đã cho chúng ta sống, tất sẽ quan phòng cho ta đủ dùng*".

Với quan **Hồ Đình Hy** thì: "*Đừng làm việc thiện cách máy móc qua lằn chiếu lệ, mà phải làm với thiện ý*". Ông từng chăm sóc nuôi nấng một người bệnh bơ vơ, suốt 15 ngày sáng tối thăm hỏi, và khi người bệnh lìa đời, đã tổ chức lễ an táng tồ tể. Ông cũng nuôi hai bé gái bị bỏ rơi cho đến khi trưởng thành, một xin đi tu một xin lập gia đình, ông quảng đại lo đến nơi đến chốn.

Chúng ta còn học được nơi các tín hữu thời tử đạo hai mẫu gương bác ái tập thể

- Thứ nhất là **phong trào Thánh Nhi (Saint Enfant)**. Mọi người thi đua nhau, nhất là các y sĩ, các di phước vá cá bà đỡ tìm mọi cách rửa tội cho trẻ em bệnh nặng chết yểu. Họ thăm nom, săn sóc nuôi nấng, thuốc men và tổ chức an táng. Nếu các em sống sót, họ dạy giáo lý và nghề nghiệp cho đến khi tự lập được. Nhiều gia đình rất quảng đại nhận trẻ mồ côi làm con nuôi. Giáo phận đàng trong năm 1843 rửa tội 8273 em [16]. Giáo phận Trung Đàng Ngoài năm 1855 rửa tội được đến 35.349 em [17].
- Mẫu gương thứ hai thể hiện **trong các mùa dịch** toàn quốc năm 1850-1851: các tín hữu có mặt bên giường các bệnh nhân, đưa đến nhà thương chăm sóc, đó là giai đoạn các linh mục đi lại tự do. Thậm chí ngay tại kinh đô Phú Xuân, người ta được chứng kiến những nghi lễ an táng trọng thể, đi đầu là thánh giá nên cao, tiếp đến hai hàng tín hữu, rồi linh mục với phẩm phục khăn choàng, họ vừa đi vừa hát vang lên bài thánh ca tiễn biệt.

Dù chưa đi sâu vào mẫu gương trong các cuộc tử đạo, thì những mẫu gương yêu thương của hầu hết tín hữu đầu thế kỷ XIX với mảnh đất và con người Việt Nam, đối với Giáo hội hôm nay, cũng đủ là một di sản quý giá thôi thúc kêu mời chúng ta phải phát huy, với những cách thể hữu hiệu và cụ thể hơn, để phục vụ tha nhân nhất là những người cùng khổ.

#### **1.4. Mặn nồng tình nghĩa gia đình**

Một trong những đóng góp của giới Công giáo vào cơ chế Pháp lý gia đình Việt Nam, là luật lệ một vợ một chồng. Trong giai đoạn văn hóa quá ảnh hưởng quan điểm Nho giáo "trai năm thê bảy thiếp", các tín hữu đã góp phần đề cao đạo đức thủy chung của dân tộc trong truyền trầu cau. Dĩ nhiên không phải mọi tín hữu đều trung thành với lời cam kết hôn nhân, như ông *Lê Văn Gấm*, binh sĩ *Phan Viết Huy*, *Cai Thìn*, quan *Hồ Đình Hy* ... đã có thời gian sa ngã, thế nhưng tất cả đều biết trở về để vun đắp lại mái ấm gia đình của mình.

Trong danh sách 117, trừ một số theo đạo khi đã trưởng thành, còn những ai sinh ra trong gia đình Công giáo đều được rửa tội và giáo dục đức tin ngay từ bé. Thầy *Đaminh Úy* từng mạnh dạn tuyên bố, giữ vững niềm tin là giữ đạo cha ông: "*Nếu tôi cả gan bước lên thánh giá, thì tôi xúc phạm*



đến Chúa và bắt hiểu với mẹ cha. Vì song thân sinh ra tôi đã dạy tôi trung thành với niềm tin cho đến chết". Nói chung các vị tử đạo khi bị bắt không thoát khỏi tình cảm quyến luyến với người thân, có điều các vị chọn lựa Thiên Chúa và tin tưởng phó thác người thân cho Ngài. Nhiều vị đang bị giam đợc về thăm gia đình, đã bình tĩnh khuyên vợ con vui vẻ cho mình đợc chịu tử đạo, rồi tự động trở vào tù như các ông **Phêrô Dũng, Phêrô Thuần, Laurensô Ngôn, Năm Thuông**. Ta có thể thấy điều đó trong vài di ngôn cuối cùng sau

Ông **Martinô Thọ** căn dặn các con vào thăm trong tù: "Các con thân mến, cha không còn làm gì giúp các con ở thế gian này đợc nữa, cha chỉ còn lo chuẩn bị tâm hồn đón nhận những thử thách cuối cùng. Ý Chúa đã muốn cha xa lìa các con mãi mãi, nhưng các con còn có mẹ, hãy cố gắng vâng lời mẹ. Các con lớn hãy nhớ quan tâm săn sóc em mình. Các con nhỏ phải biết kính trọng vâng lời anh chị. Hãy thương yêu nhau, siêng năng làm việc đỡ đần mẹ. Hãy nhớ đọc kinh tối sáng và lần chuỗi Mân Côi hằng ngày. Chúa trao cho mỗi người một thánh giá riêng, hãy vui vẻ vác theo chân Chúa và kiên trung giữ đợc".

Y sĩ **Phan Đắc Hòa** thì nói: "*Cha yêu thương các con và hằng chăm sóc các con, nhưng cha phải yêu Chúa nhiều hơn, các con hãy vui lòng vâng ý Chúa đừng buồn làm chi. Các con ở với mẹ, yêu thương nhau và săn sóc việc nhà...."*

Nói đến tình nghĩa gia đình, chúng ta khó có thể quên một số hình ảnh như: linh mục **Emmanuel Triệu** vì thương mẹ già ở lại Huế ba tháng dựng nhà cho mẹ, nên mới bị bắt. Ông **đội Trung** có con gái đợc phép ở trong tù chăm sóc, nhưng ông bắt con về để kịp học giáo lý với bạn bè trong xứ. Ông Trùm **Lê Văn Phụng** tại pháp trường gặp lại con gái, cô Anna Nhiên, đã đeo cho con ảnh thánh giá ở cổ mình và nói: "Con hãy nhận lấy kỷ vật của Ba. Đây là ảnh đức Giêsu Kitô Chúa chúng ta, ảnh này quý hơn vàng bạc bội phần. Con hãy luôn mang nơi cổ và trung thành cầu nguyện sớm chiều con nhé!". Nếu nói đến gia đình tử đạo phải kể: anh em có Anrê Tường - Vinhson Tương; cha con có Ân Khảm - Cai Thìn; con rể bố vợ có Lý Mỹ - Trùm Đích.

Ông **Lý Mỹ** vì thấy nhạc phụ là ông trùm Đích đã cao niên, mỗi cuộc tra tấn đều tự nguyện chịu đòn hai lần thay thế cho cha. Con gái ông

Lý 12 tuổi, trôn mẹ vào tù thăm và thưa: "*Xin cha can đảm chịu chết vì Chúa*". Cậu Tường 9 tuổi, con trai ông không đi được, cũng nhắn lời: "*Cha đừng lo cho chúng con, cha cứ an tâm vững lòng xưng đạo và chịu chết vì đạo*". Vợ ông, bà Mỹ nói trong tiếng nghẹn ngào: "*Vợ con ai mà chẳng thương tiếc nhưng ông hãy hy sinh xác thánh giá rất nặng vì Chúa. Hãy trung thánh đến cùng, đừng lo nghĩ đến mẹ con tôi. Thiên Chúa sẽ quan phòng tất cả*".

Như thế, ta thấy những thân nhân của các vị tử đạo, tuy vẫn tiếc thương, vẫn buồn khóc, nhưng cũng can đảm vì tin tưởng yểm trợ tinh thần cho các chứng nhân. Chúng ta quan tâm đặc biệt đến hình ảnh một số bà mẹ.

Bà mẹ của **Jaccard Phan**, khi nghe tin con chịu chết vì đức tin đã reo lên: "Thật là tin vui, gia đình ta có một vị tử đạo". Bà nói tiếp: "Xin chúc tụng Chúa, tôi sẽ buồn biết bao, nếu con tôi chịu khuất phục trước gian khổ và cực hình".

Bà mẹ **Castañeda Gia**, khi em trai vị linh mục đang tìm cách báo tin sao cho khéo để mẹ bớt buồn. Bà hỏi: "*Tại sao Jacinto của mẹ lại chết? Anh ấy chết bệnh hay bị giết?*". Cậu Clémentê hỏi lại: "*Vậy mẹ muốn anh ấy chết cách nào?*". Bà đáp: "*Mẹ mong rằng Jacinto chết vì đức tin*". Clémentê liền nói "*Thưa mẹ vâng, chính vì đức tin mà anh ấy bị giết*". Ngay chiều hôm đó, bà liền đến nhà thờ dòng Đaminh để cùng với các tu sĩ hát lên lời kinh Tạ Ơn TE DEUM.

Bà Maria Nhiệm, thân mẫu thánh **Lê Văn Gấm**, năm 1870, tức là 23 năm sau cuộc tử đạo của con trai, đã đến làm chứng tại tòa án phong Chân Phước. Bà nói: "*Khi nghe tin con bị giết, vợ chồng tôi không cảm thiết gì hết, chỉ nói: chết như vậy đáng làm thánh*".

Nhưng hình ảnh nổi bật nhất là bà mẹ binh sĩ **Anrê Trông**, được đức Lêô XIII trong sắc phong chân phước năm 1900 ca tụng về lòng can trường, đã theo gương "*Nữ vương các thánh Tử Đạo*". Bà có mặt trong cuộc hành quyết để dâng hiến người con trai duy nhất. Bà đi cạnh con, không than khóc, không sầu buồn, lại bình tĩnh khuyên con bền chí. Và khi đầu vị tử đạo rơi xuống, bà mạnh dạn tiến vào pháp trường và nói với quan: "*Đây là con tôi, xin các ông trả lại cái đầu nó cho tôi*". Rồi bà mở

rộng vạt áo, bọc lấy thủ cấp của người con yêu quý, đem về an táng ngay trong nhà.

### **1.5. Kính yêu Đức Trinh Nữ Maria**

Nếu nói đến đời sống các Thánh Tử đạo Việt Nam, chúng ta không thể bỏ qua lòng tôn sùng Đức Maria của các vị. Lòng tôn kính đó thể hiện qua các thứ bầy đầu tháng, với những cuộc rước long trọng, qua tháng hoa và tháng Mân Côi mỗi năm, đặc biệt qua việc siêng năng lần chuỗi Mân Côi hằng ngày. Nhiều người đọc kinh trên đường đi và lấy chuỗi làm đơn vị tính đường dài. Một niềm an ủi lớn cho giai đoạn thời Tử đạo là việc Đức Mẹ hiện ra an ủi tại rừng La-Vang (Quảng Trị) năm 1798: Mẹ vẫn hiện diện để nâng đỡ khích lệ con cái mình trong những lúc khó khăn. Ở đây chúng ta lưu tâm đến một số sự kiện tiêu biểu:

Ông **Năm Thương** bỏ tiền dựng một nhà nguyện kính trái tim vện sạch Đức Mẹ; ông **Lý Mỹ** mỗi tối tụ tập các phu tuần đọc 50 kinh trước khi đi công tác; linh mục **Néron Bắc** ăn chay các lễ vọng kính Đức Mẹ; linh mục Dụ khi biết mình sắp bị bắt đã mang theo hành trang duy nhất là một tròng hạt Mân Côi; rồi linh mục **Federich Tế** tự nhận là con điên Đức Mẹ. Khi dừng bước ở Macao đợi tàu đến Việt Nam, ngài đã cầu nguyện:

*"Lạy Thánh Mẫu cao vời nhân ái,  
Tắm lòng con điên dại đáng thương,  
Ngày đêm nung nấu can trường,  
Lòng bao la Mẹ đâu phương đáp đền.  
Trong tâm tưởng con hằng mơ ước,  
Khắp muôn phương loan báo Tin Mừng,  
Giờ con gặp cảnh sầu thương,  
Như thuyền neo bến trùng dương xa vời" [18].*

Như vậy đó, các ngài đã trao phó cho Mẹ những ước vọng thâm kín của mình để xin Mẹ trợ giúp. Giám mục **Borie Cao** ghi lại trong nhật ký lời nguyện ngày tận hiến cho Mẹ tại chủng viện:

*"Lạy Mẹ của con, xin hãy tin nơi con, khi con trưởng thành, con sẽ hiến toàn thân cho việc cải hóa các người chưa tin. Xin Mẹ giúp con theo con đường và tinh thần của ơn gọi đó. Xin cho con được đau khổ vì đức Kitô, được đón nhận ngành lá Tử Đạo và về đến bến vinh quang".*

Đức cha **Valentino Vinh** trong thư gửi cho Mẫu thân (thư 61) đã nói lên suy nghĩ của mình, tuy có vẻ hài hước nhưng cũng tràn đầy tin tưởng:

*"Mẹ à, với tràng hạt Mân Côi trong tay, với lời Kinh Lạy Cha và kinh Kính Mừng Maria tươi nở trên môi, với tư tưởng thánh thiện trong tâm trí, hỏi thế giới còn chi đẹp đẽ hơn? Mẹ hãy thưa với Đức Maria về con. Lời cầu nguyện tốt ấy sẽ đánh gãy răng quỉ dữ...".*

Đến khi đã bị bắt, kinh Mân Côi vẫn là lời kinh hằng ngày của các chứng nhân đức tin. Có khi các vị chia hai bè để đọc lớn tiếng trong tù. Giám mục **Cao**, hai linh mục **Nguyễn Thế Điểm** và **Vũ Đăng Khoa** hát vang bài *"Ave Maria Stella"* (Kính chào Mẹ sao Bắc Đẩu) và cầu nguyện: *"Như xưa Mẹ đã dâng Con Yêu Quý trong đền thờ nay xin cũng hiến dâng chúng con trong cuộc tử đạo hồng phúc"*.

Linh mục **Nguyễn Văn Hạnh** thay vì dày đập, đã hôn kính ảnh Đức Mẹ dù bị đánh đúng 100 roi. Bà **Lê Thị Thành** tâm sự: *"Nhờ ơn Đức Mẹ giúp sức, tôi không thấy đau đớn"*. Ngoài ra linh mục **Schoeffler Đông** trong thư, tỏ ra mừng rỡ khi biết tin mình tử đạo ngày 01-5, ngày đầu tháng hoa kính Đức Maria. Linh mục Hoan luôn đeo trên cổ áo Đức Bà cho đến giờ xử tử, ngài nói: *"Ảnh này tôi không thể cho ai được. Đây là hình ảnh Đức Nữ Vương và là Bà Chúa của tôi"*. Linh mục **Cornay Tân** khi bị giam trong cũi, vẫn cất tiếng hát, lính nghe hay nên báo với quan, thế là quan bắt hát mới cho ăn, ngài kể lại trong thư rằng: *"Mỗi bữa ăn tôi lại có dịp hát thánh ca chúc tụng Đức Maria"*.

Cuối cùng, ngay giờ phút hành hình, các vị Tử đạo vẫn cậy nhờ lời chuyển cầu của Mẹ Maria. Linh mục Cornay Tân cầu nguyện *"Xin Đức Maria chứng giám cho việc sám hối của con..."*. Hai linh mục **Castañeda Gia** và **Phạm Hiếu Liêm** từ trại tù ra pháp trường đã hát vang lời kinh *Salve Regina* (Lạy Nữ Vương) để chạy đến *"Mẹ nhân lành, làm cho chúng con được sống được vui được cậy... Xin cho chúng con được thấy Đức Giêsu con lòng Mẹ ..."*. Bởi vì thực ra trong thâm tâm của các vị, cuộc tử đạo quả là một hiến tế cần nhờ Mẹ làm trung gian để dâng lên Thiên Chúa, như Linh mục **Théophane Vénard Ven** đã ghi lại lời nguyện trong thư gửi Đức cha Theurel :

*"Lạy Mẹ Vô Nhiễm, khi đầu con rơi xuống dưới lưỡi gươm của lý hình, xin nhận lấy tôi tớ nhỏ bé như trái nho chín được hái, như bông hồng nở rộ được ngắt về dâng kính trên bàn thờ. Ave-Maria".*

## II. TỬ ĐẠO: HIẾN TẾ TÌNH YÊU

Trong thư chung 1798, Giám mục Alonso Phê đã khẳng định với các tín hữu thời tử đạo rằng, nếu trong cuộc tử đạo họ không thể hiện đức yêu thương, thì kể như là vô ích, ngài viết :

*"...Phải lấy mlời nói cùng việc làm mà xưng đạo ra cho thật thà. Phải kính mến Đức Chúa Blời trước hết mọi sự hơn của cải, hơn mạng sống mình, lại phải yêu-thương người ta bằng mình vậy, và nếu chẳng có đức yêu thương dù chịu chết vì đạo, thì cũng chẳng được gì sót. Vì phúc tử đạo tại đức Caritas là lòng mến đức Chúa Blời trên hết mọi sự, cùng yêu người ta bằng mình vì Đức Chúa Blời mà chớ" [19].*

Hiến tế đầu tiên của Giáo hội là Chúa Giêsu, Đấng đã tự hiến mạng sống mình vì yêu nhân loại. Các vị tử đạo đã theo sát mẫu gương của ngài trong cuộc khổ nạn, từ vườn Cây Dầu cho đến đỉnh đồi Canvê.

### 2.1. "Xin cát cho con chén này"

Lời cầu nguyện của Đức Giêsu trong vườn Cây Dầu gợi lên một thái độ căn bản của các vị tử đạo là: KHÔNG CUÔNG TÍN. không được chạy theo vinh quang giả dối, dù là bằng hành vi dâng hiến hoàn hảo nhất. Thế nhưng khi nào Đấng Quan Phòng muốn biểu lộ niềm tin bằng hành động cụ thể, thì các vị phải đi cho trọn con đường của mình. Khôn ngoan và can đảm như hai đức tính hòa hợp nơi các thánh Tử Đạo. Không có quyền liều mạng. Với các linh mục, vẫn có nghĩa vụ sống gần các tín hữu, phải rất khôn ngoan và thận trọng. Linh mục **Vũ Đình Tước** diễn tả điều đó bằng câu: *"Bỏ chạy khi nào còn có thể, nếu không chạy được thì xin vâng ý Chúa"*.

Lời Kinh Thánh *"Cáo có hang, chim có tổ, nhưng con người không có chỗ gối đầu"* thường được nhắc nhở trên môi các linh mục tu sĩ.

Bị rượt ở thành này, các vị trốn qua thành khác, nhưng vẫn không ngừng hoạt động. Trong một lá thư đức cha **Cuénot Thê** viết: "*Dù chỉ còn một giáo sĩ chẳng làm được gì ngoài việc đọc kinh Thần Vụ, thì nguyên sự hiện diện của vị đó, cũng đủ nâng đỡ niềm tin và sinh hoạt cho các tín hữu rồi*". Ngoài ra, đến khi bị bắt, nếu có thể các tín hữu sẵn sàng bỏ tiền để chuộc mạng cho các ngài, như linh mục Dững Lạc hai lần được chuộc, lần thứ ba mới chịu tử đạo.

Ở đây chúng ta lưu tâm đến năm vị tử đạo trong hai dạng tự nộp mình:

a/ Hai vị muốn được chia sẻ cuộc tử đạo của thầy mình, họ không thuộc nhóm 12 tông đồ ở vườn Cây Dầu bỏ thầy chạy trốn, đó là thầy Tụ và linh mục Duệ. **Thầy Tụ** khi thấy cha Cao bị bắt đã lẻo đẻo theo sau và xin vị linh mục nhận mình là môn sinh để được chia sẻ những gian lao của Ngài. Vị thừa sai cảm động trao cho thầy nửa chiếc khăn để làm kỷ vật, và thầy Tụ đã giữ khăn đó cho đến chết. Ngày hành quyết, thầy xin được xử ngay tại nơi đã thấm máu người cha thân yêu mình năm trước.

Còn linh mục **Vũ Văn Duệ** đã 83 tuổi và về hưu được sáu năm, khi đức cha Y ghé thăm và hỏi: "*Cụ còn sức theo tôi lên thủ phủ Nam Định chăng?*". Cha Duệ hiểu ý vị Giám mục muốn nói đến việc tử đạo nên đáp: "*Khi nào đức cha bị bắt, xin cho phép con theo cùng*". Vì thế khi hay tin vị giám mục đã bị bắt, cha thường la lớn để binh lính đến bắt Ngài. Trong ngục khi biết đức cha đã bị chém, cha Duệ liền bỏ chiếu nằm đất và nói: "*Giám mục là cha đã phải xử, ta là con mà nằm chiếu sao phải lẽ*".

b/ Trường hợp thứ hai là ba vị tử đạo tự nộp thể mạng cho người khác, đó là: Linh mục **Gioan Đạt** vừa dâng lễ xong thì quân lính vây bắt. Cha đã chạy thoát, nhưng vì để quên áo lễ, cha thấy quân lính tra tấn gia chủ nên ra nộp mạng và nói: "*Vẫn biết tôi có thể thoát, nhưng như thế anh chị em sẽ bị khổ nhiều*". Vị thứ hai, thừa sai **Gagelin Kính**, viết thư xin phép giám mục cho mình ra trình diện để tín hữu Bình Định được bình an. Vị thứ ba là linh mục **Đặng Đình Viên**, cha đã trốn an toàn trong vườn mía dày đặc, nhưng khi thấy quân lính đánh đập tra khảo con của chủ nhà, cha cũng tự động ra thể mạng. Những mẫu gương này làm ta liên tưởng đến thánh Maximilien Kolbe ở trại tập trung Đức quốc xã sau này.

## 2.2. Không để ai liên lụy

Như Đức Giêsu trong vườn Cây Dầu đưa tay cho quân lính bắt, nhưng yêu cầu cho các môn đệ được tự do, các vị tử đạo tuyệt đối không để ai bị liên lụy. Một người duy nhất khai tên năm sáu tín hữu vì tưởng những người này đã trốn là quan Hồ Đình Hy, lời khai của ông làm liên lụy đến 29 người. Ông hết sức hối hận, và nói: "Tôi cam chịu mọi cực hình để nên giống Đức Kitô, để đền bù tội lỗi của tôi".

Linh mục *Nguyễn Đình Nghi* đi đâu cũng mang theo vài nén bạc, có ý giao cho lính, để chủ nhà nơi ngài trọ được bình an. Linh mục *Federich Tế* khi bị bắt đã yêu cầu, và lính nghe ngài thả những giáo hữu đang bị trói. Đức cha *Borie Cao* dù bị đánh đập, không khai tên bất cứ ai, sau quan cho lôi thầy Tụ ra đánh và nói họ sẽ đánh thầy mãi nếu ngài không khai. Thế là cha liền kể tên vài người đã qua đời, quan vui vẻ tha cho thầy Tụ, nhưng khi kiểm tra lại mới biết những người đó đã chết. Quan hỏi: "Sao ông cứng đầu thế?" Cha đáp: "Thưa, câu hỏi của quan tôi không thể trả lời khác hơn được".

Bốn linh mục âm thầm bỏ giáo xứ để các tín hữu được an toàn. Các vị đi mà chẳng biết sẽ đến đâu, đó là linh mục *Đỗ Yến, Vinhson Diễm, Borie Cao* và *Néron Bắc*. Trường hợp thừa sai *Schoeffler Đông* bị bắt chung với một linh mục Việt và hai chú giúp lễ, khi quân lính đòi tiền chuộc, cha yêu cầu thả những người kia ra, lấy cớ chỉ có họ mới biết chỗ để tiền, đến khi họ đã đi xa, cha nói rõ ý muốn chỉ một mình bị bắt. Ngoài ra ta phải kể đến ông *Năm Quỳnh*, vì làm trùm họ nên giữ số các tín hữu, khi thấy quân lính giữ cuốn sổ đó, ông nhắn con trai đưa 50 quan tiền để chuộc lại.

Một hình ảnh tiêu biểu nhất của việc không để ai liên lụy là *linh mục Tụ*. Khi bị giam giữ, cha thấy trong sổ sách bị tịch thu có cuốn sổ ghi tên các tín hữu xứ Kẻ Mót, cha lén đem về trại giam, rồi tìm cách chuyển ra ngoài. Nhưng vì quân lính canh giữ quá kỹ lưỡng không thể làm gì được, cha liền bày kế xin một chiếc chiếu đắp cho đỡ muỗi, rồi nằm trong chiếu ngài nhai nha nhai và nuốt từng tờ cuốn sổ ấy. Dĩ nhiên "món ăn" này không hợp khẩu vị chút nào, nên mới được hai phần cuốn, cha đã thấy rất cổ không nuốt nổi nữa, phần còn lại cha đành nhai nát rồi giấu dưới gầm phản.

### 2.3. Không man trá

Khi xưa trong cự ước, có cụ Eleazaro không chấp nhận giả bộ ăn của cúng, một số vị tử đạo không chấp nhận mọi hình thức khóa quá trá hình. Nhiều linh mục như các cha **Lê Tuy, Đỗ Yến, Hoàng Khanh, Nguyễn Văn Hưởng, Lê Bảo Tịnh...** nhất định không khai man lý lịch là lang y dù được hứa trả tự do.

Nhiều khi quan tâm vì thương tình, tìm cách giải gỡ khó khăn lương tâm của các chứng nhân đức tin. Họ yêu cầu các vị giả bộ bước qua Thập giá chứ không cần làm thực sự. Linh mục **Phan Văn Minh**, quan chỉ đòi gặt đầu là sẽ ký giấy đã bước qua Thập giá. Nhóm năm người thầy **Hà Trọng Mậu, Bùi Văn Úy** và các anh **Nguyễn Văn Mới, Nguyễn Văn Đệ, Nguyễn Văn Vinh**, quan chỉ yêu cầu “đi vòng quanh Thánh Giá”. Riêng với linh mục **Đỗ Yến**, quan vẽ một vòng tròn rồi yêu cầu bước qua vòng đó. Nhưng tất cả các vị không thực hiện, vì thấy rõ rệt đó là dấu bỏ đạo.

Thầy giảng **Nguyễn Cần**, quan nói nhắm mắt bước đại qua Thập giá, thầy đáp: *"Thưa quan, mắt thì nhắm được, chứ lòng và trí khôn không thể nhắm được, nên tôi chẳng làm"*. Một số giáo hữu đã bỏ đạo dụ dỗ thầy: "Tội nào Chúa chẳng tha, thánh Phêrô chối Chúa ba lần còn làm thủ lãnh Giáo hội.". Người khác lừa dối: "Cha Retord nhắn thầy cứ bước qua Thập giá, rồi về sẽ liệu sau". Thầy Cần đáp: *"Dù thiên thần có xuống bảo tôi bỏ đạo, tôi cũng chẳng nghe nữa là cha Liêu. Hơn nữa tôi biết chắc ngài không ra lệnh cho tôi như vậy"*.

### 2.4. Như một Thánh lễ cuộc đời

Thế nhưng, các vị tử đạo đã không chết chỉ vì một lý tưởng, một ý thức hệ hay một tham vọng nào cả. Đối với các ngài, sự hiến dâng chính vì một Đấng mà các ngài yêu mến là Đức Giêsu, Ông **Năm Quỳnh** khi bị xử giáo, nắm giang tay trên đất còn nói: *"Xưa Chúa cũng giang tay thế này để chịu đóng đinh"*. Đức cha **Sanjurjo An** viết: *"Chớ gì máu tôi hòa với máu Đức Kitô trên đồi Canvê tẩy rửa tôi sạch muôn vàn tội lỗi"*. Linh mục **Gagelin Kính** nói: *"Tôi ước mơ trở thành tro bụi để kết hợp với Chúa Kitô. Tôi giữ từ cõi đời này, không hề thương tiếc điều gì, chỉ nhìn lên Chúa"*



*Kitô chịu đóng đinh, đủ an ủi tôi về mọi đau khổ và cả cái chết nữa".*

Linh mục **Đinh Viết Dụ** tâm sự với người vào thăm rằng: *"Sức tôi tuy đã giảm, nhưng còn chịu đựng được. Chúa chúng ta đã chịu bao hình khổ để cứu độ nhân loại. Tôi cũng sẵn lòng chịu những sự khó này để nên giống Chúa Kitô phần nào"*. Linh mục **Ngô Duy Hiền** lại nói: *"Tôi sẵn sàng chết vì Đấng đã chết cho tôi"*. Ngoài ra, tất cả các vị tử đạo đều thấy cái chết của mình như một hiến tế, tất cả đều cầu nguyện, hiến dâng đời mình trong những giây phút cuối cùng, và khi biết chính xác ngày xử, các vị thường chuẩn bị tinh thần bằng những hy sinh tự nguyện, hoặc bằng ăn chay hãm mình, hoặc bằng những thời gian dài suy niệm.

Có hai hình ảnh đáng ghi nhớ đặc biệt: ông **Tổng Viết Bường**, trường hợp đặc biệt xử về đêm, đã tìm cách đi chậm để xin được chết trên nền cũ nhà thờ Thọ Đức, Huế. Chính nơi đã từng bao năm tháng các tín hữu tụ tập dâng lên Chúa Hiến lễ tối cao là Đức Giêsu, thì cũng tại đây, ông hiến dâng chính mạng sống mình. Hình ảnh thứ hai là giám mục **Henares Minh**, sau khi người học trò yêu quý là **thầy Chiểu** bị xử tử, ngài kính cẩn đón lấy thủ cấp của thầy, rồi dâng lên cao như một lễ vật tinh tuyền kính dâng Thiên Chúa. Cả pháp trường đều thỉnh lặng ngắt ngậy trong giây phút có một không hai đó, giây phút kết tinh trọn vẹn cuộc đời dâng hiến của một người con cái Chúa.

Như vậy tử đạo chính là một thánh lễ cuộc đời. Lá thư linh mục **Bonnard Hương** ngày áp cuộc tử đạo nói rõ lên điều đó: *"Giờ long trọng đã điểm, xin chào tất cả mọi người đã thương mến và nhớ đến tôi... Trông cậy vào lòng Đức Giêsu nhân từ, tôi tin Ngài thứ tha muôn vàn tội lỗi cho tôi. Tôi tự nguyện hiến dâng máu và mạng sống vì yêu mến Ngài, và vì những linh hồn yêu dấu mà tôi muốn phục vụ hết mình... Ngày mai sẽ là ngày hiến tế của tôi. Xin cho ý Chúa được thể hiện"*. Và như Đức Giêsu xưa trên đồi Canvê, ngài kết thúc bằng lời nguyện: *"Trong tay Ngài, Lạy Chúa, con phó thác hồn con"*.

Tóm lại, tử đạo chính là Hiến Tế Tình Yêu. Đoạn thư sau đây của đức cha Retord Liêu gửi cho linh mục Hương ở trong tù, tuy là một suy niệm dựa vào danh xưng vị thừa sai, nhưng tiềm ẩn bên trong ý nghĩa sâu xa của tất cả các cuộc tử đạo:

"Tôi đã chúc lành cho cha khi đã đặt cho cha danh xưng đẹp đẽ CỐ HUƠNG, nghĩa là người cha của quê hương, là hương trầm và là hương thơm. Chính lúc này đây, quê hương yêu dấu đó đang sắp xuất hiện cho cha trong ánh huy hoàng, vì cha sắp là một trong những công dân hạnh phúc. Chính lúc này đây, Hương trầm quý giá chuẩn bị đốt lên trên bàn thờ tử đạo và bay đến tận ngai Đấng Vĩnh Cửu. Chính lúc này đây, Hương thơm đáng ca tụng sẽ làm hài lòng Đức Giêsu như bình hương của cô Madalena, sẽ làm cho thiên thần và loài người, trời và đất hân hoan vì hương vị ngọt ngào của nó".

Vậy đó, mỗi cuộc đời tử đạo là cuộc tự hiến. Đức cha **Cuénot Thê** tâm sự: "Nhìn các bạn từng người bước lên bàn thờ tử đạo, tôi thấy mình cô đơn quá, ngày đẹp nhất đời tôi là ngày được hiến tế trên bàn thờ tử đạo". Cuộc đời các chứng nhân đức tin chịu đốt cháy trong lao khổ, trong ngục hình, và cả cái chết đều như hương trầm dâng lên Thiên Chúa, sẽ tỏa hương thơm ngát cho ngàn muôn thế hệ.

### III. TỬ ĐẠO LÀ CHỨNG TỪ

Nguyên việc các vị tử đạo chấp nhận cái chết vì niềm tin đã là một chứng từ mạnh mẽ với mọi người tham dự. Thế nhưng, ngoài chứng từ bằng máu đào, các vị tử đạo còn làm chứng cho nội dung Tin Mừng bằng thái độ của mình với vua quan, bằng sự liên đới nội bộ và nhất là bằng lời nói, giải thích về đạo hoặc truyền giảng Phúc Âm ngay trong ngục thất.

#### 3.1. Thái độ với vua quan

Nói chung tất cả các anh hùng tử đạo đều tỏ vẻ kính trọng giới quan quyền, các vị nói năng lịch sự, hòa nhã, thưa bẩm đúng qui cách. Dường như đối với các vị, phải tìm mọi cách để giúp quan quân gặp được Chân lý của Tin Mừng. Có khi các vị nói rõ ý tưởng đó, như trường hợp linh mục **Daminh Trạch**: "Nếu quan muốn sự sống đời đời, hãy thờ lạy Thánh giá này". Còn bình thường, các vị ôn tồn, tế nhị giải đáp những thắc mắc, biện bác những dư luận sai lầm. Vì thế các quan đôi lần biểu lộ tấm lòng mến thương cảm phục như trong vụ án linh mục **Laurensô**

**Hương**, viên quan thấy tử tội có dáng dấp một đạo sư, nên hứa hẹn nếu chịu bỏ đạo, sẽ thu xếp cho ngài đến trụ trì Chùa Non Nước ở Ninh Bình.

Thừa sai **Bonnard Hương** tâm sự: "*Trước mặt vua quan, tôi có kinh nghiệm cụ thể lời đức Giêsu: Chúa Thánh Linh sẽ nói thay các con. Thực vậy, chưa bao giờ tôi nói tiếng Việt lưu loát và dễ dàng như thế*". Trường hợp **đức cha Cao** cho ta thấy, các vị tử đạo có lẽ còn coi quan quyền như những tác nhân trong chương trình quan phòng của Chúa. Khi viên quan vừa đọc xong bản án tử hình, ngài nói: "Thưa quan, từ bé đến nay tôi chưa lạy ai, vì bên Âu châu đó là hành vi kính trọng chỉ dành cho Đấng Tối Cao. Nhưng điều tôi vừa nghe làm tôi quá vui mừng, xin được bày tỏ lòng tri ân của tôi theo lối Đông Phương". Rồi ngài quỳ xuống định lạy, nhưng viên quan đã kịp thời cản lại.

Hai đoạn thơ sau đây cho ta thấy rõ thái độ bất bạo động của các vị tử đạo. Một đảng cương quyết đấu tranh cho tự do lương tâm của con người, đảng khác vẫn luôn luôn muốn là trung thần của nhà vua. Bài thứ nhất của ông **Lý Mỹ** :

*"Gông đóng xiềng mang, dạ nguyện kinh,  
Những say về đạo hã về tình  
Vai mang bốn điệp tai thêm ấm  
Xông xénh ba vòng cổ lại thanh  
Phép nước đành lòng không oán thán  
Nghĩa Thày để dạ vẫn đĩnh ninh  
Khiến sao nên vậy nào lo nghĩ  
Phó mặc Hoàng Thiên sự tử sinh."*

Đoạn thơ thứ hai của linh mục **Đoàn Công Quý** gửi cho mẫu thân:

*"... Dầu trắng trời gông cùm tù rạc,  
Chén ngục hình xiềng tỏa chi nề,  
Miễn vui lòng cam chịu một bề  
Cho trọn đạo trung thân hiếu tử..."*

### **3, 2. Liên đới tập thể**

Một chứng từ khá đặc biệt các tín hữu thời tử đạo nêu lên với quần

chúng là việc họ luôn gắn bó, thông cảm và sẵn sàng san sẻ những khó khăn, cũng như liên đới với nhau để tuyên xưng niềm tin của mình. Không cảm động sao được, hình ảnh cô bé cháu 5 tuổi ở Tây Ban Nha mỗi ngày cầu nguyện cho bác giám mục Henares Minh: "... *Trung thành phục vụ Chúa suốt đời, và nếu cần để tôn vinh và làm hiển danh Chúa hơn, xin cho bác được hiến dâng mạng sống vì yêu Ngài*". Ấy thế mà em chỉ biết: "*Bác tên Đaminh, tu dòng Đaminh, đang truyền giáo ở thật xa, nơi người ta đang bách hại các Kitô hữu*".

Không cảm động sao được, cụ **Án Khảm** vốn là tiên chỉ làng Quần Cống, đang khi quân lính bao vây làng, cho mõ đi rao: "*Trình quan viên làng nước, có lệnh cụ Án, truyền rằng: ai mà quá khóa phải phạt ba roi và bị đuổi khỏi làng*". Và ngay trước mặt quân lính, cụ Án đứng ra ngăn cản một tín hữu nhất sợ định đập lên Thánh giá.

Không cảm động sao được, một linh mục **Nguyễn Bá Tuần** đang ở nơi yên hàn, khi hay tin vị thừa sai **Fernandez Hiền** không có nơi ẩn trú, đã đến gặp để cùng nhau trên đường lưu lạc, cùng phơi nắng phơi sương nhiều ngày trong đồng lầy, cùng bị bắt và cùng bị kết án, có điều cha Tuần chết rũ tù mấy ngày trước buổi hành quyết.

Khi các vị tử đạo bị bắt, các vị vẫn tìm được nguồn khích lệ từ bên ngoài qua thư từ, thăm viếng, tiếp tế. Các linh mục tìm đủ mọi cách vào thăm các chứng nhân đức tin để đưa Thánh Thể và giải tội cho họ. Linh mục **Phêrô Lưu** đã bị bắt khi làm mục vụ cho các tín hữu trong ngục tù Mỹ Tho. Đọc đoạn thơ sau đây của đức cha Retord Liêu gửi linh mục **Phạm Khắc Khoan** trong tù, chúng ta thấy phần nào nội dung những mối liên đới đó

*"Sách có câu: Chết vinh hơn sống nhục. Hãy coi những kẻ bội giáo, cuộc đời họ đáng tui hổ biết bao. Ngược lại, khắp bốn phương thiên hạ đều vang lời ngợi khen những ai chết cho đức tin. Các vị tử đạo như tiếng kèn thiên quốc với âm điệu vang lừng muôn người lắng nghe. Những kẻ chối đạo, ở lại trần gian chỉ chờ lưỡi rìu chặt đem về tiếp lửa cho hỏa ngục... Tôi viết cho cha những lời vẫn tắt vôi vữa này. Ước mong nó thành ngọn gió đưa cha lướt êm đến bến bờ quê hương. Ước mong nó thành bó hoa rực rỡ với làn hương thơm ngát tỏa niềm tin tô thắm tâm*

*hôn cha trong cuộc chiến cuối cùng. Xin kính cẩn tạm biệt cha, xin kính cẩn hôn lên gông cùm xiềng xích của cha. Trong lúc cầu nguyện xin đừng quên tôi nhé".*

Như vậy, chúng ta thấy cuộc đời tử đạo của mỗi người không chỉ một mình mình biết, nhưng thường mang yâm vóc tập thể. Sự bền vững của một người có tác động khích lệ đến nhiều người. Đức cha **Sanjurjo An** xin quân lính đừng chém mình chết sớm, nhưng ngài yêu cầu họ chém ba nhát: "*Một tạ ơn Thiên Chúa cho làm người và đến Việt Nam rao giảng Tin Mừng; một cám ơn công sinh thành dưỡng dục mẹ cha; và một để làm gương cho các tín hữu*". Linh mục **Nguyễn Bá Tuần** khẳng định: "*Sao tôi lại phải bắt chước những kẻ bội giáo, mẫu gương tôi soi là hai giám mục (đức cha Y và Minh) của tôi*".

Với những chứng nhân đức tin cùng bị giam, tình liên đới của họ còn cụ thể hơn. Một người ra tòa trở về, các người khác xúm vào chăm sóc những vết thương, hỏi han về cuộc điều tra và thuật lại cho nhau những lời đáp khẳng khái khi đối diện với quan quyền. Rồi họ cùng nhau tạ ơn Chúa đã cho anh em mình vượt qua cơn thử thách. Đẹp làm sao hình ảnh linh mục **Đoàn Trinh Hoan** tuy tuổi già tóc bạc, cổ mang gông, tay đeo xiềng xích, mỗi ngày đi từ phòng giam này qua phòng giam khác để khích lệ các tín hữu. Đẹp làm sao hình ảnh hai ông **Martinô Thọ** và **Gioan Cồn** sẵn sàng quì xuống, liếm từng vết thương ba vị linh mục **Nguyễn Ngân, Nguyễn Đình Nghi, Tạ Đức Thịnh** theo đòi hỏi của quan. Đẹp làm sao linh mục **Phạm Hiếu Liêm** đã bênh vực cho bạn (Castaneda Gia) bằng cái giá chính mạng sống mình, khi nói: "Xin quan nếu tha thì tha cả, nếu giết thì giết cả".

Nhóm năm người, hai thầy **Hà Trọng Mậu, Bùi Văn Ủy** và ba anh **Nguyễn Văn Mới, Nguyễn Văn Đệ, Nguyễn Văn Vinh** khi thấy linh mục Tự, chỗ dựa tinh thần của nhóm đã bị xử tử cả năm người đã thất vọng chán nản. Nhưng khi họ ngồi lại với nhau, ôn lại những lời khuyên của thầy mến yêu, năm người đã tìm được can đảm. Họ gửi thư cho cha chính dòng Đaminh để xin khẩn dòng Ba ngay trong ngục, rồi hợp lực với nhau làm tông đồ tại nhà giam. Chỉ một thời gian ngắn, thầy Mậu đã viết thư loan tin mình rửa tội được 44 người.

### **3,3. Loan báo Tin Mừng**

Lời Chúa không thể bị trói buộc. Nếu nhiều chứng nhân đức tin chẳng để lại di ngôn nào ngoài thái độ quả cảm xác nhận và cương quyết: "Tôi là Kitô hữu" hoặc "Tôi không bao giờ đạp lên Thánh giá", thì trong số 117 Thánh Tử Đạo Việt Nam, ta cũng thấy được nhiều mẫu gương nhiệt tâm tông đồ có tính cách sáng tạo.

Linh mục **Federich Té**, chính bảy năm rưỡi trong tù, đã khéo quan hệ với cai ngục để tự do thăm viếng phục vụ các tín hữu Thăng Long, đến độ đức cha Longer Gia dự định đặt ngài làm cha sở xứ Thăng Long. Bảy tháng trước ngày xử, cùng với linh mục bạn là cha **Liciniana Đậu**, hai vị rửa tội được trên 100 người. Hai linh mục **Castañeda Gia** và **Phạm Hiếu Liêm** có cơ hội may mắn khác, trong ba ngày tham gia "Hội đồng Tứ Giáo" trao đổi ba đề tài lớn của cõi nhân sinh: Người ta bởi đâu mà có? sống để làm gì? và chết rồi đi đâu? Hai ngài đã làm chứng cho sự thật và niềm tin Công giáo. Còn "đức thầy" Tuấn (**Hermosilla Liêm**) bị giam trong cũi trong 10 ngày, tuy lom khom đứng không được mà nằm cũng chẳng đặng, nhưng ngài đã giảng đạo và rửa tội cho con trai viên Đội Bái. Về giáo dân có ông cai **Lê Đăng Thị** đã dạy đạo cho một phạm nhân cùng bị xử, buổi sáng ngày ra pháp trường anh đã nhận lãnh bí tích rửa tội, thế là ông Thị có một người bạn đồng hành về Thiên Quốc.

Đôi khi việc loan báo Tin Mừng không thể hiện bằng ngôn ngữ mà bằng hành động. Ông **Phaolô Đổng** đã bị áp lực khắc lên má chữ Tả đạo, ông can đảm chịu đau lần thứ hai để rạch xóa chữ tả đạo, khi khác lại chịu đau lần thứ ba để khắc thay vào hai chữ "Chính đạo".

Linh mục **Ngô Duy Hiến**, 71 tuổi, mỗi buổi tối chăm chú vẽ trên vải những hình thánh giá đẹp với những nét trang trí hoa văn để tặng cho các tín hữu vào thăm. Những hình thánh giá đó được chuyền tay nhau, giúp một số tội nhân thông hối, một số người nhát đảm vì tìm lại được lòng can trường, nên các tín hữu đến xin ảnh rất đông. Vị linh mục phải nhờ anh bạn tù khắc hình thánh giá trên gỗ để in hàng loạt ban phát cho họ. Thế đấy tuy ở trong tù, cha Hiến đã gây được phong trào kính thánh giá rộng rãi ở Nam Định.

Một trường hợp loan báo Tin Mừng khác cũng khá đặc biệt. Linh mục *Nguyễn Văn Tự* đến ngày bị xử tử, đã xin phép quan được mặc áo dòng Đaminh và ôm thánh giá ra pháp trường. Trước khi bị chém, cha xin nói đôi lời và ứng khẩu giảng gần một giờ về Đức Giêsu, về ơn Cứu độ, về tình huynh đệ mọi người là anh em.

## IV. CHÂN DUNG CÁC VỊ TỬ ĐẠO

Trong các phần trên, chúng ta đã quan sát các anh hùng tử đạo trong sinh hoạt hằng ngày, nghiên cứu về tâm tư và lời nói các vị. Giờ đây chúng ta cùng nhau chiêm ngưỡng chân dung các ngài, dựa vào thái độ trong giờ phút cuối cùng cuộc đời chúng nhân, chúng ta thấy được tư thế, nét mặt và có lẽ cả ánh mắt của các ngài nữa.

### 4.1. Lòng anh dũng hào hùng

Một quan niệm sai lầm các tín hữu dễ mắc phải là tưởng tượng các vị thánh quá linh thiêng như những thiên thần, nghĩ rằng với ơn Chúa, các vị tử đạo chẳng còn biết đau đớn gì nữa. Thực ra, các vị vẫn mang thân phận rất người như chúng ta, cũng sợ đòn đánh tra tấn và luyến tiếc cuộc sống trần gian. Ngay trong số 117 Hiền Thánh Việt Nam, cũng không ít vị đã từng đập lên thánh giá, có điều sau đó các vị đã hồi tâm và tiếp tục chọn Thiên Chúa.

Trong vụ án ba thánh *Phan Viết Huy, Bùi Đức Thế, Đinh Đạt*, thì 500 binh sĩ Công giáo Nam Định, ngay hôm đầu tiên đã có 485 người nghe Tổng đốc Trịnh Quang Khanh dày đập thánh giá. Ít bữa sau 15 người chỉ còn 9 kẻ trung thành, rồi còn 5, còn 3 và ba người cuối cùng cũng một lần chối đạo. Đến khi về nhà nghỉ lại, ba ông họp nhau nộp đơn xin tiếp tục giữ đạo và phải vào thẳng kinh đô dâng sớ tận tay Đức vua. Từ đây các ông dũng cảm chịu mọi hình khổ cho đến chết.

Thầy giảng *Tôma Toán*, 76 tuổi, đập lên thánh giá những hai lần. Nhưng khi đã thông hỏi, thầy chấp nhận mọi thử thách cách can đảm lạ thường. Có lần sau 13 ngày bị lột trần, bị trói ngoài sân phơi nắng phơi sương, bị mọi người qua lại sỉ nhục, hành hạ. Thế mà khi quan cho dọn

một mâm cơm yêu cầu thầy ăn rồi bỏ đạo, thầy nói: "Nếu ăn mà phải bỏ đạo, tôi sẽ không bao giờ ăn". Và thầy bị bỏ đói chết gục trong nhà giam.

Ông **Năm Thuông** bị án lưu đày xuống Vĩnh Long. sau nhiều ngày đi bộ mệt nhọc, ông không chịu dừng lại Saigon, cương quyết đi trọn hành trình đến tận nơi bản án qui định. Và rồi vừa đến Vĩnh Long, ông đã kiệt sức, trút hơi thở cuối cùng. Linh mục **Nguyễn Văn Hạnh** từng được mệnh danh là "Laurenso Việt Nam", vì lần kia sau một trận đòn, cha đã bình thân chấp tay sau lưng và nói: "Làm quan lớn mà bắt công, bắt một mông chịu cả, còn mông kia chẳng phải chịu gì hết".

Chí khí bà **Đê (Lê thị Thành)**, vị thánh nữ Việt Nam duy nhất, cũng không thua kém các bậc nam nhi. Quan quân cho cột các ống tay áo rồi bỏ rảnh vào trong người, bà vẫn bình tĩnh đứng yên không nhúc nhích, không sợ hãi. Con cái vào tù thăm, khóc lóc khi thấy thân thể mẹ bầm tím, áo bê bết những vết máu, bà mỉm cười an ủi: "*Sao con lại buồn, mẹ mặc áo hoa hồng đấy con ạ*". Bà coi những vết máu như vòng hoa khoác lên cổ người chiến sĩ thắng trận trở về.

Lòng anh dũng của các chứng nhân tử đạo đã được tô điểm thêm bằng sự kiên trì theo năm tháng. Chấp nhận bản án, và bình tĩnh chờ đợi, không một ai quyên sinh để tự kết liễu đời mình. Một phụ nữ ngoại giáo tặng linh mục **Gioan Đạt** lọ độc dược để khỏi kéo dài những ngày bị tra tấn khổ đau; một viên quan yêu cầu đức cha **Delgado Y** uống thuốc độc theo kiểu những người "quân tử" Đông Phương thường làm. Nhưng các ngài lại dùng chính cơ hội ấy trình bày quan điểm Giáo hội về mạng sống con người.

## 4.2. Lòng bao dung thứ tha

Nếu lòng anh dũng giúp các vị tử đạo bình thân đón nhận cái chết không run rẩy, không quy lụy khóc than, thì lòng bao dung thứ tha mới là đặc tính phân biệt vị tử đạo với những vị anh hùng vì lý do khác.

Các tín hữu chỉ thực sự chết vì đạo nếu biểu lộ được tình yêu, lòng nhân ái, sự bao dung của Tin Mừng. Các vị chắc chắn không đồng ý với bản án bất công của triều đình nhưng như Đức Giêsu trên thánh giá vẫn



cầu nguyện cho quân lính giết hại mình, các chứng nhân tử đạo vẫn tiếp tục yêu thương vua quan và chính những người hành xử mình.

- Thừa sai **Gagelin Kính** gửi thư cho bạn bè: *"Tôi sẵn lòng tha thứ cho những kẻ áp bức tôi"*.

- Chuyện linh mục Théophane **Vénard Ven**, khi viên quan nói: *"Tôi phải theo lệnh vua, đừng giận tôi nhé"*, ngài đáp: *"Tôi chẳng ghét gì ai cả, tôi sẽ cầu nguyện nhiều cho quan"*.

- Cụ **Hoàng Lương Cảnh** làm cho quan quân phá lên cười, vì khi họ yêu cầu cụ đọc: *"Cầu Chúa Giêsu, xin cho các quan trị nước cho yên càng ngày càng thịnh"*.

- Linh mục **Phan Văn Minh** trong tù đã giải tội cho bếp Nhân, kẻ đã dẫn lối cho quan quân bắt ngài. Cũng vậy, linh mục **Đặng Đình Viên**, trên đường ra pháp trường, ban phép lành xá giải cho hai phụ nữ tố giác nơi cha trú ẩn.

- Ông **Lê Văn Phụng** tại pháp trường nhấn nhủ con trai mình: *"Con ơi, hãy tha thứ, đừng tìm báo thù kẻ tố giác ba nhé"*. Và dặn dò thân hữu: *"Hãy tha thứ các bạn ơi. Hãy tha thứ, vì chính tôi đã thứ tha"*.

- Linh mục **Phạm Khắc Khoan** và hai thầy **Đình Văn Thanh, Nguyễn Văn Hiếu** trước lúc bị xử chém đã giơ tay lên trời cùng cầu nguyện: *"Vinh danh chúc tụng ngợi khen Thiên Chúa, Chúa trời đất, chúng con hiến dâng mạng sống cho Ngài. Xin Chúa chúc phúc cho nhà vua được cai trị lâu dài trong an bình. Xin biến đổi trái tim vua, để vua tin theo đạo thật, đạo duy nhất đem lại cho con người hạnh phúc đích thực"*.

Việc chiêm ngưỡng lòng bao dung thứ tha của các vị tử đạo cho phép chúng ta mừng tượng ra khuôn mặt của các ngài: không một chút bất mãn tức tối, không một chút oán ghét hận thù, ánh mắt và nụ cười của các ngài toát lên nét dịu hiền thông cảm. Thế nhưng, còn hơn thế nữa, các ngài tràn trề hân hoan ngược nhìn về trời cao vì trong thâm tâm, các ngài tin tưởng rằng: cái chết tử đạo là cái chết vinh quang, sẽ khai mở cho các ngài vào cuộc sống mới muôn đời bất diệt.

### 4.3. Niềm tin phục sinh

Linh mục *Nguyễn Văn Xuyên* trong thời gian bị giam đã phổ biến cho các tín hữu bài về lục bát sau:

"Ai ơi giữ lấy túi khôn  
Dây trần tin cậy đầy lòng mến yêu  
Gươm đao đe dọa dầu nhiều  
Quỉ ma cám dỗ sớm chiều đe lo  
Ai mà thắng được trên đời  
Mai sau hưởng phúc cõi trời cao sang."

Với các vị tử đạo, cái chết chính là cuộc thử thách cuối cùng mà họ sẵn sàng mong đợi. Thầy Hà Trọng Mậu đại diện cho anh em nói với quân: "Thưa quan, chúng tôi mong ước về bên Chúa như nai mong tìm thấy suối vậy".

Ông *Án Khảm* vui vẻ nói với mọi người: "*Cha con chúng tôi hôm nay vào Nước Thiên Đàng đây*". Linh mục *Nguyễn Văn Hạnh* cũng tươi tỉnh đi chào mọi người: "*Anh em ở lại, chúng tôi đi về Thiên đàng nhé*". Ông *Gioan Cồn* khi thấy người anh em sụt sùi nước mắt, ông nói: "*Sao anh lại khóc, lẽ ra phải mừng cho tôi chứ*".

Ngoài ra trong các bức thư trao đổi với gia đình và bạn bè, các vị tử đạo không chào vĩnh biệt mọi người mà chỉ chào tạm biệt, hẹn ngày tái ngộ. Thầy *Nguyễn Đình Uyển* trả lời thách mắc kẻ dọa chém đầu mà thấy thầy không sợ rằng: "*Hãy chém đi, đến ngày phán xét, tôi lại được cái đầu khác*". Linh mục *Nguyễn Văn Xuyên* diễn tả niềm tin này bằng câu: "*Thưa quan, tôi chọn cái chết để được sống đời đời, hơn là nghe quan sống thêm ít lâu rồi muôn đời bị tiêu diệt*". Linh mục *Lê Bảo Tịnh* thì nói: "*Thân xác tôi đây, các ông muốn làm gì thì làm, tôi sẵn sàng không oán thán, nó chết đi, nhưng mai này sẽ sống lại vinh quang*". Niềm tin sống lại của các chứng nhân ấy được bộc lộ khá rõ nét, vì chính vua Minh Mạng cũng phải lo lắng bồn chồn trong vụ án linh mục Gagelin Kính. Chính vua ra lệnh canh mả vị tử đạo ba ngày, sợ ngài sống lại, rồi còn cho đào lên xem hài cốt có còn đó chăng, sau mới chôn lại.

Hình ảnh tuyệt đẹp về niềm tin phục sinh của các vị tử đạo là câu chuyện linh mục **Phạm Khắc Khoan** và hai thầy **Nguyễn Văn Hiếu**, **Đình Văn Thanh**, nhưng trong những ngày bị giam bị giữ, ba vị chia bè hát kinh Tạ Ơn TE DEUM bằng tiếng Latinh. Lời kinh Te Deum ấy nối kết các vị với Giáo hội sơ khai, khi cuộc bách hại 300 năm chấm dứt. Lời kinh tràn trề tin tưởng và phó thác trong niềm tri ân Thiên Chúa. Lời kinh nối kết các vị với cộng đoàn các Thánh trên Thiên quốc:

*"Tâu Thượng Đế, này thân dân xin hát mừng trước bệ  
Tuyên xưng Ngài là Chúa Tể càn khôn ...  
Suy tôn Chúa, bậc tông đồ hợp xướng  
Tán tụng Ngài bao thế hệ tiên tri  
Đoàn tử đạo quang huy hùng dũng  
Máu đào đổ ra minh chứng về Ngài...  
Cúi lạy Chúa xin phù hộ bề tôi  
Ngài cứu chuộc bằng bửu huyết tuôn tràn  
Xin được họp đoàn cùng muôn thần thánh,  
Phúc miên trường vui hưởng ánh vinh quang".*

Rồi ngay tại pháp trường, ba vị lại tiếp tục câu nguyện bằng thánh ca. Như trong đêm phục sinh, cha Khoan hát ba lần lời Allêluia, mỗi lần với cung giọng cao hơn. Xen kẽ vào đó, hai thầy giảng cùng hát thay cộng đoàn theo cao độ của vị chủ sự: ALLÊLUIA, ALLÊLUIA, ALLÊLUIA. Như vậy đó, các vị tử đạo đã diễn tả lại trong đời mình cuộc khổ nạn của Đức Kitô, nhưng là một Đức Kitô phục sinh. 117 hiến tế tình yêu cũng là 117 chứng tá niềm tin của những con người xác tín rằng: chết vì đức Kitô, chết đi là sống lại trong cuộc sống muôn đời.

## **TỔNG KẾT**

Cuối cùng, bài học rút ra từ những cái chết của các vị Tử Đạo là **bài học của sự sống**. Cái chết nguyên nó chẳng có giá trị gì hết, chính sự sống mới làm nên muôn điều huyền diệu. Sự sống **đó chính là tình yêu** với con người chung quanh, tình yêu với những gì cao thượng và chân thật. Tình yêu đó bùng lên cách mãnh liệt trong mâu nhiệm tự hủy và hiến dâng.

Bài học của các vị tử đạo không phải là khơi lên máu nóng tìm đến

cái chết, mà chính là sống hiến thân từng giây từng phút của đời mình cho Thiên Chúa và tha nhân. Sự sống đó luôn kêu mời chúng ta : mỗi ngày chết đi những yếu đuối tầm thường, để can đảm làm chứng tá đấu tranh cho Chân lý. Sự sống đó hứa hẹn với chúng ta một ngày sau rạng rỡ, ngày đoàn tụ với cha anh chúng ta trên cõi bất diệt.

---

[1] Khâm định Việt sử Thông giám Cương mục, XXXIII, 6B

[2] Giáo phận đàng trong 86.000; Giáo phận Tây đàng ngoài 140.000, Giáo phận Đông đàng ngoài 200.000. Xc *Bùi Đức Sinh, Dòng Đaminh Trên Đất Việt*, q.I, tr. 281

[3] Bùi Đức Sinh, *Đaminh Trên Đất Việt*, q.I, tr.326

[4] Chúng ta có thể so sánh với việc truyền giáo ở Châu Mỹ Latinh, dân địa phương cho đến nay vẫn dùng tiếng Tây Ban Nha làm ngôn ngữ chính, trong khi đó ở Việt Nam, các thừa sai soạn chữ quốc ngữ. Điều đó cũng đo lường lỗi truyền giáo của Thánh Bộ Truyền bá đức tin được thành lập năm 1622. Xc. *Daniel Rops, Eglise des temps Clasiques, Fayard 1958, pp. 97-100*

[5] Phép giảng tám ngày, Tinh Việt 1961, tr.11-16

[6] Thư chung các Đấng Vicario, *Kẻ sặt 1903, tr.63-68*

[7] *Disquutio Promotoris Fidei, Roma 1917, I, tr.17-19*

[8] Thư chung các Đấng Vicario II, tr.53-54

[9] Gispert, *Historia de las Misiones Dominicadas en Tunkin, Avila 1928, tr. 428t*

[10] Louvet, *La Cochinchine Religieuse II*, tr.204-207

[11] Louvet, *Sdd II*, tr.267

[12] Phép giảng tám ngày, tr.17

[13] Tân Định, 1959, tr.4-6

[14] Kỷ yếu hội nghị khoa học lịch sử đạo Thiên Chúa, 1988, t. 39-41

[15] Louvet, *Sdd II*, tr.264-266

[16] Louvet, *Sdd II*, tr.128

[17] Bùi Đức Sinh, *Sdd I*, tr.258. Sử ký đp. Trung, *Phú Nhai 1916, tr.74*

[18] Rodriguez, *Martirologio Oriental III*, tr.28

[19] Thư chung các Đấng Vicario I, tr.63-68

Lm Phanxicô Xaviê Đào Trung Hiệu OP (hiệu đính tháng 9/2006)

# PHẦN II

## 1. Một số hình ảnh về giáo xứ Du Hiếu



**Nhà nguyện xóm Gioan**



**Nhà nguyện xóm Micae**



**Nhà nguyện xóm Vinhson**



**Nhà nguyện xóm Antôn**



**Nhà nguyện xóm Phaolô**



**Nhà nguyện xóm Têrêsa**

*Ngon Lửa Tin Yêu*



**Nhà nguyện xóm Phanxicô Nhà nguyện họ Thất Sự Tượng Đài Thánh Tâm**



**Bia ghi tên 27 Đấng Tử Vi Đạo của làng Du Hiếu**



**Nhà giáo lý**

## 2- Một số hình ảnh của con dân gốc Du Hiếu



Quý linh mục, tu sĩ gốc Du Hiếu



Gia đình, con cháu gốc Du Hiếu định cư tại Hoa Kỳ



*Ngon Lửa Tin Yêu*



Gia đình, con cháu bà Kinh ở Việt Nam, năm 2010



Gia đình ông bà cô Thúc, năm 2008

Gia đình ông Tú tại Đức, 2013







Ông bà chánh Kim cùng các cháu



Ông bà Bá Vũ



Ông bà Lý San



Ông bà Phó Đễ và cháu nội là sơ Oanh đang phục vụ tại Hoa Kỳ

*Ngon Lửa Tin Yêu*



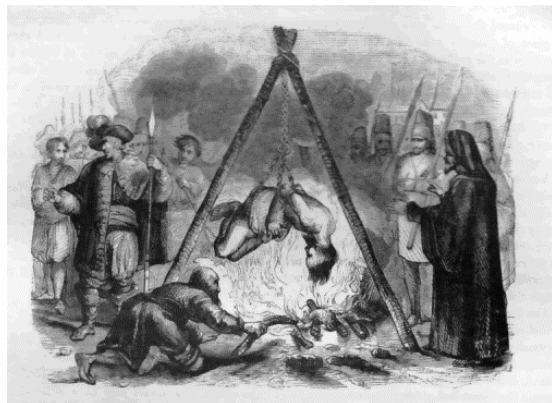
Con cháu ông bà lý San ngày họp mặt, tháng 8 năm 2016 tại Hoa Kỳ  
Ông trùm Chức và con cháu ở Úc



Gia đình và con cháu ông bà Uy tại Đức, 2016



### 3- Câu nguyện với các vị tử vì đạo



**Chiêm ngẫm và suy niệm**



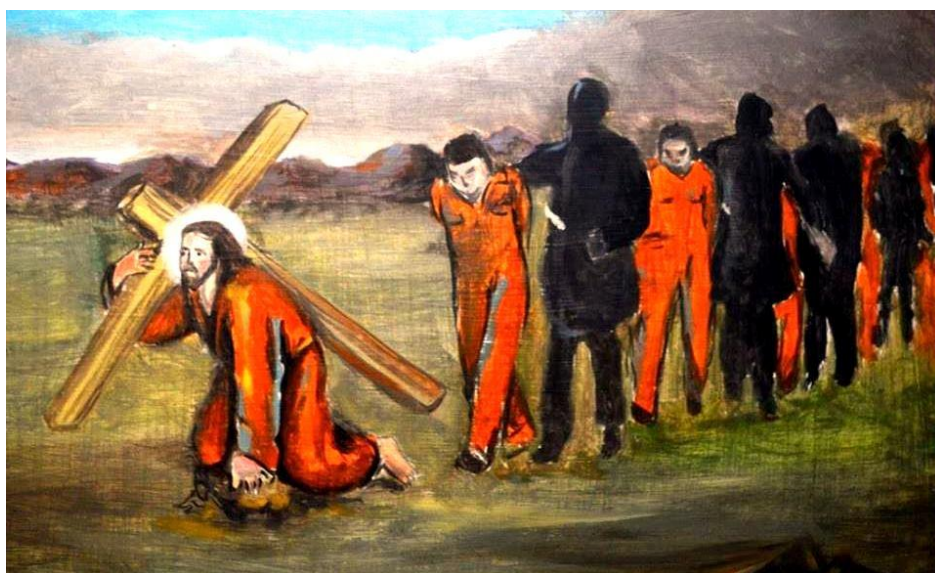
**Cảm mến và tri ân**



**Noi gương và sống đạo**



**Các vị tử đạo thời giáo hội sơ khai**

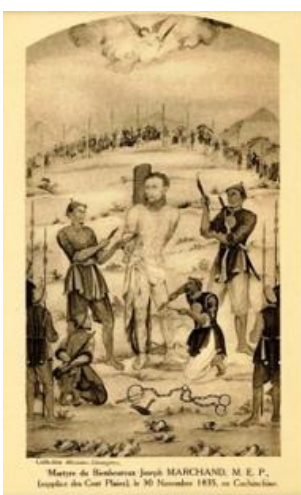
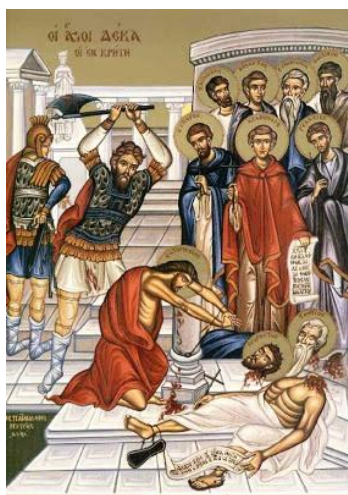


**Tranh vẽ cảnh tử đạo bởi của nhóm I.S ở Syria, năm 2015**

## Nguồn Lửa Tin Yêu

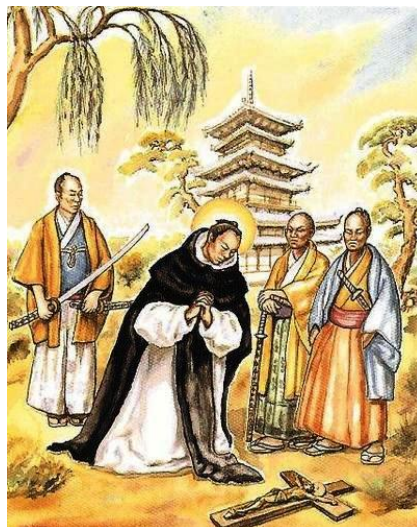


## Tranh vẽ các cuộc tử vì đạo tại Trung Đông

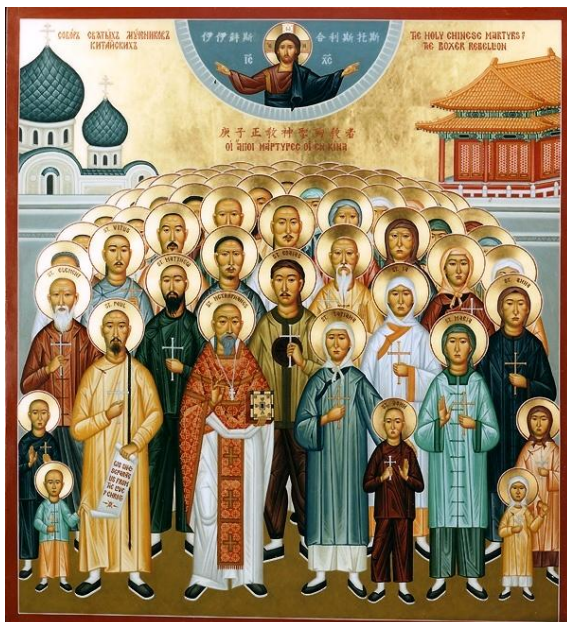




**Tranh Tử Đạo của Hàn Quốc**



**Tranh Tử Đạo của Nhật Bản**



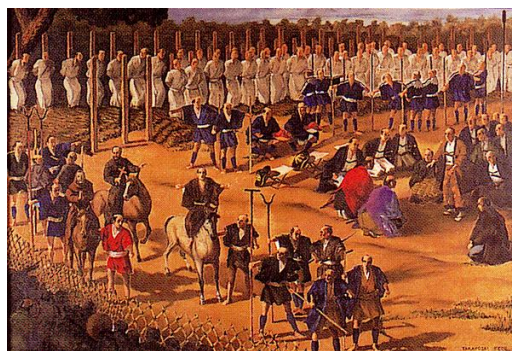
**Tranh Các Thánh Tử Vì Đạo Trung Hoa**



**Tranh vẽ 17 Chân Phước của Lào**

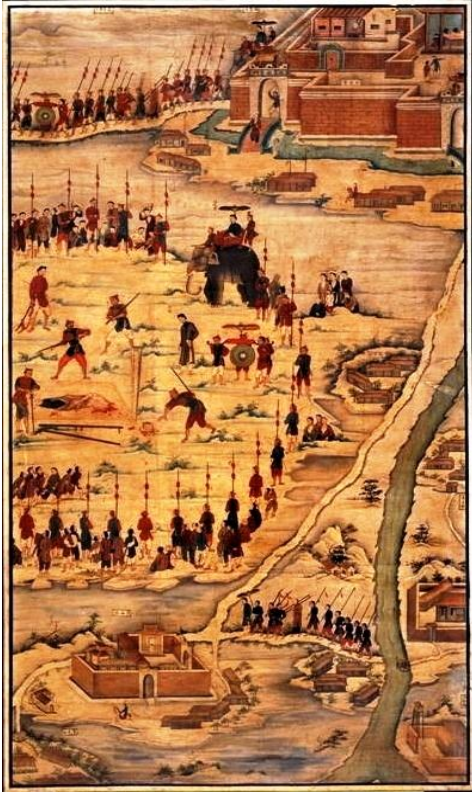


**Tranh vẽ Các Thánh Tử Vi Đạo Nhật Bản**

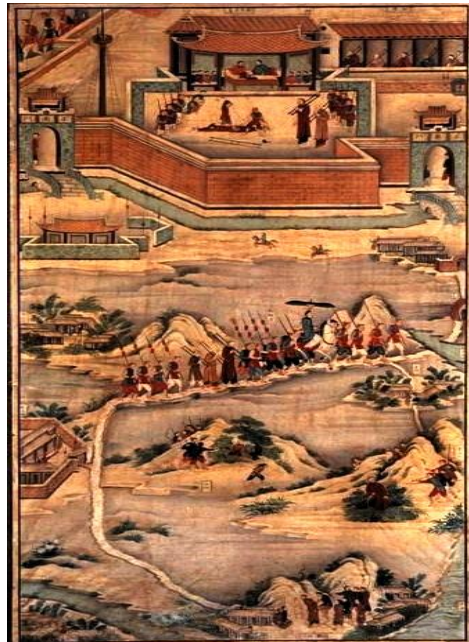


**Các Thánh Tử Vi Đạo của Hàn Quốc**

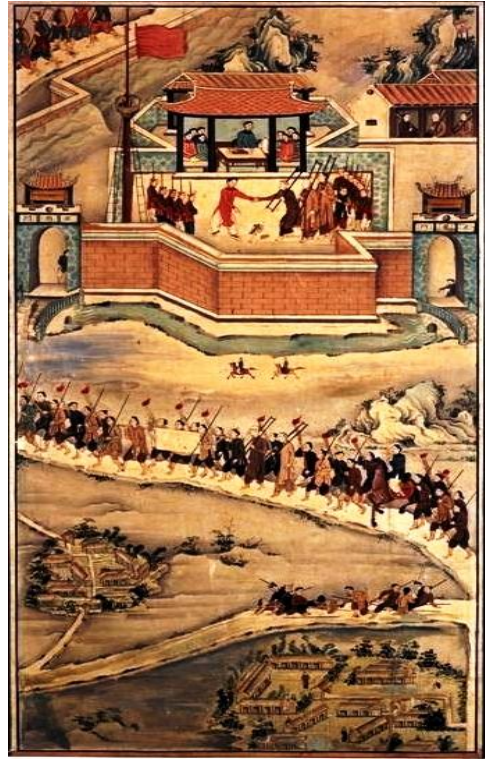
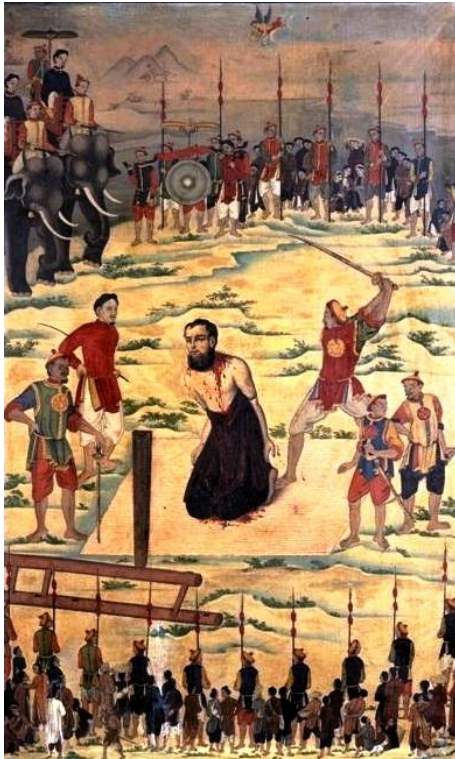




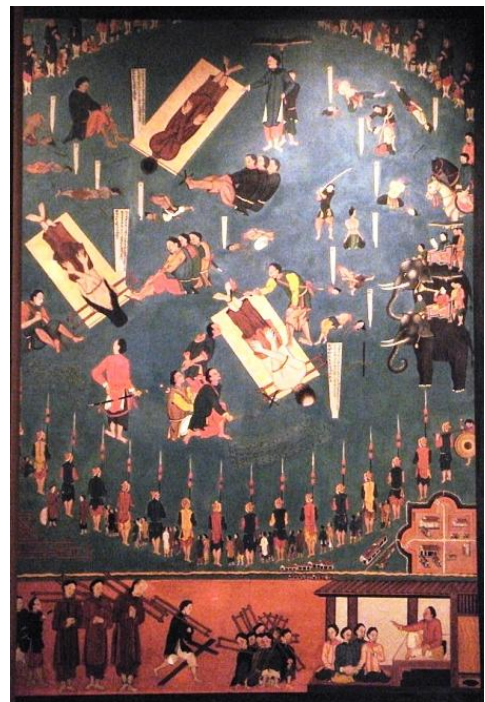
**Bộ tranh mô tả các cuộc tử vì đạo tại Việt Nam hồi thế kỷ XIX**

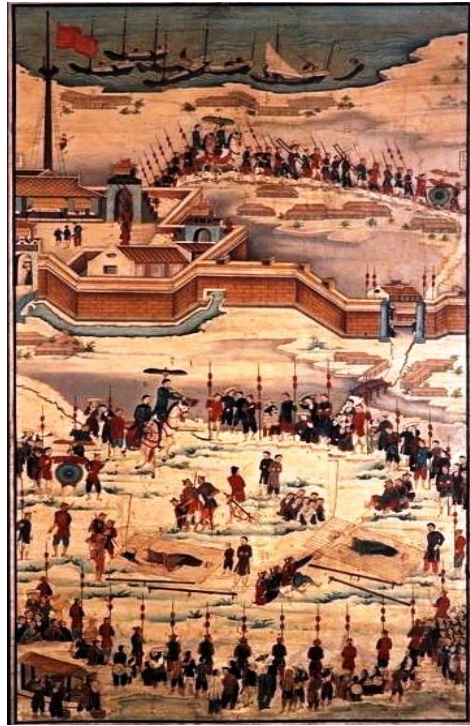


*Ngon Lửa Tin Yêu*



**Tranh mô tả các cuộc tử vì đạo tại Việt Nam hồi thế kỷ XIX**





**Tranh mô tả các cuộc tử vì đạo ở Việt Nam hồi thế kỷ XIX**



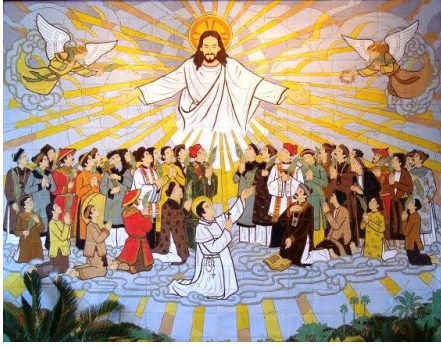
Martyre de Saint Augustin SCHEFFLER - Sơn-Tây 1851



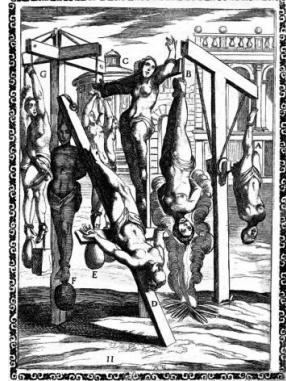
**Tranh mô tả về các cuộc tử đạo tại Việt Nam thế kỷ XIX**



*Tất cả 14 bức tranh vẽ các cuộc tử vì đạo tại Việt nam trên đây đang được lưu trữ tại viện bảo tàng của hội thừa sai Paris ở Pháp*



### Cùng với Đức Kitô và Mẹ Maria



### Qua khổ giá

**CÁC THÁNH TUẦN ĐẠO VIỆT NAM** 越南殉道聖節

Quả vậy, ai muốn cứu mạng sống mình, thì sẽ mất; còn ai liều mất mạng sống mình vì tôi, thì sẽ cứu được mạng sống ấy. Vì người nào được cả thế giới mà phải đánh mất chính mình hay là thiệt thân, thì nào có lợi gì? (Lc 9,24-25)

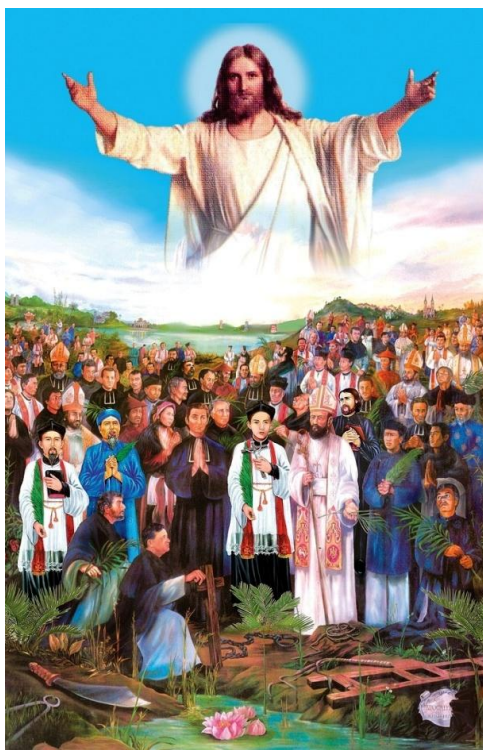
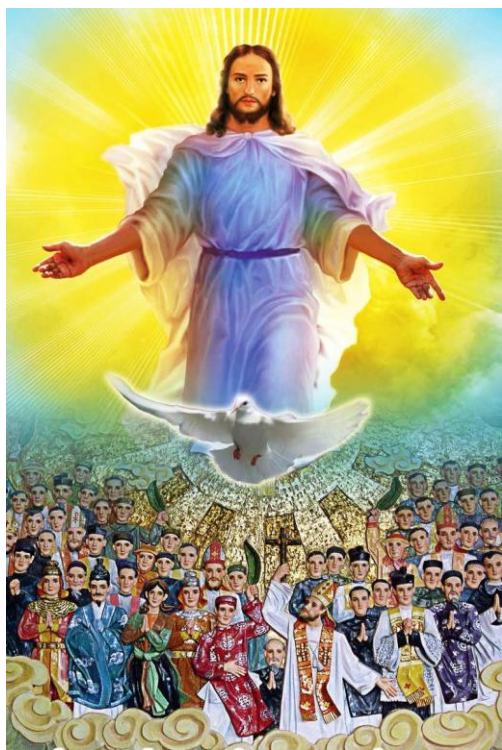
『誰若願救自己的性命，必原能喪失性命；但誰若為我失掉性命，必得永生。』

**Lạy các Thánh Tử Đạo Việt Nam**

xin cho chúng con trung tín vào Thiên Chúa để dựng xây đất nước công bình, để biết sống được thánh tình người, để đi theo chính Đạo Chúa Trời.

### Đến Vinh Quang



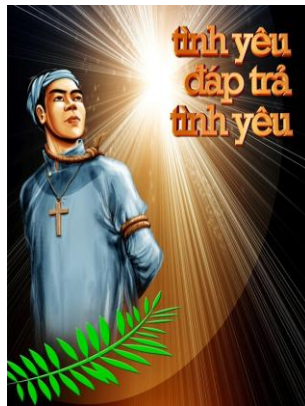
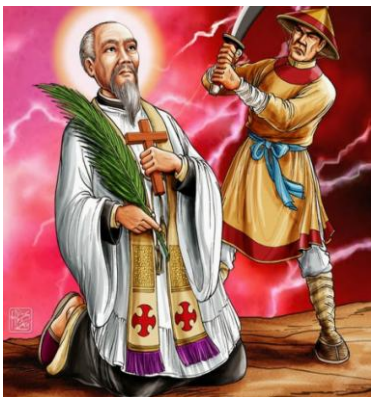


*Kính Lạy Các Thánh Tử Vì Đạo nước Việt Nam*



*Xin Cầu cho Chúng Con*

*Ngon Lửa Tin Yêu*





# Lời Cảm Tạ

Ban thực hiện tập *Ngọn Lửa Tin Yêu* -Sơ lược Lịch Sử và Hạnh Tích Các Đấng Tử Vì Đạo làng Du Hiếu- xin chân thành ghi ơn:

- *Đức TGM Giuse Ngô Quang Kiệt, nguyên TGM Hà Nội*
- *Đức cha Tôma Vũ Đình Hiệu, giám mục Bùi Chu*
- *Cha Trần Đình Tuý, chánh xứ Du Hiếu*
- *Quý Ban Đại diện Đồng hương Du Hiếu*
- *Quý Đồng Hương và Giáo Dân Du Hiếu*
- *Quý Thân Hữu cộng tác*
- *Quý Ân Nhân, Thân Thuộc*

đã cầu nguyện, chia sẻ tâm tình cũng như tích cực cộng tác để hình thành nên tập sách này.

Chúng con cũng xin chân thành ghi ơn quý Cha, quý Thân Hữu đã sẵn lòng cho phép trích dẫn, đăng tải những tài liệu đáng quý và thật hữu ích này.

Xin Thiên Chúa thưởng công bội hậu trên toàn thể Quý Đức Cha, Quý Cha, Quý Tu Sĩ Nam Nữ cũng như toàn thể Quý Vị. Nguyện xin Các Đấng Tử Vì Đạo của làng Du Hiếu cầu bầu cho mỗi người chúng ta, được hết lòng kính Chúa và yêu người cho trọn Đạo.

Thay mặt Ban Biên Tập,

Linh mục Cao Sơn Thân, S.J.

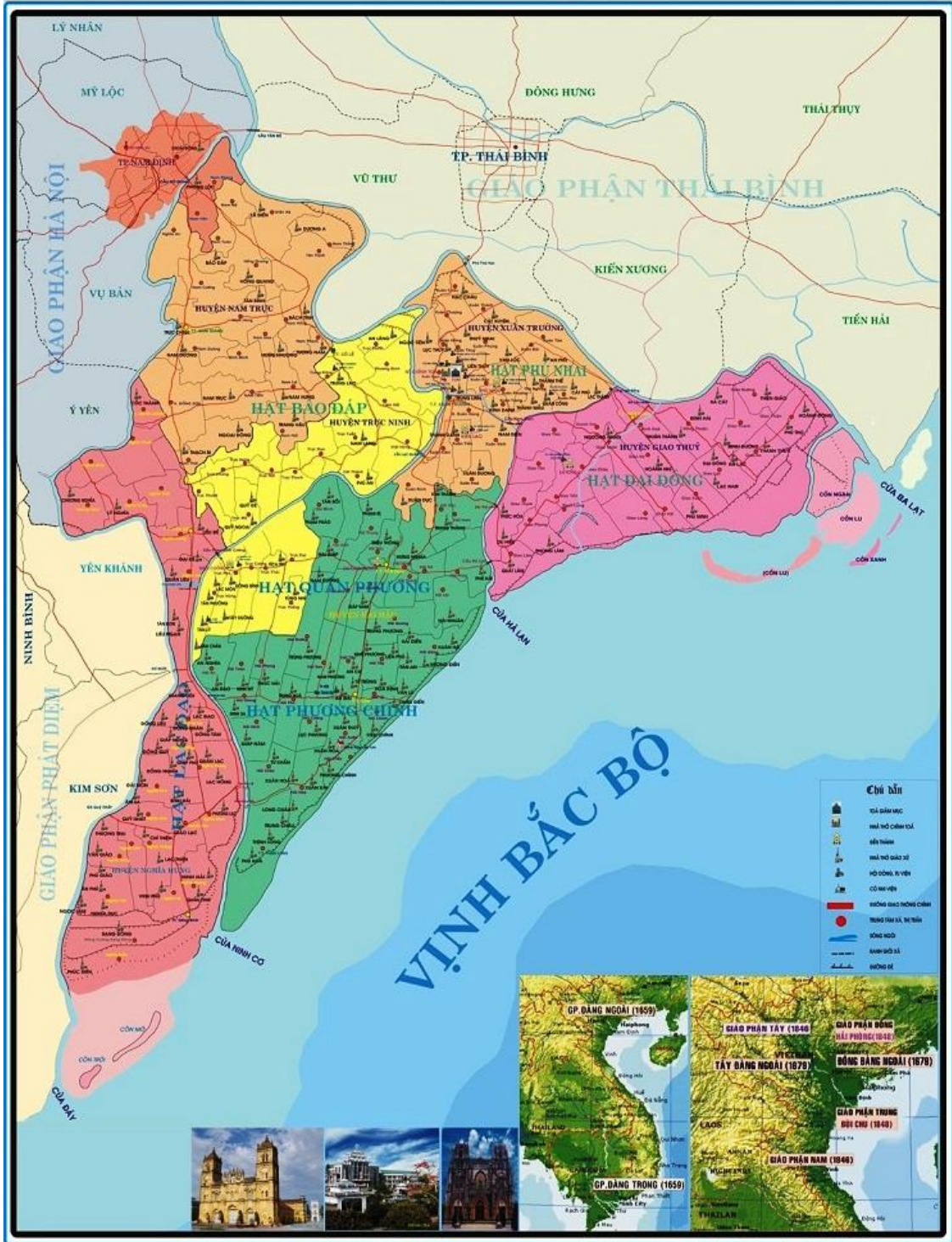
# Xin Tri Ân

- *Xin hết lòng tri ân Đức TGM Giuse Ngô Quang Kiệt.*
- *Xin chân thành ghi ơn họa sĩ Trần Thanh Bình, người đã phác họa chân dung Các Vị Tử Vì Đạo làng Du Hiếu. Tác giả cũng vẽ tập tranh 27 vị tử vì đạo để thiếu nhi tô màu và chế tác 8 bức kính màu trong nhà nguyện xóm Antôn. Trong tương lai cũng mong sẽ tiếp tục giúp thiết kế và giúp đỡ cho công trình xây dựng tượng đài Các Đấng Tử Vì Đạo tại giáo xứ.*



*Đức TGM Ngô Quang Kiệt  
và họa sĩ Bình về thăm làng Du Hiếu*

# BẢN ĐỒ GIÁO PHẬN BÙI CHU





## **Tài liệu tập Sơ lược Lịch Sử**

Phần tài liệu do ông Cao Hữu Tài, giáo xứ Du Hiếu cung cấp:

- “Nghiên cứu lịch sử số 3”, của tổng ban biên tập Văn Tạo, toà soạn Cao Văn Lượng, trụ sở 38 Hàng Chuối, HN. 1982.
- “Hoè nha lục” tại chùa Giao Tiên, Giao Thủy, Nam Định.
- Báo Khoa học Xã hội, xuất bản năm 1961 (tập 9 trang 33)
- Tra cứu tập san của Phan Đại Doãn, Nguyễn Văn Kiêu, xuất bản tại tp. HCM.

## **Thành phần tham gia biên soạn**

Ban Đại Diện Đồng Hương Du Hiếu

Trần Thị Thắm, Nguyễn Dương An, Cao Sơn Thân,

Cao Hữu Tài, Nguyễn Phi Long, Nguyễn Cao Thăng.

Phan Thị Hương, Đoàn Nam Việt

Một số vị đã cung cấp bài vở và một các tài liệu khác.

- Phụ trách trình bày, in ấn: Tâm Kiên
- Phụ trách chỉnh sửa: Văn Thăng, Ngọc Hải
- Phụ trách tổng quát: Cao Sơn Thân

- Tựa đề của tập sách *Ngọn Lửa Tin Yêu* được trích từ lời giới thiệu của Đức TGM Ngô Quang Kiệt.

Các hình có số từ (1) đến (9) là của họa sỹ Bình.

## **Kinh Các Thánh Tử Vì Đạo Nước Việt Nam**

**Lạy Chúa là Cha chí nhân, chúng con hân hoan ghi nhớ các ân huệ Chúa đã ban cho dân tộc Việt Nam.**

**Nhờ lời rao giảng của Giáo Hội, cha ông chúng con đã đón nhận Tin Mừng Cứu Rỗi. Các Ngài đã vững tin vào Chúa, là Đấng Tạo Thành trời đất và Chúa Kitô Đấng Cứu Thế được sai đến trần gian.**

**Trong cơn gian lao thử thách, Chúa đã ban cho Các Ngài sức mạnh của Thánh Linh, để Các Ngài can đảm tuyên xưng Đức Tin và hiên ngang hy sinh mạng sống để làm vinh quang Thập Giá Chúa Kitô.**

**Các Thánh Tử Đạo là ân huệ Chúa đã ban giáo hội Việt Nam. Vì thế, chúng con dâng lời cảm tạ và ca tụng Chúa, hợp với cuộc hy sinh tử đạo của các tiền nhân anh dũng chúng con.**

**Xin dâng lên Chúa lời cảm tạ, để biểu lộ tình con thảo với Chúa là Cha, bằng chứng từ Đức Tin sống động của chúng con. Vì công nghiệp của Các Thánh Tử Đạo, xin ban cho dân Việt Nam chúng con được an vui và thịnh vượng, cho mọi người đón nhận Tin Mừng Cứu Rỗi, và bước theo con đường chân lý.**

**Xin cho giáo hội Việt Nam được sống trong hoà thuận và hiệp nhất, luôn thông hảo trọn vẹn với Đấng kế vị thánh Phêrô, và hăng say lo việc tông đồ, nhiệt thành rao giảng Đức Kitô cho mọi người.**

**Xin cho chúng con được trung thành với Chúa ở trần gian, để ngày sau về hưởng vinh quang bất diệt, cùng Các Thánh Tử Đạo chúng con ở trên trời. Amen.**



**Đức cha Tôma Vũ Đình Hiệu**  
**Giám mục giáo phận Bùi Chu (2012 - hiện tại)**



**Tài liệu Lưu Hành Nội Bộ**

**Xin được gửi đến mỗi gia đình con dân Du Hiếu**

**Như là quà tặng của con cháu Các Đấng Tử Vì Đạo**